

# TƯỜNG NIỆM GIÁO SƯ, NHÀ VĂN, NHÀ TRUYỀN THÔNG BÙI BÍCH HÀ (1938-2021)



*“...Đường trần gian sỏi đá, hãy nghiêng vai trút xuống mọi hành trang của mỗi chặng đường qua, cho nhẹ thân phù thế. Hãy ngợi ca tình yêu, từ mỗi sớm mai qua từng buổi chiều như thời gian dệt toàn bằng sợi tơ yêu thương êm ái. Và, bởi vì con đường nào cũng sớm muộn dẫn tới biệt ly, hãy biệt ly nhau trong vòng tay yêu thương, ngay trong gặp gỡ và cả khi rời nhau...” (trích trong tác phẩm Đèn Khuya của Bùi Bích Hà)*

\*\*\*

Chân thành cảm tạ tài liệu từ các cựu giáo sư, học sinh Trung học Nguyễn Trãi Sài Gòn, thân hữu, báo Người Việt, Diễn Đàn Thế Kỷ, damau.org, hocxa.com, sangtao.org, các đài truyền hình, truyền thanh trên internet ...

Vui lòng gửi thêm tài liệu hay ý kiến về Phan Anh Dũng:  
dathphan1@gmail.com

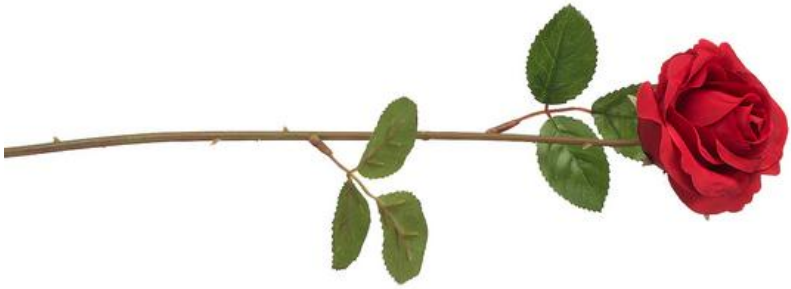
Ngày 14 tháng 7, 2021 tôi nhận được tin buồn nhà văn/ giáo sư Bùi Bích Hà đã qua đời từ cựu giáo sư Gia Long Nguyễn Lân (anh là con của nhà văn Hoàng Đạo trong Tự Lực Văn Đoàn và là thành viên kỳ cựu trong Ban Biên Tập của Cỏ Thơm). Sau đó, tôi nhận được thêm nhiều tin tức và tài liệu từ anh Nguyễn Viết Kim bên California và một số thân hữu. Nhờ đó, tôi được hiểu nhiều hơn về nhà văn tài hoa này. Tôi rất cảm phục vì tuy thuở ấu thơ của bà và gốc gác người mẹ ruột không được vuông tròn nhưng với ý chí và tinh thần cầu tiến bà đã tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm và giảng dạy về Pháp Văn ở nhiều trường trung học trước khi định cư ở Hoa Kỳ. Bà có tấm lòng với quê hương, gia đình, trường cũ... Với tính tình hiền hòa đôn hậu, yêu tha nhân, bà không quản ngại giúp đỡ những người cần đến bà. Qua những sinh hoạt cộng đồng mà bà tích cực dẫn thân, tôi không khỏi nghĩ đến bà Đỗ Phương Khanh, hiền thê của nhà văn Nhật Tiến, qua đời năm 2020 cũng có những ước mơ và lý tưởng làm thăng hoa cho người cho đời.

Tôi nhớ đến bài “[Những Kỷ Niệm Khó Quên](#)” của nhà văn Ngọc Hạnh vùng Hoa Thịnh Đốn viết năm 2000, trong đó nhắc đến những kỷ niệm quý và tấm lòng của bà Bích Hà tận tâm giúp đỡ bạn đồng nghiệp ở Trung học Nguyễn Trãi, trong tình cảnh vô cùng khó khăn sau 1975. Đọc xong bài đó, tôi có nhiều cảm tình với bà Bích Hà và mong sẽ có dịp mời bà đóng góp bài cho Cỏ Thơm. Ước mong của tôi chưa thành thì bà đã ra đi vĩnh viễn!

Hai tuần trước, bác sĩ Lê Văn Tập ở San Jose chuyển cho tôi một bài của bà Bùi Bích Hà viết cuối năm 2020 về nhà văn Túy Hồng - người bạn học chung lớp ở Trung học Đồng Khánh vào thập niên 1950. Đã lâu tôi không có dịp đọc những bài viết mới đây của bà nhưng cách hành văn vẫn thế: không điệu đàng, giản dị, dễ cảm, cùng những nhận xét tinh tế và sâu sắc. Đọc thêm những bài bà Bích Hà viết về những văn, thi, nhạc, họa sĩ mà bà quen biết như Hoàng Anh Tuấn, Trần Mộng Tú, Túy Hồng, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác, Thanh Trí, Từ Công Phụng, Trầm Tử Thiêng... thì nhận ra rằng tình cảm của bà rất chân thành đối với các tác giả và tác phẩm của họ.

Thay mặt Cothom Foundation, xin thành kính chia buồn cùng tang quyến. Cầu xin hương linh bà Bùi Bích Hà sớm về cõi Phật.

**Phan Anh Dũng** (Rockville, Maryland USA – 18 tháng 7, 2021)



## Nhà văn Bùi Bích Hà, nổi tiếng qua ‘Tâm Tình Với Thái Hà,’ qua đời

NGUỒN - <https://www.nguoi-viet.com/> July 14, 2021

**ORANGE, California (NV)** – Nhà văn Bùi Bích Hà, người từng phụ trách chương trình “Tâm Tình Với Thái Hà” trên đài Little Saigon Radio, vừa qua đời sáng Thứ Tư, 14 Tháng Bảy, tại bệnh viện St. Joseph, Orange, hưởng thọ 83 tuổi, nhà thơ Trần Mộng Tú, một người bạn rất thân thiết của người quá cố, xác nhận với nhật báo Người Việt.

Theo tiểu sử in trên tác phẩm “Đèn Khuya” của mình, quê nội của cố nhà văn là Thái Bình, quê ngoại Bắc Ninh, và bà sinh ngày 12 Tháng Giêng, 1938 tại Gia Hội, Huế.



*Nhà văn Bùi Bích Hà. (Hình: Triết Trần/Người Việt)*

Bà tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế, ban Pháp Văn. Trước năm 1975, bà dạy học trường đầu tiên là Phan Chu Trinh, Đà Nẵng (1961-1962).

Sau đó, bà lập gia đình, dạy các trường Thoại Ngọc Hầu, Long Xuyên (1962-1964), Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho (1963-1965), Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho (1965-1967), và Nguyễn Trãi, Sài Gòn (1967-1983).

Năm 1986, bà định cư tại Hoa Kỳ.

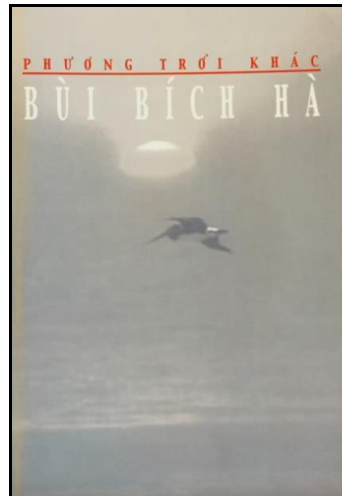
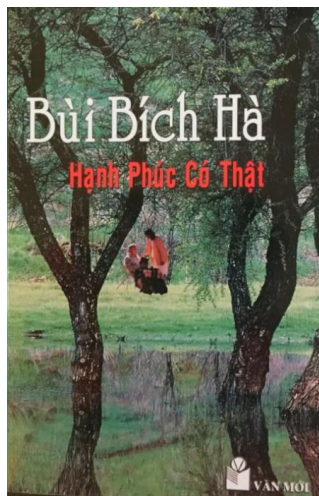
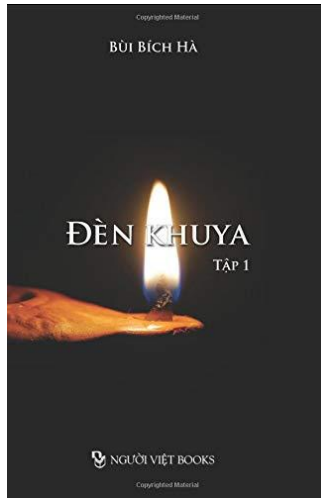
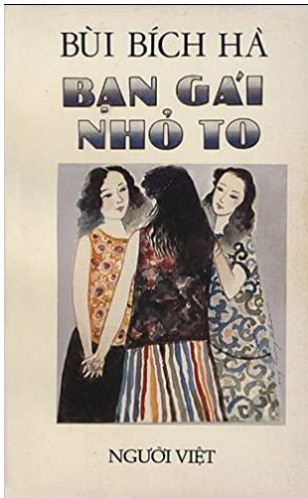
Trong hoạt động văn học và truyền thông tại Little Saigon, bà làm thơ, viết tùy bút, truyện ngắn, và tản mạn thời sự, có khi sử dụng bút hiệu Thái Hà.

Bà từng cộng tác với nhiều cơ quan truyền thông khác như nhật báo Người Việt, báo mạng Da Màu, đài phát thanh VNCR, đài phát thanh Việt News Radio, đài phát thanh Việt Nam Tự Do, và được nhiều người biết đến qua chương trình “Tâm Tình Với Thái Hà” trên đài phát thanh Little Saigon Radio.

Bà cũng từng là chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san Phụ Nữ Gia Đình từ năm 2002 đến năm 2014.

Các tác phẩm của nhà văn Bùi Bích Hà bao gồm: “Buổi Sáng Một Mình” (Người Việt, 1989), “Bạn Gái Nhỏ To” (Người Việt 1991), “Hạnh Phúc Có Thật” (Văn Mới, 2001), “Phương Trời Khác” (Cảo Thơm, 2002), và “Đèn Khuya 1, 2” (Người Việt, 2018).

**(Đ.D.)**



## Nguyệt san Phụ Nữ Gia Đình



\*\*\*\*

### Chương trình “Tâm Tình với Thái Hà”



<https://www.youtube.com/watch?v=3ibpFr5E9Yc>

## Viet News Radio

<https://vietnewsradio.com/category/tam-tinh-voi-thai-ha/>

Lời mở đầu:

[https://cothommagazine.com/nhac1/VietNewsRadio-ThaiHa\(BuiBichHa\).mp3](https://cothommagazine.com/nhac1/VietNewsRadio-ThaiHa(BuiBichHa).mp3)

# Đi qua đời nhau

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

NGUỒN - <https://www.nguoi-viet.com/>

Tôi là đứa con không được ai trong nhà mong đợi, ngoài mẹ. Qua bốn lần sinh nở trước khi mang thai tôi, mẹ tôi đã sinh cho nhà họ Bùi cực kỳ hiếm muộn chị Túy Sơn và anh Minh Châu. Cả hai đều khôi ngô, tuấn tú, khỏe mạnh, khi bố tôi đã xấp xỉ tuổi sáu mươi và chưa bao giờ được một phụ nữ nào, chính thức như hai mẹ già tôi và vô số không chính thức khác, có kinh nghiệm thai nghén với bố tôi trong suốt ba thập niên ông khao khát có con nối dõi tông đường và nối nghiệp ông.

Mẹ tôi kể lại, bà mang thai tôi trong tình trạng sức khỏe sa sút vì mẹ bị sốt rét do không biết săn sóc mình qua thời gian dài lặn lội trông coi các khu đồn điền của bố tôi trong vùng lam sơn chướng khí Bắc phần. Mẹ tôi được bác sĩ của gia đình khám nghiệm rồi được đưa về Huế để có sự săn sóc và chữa trị cần thiết theo đề nghị của ông.

Ra khỏi công việc đồn điền nắng mưa cực nhọc cùng với khí hậu khắc nghiệt, mẹ tôi vất vả cách khác trong ngôi nhà rộng, mặt tiền mang số 72 đường Gia Hội, mặt sau chạy tới sát bờ một nhánh sông Hương từ Đông Ba đổ về Vỹ Dạ. Tôi lớn lên trong bụng mẹ từ sáng tới khuya lam lũ giữa căn bếp tối tăm, ám khói và cái giếng nước, phục vụ nấu nướng, giặt giũ cho trên dưới 40 nhân khẩu theo hai ba chế độ ăn uống gồm cả chủ nhân và công nhân, thợ thuyền làm việc dưới quyền của bố và mẹ già tôi. Vài tháng cuối thai kỳ của mẹ, mẹ già tôi lâm bệnh, nghỉ dưỡng tại bệnh viện trung ương thành phố Huế. Được coi là người làm thân tín, mẹ tôi phải theo săn sóc bà trong thời gian này.

Hết mùa Đông, hết mùa Xuân, trời ở Huế còn rét ngọt, tôi biết lặt, không còn nằm yên chỗ nữa. Mẹ đẹp nỗi than, bỏ tôi vào cái xe đẩy bằng gỗ có



chấn song cao bốn xung quanh, đánh vọc ni rất đẹp mà bác Xã Cu ở khu mộc đã ưu ái đóng cho tôi. Khi tôi lẫm chẫm biết đi, tôi có cái xe khác bằng tre có bốn bánh gỗ nhỏ, vừa ngồi, không ngồi thì tuột xuống, vịn vào xe và đẩy nó ra chỗ này, chỗ kia, trong cái sân gạch đỏ và trong tầm mắt mẹ.

Suốt những năm thơ ấu đầu đời, trí khôn tôi gắn liền với khoảng sân nhìn lên bầu trời xanh cao đầy nắng mùa Hè, ẩm xấp mây mù mùa Đông, thả rông óc tưởng tượng mơ hồ của một tôi còn mặng sữa trong quạnh hiu, tự mình vẽ vờ những cảnh trí chẳng biết từ đâu tới, trùng trùng, điệp điệp. Ngoài mẹ túi bụi công việc, tôi chỉ có côn trùng, hoa lá và thiên nhiên làm bạn. Tôi biết quan sát rất sớm những con kiến di chuyển trật tự và chúng lịch sự chào nhau giữa đường, những con sâu đo có nhiều cái chân li ti nhưng chúng cong mình đều tấp để búng mình đi chứ không bò. Tôi biết tò mò nhìn lá cây lay động, lắng nghe gió hay lá cùng xào xạc, những bông hoa mỏng manh chui ra khỏi khe gạch bám rêu một cách lạ lùng.

Mẹ kể lại, mẹ vẫn tính từng ngày không làm lẩn, nhưng đủ 9 tháng 10 ngày rồi mà mẹ không trở dạ. Một tối mùa Đông, đã quá sang ngày hôm sau, mẹ già tôi cần chậu nước nóng để ngâm chân. Mẹ tôi khệ nệ bưng chậu nước đến cửa phòng thì cuống lên vì một cơn đau tức chọt tới ở bụng dưới. Đặt vôi chậu nước xuống đất, mẹ túm lấy hai ống quần thì tôi đã tuột khỏi lòng mẹ ngay bên hòn đá chặn cho cửa không bị gió sập trong mùa Đông. Vì vậy, sau này, giấy khai sinh thân thể tôi ghi là: Née à l'hôpital de Huế. Thực tế, tôi không ra đời ở khu sản khoa và mẹ tôi không ở trên giường sản phụ như mọi bà mẹ khác.

Về lại nhà, mẹ hầm hiu nuôi tôi trên chiếc giường trải chiếu của mẹ ở một góc bếp. Vì mẹ bị sốt rét chưa khỏi nên tôi không được bú sữa mẹ. Bà nuôi tôi bằng sữa hộp pha với nước gạo loãng. Bà quây một cái tràng nhỏ

bằng mấy tấm cát, giữa đống than ủ tro, vừa sưởi ấm cho tôi, vừa sấy tã cho kịp khô để tôi không bị ướt vì thiếu tã.

Tôi cũng biết buồn rất sớm. Thỉnh thoảng dờ ra vì hết cái nhìn, hết trò chơi, không thấy có gì vui nữa, tôi tìm mẹ, túm áo mẹ, kêu lên: “Chị ơi, em buồn!” Mẹ tôi đang làm gì cũng dừng tay, chục lần như một, quát khế tôi: “Cơm không ăn, ăn c...hả con? Nhãi ranh mà buồn, buồn cái gì? Buồn ỉ...hay buồn đ...?” Bà nhìn quanh, dúi cho tôi bất cứ cái gì ăn được rồi đẩy tôi ra sân: “Em ra ngoài chơi đi, đừng nói nhảm, ngoan cho chị làm việc.” “Em muốn làm việc với chị.” Mẹ tôi quệt tay áo lên mặt, dỗ dành tôi: “Em còn bé. Mai kia lớn, em đi học thật giỏi cho chị mừng, không làm như chị, khổ lắm!”

Cả đời tôi, chưa một lần nào tôi thấy mẹ tôi dám dằn mặt bố, xin ông một điều gì nhưng khi tôi đến tuổi đi học, mẹ tôi xin bố tôi cho tôi được đi học trường bà Sơ gần nhà. Có lẽ chẳng đặt niềm tin nào vào tôi, nhưng bố tôi quan tâm nhiều đến giáo dục, ông ra lệnh cho mẹ già tôi may đồng phục váy xanh, sơ mi trắng vai phồng cho tôi vào học trường Mai Khôi phía trên đường Gia Hội.

Tôi nhớ mãi buổi sáng đầu tiên nhập học, mẹ dẫn tôi đeo cái túi vải đựng tập vở đi trên một khoảng hè phố ngắn vắng ngắt, sương sớm mai chưa tan hết, chỉ có hai mẹ con và tiếng rao quà của vài người bán rong là vì mẹ không biết nhìn đồng hồ mà tôi thì cứ sợ đi trễ nên thúc giục mẹ. Đến nơi, cổng trường còn đóng kín mít. Mẹ gõ nhẹ lên đầu tôi và mắng: “Bắt chị chờ, chị còn bao nhiêu việc ở nhà.” Tôi biết lỗi, hứa bừa: “Mai em đi một mình được, chị không phải đưa em nữa.”

Nhưng tôi không hứa bừa. Ngày hôm sau, mẹ để tôi đi một mình, dặn tôi phải đi nép vào hàng phố. Tuy vậy, tôi đã có bạn. Các bạn tôi có người nhà đưa đón nên mẹ tôi gửi gắm tôi. Học chưa được bao lâu thì Việt Minh

cướp chính quyền. Qua một đêm súng nổ ì ầm ở mạn Mang Cá, sáng hôm sau, mọi con đường của thành phố Huế treo toàn cờ đỏ sao vàng.

Huế thanh lịch, trầm lắng và nên thơ của đất Thần kinh bỗng chốc ồn ào, sôi sục biểu tình, tập họp, chính quyền mới kêu gọi mỗi nhà thu góp hũ gạo kháng chiến, hũ đồng để đúc đạn, hũ vàng để cứu quốc... Cửa hàng buôn bán và trường học đóng cửa. Ngôi nhà 72 Gia Hội của bố tôi bị trưng dụng từ nhà ngang trở ra mặt đường để làm trụ sở hoạt động thanh niên và nhi đồng. Để yên thân, bố tôi vội vàng giao hết cơ ngơi cho họ, dọn tấp về khu trang trại Trúc Hoa Viên ở gần Tả Duệ, là nơi ông đang xây cất dở dang làm nơi hưu dưỡng.

Hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà quê mùa, thỉnh thoảng có buổi chiều mùa Hè sung sướng ngồi bệt trên thềm nhà, bàn tay lùa trong mái tóc mới gội...

Về đây, tôi có cả khu vườn rộng hơn một mẫu đất đầy cây ăn trái đã bắt đầu cho quả. Tôi có cả ngôi nhà rộng như một mê cung cho tuổi thơ. Chưa có trường học, nếu trời không mưa, tôi lang thang suốt ngày ngoài vườn với cái chăn trải giường cũ, nằm dưới gốc khế, nhìn những bông hoa khế li ti màu tím hồng bay trong gió; nằm dưới gốc cam, gốc quýt, gốc bưởi, đọc trộm Bồ Tùng Linh và nói chuyện với... ma.

Bố tôi không để ý tôi làm gì nhưng ông không muốn anh em tôi bỏ học lâu quá. Mặc dầu anh tôi có cả một phòng học riêng với một cái bàn thật lớn, có nhiều ngăn, thợ đóng theo mô hình do anh tự vẽ, để anh học một khóa lớp máy thu thanh hàm thụ từ bên Pháp với bài học và linh kiện bên ấy gửi qua nhưng học văn hóa vẫn là quan tâm lớn nhất của bố tôi.

Thời buổi tranh tối tranh sáng giữa nhiều thế lực chính trị, bố tôi nghĩ an toàn nhất là mời một gia sư dạy Hán tự cho các con. Tôi được giao phận

sự mài tới ba nghiên mực mỗi buổi sáng trước khi giờ học bắt đầu. Không biết phần anh tôi học được những gì nhưng Thầy tôi là nạn nhân bị anh trêu chọc dưới đủ hình thái mà Thầy một mực ngậm tằm, không dám mách Cự (là bố tôi). Phần tôi, tôi học hết cuốn Tam Tự Kinh, đã qua một phần cuốn Minh Tâm Bửu Giám. Tôi viết chữ nho như một cách sao chép cẩn trọng từng nét buông, nhấn hay phẩy trong những cái ô vuông kẻ sẵn lồng giữa giấy kép của cuốn sách Thầy tôi đóng gáy bằng chỉ song rất đẹp. Tôi cầm bút lông đúng điệu hơn nhiều ông đồ thời nay viết câu đối thuê ở chợ Xuân Hà Nội thấy trong mấy cái video clip.

Thế giới bên ngoài của tôi, vì vậy, phần lớn do tôi bịa ra từ nội dung những cuốn truyện tôi được đọc giấu biệt người lớn. Điều tôi không bịa là tôi thực sự mong muốn biết nhiều hơn những gì tôi thấy và những điều ấy nếu không thật như thế là do tôi tự cắt nghĩa với mình bằng trí tưởng non nớt, hão huyền của tôi thời bé dại thôi. Với tuổi đời ngày càng khôn lớn, nhận thức của tôi nghiêm chỉnh hơn.

Tôi mừng thấy mình có thói quen mà tôi không biết cách diễn tả hay gọi nó là gì cho tới một lần mới đây, trong một show thường lệ của Ellen Degeneres trên băng tần số 4, lúc 3 giờ chiều mỗi Thứ Ba, có một bạn trẻ khuyết tật đã cho tôi định nghĩa đặc ý nhất khi anh nói: “Nhờ hình thể này, tôi có thể tiếp cận với con người ở trình độ sâu sắc hơn, at a deeper level.”

Tôi cũng đọc được của nhà văn Nguyễn Tường Thiết một đoạn ông viết ở trang 57 cuốn “Mùa Hạ Năm Ấy” của ông, như sau: “...*mấy chục năm nay, tôi mò mẫm tiếp cận cái thế giới vô hình của đáy sông, của lòng biển, nơi đó, tựa bờ bên kia của đời sống, luôn luôn là một thế giới sâu thẳm, bí mật, ám ảnh và quyến rũ, làm nên cái đam mê không rời của tôi.*” Tôi không được là nhà văn như ông nhưng từ tám bé, tôi cũng có nỗi khao khát khôn cùng làm sao thâm nhập được cái cõi “thăm thẳm, bí

mật,” đầy huyền diệu của vạn vật quanh tôi, của con người là sinh vật phức tạp nhất, tinh vi nhất, với tôi, lung linh bao nhiêu sắc màu như tấm kiếng vạn hoa.

Tôi biết rằng trong chúng ta, rất nhiều người kể cả tôi, khi dự tang lễ tiễn đưa người thân yêu hay bạn bè, trong lòng luôn có chút tiếc nuối về một điều gì đó thiếu sót, chưa kịp làm hay bày tỏ, thậm chí chưa nghĩ tới, với người vừa nằm xuống, không còn cách nào sửa chữa hay cứu vãn. Và, cứ thế, cứ thế... Tiếc nuối cứ mãi là bài học muộn màng, lập đi lập lại mà vẫn khó thuộc, khó ứng dụng. Chúng ta dễ dàng bằng lòng trông thấy nhau mỗi ngày hay mỗi lúc, có sự yên tâm của những đồ vật quý giá ở đâu yên đấy, không mất mát, không suy suyển, tựa như cậu quý tử, cô tiểu thư vẫn trong phòng, bức tranh yêu thích vẫn trên tường, cái xe đẹp vẫn trong gara.

Tôi không biết trong bữa cơm gia đình đoàn tụ, mọi người ăn, uống, cười, nói hào hứng, có ai nhìn chằm vào mắt ai để nhận ra một điều gì ai đó không nói ra hay không biết làm sao để nói ra mà không lạc đề trong cuộc vui chung đang tưng bừng, rộn rã? Đằng sau những bức phóng họa này có khi là thằng bé chưa thành người lớn bỗng một hôm giết mẹ, giết bạn và tự hủy mình mà không biết nó đang làm gì? Có khi là cô bé con treo cổ trong closet vì tuyệt vọng trước tình cảnh bị bạn bè cùng lớp trêu ghẹo nhần tâm nhưng không có ai tỏ sự quan tâm để cô kêu cứu.

Tôi không biết nỗi khổ trên đời này đến thế nào, đến đâu là cùng tận nhưng cuộc đời mẹ tôi có lẽ không có ai khổ hơn bà. Hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà quê mùa, thỉnh thoảng có buổi chiều mùa Hè sung sướng ngồi bệt trên thềm nhà, bàn tay lùa trong mái tóc mới gọi để thoảng lên trong gió mùi bồ kết lẫn mùi lá chanh, lá bưởi thơm ngát, một chốc rồi tựa vào tường ngủ gà ngủ gật? Hay hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà Kinh Bắc mù chữ, vật vã với nồi niêu xoong chảo trong căn bếp mờ tối nhưng lấy Kiều bằng giọng ngâm sa mạc vút cao, thánh thót,

mượt mà, làm sao xuyên cả hoàng hôn? Hay hình ảnh thật về mẹ tôi là người đàn bà một mình trong nhà kho chứa củi, khăn áo xổ tung, vừa chửi bới vừa hồng hộc điên cuồng ném những thanh củi khô vào tường, máu tươm đỏ trên đầu những ngón tay và mắt lệ chứa chan?

Tôi thấy hết, biết hết, nhưng có bao giờ cầm tay mẹ và khóc với mẹ như tôi đang khóc bây giờ? Có phải cuộc đời mẹ, sự hy sinh vô bờ bến của mẹ chính là bản án giày vò anh em tôi ngày khôn lớn, đã vì không cách nào đền bù cho mẹ trong muôn một nên tất cả chúng tôi (và cả mẹ) đều giả bộ quên đi?

Thi sĩ Trần Dạ Từ có bài thơ được Phạm Duy phổ nhạc, hỏi cổ nhân một câu thống thiết: “...Người đi qua đời tôi, không nhớ gì sao người?” Chẳng phải con người đi qua đời nhau rất hờ hững đó sao?

## Bùi Bích Hà



## Mùi cà phê của bố

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Tôi có một tuổi thơ buồn. Rất buồn. Nhưng tôi cũng có một tuổi thơ đẹp. Rất đẹp. Không giống những đứa trẻ khác, tôi có tới bốn bà mẹ. Tất nhiên tôi cũng có một ông bố, và may mắn chỉ có một ông bố thôi. Sau này khôn lớn, bản thân trải nghiệm nhiều cảnh ngộ, tôi biết ơn mẹ ruột tôi vì sự hy sinh vô bờ bến của bà để tôi có được ơn phước này. Mẹ kể bà sinh tôi rất dễ, gần như để rơi tôi bên cạnh hòn đá lớn để chặn cửa cho cửa không bị gió sập vào trong mùa đông mưa gió đầy trời ở Huế. Mẹ không đau đớn khi cho tôi ra đời nhưng mẹ đau đớn nuôi tôi từ lọt lòng cho đến khi mẹ nhắm mắt ngủ giấc sau cùng.

Tôi đã nhiều lần viết về mẹ, viết cho mẹ mỗi khi tôi nhớ bà. Những khi nhớ mà không viết, tôi ngồi khóc một mình. Những ngày cuối năm như buổi chiều sắp tàn, khiến chim nhớ tổ tìm về. Người tha hương không được như chim, đành khép đôi cánh mỗi, tạm dừng chân trên cành lạc loài chờ bình minh hôm sau và nhiều hôm sau nữa. Nói như nhạc sĩ Vũ Thành An, lâu rồi đời người cũng qua.

Xuân đến, xuân đi, xuân bắt tận. Mùa Xuân trong trời đất mãi thanh tân, nguyên vẹn từng ngày, không bao giờ tàn, không bao giờ thật hết. Con người, trái lại, thu đông từng mùa rơi rụng, không được như thiên nhiên trên dòng vô tận. Chẳng có mùa Xuân nào thực sự ấm áp và trong trẻo trong lòng người tha hương. Những lời sau đây, tôi muốn viết về Cha. Nhất là trong thời tiết nước Mỹ vừa vào thu se lạnh mấy hôm nay.

Tôi không được gần cha nhiều, theo cái nghĩa là được có cơ hội gần gũi, chuyện trò, được ông hỏi han, săn sóc, dạy dỗ. Tôi chỉ thỉnh thoảng thấy ông trong những ngôi nhà rộng gia đình từng sống qua, biết ông là bố của tôi, thế thôi. Dầu sao, thời bé dại, tôi cũng có vài khoảng thời gian, không nhiều, được thấy ông ở nhà lâu hơn. Đó là những ngày sau Tết và những

ngày mùa hè khi tôi lên sáu hay lên bảy, không ở ngôi nhà số 72 Gia Hội mà ở ngôi nhà nghỉ mát bố tôi tự trồng nom cho thợ xây cất trên đỉnh một ngọn đồi trong rặng núi Bạch Mã.

Ngày xa xưa ấy, phương tiện di chuyển từ Huế lên Bạch Mã của bố tôi là ô tô, anh Phúc là tài xế riêng của ông, thường đưa ông xuôi ngược quốc lộ 1 từ Trung ra Bắc rồi lại từ Bắc vào Trung, ghé qua nhiều khu mỏ, đồn điền và nhà máy rải rác từ Cửa Rào, Quảng Ninh, Hòn Gai, Cẩm Phả, qua Vinh, Tour Cham, vào tới Quảng Bình, Quảng Nam, Vĩnh Điện, Nam Ô rồi dừng lại ở Huế. Trí nhớ trẻ con của tôi chỉ ghi nhận được có bấy nhiêu. Hiệp định Genève cắt đôi đất nước, tất cả tài sản của bố tôi mất theo phần lãnh thổ bắc vĩ tuyến 17. Gia cảnh khánh tận chỉ trong một cái chớp mắt, bố tôi bước vào tuổi già lẽ ra được an hưởng thành quả thời tuổi trẻ thì không còn gì, kể cả sức khỏe để có thể gây dựng lại. Anh em tôi đôi khi thì thầm: “Giá bố đi xa hơn một tí vào Nam thì bây giờ chúng mình vẫn còn của phụ ấm nhỉ?”

Tôi nhớ có một lần trong mùa hè, bố tôi thu xếp lên Bạch Mã nghỉ ngơi. Như thường lệ, tôi thường được theo xe bố đi cùng. Chị Nụ có bồn phận làm va li cho Mẹ trẻ tôi và anh tôi nhưng phần tôi, khi có lệnh của bố, thì mẹ ruột tôi phải gói ghém mọi thứ cho tôi để tôi ôm lấy, tự mang theo. Lần đó, chắc bố tôi bận gì nên xe chạy mà không có tôi. Lên tới Bạch Mã, qua hôm sau bố tôi mới nhớ là đã bỏ quên tôi ở nhà. Ông nhắn về, bảo mẹ tôi đem tôi ra gara ông Nghè, gửi tôi lên bằng xe đồ của ông Nghè.

Như mọi khi mẹ tôi gửi hoa quả, trái cây hay các vật dụng khác theo xe đồ của gara ông Nghè lên Bạch Mã, xế trưa ngày hôm ấy, tài xế bỏ tôi xuống ngay dưới chân đồi. Tôi vừa leo vừa đếm đúng 125 bậc thang bằng đất nện để lên tới cổng. Giống như ngôi nhà nghỉ hưu của bố tôi ở Tả Duệ, nhà Bạch Mã cũng mở ra với khu vườn hình tay ngai trồng nhiều loại hoa. Tôi thích nhất và nhớ nhất những cụm hoa violette thấp lè tè, tôi phải ngòai xồm mới ngắt được cái cuống hoa nhỏ xíu của nó e lệ nấp dưới đám lá xanh để đưa hoa lên mũi, hít những hơi dài mùi thơm nhẹ mà say



của nó. Hoa violette màu tím thẫm, hương dịu dặt, nở kín đáo nên trông nó sang trọng hơn đám hoa me sum suê, nở tênh hênh đầu gió. Thỉnh thoảng, tôi cũng ngắt mấy cái cọng hoa me mềm oặt, không để thưởng thức hương mà để nhấm nháp vị chua chua của chúng qua kẽ răng.

Thú vui của tôi với cháu Ki, gọi tôi bằng dì nhưng chúng tôi sàn sàn tuổi nhau, là chơi trốn tìm quanh những bụi tú cầu, hoa lá rậm rạp, cao hơn chúng tôi và to lắm, phải mấy người lớn mới ôm xuể. Những khi chỉ có một mình, tôi hay la cà với những cây hoa mộc. Tôi thích màu trắng xanh của những cánh hoa tí hon lẫn vào thân nhánh, mùi thơm nồng nàn nhưng không hắc. Mẹ tôi thường hái hoa mộc và hoa sói, để riêng chúng vào những cái rổ con để ướp trà cho bố tôi uống.

Vườn hoa của bố tôi có cả dâu. Những quả dâu từ xanh đến chín đỏ hay được tôi hái thăm. Tôi thích nhìn chúng mướt mát, lớn như thỏi nhưng tôi không hái. Chỉ hôm nào mẹ tôi từ Huế lên, bà hái đem vào bếp làm món tráng miệng cho cả nhà thì tôi được mẹ nhón cho một nửa quả đã ngâm đường và rượu rhum. Hình như mùi thơm mát của dâu tươi lẫn với mùi thơm gắt của rượu lên men làm thành cái vị ngọt đắng dịu dàng khiến trẻ con như tôi ngày ấy, ném thử một lần là nhớ mãi. Tuy vậy, tôi nhớ mẹ nhưng không nhớ dâu. Cả đời, tôi vẫn mãi không thích dâu.

Ngôi nhà của bố tôi ở Bạch Mã kiến trúc theo kiểu gì tôi không biết nhưng từ cổng nhìn vào, hai bên là hai cái tháp nhọn. Bố tôi ở bên cánh phải với mẹ trẻ tôi và anh tôi. Bên cánh trái dành cho cả nhà và họ hàng mỗi khi họ lên chơi núi. Hôm tôi một mình theo xe ông Nghè lên, tha thẩn ngoài vườn cả buổi chiều rồi ra nhìn suối thấp thoáng bên dưới, vênh tai nghe tiếng nước rơi đều, nhẹ, róc rách quanh những phiến đá nhẵn, đủ to cho tôi nằm nhìn trời mông lung trên cao những trưa hè có người lớn cùng xuống suối. Trong bóng chiều bằng lăng hôm ấy, đang vợ vẫn cùng hoa cỏ và tiếng chim ríu rít về tổ trong rừng cây quanh nhà, tôi bỗng cảm thấy hai mi mắt nóng bừng và người bải hoải. Tôi vào nhà, leo lên buồng ngủ ở tháp bên trái, gần suối. Như một con mèo hoang tiếng chân không làm

ai kinh động. Cảm giác thương tâm của một đứa trẻ không biết trông cậy vào ai khi cần làm tôi khóc lặng lẽ một lúc rồi ngủ thiếp đi trên cái sàn gỗ trải nệm mờ mờ tối. Có lẽ đến giờ ăn cơm không thấy tôi, bố tôi mới cho người đi tìm.

Tôi được sờ đầu, được cho ăn cháo, được bố cho uống aspirine vì không ai biết mẹ tôi thường cho tôi uống thuốc gì để chữa cảm sốt. Chị bếp nghiêm nghị dặn tôi hôm sau không được dậy sớm, không được ra ngoài cho đến khi tôi khỏi ốm. Không biết có ai nhắn gọi gì không mà mẹ tôi lên ngay, mang theo rất nhiều nhãn từ vườn nhà ở Huế. Biết tôi thích nhãn, mẹ tôi cho riêng tôi một chùm lớn và dặn dò: “Em ăn dần thôi nhé, hết sốt, chị cho nữa.” Không biết nhờ gói Tiêu Ban Lộ, nhờ nhãn hay nhờ hơi áo mẹ, tôi khỏi ngay, lại được ăn cơm với món tôm càng kho tiêu mẹ làm rất ngon. Khôn lớn, tôi không bao giờ quên những con tôm càng mẹ mua tươi soi soi ở Cầu Hai, thịt tôm đỏ ửng, chắc và thơm phức. Khi ăn, mẹ tôi thường cắt tôm thành từng khoanh nhỏ và dọn ra đĩa. Tôi được nhìn tự do nhưng ăn thì phải chờ người lớn gấp vào bát cho, không thỏa thích như anh tôi.

Ngoài mẹ già, mẹ trẻ, mẹ ruột, bà mẹ thứ tư của tôi là mẹ thiên nhiên, áp ủ phần hồn tôi qua suốt thơ ấu và thời niên thiếu. Mùa hè ở Bạch Mã là ký ức quý giá của tôi những ngày tháng qua nhanh ấy.

Những hôm có mẹ tôi từ Huế lên vì công việc, ngủ lại một tối để trưa hôm sau về theo xe ông Nghè, sáng sớm tôi được mẹ cho theo bà ra tiệm Chaffanjons cách nhà một quãng đường ngắn bên kia cái cầu bắc qua con suối dưới chân đồi. Tiệm Chaffanjons của người Pháp, chuyên bán thức ăn nguội, sữa tươi, đồ hộp, rượu, bánh kẹo và cà phê của Pháp. Họ có lò làm bánh mì nóng mỗi ngày. Ngoài baguette, họ làm những cái bánh mì vòng tròn màu nâu hồng, tôi thường xâu vào hai cánh tay nhỏ xíu của tôi, nghe mùi bột nướng còn nóng thơm ngào ngạt tỏa ra từ vỏ bánh đặc biệt dòn mà không vỡ. Tôi được ăn “chay” nguyên một cái trên đường về

lại nhà, tung tăng theo mẹ leo lên đúng 125 bậc thang đất, không bao giờ có thể quên hương vị những cái “bánh tây” ngon đến thế trong đời. Bố tôi thường điểm tâm bằng bánh mì với trứng ốp-la, jambon, pâté, fromage và cà phê sữa hộp. Có hôm, buổi sáng tôi lang thang vào phòng ăn không còn ai, chỉ còn cái khay thức ăn sáng của bố tôi người làm chưa kịp dọn.



Tôi tò mò nhìn những thứ còn sót lại. Tôi dí mũi vào cái tách men sứ trắng còn đọng ở đáy chút cà phê màu nâu nhạt, mùi thơm béo, ngọt, cảm thấy bị kích thích muốn nếm thử. Cà phê bố tôi uống ngày đó, lúc nhắc cái phin ra khỏi tách, màu cà phê nâu vàng ánh lên như màu rượu trước khi bố tôi dùng thìa nhẹ nhàng khuấy sữa đặc thành những vòng tròn làm cà phê đổi màu. Hương vị chút cà phê ngào mà sao ngỡ như ấm, ngọt dịu dàng, thấm trên đầu lưỡi của đứa bé lên sáu, lên bảy là tôi ngày ấy, ở lại mãi với tôi cho đến tận bây giờ. Sau này, thỉnh thoảng có dịp uống cà phê, tôi thấy cà phê ở đâu cũng có hậu vị gắt và chát, có khi thoảng mùi khét của mẻ rang bị quá lửa, khiến tôi tự hỏi hay là tôi nhớ cà phê của một thời bé dại, ôm giữ nhiều kỷ niệm như gỗ cũ lên nước, bóng màu thời gian và gợi nhắc hơi hướm của cha mẹ tôi nay không còn nữa?

Ngoài quãng đường từ nhà đến tiệm Chaffanjons cùng mẹ đi về những buổi sáng mùa hè sương mù hay khói núi mờ mờ lan tỏa, trong túi áo lạnh có mấy con sâu đá cuộn tròn như hạt giẻ, tôi nhớ những buổi trưa trên đồi cao đầy nắng, mấy dì cháu lau hau rử nhau xuống suối. Tôi không nghịch nước mà chọn một phiến đá đủ cho tôi nằm khểnh nhìn trời thấp thoáng qua những tàn cây rừng đan vào nhau thành vòm, xếp hàng hai bên ven suối, lắng nghe tiếng gió lượn qua những tầng lá rậm, tiếng chim

hót, tiếng nước êm ả chảy dưới lòng khe trong veo, tất cả lẫn vào tiếng hò hét âm vang của lũ cháu vui đùa với nước trên đầu dốc. Cách tôi một khoảng, cháu Ch. ngồi cắm cúi đọc sách trên một phiến đá khác.

Sau này khôn lớn, cả hai dì cháu cùng theo nghề dạy học. Sau nhiều năm xa cách, gặp lại nhau tại hội đồng thi Tú Tài đặt tại trường Petrus Ký đầu thập niên 60, chúng tôi cùng ngậm ngùi nhớ lại những mùa hè và con suối Bạch Mã năm xưa, mắt Ch. trong vắt như nước suối ngày ấy.

Tôi cũng yêu những buổi tối đi ngủ có mẹ để rúc vào ngực áo mẹ tìm hơi ấm, cả những buổi tối nằm co ro một mình trong căn phòng trên gác tuyệt đối yên lặng, mắt mở thao láo nhìn mấy cái đà gỗ của cái trần nhà hình chóp nhọn sáng mờ mờ nhờ ánh đèn từ phòng bên cạnh, nghĩ vẩn vơ, tưởng tượng những trò chơi ngày hôm sau hoặc một trăm điều đọc dở dang trong cuốn sách tôi còn giấu trên cái hộp nước dội cầu trong phòng vệ sinh của bố tôi ở Huế. Giấc ngủ nào của tôi cũng lao xao bắt đầu như thế để rồi chập khuya sẽ bị đánh thức vì tiếng hót thiết tha, buồn bã của những con chim từ quy gọi nhau đến khàn cả giọng, vang vọng từ đầu hôm đến sớm mai, qua rừng cây, qua khe núi, tìm bạn của nó ở phương trời nào khác có lẽ cũng đang gọi tìm nó. Không ai biết chúng nó có gặp được nhau trước khi trời rạng sáng hay không nhưng không ai còn nghe tiếng chim từ quy vào lúc hừng đông nữa.

Giờ đây, tôi chắc tiếng chim từ quy ở Bạch Mã vẫn mãi còn hàng đêm dai dẳng cất lên từ nửa khuya tới tinh sương để đi tìm hạnh phúc luôn là giấc mơ như giấc mơ của loài người, khiến tôi có lúc thấy mình giống như loài chim từ quy, đêm đêm vẫn nghe thao thức riêng mình tiếng gọi thầm những người thân yêu của một thời nay chỉ còn là kỷ niệm...

**Bùi Bích Hà**



## Tưởng Niệm Giáo Sư Bùi Bích Hà

- với nhiều hình ảnh sinh hoạt của bà -

<https://www.youtube.com/watch?v=qsPcVwzaXBs> – Chiem Pham thực hiện

<https://www.youtube.com/watch?v=JJKFiAxRj6o> – Binh Nguyen thực hiện





**GS Đào Kim Phụng, GS Bùi Bích Hà - 2013**





## Hương Thơ phỏng vấn Bùi Bích Hà - 2015

Phần 1 - <https://www.youtube.com/watch?v=-uaFZF24puw>

Phần 2 - <https://www.youtube.com/watch?v=TGEbbzJ6IAM>

Phần 3 - <https://www.youtube.com/watch?v=-PzC1tgL3H8>





## Văn Hóa và Con Người

### Phiên Đán (Little Saigon TV) nói chuyện với Bùi Bích Hà - 2017

Phần 2/5 - <https://www.youtube.com/watch?v=wwJ3f-ScxRI>

Phần 2/6 - <https://www.youtube.com/watch?v=d0Jg8pDw5Kk>

Phần 2/7 - <https://www.youtube.com/watch?v=740-rke5br4>

Phần 2/8 - <https://www.youtube.com/watch?v=65W2EGaK6D8>

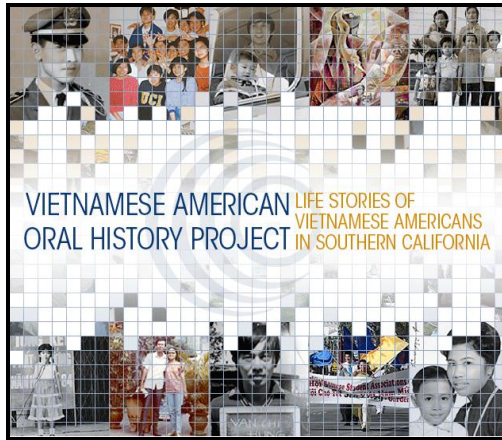




## **ĐỐI THOẠI TÂM LINH**

**Thầy Hằng Trường nói chuyện với Bùi Bích Hà - 2017**

[https://www.youtube.com/watch?v=\\_2f4Qd4GfqY](https://www.youtube.com/watch?v=_2f4Qd4GfqY)



## Life Stories of Vietnamese Americans in Southern California

**[Viet Stories: Vietnamese American Oral History Project](#)** at the University of California, Irvine actively assembles, preserves, and disseminates the life stories of Vietnamese Americans in Southern California. The project contributes to expanding archives on Vietnamese Americans with the primary goal of capturing first-generation stories for students, researchers, and the community. Launched in 2011, VAOHP is housed in the Department of Asian American Studies in the School of Humanities and collaborates with the UCI Libraries Southeast Asian Archive.

There are over 1.8 million Vietnamese Americans in the United States, with the largest concentration of Vietnamese residing in Southern California. Since the 1970s, Vietnamese Americans have dramatically transformed Southern California's demographics and landscape, and this project aims to represent the diversity of their experiences.

Our objective is to capture the oral histories of first generation Vietnamese Americans who have memories of life in Vietnam, the Vietnam War, and the displacement and resettlement of refugees from Vietnam. Viet Stories plays an instrumental role in documenting their histories and legacies in order to preserve their stories for future generations.

These audio- and/or video-taped life stories include Vietnamese and/or English-language transcripts of the interviews, brief summaries, time logs, and photographs of narrators. Some narrators have also contributed additional materials such as their own photographs and documents to be preserved with their stories. Aligned with the purpose of training

future generations of leaders, faculty train UC Irvine students to conduct oral histories in their courses, such as in Linda Trinh Vo’s Research Methodologies/Field Research class and Tram Le’s Vietnamese American Experience class. These comprise a number of the “sub-collections” within Viet Stories.

<b>Title</b>	Oral History of Bui Bich Ha
<b>Creator</b>	Bui, Bich-Ha
<b>Contributor</b>	Vo Dang, Thuy
<b>Date Created and/or Issued</b>	2012-10-12
<b>Contributing Institution</b>	UC Irvine, Libraries, Southeast Asian Archive
<b>Collection</b>	Viet Stories: Vietnamese American Oral History project
<b>Rights Information</b>	copyrighted
<b>Description</b>	<p>Oral history of Ms. Bui Bich Ha (or Bich-Ha Bui, western-style), a woman born in 1938 in Hue, Vietnam. She spoke in detail about her father, one of the four wealthiest men in Vietnam in the mid-century. The interview also explores her memories of life before the August Revolution of 1945, then the years before 1954, and finally the drastic changes to her family’s fortune after 1954. She became a teacher and radio broadcaster before 1975. Then, after the Vietnam War ended, her children had to join the youth cadres while she continued teaching. Her family left Vietnam via sponsorship in 1985. After resettlement in the US, she worked at various jobs such as assembly-work and eventually moved up in her career in research &amp; development. Meanwhile, she also actively participated in community work, ran a radio program on “women and family,” and served as editor of “Phu Nu Gia Dinh” Magazine. She raised her two daughters in America alone. At the time of interview she is retired from her job and radio program, but continues to serve as editor of Phu Nu Gia Dinh.</p> <p>Recorded Digitally</p>
<b>Type</b>	sound
<b>Format</b>	01:55:31
<b>Identifier</b>	<a href="http://hdl.handle.net/10575/3273">http://hdl.handle.net/10575/3273</a>

## Oral History of Bui Bich Ha

Narrator: Bui, Bich-Ha

Interviewer: Vo Dang, Thuy

Date of Interview: 2012-07-23

Permanent Link To This Item: <http://hdl.handle.net/10575/3273>

**PHẦN 1:** <http://ucispace.lib.uci.edu/page/vaohp-media-player?stream=&handle=3273&file=24969&container=2084>

**PHẦN 2:** <http://ucispace.lib.uci.edu/page/vaohp-media-player?stream=&handle=3273&file=24970&container=2084>

### BÀI PHÒNG VẤN TIẾNG VIỆT (PDF):



Today is Monday, July 23, 2012. This is Thuy Vo Dang with the Vietnamese American Oral History Project.

TVD: Trước hết Thuý xin cô tự giới thiệu tên tuổi và thành phố mà cô đã sinh trưởng.

BBH: Vâng. Tôi tên là Bùi Bích Hà, sinh trưởng tại thành phố Huế của miền trung Việt Nam.

TVD: Vào năm nào vậy cô?

BBH: Vào năm 1938, tháng giêng, ngày 11.

TVD: Cô có thể nói một chút về gia đình của cô cũng như là bố mẹ, anh chị em?

HHB: Gia đình chúng tôi thì cụ thân sinh của chúng tôi làm nghề tự do. Cụ là một kĩ nghệ gia, đã tham gia nhiều công

trình lớn dưới thời Pháp thuộc. Ví dụ như tham gia vào việc kiến thiết đường Hoà Xa, gọi là quốc lộ số 1 đó, tất nhiên là một đoạn thôi chứ không phải là từ đầu đến cuối. Đoạn mà bố tôi nhận trách nhiệm xây dựng là đoạn Phan Rang, Phan Thiết, Tháp Chàm, thấy cụ nói nhiều về thời gian này, tức là tỉnh Ninh Thuận bây giờ đó. Bố tôi có rất nhiều đồn điền rải rác khắp nơi từ miền Bắc cho đến miền Trung. Miền Trung thì tỉnh cuối cùng bố tôi có đồn điền là Đồng Hới, chứ không vào đến Huế. Về phương diện văn hoá, thì bố tôi làm nhiều công trình văn hoá ví dụ như là chủ nhiệm nhiều tờ báo như là Thật Nghiệp dân báo, Tràng An báo. Bố tôi có một nhà in rất là quy mô ở Huế là nhà in Đắc Lập, nằm ngay ở bên tân ngàn đầu cầu Tràng Tiền...

[http://ucispace.lib.uci.edu/bitstream/handle/10575/3273/vaohp0082\\_f01\\_viet.pdf?sequence=4](http://ucispace.lib.uci.edu/bitstream/handle/10575/3273/vaohp0082_f01_viet.pdf?sequence=4)



*Trần Mộng Tú, Phạm Phú Minh, Bùi Bích Hà*



*Hương Thơ, Bùi Bích Hà, Nhã Lan*

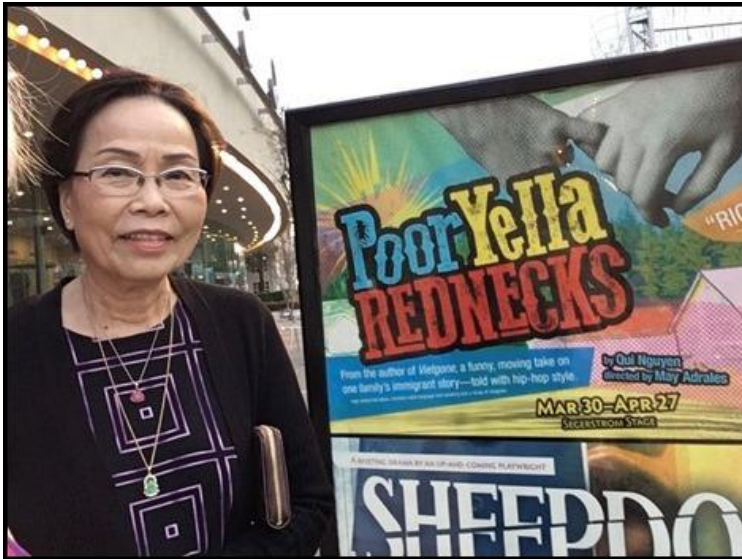


*Từ trái: Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Mộng Giác, Trần Mộng Tú,  
Bùi Bích Hà, Nguyễn Tường Thiết*

## Tiền Chị lên đường

Trùng Dương ♦ 15.07.2021

Nguồn - <https://damau.org/>



*Chị Bùi Bích Hà tại buổi trình diễn vở “Poor Yella Rednecks” tại South Coast Repertory, Quận Cam, Nam Cali, tháng 3/2021. (Ảnh Trùng Dương)*

Vào một tối gần nửa khuya cách đây trên 10 năm, lúc ấy tôi chưa thân với chị lắm, chị tới gặp tôi tại nhà một chị bạn chung trong căn phòng share của chị bạn này, nơi tôi tá túc nhân một chuyến ghé Quận Cam, Nam Cali.

Lúc ấy chị đang họp bàn với một số thân hữu ra một tờ nhật báo, mặc dù Quận Cam đã có một số nhật báo đang lưu hành. Và tôi vừa về hưu được đôi ba năm. Chị muốn mời tôi cộng tác giữ một chân trong ban chủ biên. Mặc dù hãnh diện được chị tới mời cộng tác, nhưng tôi thành thực nói với chị là tôi không đủ khả năng và cả bản lĩnh đảm nhận vai trò là một thành viên trong ban chủ biên, nhưng nói sẽ thỉnh thoảng đóng góp bài vở. Mặc dù mang tiếng là tốt nghiệp báo chí tại một trường đại học ở California và

đã có vài năm làm phóng viên và biên tập viên tại vài tờ báo Mỹ, trước khi chuyển sang phụ trách bộ phận văn khố và nghiên cứu tin tức cho các phóng viên vì vào thập niên đầu của thế kỷ, Internet còn đang chập chững, phóng viên còn phải dựa vào tài liệu do nhân viên thư viện tin tức lục tìm cho. Đó là một cuộc tuyển người khác thường: thay vì người được tuyển nói về kinh nghiệm, và có khi tự thổi phồng, thì ngược lại. Chị có vẻ không vui lắm.

Trước khi chị ra về, tôi có hỏi chị tại sao chị ra tờ nhật báo. Tôi nghĩ chứ không nói ra, rằng báo chí đâu phải là sở trường của chị. Chị thành thực trả lời: “Để cho anh em họ có việc làm.”

Tờ báo, do chị đứng tên chủ nhiệm, ra được vài tháng thì đóng cửa. Nghe nói chị mất một số tiền lớn, chưa kể một số nợ nần chị phải mang, hình như tới giờ vẫn chưa trả hết. Chị cũng chịu nhiều điều tiếng. Có người nói với tôi là chị háo danh, háo thắng. Tôi nghĩ họ không hiểu chị đầy thôi.

*Để cho anh em họ có việc làm.* Câu nói đeo đẳng tôi. Chị như vậy đó. Luôn nghĩ tới người khác. Tôi còn được nghe vài lần câu nói tương tự đó từ chị ở vài cảnh huống khác sau đó. Khiến có lúc tôi nghĩ chị đã từng bị lợi dụng. Có bảo thẳng với chị như thế thì chị chỉ cười, nói thì đã sao, miễn là người khác vui là chị vui rồi. Như thể chị có nhu cầu được người khác cần tới mình. Như nhiều bà mẹ Việt truyền thống mà tôi biết, coi đó là ý nghĩa, một thứ sứ mệnh của đời mình

Sau khi chị thất bại với tờ nhật báo, tôi đến chơi với chị thường hơn. Tôi nghĩ đây có thể là lúc chị cần tới tôi hơn. Dù vậy, tôi ngưỡng mộ chị ở chỗ chị đã tự vực mình đứng dậy và tiếp tục cuộc hành trình. Đạo ấy, chị không chỉ bị thất bại với tờ nhật báo, mà cả với một đài phát thanh mà chị đã mua lại, vun xới gầy dựng, bỏ nhiều công của vào đó, để rồi bị mất. Không chịu thua cuộc, chị lại gầy dựng một đài phát thanh khác, trong khi tiếp tục làm một tờ tuần báo dành cho phụ nữ. Tôi cũng có dịp tiếp tay tích cực hơn qua việc đóng góp bài vở cho tờ tạp chí này.

Chị và tôi trở thành thân nhau hơn từ đây. Mặc dù tôi có vài anh chị em cũng cư trú ở Quận Cam, nhưng mỗi lần xuống đây chơi, giống như Trần Mộng Tú, tôi thường lê la ở nhà chị phần lớn thời gian. Đôi khi nhằm lúc Tú và tôi cùng xuống chơi, bộ ba chị em đi chơi chung, ăn uống hàn huyên thật vui, đúng là một thứ sisterhood. Chị hay xưng chị và gọi Tú bằng em, nhưng lại chỉ gọi tôi bằng tên cúng cơm của tôi và xưng mình, mặc dù tôi thua chị tới sáu, bảy tuổi, và thua Tú một tuổi. Thỉnh thoảng chị “lỡ” xưng chị với tôi, nhận ra, chị xin lỗi, tất nhiên là không cần thiết. Nhưng chị như vậy đó – chi ly trong lời nói và sắc bén trong cái nhìn, nhiều khi chỉ là một cái liếc mắt. Giáo dục gia đình và nhiều năm làm cô giáo đã để lại nơi chị nhiều dấu ấn.

Ở chơi với chị, tôi có dịp biết nhiều hơn nữa về chị, và thêm cảm mến chị hơn. Chị sinh trưởng tại Huế, trong một gia đình gốc Bắc, nên chị nói được cả hai giọng Bắc và Huế trôi chảy. Chị có giọng nói trong, gọn và rõ ràng, tiếng nôm na gọi là “ăn micro,” dễ nhận ra. Nhiều người ở Quận Cam đã từng nghe chương trình của chị nghe tiếng chị ở ngoài chợ hay trên đường phố thường nhận ra giọng chị ngay, chạy tới hỏi thăm, thấy chị vui lắm. Chẳng thế mà khi chị còn đang học trung học, nghe bạn bè rủ, đi thi xướng ngôn viên cho đài phát thanh ở Huế, được nhận vào liền, nhưng không dám nhận việc vì bố cấm.

Chị có một thân thể hơi đặc biệt. Mẹ chị nguyên là một cô gái quê giúp việc trong một trong những đồn điền của bố chị. Bố chị có hai vợ, cả hai bà cùng không sinh được đứa con nào. Nhưng khi thử mẹ chị thì bà sinh cho ông ba người, duy có người thứ hai là con trai, nên được bà Cả đem về nuôi như thể con mình. Người con gái đầu hình như chết sớm sao đó. Khi chị Hà ra đời không ai buồn để ý, và mẹ chị do vậy được quyền nuôi chị, nhưng không được phép nhận là con. Chị gọi mẹ là chị, ăn ngủ với mẹ, mãi tới năm bảy, tám tuổi mới biết đó là mẹ mình. Cũng vậy là người anh của chị. Cậu ấm được nuông chiều, đâm hư thân, hống hách. Một bữa tức giận vì mâm cơm “chị người làm” dọn không vừa lòng, cậu hát nguyên mâm cơm xuống đất. Ông quản gia nhìn thấy, gọi cậu ra một chỗ,



cho cậu biết là chị người làm chính là mẹ cậu. Sự thật quá phũ phàng khiến cậu âm bỏ nhà ra đi và nhập ngũ, thề không nhìn lại những người đã nói dối cậu. Mãi nhiều năm sau cậu mới quay lại nhìn nhận mẹ ruột, nhưng không nhìn bà mẹ Cả.

Chị kể với tôi, mấy lần, hỏi chị còn học trung học, chị bắt đầu làm thơ viết truyện. Có lần nghe bạn bè rủ rê, chị gửi một truyện ngắn dự thi tại một tờ tạp chí ở Sài Gòn. Chẳng dè trúng giải nhất. Nhà văn Thanh Nam và Tô Kiêu Ngân mang giải thưởng ra tận Huế trao, được ông bố chị tiếp đãi rất trang trọng và nhận giải thưởng hộ chị. Khi khách về rồi, ông cụ mới gọi chị ra nhận phần thưởng, gồm những gì chị nói mà tôi quên rồi. Rồi cụ nói, “Viết thế đủ rồi, nghe con. Lo mà học hành đi.” Chị nghe lời, gác bút sang một bên từ đấy.

Tuy thế, ông cụ chị rất quan tâm tới việc học của con gái, khuyên chị học để cho có một nghề, để sau này lỡ có gì thì có cái để nuôi con, không phải đi bước nữa như nhiều người đàn bà thất học khác, để có nơi nương tựa vì thiếu khả năng kinh tế. Nhờ vậy mà chị học xong sự phạm môn Pháp văn. Rồi có người hỏi cưới, bị mẹ áp lực, cho rằng đàn bà con gái không có chồng là “bất túc,” nên, thương mẹ, chị lấy chồng, một ông thẩm phán. Họ vào Nam sinh sống, rồi cuối cùng lập nghiệp ở Sài Gòn.

Cuộc hôn nhân kiểu chồng chúa vợ tôi không hạnh phúc ấy kéo dài được khoảng chục năm. Sau khi chị sanh cô Út, tổng cộng trước sau là bốn cô, sau đôi ba lần sảy thai và một cậu con trai không nuôi được, ông chồng chị một bữa bảo chị “trả lại tự do” cho ông. Chị kể là chị “mừng hết lớn,” bèn xúc tiến đơn xin ly dị ngay lập tức, mặc dù những can ngăn của vài người bạn của chồng cùng trong ngành luật. Chị tiếp tục đi dạy nuôi con.

Rồi biến cố 30 tháng 4, 1975 xảy ra. Gia đình chị kẹt lại. Không thể cộng tác với chính thể mới, và nhờ ông anh đã sinh sống ở Mỹ từ trước 1975 gửi đồ về, chị mang bán bớt để nuôi mẹ và các con. Chị xoay sở gửi được cô con thứ hai đi vượt biển thoát. Đến khi gửi tiếp cô con lớn thì

không may thuyền cháu bị lật ngay khi còn trong sông, cô bị chết đuối cùng với nhiều người khác. Chị phải lặn lội đi tìm xác con và chôn đở ở một nghĩa trang gần đó, chờ khi nào có cơ hội sẽ về cải táng hốt cốt. Nghe chị kể cô rất thiêng, không chỉ thỉnh thoảng về “thì thầm” với mẹ, mà còn “giúp” vài người địa phương, nên họ lập miếu thờ cô.

Sau tai nạn của cô lớn, theo lời khuyên của ông anh, chị chờ ông xin đoàn tụ để đi theo ngả chính thức. Vào giữa thập niên 1980, chị được gọi đi phỏng vấn. Ông chồng cũ lúc ấy đang tá túc ở nhà chị vì sau khi đi tù cải tạo về, ông không có chỗ ở nên chị thấy tội nghiệp cho ở nhờ. Khi biết chị sẽ được đi Mỹ, ông năn nỉ cho đi theo. Chị kể: hai người ban đêm bàn chuyện nhỏ to với nhau, bà mẹ sợ chị trở lại với ông, nên đã lên tiếng can ngăn, sợ lửa gần rơm, mặc dù xưa chính bà là người thúc đẩy chị lấy ông ta. Chị nói cho mẹ an tâm, là mặc dù chị có xin với nhân viên phỏng vấn Mỹ cho ông ta cùng đi theo, lý luận là mặc dù đã ly dị nhưng con chị cần có cha, sang Mỹ rồi thì ông ta sẽ phải đi đường ông, và đã được bên Mỹ nhận. Và chị lo được cho ông chồng cũ đi theo sang Mỹ.

Sang Mỹ năm 1985, chị cặm cụi đi làm nuôi mẹ và ba con. Các cô đều học hành thành đạt. Cô lớn thành dượng sĩ, cô thứ hai làm y tá, cả hai đều đã có gia đình, nhà riêng. Riêng cô Út học luật xong, ra hành nghề đầu được 10 năm. Một hôm, sau khi đi hành hương cuộc bộ 500 dặm dọc theo The Camino de Santiago ở bắc Tây Ban Nha, cô mang về tặng mẹ bức bản đồ nổi có núi non trùng điệp của phần đất mà cô đã đi qua, tuyên bố cô sẽ sang Ấn Độ tìm đường đi tu. Chị không cản, nhưng hai người chị của cô út thì cực lực phản đối. Chị kể với tôi bằng giọng bình thản, nhưng vẫn chứa lo âu tự nhiên của một người mẹ. Tôi nói với chị là tôi thực tâm tán phục quyết định của cô, khen cô không đi theo con đường mòn của xã hội, của những thứ tình cảm vốn chi phối đời mỗi chúng ta, khiến ta mất làm chủ chính đời mình. Với tôi, tên cô là Camino, tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là con đường, là đạo. Lần nào thăm chị, tôi cũng hỏi thăm cô Camino. Tôi nhớ một bữa chở chị tới một tiệm có dịch vụ gửi tiền qua Western Union để gửi mấy trăm Mỹ kim cho cô để cô chữa cái lưng đau

vì một lần bị té sao đó tại thiền viện. Trở lại xe, chị chui vào ngòl lặng im. Tôi đoán chị đang nghĩ tới con gái ở một chốn xa xôi đau đớn một mình. Gần đây tôi nghe biết sau một thời gian tu tập sự, cô Camino đã được nhận vào tu chính thức.

Con cái khôn lớn, có đời sống riêng, chị về hưu và bắt đầu sống toàn thời cho giấc mộng đầu đời: đó là viết. Chị viết miệt mài, đủ loại. Chị còn gỡ rối tơ lòng cho nhiều người nữa. Trần Mộng Tú thì cứ khuyên chị viết về bà mẹ của chị. Chị lần lữa, nói rồi sẽ làm. Dù vậy, chị cũng kể về bà cụ trong một số bài viết. Và về ông anh hơn chị mấy tuổi mà chị săn sóc như săn sóc một cậu em. Tôi nghĩ giá chị cứ chuyên chú vào viết lách thì hay hơn. Và có lẽ chị đã không gặp thất bại như đã thất bại với tờ báo và cái đài phát thanh trước. Khổ nỗi chị luôn muốn làm cái gì mà chị có thể qua đó giúp “cho anh em họ có việc làm” nữa cơ.

Tôi sẽ nhớ mãi những buổi tối ở nhà chị, chị đi làm, tôi nằm nhà đọc sách. Có khi tôi thức tới khi chị về để cùng đi bộ quanh cư xá với chị, có khi tôi ngủ mất đất. Chừng thức dậy sau nửa đêm để vào thăm phòng tắm, thấy chị lui cui ngòl trước computer đánh máy dịch bài vở cho tờ tuần báo phụ nữ hỏi chị còn nó. Tối nào cũng vậy, tới hai, ba giờ sáng. Tú và tôi giục chị buông tờ tạp chí vì thấy chị đã lớn tuổi và cực quá, mà chị không chịu. Mãi sau có người muốn mua, trả \$2,000, tôi bảo chị bán với giá tượng trưng là \$1. Chị nghe lời, nhưng vẫn ái ngại về việc vài người bị mất ít lợi tức từ tờ tạp chí, như huê hồng quảng cáo, gói gửi báo, chẳng hạn. Người mua tờ tạp chí ra báo được đâu một, hai số thì buông, làm chị tiếc hùi hụi, đôi khi nói xa xôi như trách Tú và tôi xúi chị buông tờ báo. Chị vẫn tiếp tục chương trình phát thanh của chị. Chị còn nhận dịch tài liệu, thông cáo, v.v. cho cơ quan Cảnh sát Quận, nói “để chia việc cho những người cần.” Chị làm phát thanh tuần một lần miễn phí cho một vị giám sát quận gốc Việt mà chị cho là làm nhiều việc hữu ích cho cộng đồng, “nên mình cần phải tiếp tay.”

Tình bạn giữa chị và tôi ấm áp, tốt đẹp cho tới đôi năm trở lại đây, khi chị trở thành người nhiệt thành ủng hộ ông Donald Trump và chịu ảnh hưởng bởi các thuyết âm mưu. Chúng tôi vẫn liên lạc, thăm nom khi có thể, song phải rất gượng nhẹ đối với nhau, tránh hết sức để không đụng chạm nhau. Vài tháng gần đây chị không vui, “xuống sắc,” như vài người bạn chung nhận xét với tôi. Có người hỏi tôi, vì biết tôi thân với chị, là tại sao chị vẫn cuồng nhiệt ủng hộ ông Trump, nhất là sau biến cố các phần tử cực đoan tấn công Điện Capitol hôm 6 tháng Giêng vừa rồi. Chị không đồng ý với hành động đó, nhưng nhiệt liệt cho là không dính dáng gì tới ông Trump. Tôi ước gì tôi có đủ can đảm để hỏi chị tại sao ông Trump lại chiếm được lòng yêu mến ấy của chị. Thực tình là tôi không dám. Có lần trong một điện thư, tôi có nói về hiện tượng nhiệt hoá toàn cầu dẫn tới khí hậu thay đổi thất thường, là điều ông Trump và phe phái vẫn chối coi là không có, chị viết lại bằng giọng chì chiết làm tôi sợ, nên im, không dám trả lời.

Biết chị quan tâm tới các vấn đề phụ nữ, tôi mua tặng chị cuốn hồi ký của Melinda Gates, “The Moment of Lift: How Empowering Women Changes the World” (2019). Định là khi chị đọc xong thì sẽ cùng nhau thảo luận. Nhưng rồi thấy chị im. Gần đây chị cho biết đã vất cuốn sách đang đọc vào thùng rác sau khi nghe, qua một trong những thuyết âm mưu, là Bill Gates, chồng của Melinda, đã dùng cơ quan Bill & Melinda Gates Foundation của họ tiếng là làm việc từ thiện song là để không chế việc sản xuất thuốc ngừa dịch toàn cầu để làm lợi cho công ty của họ(!)

Lần cuối chúng tôi nói chuyện điện thoại với nhau là hồi tháng Sáu vừa rồi, sau khi chị vào được Netflix và mở xem phim “The Kindergarten Teacher” mà tôi giới thiệu với chị. Chị nói chị cảm thông được tâm trạng của cô giáo không có ai hiểu cô, và cô tìm thấy ở cậu bé thi sĩ thần đồng một tri kỷ, một người mà cô cần phải cứu vãn. Và cô đã vượt ra khỏi khuôn khổ luật lệ để làm cái việc bất thường là “bắt cóc” cậu bé. Để rồi cuối cùng cô đành đầu hàng, trả lại cậu bé cho gia đình và để cảnh sát dẫn độ cô về tội bắt cóc trẻ con. Ngồi ở băng sau của xe cảnh sát ở cảnh

cuối cùng, cậu bé bắt chợt kêu lên: “Em có một bài thơ...” Nhưng cô giáo không còn ở bên để chép lại hộ cậu bài thơ đó. Chị kể lại cảnh cuối đó với giọng xúc cảm.

Tôi có hẹn với chị tháng Mười này sẽ xuống để cùng đi dự Việt Film Fest. Như mọi năm, trừ năm ngoái vì đại dịch Covid nên đại hội phải hủy bỏ. Chị nói chị chờ tôi. Đi dự hội phim thường niên này đã thành cái hẹn hàng năm của hai chị em. “Để yểm trợ các em trẻ,” như chị nói. (Cùng với bài này, tôi xin kèm theo một bài chị viết về Việt Film Fest 2016, với nhiều nhận xét sâu sắc, đầy quan tâm.)

\*\*\*

Khi tôi bắt đầu viết bài này, chị đang nằm hôn mê chờ đi trong bệnh viện sau vòn vện chưa tới một tuần kể từ ngày chị bị đột quy, sau bác sĩ còn cho biết thêm chị cũng bị động tim nữa. Như thể chị không thể chờ lâu hơn được nữa để đáp chuyến tàu suốt, mặc dù những níu kéo của người thân và bằng hữu.

Trần Mộng Tú, trong lúc chờ giờ lên đường ra phi trường để đáp chuyến bay xuống Quận Cam thăm chị lần cuối, viết điện thư cho vài thân hữu:

*“Con gái chị Hà, tối qua gọi nói là Bệnh Viện chỉ cho: con/chồng vào thăm và chỉ có 2 người được vào 2hrs/1 ngày.*

*Các cháu ghi tên cô mà họ không cho vào.*

*BS nói chỉ trong 1,2 hôm nữa là chị Hà sẽ tự đi, không cần rút ống, nên các cháu sẽ đợi 2 ngày nữa.*

*Tang gia sẽ không có Cáo Phó. Trước khi thiêu chỉ có các con cháu, anh ruột chị Hà và cô Tú viếng, không có bạn hữu, báo chí, truyền thông gì cả. Tro sẽ mang ra biển. Xin cầu nguyện cho chị Hà đi an bình.”*

*Tang gia sẽ không có cáo phó.* Không có gì hết, như xã hội đòi hỏi phải như vậy mới đúng lễ thói. Chị muốn và chọn như vậy – ra đi lặng lẽ,

không ồn ào, phiền toái tới ai hết. Tự dưng tôi mỉm cười. Kể từ ngày bố chị, sau khi nhận giùm chị giải thưởng hạng nhất cho một bài chị viết từ các nhà văn Thanh Nam và Tô Kiều Ngân cất công mang ra từ Sài Gòn, đã gọi chị ra và trao lại cho chị, và nói: “Viết như thế đủ rồi, nghe con.” Từ đấy chị khép mình vào khuôn khổ xã hội đặt định. Cả đời chị, chị đã ghép mình vào khuôn khổ, nề nếp, sống cho người khác, thân và nhiều lúc cả sơ. Chỉ trước cái chết chị dứt khoát chọn cho mình: không cáo phó, không có trò viếng quan tài, không đưa đám, không mọi thủ tục thói thường. Không gì hết.

Tôi có cảm tưởng chị cũng đang mỉm cười, thanh thản chờ giờ lên đường.(\*)



**Trùng Dương** - 2021/07

Chú thích:

(\* ) Chị đã ra đi vào giữa ngày 14 tháng 7, 2021, hưởng thọ 84 tuổi.

Tài liệu: Oral History of Bui Bich Ha

Narrator: Bui, Bich-Ha

Interviewer: Vo Dang, Thuy

Date of Interview: 2012-07-23

Permanent Link To This Item: <http://hdl.handle.net/10575/3273>

## Đừng đến Seattle

**\*\* Lê Hữu \*\***



***Nhà văn Bùi Bích Hà & nhà thơ Trần Mạnh Tú (Seattle, 7/2012)***

Tin chị Hà mất không làm tôi bất ngờ. Không bất ngờ, vì tôi đã chờ đợi cái tin xấu nhất ấy suốt mấy hôm nay. Chúng tôi cùng góp lời cầu nguyện và mong phép lạ nào đến với chị, tuy biết chị khó mà qua được.

Những ngày chờ đợi là những ngày thật dài và nặng nề. Chúng tôi không ai nói với ai lời nào. Sau cùng thì mọi chuyện cũng kết thúc khi chị Tú báo tin đến mọi người. Tôi nhớ mình đã ứa nước mắt, nhưng đầu óc tôi thì trống rỗng.

“Chị Hà vừa mất, sáng nay,” tôi nói thật chậm rãi, để N không phải hỏi lại hay nghĩ mình nghe lầm.

Đang lúi húi trong bếp, N khựng lại, gieo mình xuống chiếc ghế cạnh đấy. Hai vợ chồng cùng im lặng, nhìn nhau, rồi cùng nhìn ra vườn cây ngoài khung cửa sổ. Nắng và gió nhẹ, những tán lá lay động.

Nồi nước sôi sùng sục trào ra, tôi bước lại gần tắt bếp.

“Nếu chị ấy lên đây cuối tháng rồi thì chắc không đến nổi...,” N nói như nói một mình.

Câu nói không mang ý nghĩa nào cả, rơi vào khoảng không. Có vẻ N chỉ buột miệng, để lấp khoảng trống hay vì thương chị Hà mà nói vậy.

“Cũng có khi là vậy,” tôi nói sau phút im lặng, “hay ít ra mình cũng được ngồi ăn chung với chị thêm lần nữa.”

Lẽ ra thì chị Hà đã có mặt ở Seattle cuối tháng rồi, cách đây hai tuần. Chị có cái hẹn lên chơi và N lại có dịp trở tài nấu nướng để khoản đãi chị món bún bò từng được chị khen ngon và đề nghị “tái bản” trong cuộc “họp mặt hậu Covid” chuyên này. Ngon dở thế nào không biết, nhưng chị có cách khen khiến người được khen vui thích và cảm thấy chị khen rất thực lòng.

Gần như mỗi năm chị Hà đều lên chơi Seattle. Chị nói có hai nơi chị vẫn muốn tìm đến như tìm những giờ phút thư giãn hiếm hoi trong cuộc sống luôn bận rộn của chị, Dallas và Seattle. Dallas để thăm người anh cả và Seattle để có những buổi họp mặt đầy tình thân, ngồi giữa những tình bạn ấm áp và dễ chịu.

Thế nhưng, trời lại không chiều lòng người. Gần đến ngày đi thì sức khỏe chị Hà bỗng sa sút và có những biến chứng đáng ngại, lại thêm chỉ số huyết áp tăng cao và trời sực bất thường. Không còn thấy chị háo hức nhắc đến ngày hẹn gần kề, nhưng chị cũng không nói liệu chị có đi được. Tôi biết tính chị Hà, không dễ gì ngăn cản chị “đến hẹn lại lên”. Chị khẳng định giữ lời hứa dù là hứa với một đứa bé. Chị quý bạn bè và được bạn bè quý mến cũng vì cái chí tình ấy.



“Thôi chị Hà ơi,” tôi gọi cho chị và nói, “chị ở nhà đi, đừng có đi đâu nữa. Chị hãy lo mà bảo trọng, mùa dịch vẫn chưa qua hẳn đâu.” Tôi nói thêm khi chị vẫn ngần ngừ, “Đừng lên Seattle nữa. Xin chị không phải băn khoăn, không khi này thì khi khác, ngày còn rộng tháng còn dài mà, lo gì.”

Tôi đoán chị thở ra được một hơi nhẹ nhõm vì có người nói thay cho mình.

“Làm gì mà còn ngày rộng tháng dài,” chị cười. “Quý thời gian đã gần cạn, sức khỏe lại bết bát thế này thì hứa hẹn gì với ai được nữa.”

Rồi chị nói sơ về chứng bệnh của mình. Để trấn an chị, tôi nói chị không phải lo lắng gì nhiều vì chứng này khá phổ biến. Nhiều người cứ bước chân đến bệnh viện, phòng mạch là số đo huyết áp lại tăng cao, về nhà thì chẳng có chuyện gì. Các bác sĩ gọi đấy là hội chứng “white coat hypertension”.

Tôi tìm đọc chị trong những ngày chị nằm im lìm trên giường bệnh. Chị viết về mọi đề tài, mọi góc cạnh, ngóc ngách của đời sống. Chị viết về cái tốt lẫn cái xấu, trong lúc vẫn tìm kiếm và tìm cho bằng được cái tốt trong mỗi con người. Chị khiến người đọc cảm thấy cuộc sống dù có thế nào đi nữa vẫn cứ đáng yêu, đáng sống.

Tôi đọc, vẫn cảm thấy như chưa bao giờ “đọc” hết, hiểu hết được về chị. Chị sâu sắc, chị tinh tế. Ánh mắt chị trông hiền hòa mà cái nhìn thì xoáy sâu như đọc hết được những ý nghĩ trong đầu người khác.

Văn chị êm ả, nhẹ nhàng. Nụ cười chị cũng nhẹ nhàng, và giọng nói chị dịu dàng, mềm mại, lúc nào cũng gượng nhẹ tựa như giọng cô y tá nói với người bệnh. Tôi vẫn gọi đùa giọng chị là giọng “gây mê” hay giọng “thì thảm bên gối”.

Chị được nhiều người yêu, nhiều người ghét, như thể cuộc sống vốn là vậy. Chị nghĩ cho người khác nhiều hơn cho mình và dễ dàng chia sẻ những cảnh ngộ trái ngang, những phận người đen bạc, như thể cuộc đời chị buồn nhiều hơn vui.

Nhớ có lần tôi xúi chị Hà, “Chị viết tự truyện đi. Nhiều người muốn đọc chị lắm.”

“Không ai thích đọc những câu chuyện buồn,” chị nói. “Nếu không mang đến được niềm vui cho người khác thì cũng chẳng nên gieo rắc nỗi buồn.”

Chị Hà là vậy, là nén chặt nỗi đau, là giấu kín nỗi buồn.

Trong một email gửi tôi gần đây nhất, chị nói muốn tìm đọc hai truyện cổ tích, *Hồ Thủy Dương* của Doãn Quốc Sỹ và *Con Chồn Tinh Quái* của Linh Bảo, hai tên truyện mà tôi nhắc đến trong cuộc chuyện trò giữa anh em chúng tôi về hai nhà văn tên tuổi này. Tôi gửi chị cái link để vào đọc trong một trang web và nói, “Những truyện ấy không chỉ là chuyện cổ tích; hoặc, là những chuyện cổ tích cho cả trẻ em và người lớn.” Có ai ngờ đến tuổi này chị lại muốn tìm về những “ngày xưa, ngày xưa” êm đềm trong khu vườn cổ tích.

Đọc chị, tôi đặc biệt yêu thích những bài chị viết về Huế, là địa danh mà một phần đời của chị còn gửi lại nơi chốn ấy, về người mẹ một đời nhọc nhằn, tần tảo vì con, và về cái chết. Chị viết về Huế, về Mẹ bao giờ cũng với tình yêu xót xa, buồn bã, đọc muốn chảy nước mắt. Chị viết về cái chết, thường là của những người thân yêu, bao giờ cũng mang một triết lý bàng bạc.

Có một câu hát trong bài nhạc nào đó chị rất thích và thường trích dẫn, “Chết thật tình cờ, chết chẳng hẹn hò, nằm chết như mơ”. Có lẽ chị cũng

mong được vậy, và chị đã được vậy... Buổi sáng, chị gửi ra một email vui vui cho nhóm bạn hữu với những câu nói đùa ý nhị. Buổi trưa, chị đã nằm im lìm trong nhà thương, và từ đó chị chìm sâu vào giấc ngủ thật dài. Không phải “thật tình cờ”, không phải “chẳng hẹn hò”, không phải “nằm chết như mơ” sao?

Có một câu nói của chị tôi rất thích và muốn đưa vào đây, *“Khi trái tim chúng ta đầy chật thương yêu, không một thứ gì khác có thể len vào được nữa.”*(1)

Câu ấy có thể gọi là “danh ngôn” của chị. Chị đã sống như thế, hay ít ra chị cũng đã muốn sống như thế, sống bằng trái tim đầy chật thương yêu.

Sau cùng, tuy chỉ được quen biết chị khoảng mười năm trở lại đây, tôi vẫn không thể không cảm ơn chị đã cho tôi mỗi giao tình tốt đẹp; hơn thế nữa, mỗi đồng cảm sâu sắc của những lần chia sẻ và cả những lời chị nói ra hay viết xuống như nói giúp tôi điều gì đó tôi vẫn canh cánh bên lòng.

*“Tôi biết rằng nhiều người trong chúng ta, kể cả tôi, cứ mỗi lần dự tang lễ tiễn đưa người thân yêu hay bạn bè, trong lòng luôn có chút hối tiếc về một điều gì đó thiếu sót chưa kịp bày tỏ, chưa kịp làm hay đã chểnh mảng không làm đối với người vừa nằm xuống, nay thì không còn cách nào sửa chữa hay cứu vãn được nữa.”*(2)

Quả đúng như chị nói, trong đời tôi vẫn có lắm thiếu sót, có nhiều làm lỗi. Trong số ấy có những lỗi lầm có thể sửa chữa được hay rút kinh nghiệm để làm cho tốt hơn về sau, thế nhưng thật không may là có những lỗi lầm chỉ đến có một lần, không còn có cơ hội nào để mà sửa chữa nữa đã khiến tôi phải ray rứt và hối tiếc mãi cho đến cuối đời.

Thật may là tôi không có điều gì hối tiếc hay băn khoăn chưa kịp nói với chị. Cũng như chị, giờ đây chị không còn phải băn khoăn về chỉ số huyết áp lên xuống bất thường hay về chuyến đi Seattle như một cuộc hẹn, một lời hứa mà chị đã không thực hiện được.

Chị Bùi Bích Hà, tôi biết chắc rằng chị không còn phải băn khoăn về bất cứ điều gì nữa. Tôi cũng biết chắc rằng chị ra đi thật thanh thản, nhẹ nhàng vì hơn bao giờ hết, đúng như chị nói, “Không một thứ gì khác có thể len vào được nữa.”



## Lê Hữu

- (1) “*Tại sao?*”, tùy bút Bùi Bích Hà
- (2) “*Đi qua đời nhau*”, tùy bút Bùi Bích Hà

## Vĩnh biệt Cô BÙI BÍCH HÀ (1938 - 2021)

TIỄN NGƯỜI – Nhạc: Võ Tá Hân - thơ: HT Thích Thiện Lý

<https://www.youtube.com/watch?v=Hn0yTY2KPB0>



## Cựu học sinh Nguyễn Trãi tổ chức tưởng niệm nhà văn Bùi Bích Hà

**WESTMINSTER, California (NV)** – Một số cựu học sinh trường Nguyễn Trãi, Sài Gòn, sẽ tổ chức lễ tưởng niệm cố nhà văn Bùi Bích Hà vào lúc:

Thời gian: 3PM – 5PM, Chủ Nhật, 18 Tháng Bảy

Địa điểm: East/West Room – City of Westminster, 8200 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683

Thông báo nội bộ của nhóm cựu học sinh này cho biết: “Theo ước nguyện của cô Hà, tang lễ của cô sẽ được cử hành giản dị trong gia đình, sẽ không có sự hiện diện của bạn bè thân hữu. Đó là lý do chúng ta phải làm một buổi lễ tưởng

niệm để các học trò, bạn bè gần xa, các vị thân hữu trong văn giới, các cơ quan truyền thông, các vị giáo sư trong ngành giáo dục, có dịp đến bày tỏ cảm xúc, lòng kính mến, tiếc thương đến một vị giáo sư trung học, một nhà văn, một nhà làm truyền thông, một người bạn tuyệt vời, đó là Giáo Sư Bùi Bích Hà, hơn thế nữa, cô Hà là một người luôn luôn suy tư và gánh vác rất nhiều chuyện của cộng đồng.”

Vì dịch COVID biến thể có thể nguy hiểm, do đó ban tổ chức đề nghị người tham dự thực hiện những việc sau:

- Đeo khẩu trang (mask).
- Rửa tay bằng thuốc khử trùng (sanitizer liquid).
- Giữ khoảng cách xã hội.

Ban tổ chức sẽ cung cấp nước uống.

Mọi chi tiết về buổi lễ tưởng niệm sẽ được thông báo trước buổi lễ.

**Tưởng niệm  
Giáo sư  
Bùi Bích Hà**  
Sinh ngày 11 tháng 1 năm 1938  
Từ trần ngày 14 tháng 7 năm 2021

**Buổi Lễ Tưởng Niệm: Giáo Sư-Nhà Văn Bùi Bích Hà  
Chúa Nhật. Ngày 18 tháng 7 năm 2021. Từ 3:00pm-5:00pm  
Địa Điểm: 8200 Westminister Ave. Westminister, CA 92683  
Trong Khu Tòa Thị Chánh Thành Phố Westminste  
(Lễ tưởng niệm được trực tuyến-Live Stream @ Youtube: [Saigonnewstv](#))**



18 tháng 7, 2021 – Westminster, California USA

Saigon NewsTV thực hiện:

<https://www.youtube.com/watch?v=HB5nhfXfb8c>



Lễ Tưởng Niệm Giáo Sư-Nhà Văn Bùi Bích Hà



2 MC Hương Thơ & Quang



**Mai Đông Thành, Hội trưởng Hội Ái Hữu Nguyễn Trãi**





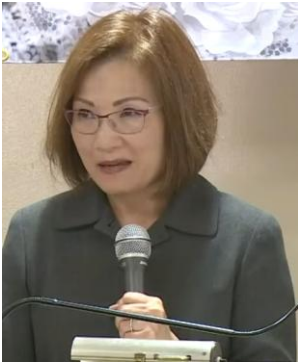
**Quan khách**



**Tang quyến – từ trái: 3 con gái Nhị Hà, Ngân Hà, Hồng Hà; anh: Bùi Huy Đầu...**



## MỘT SỐ DIỄN GIẢ



*Nhị Hà, Mai Đông Thành, GS Nguyễn Trọng Thi*



*Andrew Đỗ, Kimberly Hồ, Hoàng Vĩnh*



*Lê Công Tâm, Christine Lan Anh, Bằng Phong Đặng Văn Âu, GS Quyên Di*





# PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động khi hay tin  
Cựu Giáo sư trường Trung Học Nguyễn Trãi



## Cô BÙI BÍCH HÀ

Đã từ trần ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại Orange County, CA

Xin chân thành chia buồn cùng gia đình.  
Nguyện cầu Hương Linh Giáo sư Bùi Bích Hà bình an về cõi Niết Bàn.

### Thành Kính Phân Ưu

Các cựu Giáo Sư / học sinh trường Trung Học Nguyễn Trãi Sài Gòn

# Lễ tưởng niệm cố nhà văn Bùi Bích Hà đầy kỷ niệm và niềm thương tiếc

Thiện Lê/Người Việt - July 18, 2021

**WESTMINSTER, California (NV)** – Rất nhiều người đến dự lễ tưởng niệm cố nhà văn Bùi Bích Hà hôm Chủ Nhật, 18 Tháng Bảy, tại phòng sinh hoạt của Tòa Thị Chính Westminster, đã không kìm nén được sự xúc động khi chia sẻ rất nhiều kỷ niệm về bà.

Nhà văn Bùi Bích Hà qua đời sáng Thứ Tư, 14 Tháng Bảy, tại bệnh viện St. Joseph, thành phố Orange, miền Nam California, hưởng thọ 83 tuổi.

Trước năm 1975, bà dạy học tại các trường Thoại Ngọc Hầu (Long Xuyên), Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho), Lê Ngọc Hân (Mỹ Tho), và Nguyễn Trãi (Sài Gòn).

Để tưởng nhớ người cựu giáo sư thân thiết nhiều năm, của nhiều thế hệ học trò, Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi Sài Gòn quyết định tổ chức buổi lễ tưởng niệm này. Theo Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi Sài Gòn, lý do tổ chức lễ tưởng niệm là vì nhà văn Bùi Bích Hà khi sinh thời có ước nguyện cử hành tang lễ giản dị trong gia đình, không có sự hiện diện của bạn bè thân hữu. Vì vậy, lễ tưởng niệm là để các học trò, bạn bè gần xa, các vị thân hữu trong văn giới, các cơ quan truyền thông, các vị giáo sư trong ngành giáo dục, có dịp đến bày tỏ tình cảm, lòng kính mến và tiếc thương.

Đông đảo người Việt trong cộng đồng ở Little Saigon và nhiều cựu học sinh Nguyễn Trãi có mặt tại lễ tưởng niệm để tiễn biệt cố Giáo Sư Bùi Bích Hà.



**Nhiều cựu học sinh Nguyễn Trãi và cư dân Little Saigon đến dự lễ tưởng niệm.  
(Hình: Thiện Lê/Người Việt)**

Trước khi lễ bắt đầu, ông Mai Đông Thành, hội trưởng hội cựu học sinh Nguyễn Trãi, nói với phóng viên Người Việt bằng giọng cảm động: “Tôi rất sửng sò khi nghe tin cô mất, nhất là từ lúc biết chuyện cô bị đột quy. Đón tin cô mất rất khó, nhưng tôi thật ra không ngạc nhiên. Bây giờ, mỗi lần nhìn chiếc ghế trống cô hay ngồi tại ‘talk show,’ tôi buồn không tả được.”

Theo ông, Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi được thành lập vào cuối thập niên 1980 với mục đích cho bạn học lâu năm và thầy cô gặp lại nhau. Ông còn kể thường gặp nhà văn Bùi Bích Hà vào những buổi họp mặt Tết Nguyên Đán, và tình thầy trò luôn vững mạnh trong nhiều năm.

Ông Thành còn cho hay, nhà văn Bùi Bích Hà hoạt động trong rất nhiều lãnh vực từ văn học cho đến truyền thông, và còn là một tâm lý gia, lại luôn sẵn sàng bênh vực và bảo vệ lẽ phải.



***Cô Nhị Hà, ái nữ của nhà văn Bùi Bích Hà, kể về thân mẫu.  
(Hình: Thiện Lê/Người Việt)***

Mở đầu buổi lễ tưởng niệm, cô Nhị Hà, ái nữ của nhà văn Bùi Bích Hà, chia sẻ đôi lời về mẹ.

“Xin cảm ơn quý vị đã dành thời gian đến đây để tưởng nhớ mẹ. Bà vừa là mẹ, vừa là bà ngoại hiền lành, luôn thương yêu con cháu. Bà là một người phi thường, trong nhà luôn khéo tay nội trợ. Bà còn là một người thích văn chương, ăn nói hoạt bát, và luôn biết dùng từ ngữ để bày tỏ cảm xúc.”



Không cảm được nước mắt, cô nói mẹ mình là một người hy sinh nhiều thứ cho gia đình, cộng đồng, và cho đất nước.

Cô còn kể mình và các chị em thay phiên chăm sóc mẹ, và mẹ luôn muốn sống gần khu Bolsa để tiện cho công việc.

Đại diện cho các cựu học sinh Nguyễn Trãi, ông Mai Đông Thành lên phát biểu, và cho biết Giáo Sư Bùi Bích Hà là một người vui tính, giản dị.

Ông nói mục đích của lễ tưởng niệm đối với bản thân mình là để nhắc lại những kỷ niệm với bà, một người nổi tiếng trong cộng đồng và được nhiều người kính trọng.

Ông kể kỷ niệm đáng nhớ nhất là nhiều lần mời nhà văn Bùi Bích Hà đi họp mặt nhưng không được vì bà bận gặp một số người bạn lâu năm, rồi bà mang đến cho ông một phần cá nục kho, làm ông “ăn hết nồi cơm.”

Cuối cùng, ông nói: “Cô Hà đi trước, chúng mình đi sau.”

Giáo Sư Nguyễn Trọng Thi, cựu giáo viên của trường Nguyễn Trãi, thì cho biết nhà văn Bùi Bích Hà là một đồng nghiệp luôn được yêu quý.

“Bà không phải dạy học qua ngày, mà lúc nào cũng yêu thương học trò,” giáo sư Thi nói.

Theo ông, nhà văn Bùi Bích Hà là một người thân mật, hiền hòa, và ai cũng tìm đến để được bà giúp gỡ rối tư lòng. “Hôm nay, chúng tôi mất đi một người bạn, một người thầy, mà Nguyễn Trãi có một khoảng trống không bao giờ thay thế được,” ông Thi nói.



**Giám Sát Viên Andrew Đỗ xúc động khi nói về nhà văn Bùi Bích Hà.  
(Hình: Thiện Lê/Người Việt)**

Nhà văn Bùi Bích Hà hoạt động rất nhiều trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, nên có hai dân cử địa phương từng làm việc với bà đến dự lễ tưởng niệm và bày tỏ tình cảm khi hay tin bà ra đi. Hai dân cử này là ông Andrew Đỗ, chủ tịch Hội Đồng Giám Sát Orange County và bà Kimberly Hồ, nghị viên Westminster.

Ông Andrew Đỗ cho hay, ông làm việc với nhà văn Bùi Bích Hà đến nay được 15 năm, đó là một khoảng thời gian rất dài, và đây cũng là thời gian bà giúp đỡ rất nhiều người khác. Vừa nói vừa rơi lệ, ông Andrew Đỗ kể mình được bà giúp đỡ rất nhiều trong 15 năm đó, và sự ra đi của bà là một mất mát quá lớn vì bà giúp người khác tìm được lẽ phải, và luôn sẵn sàng đấu tranh cho lẽ phải.

“Sự ra đi của cô là một mất mát quá to lớn, nhưng tôi không muốn nói lời vĩnh biệt vì cô luôn hiện hữu trong lòng chúng ta,” ông phát biểu.



***Nghị Viên Kimberly Hồ rơi lệ khi nói về nhà văn Bùi Bích Hà.  
(Hình: Thiện Lê/Người Việt)***

Nghị Viên Kimberly Hồ của Westminster cho biết, bà đã quen nhà văn Bùi Bích Hà đến nay được 20 năm, và luôn gọi bà là “chị” vì bà rất khiêm nhường, không bao giờ tự giới thiệu mình là nhà văn hay giáo sư. Sau khi biết được trình độ và danh tiếng của nhà văn Bùi Bích Hà, Nghị Viên Kimberly kể “mình xin đổi xưng hô lại thành “cô.” Theo bà Kimberly, trong nhiều năm quen biết, bà luôn thấy cố nhà văn Bùi Bích Hà đặt quyền lợi chung trên quyền lợi cá nhân để giúp cộng đồng vững mạnh.

Bà Kimberly còn kể mình gọi điện thoại cho bà Bích Hà trong những ngày gần đây, nhưng không ai trả lời điện thoại. Khi có người trả lời thì người ở đầu dây kia không phải là bà Bích Hà, và cho hay bà ngắt xiú.

Cuối cùng, nghị viên nói: “Cô cho mọi người thấy thế nào là phục vụ cộng đồng. Xin cô hãy an nghỉ.”



**Bà Hoàng Vĩnh, tổng giám đốc, chủ nhiệm nhật báo Người Việt, chia sẻ kỷ niệm về nhà văn Bùi Bích Hà. (Hình: Thiện Lê/Người Việt)**

Bà Hoàng Vĩnh, tổng giám đốc và chủ nhiệm nhật báo Người Việt, cho biết nhà văn Bùi Bích Hà từng cộng tác với tờ báo này trong nhiều năm, và nhiều tác phẩm của bà như “Buổi Sáng Một Mình,” “Bạn Gái Nhỏ To” và hai tuyển tập truyện ngắn “Đèn Khuya” đều do Người Việt xuất bản, và rất thành công.

Bà kể mình từng có nhiều kỷ niệm không quên được với nhà văn Bùi Bích Hà như nhiều lần trò chuyện với nhau về công việc, về gia đình, và nhất là về tình mẹ con.

“Tôi biết chị yêu các cháu như thế nào và chị đơn thân để lo cho các con trên một đất nước xa lạ sau khi đi vượt biên. Chị tuy rất bận, nhưng tôi gọi điện thoại thì chị chưa bao giờ không trả lời cả,” bà Hoàng Vĩnh nói.

Cũng như những người phát biểu trước, bà Hoàng Vĩnh cho hay, nhà văn Bích Hà là một người dũng cảm, đầy nghị lực, và tranh đấu theo đuổi lý tưởng “đanh thép không ai bằng.”

Cuối cùng, bà Hoàng Vĩnh nói: “Tôi luôn coi bà như một người chị, và chị có một trái tim vĩ đại, luôn muốn ôm cả thế giới, và chị làm cho thế giới đáng sống hơn. Em và mọi người vĩnh biệt chị.”

Trong buổi lễ còn nhiều người nữa, từ các cựu học sinh đến dân cử địa phương hay những người từng cộng tác trong công việc, ai cũng muốn chia sẻ nhiều hơn những tâm tình dành cho cố nhà văn Bùi Bích Hà. Và, nhiều người cũng đã không cầm được nước mắt khi kể lại những kỷ niệm về cố nhà văn hay những cống hiến của bà cho cộng đồng. [kn]

**Thiện Lê/Người Việt**



## TIỄN BẠN HIỀN

**\*\* Ngọc Hạnh \*\***

Tôi rất buồn, bàng hoàng khi được em Thành và Quang, cựu học sinh Trung Học Nguyễn Trãi cho hay chị Bùi Bích Hà vĩnh viễn ra đi sau tuần lễ nằm bệnh viện do đột quy, chảy máu não. Chị là nhà giáo, nhà báo, nhà văn, người gỡ rối tơ lòng, là người để "Bạn Gái Nhỏ To". Tôi quen biết chị gần nửa thế kỷ, cùng dạy học chung một trường cho đến ngày định cư Hoa Kỳ. Chị ra đi để lại bao thương tiếc cho gia đình, đồng nghiệp, môn sinh, thân hữu, văn hữu... Làng văn, làng báo Việt Nam hải ngoại, đài phát thanh mất đi cây viết, tiếng nói quen thuộc. Tôi không phải nhà văn nên không trình bày đầy đủ lòng mến tiếc với nhà giáo tận tâm, nhà văn dễ thương như chị Bích Hà và cũng không đến tận nơi đưa tiễn chị hay dự lễ Tưởng Niệm như mong muốn. Dịch cúm Covid còn hiện diện, chưa chịu biến mất, tuy ít hơn trước nên xin dùng bài viết dưới đây như tưởng nhớ người bạn, người đồng nghiệp thân mến về nơi an lạc vĩnh hằng...

THƯ CHO BẠN,

Bạn thân mến,

Hôm nay trời âm u không nắng, ngồi nhà mở vi tính thấy điện thư các em học sinh cũ hỏi thăm và mời đi dự Đại hội trường Trung học ngày xưa. Các vị tổ chức Đại Hội là cựu học sinh của trường. Nhiều em nay đã có cháu nội, ngoại, nên danh phận, có người nghỉ hưu nhưng vẫn tha thiết ngày Đại hội đến để hàn huyên chuyện trò với đồng môn, thầy cũ sau những năm tháng dài xa cách. Các em ở hải ngoại hay trong nước cũng

ghi danh tham dự Đại Hội. Sự nhộn nhịp, điện thư qua lại của các em trên diễn đàn làm cảnh trí nhà trường, các sinh hoạt học đường, nhân viên, giáo chức trường cũ như hiện lên trước mắt, dù mình rời trường gần 40 năm. Mình lan man nhớ chuyện xưa, nhớ các trường lớp có tinh thần trách nhiệm, các học sinh giỏi và các em hay quậy, ít khi nộp bài đúng hạn. Nhớ các em lớp 11 đến từ già để lên đường nhập ngũ đánh giặc Campuchia, có em sống sót khỏe mạnh trở về nhà, có em bị thương nhẹ nhưng cũng có em vĩnh viễn ra đi để lại nhớ thương cho gia đình, cha mẹ thương yêu. Thương lắm những khi các em sắp xếp thì giờ đưa vợ đến chào cô giáo cũ... Hình ảnh các nhân viên văn phòng tươi cười, bác lao công chăm việc, người đánh trống đổi giờ và các giáo chức mình thường trò chuyện lại hiện ra trước mắt.

Trong bao nhiêu vị ấy mình nhớ nhất một người dù xa cách đã lâu nhưng mỗi khi nghĩ đến mình vẫn thấy ấm áp như lúc cùng làm việc chung dưới một mái trường. Mình muốn nói đến vị giáo sư Pháp văn đã được chuyển về Saigon từ Trung Học Mỹ Tho, một trong những trường Trung học lớn ở tỉnh lỵ miền Nam. Người thanh tú, dáng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, tươi cười, cởi mở, vị giáo sư này dễ gây cảm tình với mọi người, mình có lẽ là người bị chinh phục trước tiên. Vị giáo sư này học và tốt nghiệp ở Huế nhưng nói tiếng Bắc vì thân phụ là người miền Bắc. Mình thích nghe giọng Bắc êm ái như chim hót của vị đồng nghiệp mới.

Bạn ạ, nhớ lại sau 1975, mình được tiếp xúc, chuyện trò với nhiều người miền Bắc vào thời kỳ khó khăn đối với tất cả mọi người từng sinh sống hạnh phúc trong miền Nam an bình trù phú. Mình nhớ chị Bích Hà, cô bạn Bắc Kỳ. Chị vui vẻ, có phản ứng bén nhạy, tư tưởng vững vàng, có lòng tự tin nên chuyện trò với chị thấy an tâm, lạc quan hơn vào lúc không biết

tin ai, tâm sự với ai, anh xã thì đi tù cải tạo. Nay đến xứ tự do, chị em chúng tôi không còn đứng trên bục giảng nữa. Chị Bích Hà thành “chuyên viên gỡ rối tơ lòng” cho độc giả một tờ báo lớn ở Hoa Kỳ.

Xin được nhắc lại: trước năm 1975 mình đi dạy học có anh xã hay vị đồng nghiệp gần nhà đưa đón. Khi vị đồng nghiệp thuyên chuyển qua trường khác, anh xã mình bị tù, chị Bích Hà là vị cứu tinh của mình vì đường xa, xe công cộng hiếm, họa hoằn mới có một chiếc xe lam chạy ngang thường đã đầy khách. Chị Bích Hà tình nguyện làm tài xế không công, đưa đón mình cả năm cho đến khi mình được chuyển về nhiệm sở gần nhà. Bích Hà có con mọn nhưng cũng chịu khó đưa đón mình. Chị cho biết “ở nhà có mẹ và u già trông nom khi các con bạn không ai lo...”. Nghe Bích Hà nói mà thương và muốn... khóc, thương bạn, thương mình. Mẹ Bích Hà đã già, tóc bạc trắng xóa nhưng trông cụ phương phi đẹp lão.

Còn nữa, khi mình đi thăm anh xã ở trại cải tạo tỉnh nhỏ xa xôi hay miền quê vắng vẻ, chị là người xung phong đứng lớp thay cho mình trong khi những đồng nghiệp khác ai cũng mong hết giờ về nhà với gia đình. Vả lại nếu dạy lớp lạ, không giỏi chuyên môn và kinh nghiệm thì khó giữ cho học trò yên lặng, không làm phiền các lớp bên cạnh. Bích Hà có biệt tài, chị là giáo sư Pháp văn nhưng với cách nói hấp dẫn, chị dạy Việt văn ngon lành, học trò ngoan ngoãn, lớp êm phăng phắc, say mê nghe chị giảng.

Khi đến Hoa Kỳ chị là nhà văn, nhà báo, người gỡ rối tơ lòng, không theo nghề dạy học nữa. Theo mình, chị Bích Hà là người có tài và có tình, hay giúp đỡ người khác. Không phải riêng mình, các vị trong trường khi có chuyện gì cần như đi thăm gia đình ốm đau là Bích Hà sẵn sàng. Lúc nào



Bích Hà cũng tươi cười, chẳng thấy chị than khổ. Phu quân Bích Hà vượt biên hay đi đâu mình không rõ, không thấy anh về nhà. Lương giáo chức ít ỏi so với ngày xưa, ngoài việc đi dạy ban ngày, tối còn đi họp tổ dân phố. Nhà có mẹ, u già và con mọn, gia đình chỉ còn toàn phụ nữ và trẻ con, tình cảnh bi đát như thế ai mà không lo rầu nhưng chị Bích Hà vẫn tỉnh bơ, chị lại còn an ủi và động viên khi thấy mình phiền muộn, xuống tinh thần.

Có thể bạn lấy làm lạ sao mình không xin đổi về trường gần nhà để khỏi phiền chị Bích Hà? Thưa có xin chứ ạ, nhưng lần nào ông Hiệu Trường tiếp thu cũng phê “đồng ý nếu có người thay thế”. Xăng dầu hiếm, mua vở xe đạp còn khó, ai muốn đi làm xa? Nhớ lại thời kỳ đó, mình vẫn còn cảm thấy hãi hùng. Mình còn học được cách cư xử cho gia đình êm đẹp của Bích Hà, không chén đĩa bay khi có chuyện bất hòa. Phu quân chị là người đào hoa bay bướm, có bạn gái. Khi cô ấy gọi tới nhà, Bích không gỡ đường dây điện thoại, không la hét om sòm, chị chỉ nhẹ nhàng bảo phu quân “Anh hãy nói cô ấy gọi anh nơi khác vì em không muốn để các con nghe thấy anh chuyện trò với cô ấy.” Bích Hà không to tiếng, làm âm ỉ dù rất buồn trong lòng. Khi chia tay với chồng, chị vẫn gọi anh, xưng em ngọt ngào như xưa làm mình ngạc nhiên, có lần mình đã hỏi chị “Hai bạn chia tay thật hay giả đấy?” U già là người giúp việc là cho phu quân chị từ lúc anh còn độc thân nhưng U thương mến chị còn hơn ông chủ, trông nom việc nhà, săn sóc các cháu bé. Chị cũng thương u già, lo thuốc thang cho u lúc ốm đau và chôn cất U khi qua đời.

Mình thú vị biết được phong tục miền Trung qua gia đình chị Bích Hà. Cha chị là một thương gia thành công, cưới 3 người vợ, mẹ chị là vợ thứ 3, bà cả không con, bà thứ 2 hình như chỉ sinh con gái – mình không còn

nhớ rõ, mẹ chị sinh con trai bụ bẫm đầu lòng nên rất được bà Cả yêu thương bắt gọi là mẹ. Còn Mẹ ruột chị thì gọi là “Vú” trông nom các anh em chị. Bà Vú là người chăm sóc anh em Bích Hà cẩn thận với tấm lòng người Mẹ. Chị sợ Mẹ và thương Vú lắm dù lúc nhỏ không biết đó là mẹ mình cho đến khi khôn lớn. Bà Cả rất yêu quý anh chị nên Anh cũng tưởng bà là mẹ ruột. Đó là nề nếp gia đình giàu có đất thần kinh, cưới vợ lẽ cho chồng nếu vợ Cả không con trai, thế mà ba bà vợ sống chung hòa bình.

Hôm nay nơi xứ người, mình nhớ Bích Hà vô cùng. Nhớ khi mình được đổi về trường khác gần nhà, tuy không phải đèo mình đi về mỗi ngày nhưng thỉnh thoảng Bích Hà cũng tạt ngang, nói vài câu chuyện, xem mình có bình an không. Bích Hà bảo mình cả tin, khó sống trong xã hội đầy cạnh tranh, ít người thật thà... Đến xứ tự do, Bích Hà và mình mỗi người ở một tiểu bang xa tít mù tắp, người nào cũng bận việc mưu sinh, chẳng mấy khi gặp gỡ nhau, có chăng là qua điện thư nhưng mình vẫn nhớ lòng tốt và yêu mến Bích Hà như xưa. Nếu bạn đọc đến dòng chữ này nghĩ mình “cải lương”, hay thương nhớ cũng chẳng sao. Mình chúc bạn Bích Hà, và các phụ nữ VN được nhiều may mắn, có hạnh phúc gia đình, có cuộc sống sung túc... Mình cũng cầu chúc các anh chị đồng nghiệp cũ, các cựu học sinh, quý anh chị nhân viên văn phòng, đồng bào trong nước và hải ngoại từ thành thị đến thôn quê thành công tốt đẹp trong mọi việc.

Bên ngoài nắng vàng lên rực rỡ, trời hết âm u. Bạn thấy không, người Việt Nam may mắn khi được định cư bình an ở đất nước văn minh và tự do. Tuy khó khăn lúc đầu khi mới đến xứ người nhưng với trợ giúp của nhà nước Hoa Kỳ và cố gắng bản thân, các con của Bích Hà đều thành

đạt như phần lớn đồng bào Việt Nam di cư, không kể những vị làm vẻ vang dân Việt như tướng Lương Xuân Việt, khoa học gia Dương Nguyệt Ánh...

Hy vọng các con em Việt Nam đều có tương lai tốt đẹp, có tình thương yêu giúp đỡ nhau lúc khó khăn như cha ông ta ngày xưa, như lời nhắc nhở các vị linh mục, các vị tu hành và như chị ... Bích Hà.

Mình cũng không quên chúc Đại hội trường cũ thành công tốt đẹp, đại gia đình Trung học Nguyễn Trãi có buổi họp mặt vui vẻ cho đáng công các em từ tiểu bang xa hay quốc gia khác đến tham dự, bỏ công Ban tổ chức tốn nhiều thời giờ và công sức tập tành, đưa đón...

**Ngọc Hạnh** Virginia USA



*Từ phải: Bích Hà, Ngọc Hạnh ...*

## **TIỄN BẠN BÙI BÍCH HÀ**

**Vĩnh biệt Bích Hà người bạn hiền  
Giã từ bằng hữu về cõi tiên  
Môn sinh đồng nghiệp nhiều thương tiếc  
Báo chí văn chương hết nợ duyên**

**Chúc bạn thong dong nơi tịnh yên  
Vào nơi an lạc chẳng ưu phiền  
Thiên đường hạnh phúc xin cầu chúc  
Hoa thơm cỏ lạ chốn thần tiên**

**"Phụ Nữ Gia Đình" làm Chủ Nhiệm  
"Bạn Gái Nhỏ To" giúp trí yên  
"Hạnh Phúc Có Thật" nhiều độc giả  
"Buổi Sáng Một Mình" vui thiên nhiên**

**Thương lắm Bích Hà người đi trước  
Dọn sẵn đường đi kẻ đến sau...  
Tiếc nhớ đôi hàng gởi bạn hiền  
Sau trước rồi ta sẽ gặp nhau.**

Virginia, ngày 14 tháng 7 năm 2021

**Ngọc Hạnh**



Cảm ơn anh Phan Anh Dũng báo tin.  
Thanh Trí rất đau buồn.  
Hôm qua nghe tin chị Bùi Bích Hà ở nhà thương,  
nay chị đã qua đời.  
Thanh Trí đau buồn lắm.  
Cầu xin chị Bích Hà sớm về Cõi Phật.  
Thanh Trí ở xa xuôi quá. Thương quý chị Bùi Bích Hà.



**Thanh Trí vẽ tặng Bùi Bích Hà năm 2005**

# Đi đâu... Về đâu...

**\*\* Trần Mộng Tú \*\***

*(Gửi theo Bùi Bích Hà)*

Đến một tuổi nào đó, bạn nhận thức được rõ ràng hơn về nỗi chết. Bạn biết, nếu không bị bệnh hiểm nghèo lúc trẻ thì tuổi sống của bạn cũng không bao giờ là vĩnh viễn được.

Bạn đã đến, đã nhập cuộc, đã hoàn tất cuộc chơi, dù hoàn hảo hay vụng về, bạn cũng phải buông tay, rũ áo... ĐI !

Bạn và người thân yêu của bạn sẽ phải rời nhau ra, sẽ phải tách ra... Đi về hai phía.

Đi đâu? Nào ai biết mình hay người thân của mình sẽ đi về đâu? Bùi Bích Hà, người bạn thân của tôi, hơn tôi 6 tuổi. Chị thông minh, trí tuệ, là người hoạt bát, năng nổ, giọng nói ngọt ngào, hiểu biết và tháo vát. Lịch trình sinh hoạt của chị bao giờ cũng đầy ắp. Chị nói như chim hót trong vườn không hề lạc giọng, chị là một trong những tiếng nói được nhiều người mến chuộng của cộng đồng Nam Cali. Chị làm việc như một con ong thợ, không biết đến mệt mỏi. Chị cứ tiếp nối năm này qua năm khác, không hề nghĩ đến chuyện từ giã cái sân khấu cuộc đời. Chị quên đếm sinh nhật đời mình.

Tình bạn của chúng tôi suốt hơn ba mươi năm, cười khóc với nhau. Dù chúng tôi không sống chung một thành phố, nhưng chúng tôi đã cùng viết văn, làm báo với nhau một thời gian khá lâu (Nguyệt San Phụ Nữ Gia Đình – Người Việt). Khi hết làm báo chung, chúng tôi vẫn mỗi năm gặp nhau một tuần, thường là tôi xuống Cali với chị, đôi ba năm chị lên Seattle với tôi. Chúng tôi cùng cười, nói, họp bạn với những người bạn chung, nhưng tối về, hai chị em vào một giường trò chuyện, chia sẻ những chuyện riêng trước khi ngủ. Chuyện mà mình không nói được với ai, chỉ có thể nói với nhau. Chị cười giòn giã với mọi người nhưng tôi là người

duy nhất chị có thể gục khóc trên vai, chia sẻ những điều rất đỗi riêng tư mà ngay cả với gia đình, cũng không chia sẻ được. Tôi có nói chơi với chị một lần:

- Vai trái của em cho chị cười, vai phải của em cho chị khóc, vì vai phải mạnh hơn, kiên cường hơn.

Chúng tôi cũng có lúc tranh cãi nhau, bất đồng suy nghĩ nhưng chúng tôi nhanh chóng quên ngay sự trái ý đó vì cả hai chúng tôi đều nhân nhượng nhau.

Chị bao giờ cũng ngủ trước tôi, có khi đang nói chuyện, không nghe chị trả lời, biết là chị đã trôi vào giấc ngủ và chị ngủ thật sâu như một đứa trẻ, chứng tỏ chị có cái tâm của trẻ thơ. Tôi hay nói đùa, chị ngủ ngon như một củ khoai nướng.

Sống xa nhau, nhưng chúng tôi thư từ, tin nhắn, điện thoại gần như mỗi ngày. Bỗng một hôm nhận tin nhắn không từ chị: Chị bị ngã và máu chảy trong đầu, rồi tới tấp những tin dữ theo sau... Cuối cùng chị nằm im, máu ngưng chảy trong đầu, tim không đập nữa... Chị đi thật rồi, đi xa lắm rồi... Hai bờ vai tôi rồi đây, sẽ trống trải cô đơn vô cùng, vai nhớ những tiếng cười, vai nhớ những giọt nước mắt của chị.

Thôi nhé Bích Hà, dòng sông xanh từ nay chảy ra biển lớn, chảy về đâu, đi tới đâu, nào ai biết được. Tiếng chim ca trên mặt nước đã thảng thốt chìm.

Thượng Đế đang đứng đón chị ở đường chân trời, nơi cái quàng đỏ từ từ lặn xuống. Từ nay, mỗi lần nhớ chị, em sẽ nhìn về khúc quanh của ngã ba sông nước trước cửa nhà em và hình dung ra chị đang theo sông ra biển.

Chị đi bình an nhé.

## Ngày tiễn Bùi Bích Hà

Con sông xô xao chảy  
Cánh chim nhỏ bay ngang  
Dòng nước xanh vỗ sóng  
Tiếng chim như lạc đàn

Trôi đi trôi đi nhé  
Nước lặng lặng trôi xa  
Có tiếng cánh chim đập  
Giữa sông nước bao la

Có cả tiếng chim ca  
Thả rơi từng âm điệu  
Tiếng chim và tiếng nước  
Bật khóc trên dòng sông

Dòng sông một đời chảy  
Cánh chim một đời bay  
Tiếng chim một đời hát  
Thả xuống đời xô xao

Chiều nay con nước đứng  
Tiếng chim thảng thốt... chìm.

*Ngày 14 tháng 7 năm 2021*  
**Trần Mộng Tú**

## Hôm Nay Mùa Hè Này

*Gửi theo Bùi Bích Hà*

Hôm nay  
Mùa Hè này  
Trong ngôi nhà này  
Tôi đi qua

Tôi đi lại  
Chạm tay vào kệ sách  
Chạm tay vào chiếc bàn trong góc bếp  
Chạm tay vào tách trà  
Cái bát ăn cơm  
Ly cà phê buổi sáng  
Tôi nhìn thấy những khung ảnh trên tường  
Cái máy điện toán  
Chiếc bàn phấn son  
Tủ quần áo  
Những đôi giày...

Từng cái  
Từng cái một  
Tất cả rồi sẽ được mang cho  
Quần áo người khác mặc  
Giày người khác sẽ đi  
Cây son se mình lại  
Hộp phấn bay mùi hương  
Chữ nghĩa trên trang sách  
Lệ nào thấm từng chương

Ngôi nhà rồi sẽ rỗng  
Trống như một nỗi không

Sẽ là lần cuối  
Ngày này  
Lần này  
Mùa hè này  
Tất cả sẽ khép lại

Tôi gạt nước mắt bỏ đi  
Nắng Cali cháy se từng ngọn cỏ.

**Trần Mộng Tú**





**Đường lên Mt. Rainier-Seattle. (Hình: Trần Mộ Tú)**

# Ngày hết hạn bất ngờ

## \*\* Hương Thơ \*\*

Mọi thứ trên đời đều có ngày hết hạn. Nhưng trong đại dịch, nhiều người đã đau đớn tột cùng khi phải đối diện với những ngày hết hạn bất ngờ của đời người và những biệt ly không lời từ biệt.

Tôi quen chị gần 25 năm, từ một cơ duyên và tương giao đặc biệt. Chị vừa là người bạn vong niên, người cộng sự, người chị, người Mẹ và người Thầy (mentor) mà tôi rất quý mến và kính trọng. Những năm tháng dài quen biết và làm việc bên nhau với chương trình Phụ Nữ Ngày Nay của SGTV cùng nhiều sinh hoạt khác, chúng tôi đã chia sẻ nhiều vui buồn và thử thách, cũng có lúc giận hờn và bất hòa, nhưng không bao giờ sống vắng nhau lâu.

Chị là chỗ dựa tinh thần giúp tôi trưởng thành trong suy nghĩ, trong cách sống và trong công việc. Dù vóc dáng nhỏ nhắn, chị lại luôn là nơi tôi tìm đến để được chở che, an ủi và bám víu trong những lúc chới với khi tuyệt vọng, chán chường. Tôi học từ chị: lòng đam mê và nhiệt huyết khi làm việc, tình yêu với chữ nghĩa, tình yêu dành cho tha nhân và cuộc sống; nhờ đó tôi đã trưởng thành và tự tin hơn.

Mỗi tuần trước đại dịch, chị và tôi và hai người bạn cao niên đều đặn gặp nhau, truyện trò, ăn uống, và để “tâm tình với Thái Hà.” Chỉ cần gọi một cú phôn, tôi chạy ngay đến chị hay ngược lại. Nhưng những ngày tháng gần đây, sức khỏe chị giảm sút hẳn và cú phôn sau cùng nhận được của chị là vài ngày trước khi chị bị ngắt trong nhà. Chị than thở là cảm thấy buồn và muốn tôi đến chở chị đi thăm bạn bè để ăn uống và trò chuyện. Không ngờ rằng đó là lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau và là lần cuối cùng tôi được đỡ chị lên và xuống xe.

Vào buổi chiều định mệnh, chị lỡ một buổi hẹn, tôi mang thức ăn đến nhà, gõ cửa, không ai mở, gọi phôn không ai bắt. Và đó là cú phôn tôi gọi chị

cuối cùng mà chị không trả lời. Rồi tiếp theo là những đêm dài mất ngủ, cầu nguyện mong phép lạ xảy ra, khi chị rơi vào cơn hôn mê trong bệnh viện.

Rồi cái ngày hết hạn không chờ cũng đã đến, dù không tin cũng đã thành sự thật. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa ra khỏi cảm giác thảng thốt, bàng hoàng và lạc lõng, như vừa đánh mất một thứ gì vô cùng quý giá và quan trọng nhất trong đời, vì chị chính là người Mẹ thứ hai của tôi sau khi tôi mất Mẹ.

Em sẽ ghi nhớ những lời chị vẫn thường xuyên dặn dò mỗi khi chúng ta gặp nhau, như lời chị đã viết trong tập truyện ngắn “Đền Khuya:” “Đường trần gian sỏi đá, hãy nghiêng vai trút xuống mọi hành trang của mỗi chặng đường qua, cho nhẹ thân phù thế. Hãy ngợi ca tình yêu, từ mỗi sớm mai qua từng buổi chiều như thời gian dệt toàn bằng sợi tơ yêu thương êm ái. Và, bởi vì con đường nào cũng sớm muộn dẫn tới biệt ly, hãy biệt ly nhau trong vòng tay yêu thương, ngay trong gặp gỡ và cả khi rời nhau.”

Tạm biệt chị, người Mẹ tinh thần của em, em yêu quý và thương nhớ chị vô cùng.



**Nhà văn Bùi Bích Hà (trái) và Hương Thơ. (Hình: Hương Thơ)**

# MỘT CHÚT TÌNH

**\*\* NGUYỄN LÂN \*\***

*Để nhớ nhà văn Bùi Bích Hà*

Giật mình khi Nhã Lan, xưởng ngôn viên Little Saigon Radio và Hồn Việt TV hốt hoảng “Thầy ơi! Chị Bùi Bích Hà đang trong tình trạng hôn mê ở bệnh viện!”. Rồi cô học trò Gia Long kể kể chị Bích Hà ngã xuống một mình trong nhà và được phát giác ra quá chậm, sự di chuyển vào giờ tan sở còn trì trệ thêm nên dù đã mổ não để hút máu cục bầm đen cũng không cứu nổi cây viết tài hoa ấy.

Được biết chị hơn mười tám năm về trước, mùa hạ 2003 khi ra mắt sách *Sôi Nổi* tại miền nắng ấm Nam Cali. Đặng Thơ Thơ, cô cháu tôi tổ chức cùng với Hội Ái Hữu Gia Long mời rất đông quan khách tới dự. Số ghế ngồi không đủ. Hôm ấy là một ngày đẹp trời. Những người có phận sự trên sân khấu toàn là những người có tiếng tại quận Cam: giới thiệu tác giả - nhà văn Đặng Thơ Thơ, giới thiệu sách - nhà văn Phạm Phú Minh, MC Việt Dzũng, các ca sĩ là những bông hoa xinh đẹp có giọng ca truyền cảm của “Nhà Rông” và chính tác giả cũng phải đọc diễn một đoạn trong thi kịch “Hận Nam Quan” của thi sĩ Hoàng Cầm. Đặc biệt nhất, từ bao năm qua, miền nắng ấm Cali, cái nôi của văn hoá Việt hải ngoại chưa

từng có tiết mục hội thoại: hỏi và đáp. Đây là màn lôi kéo cảm quan người tham dự giữa tác giả Nguyễn Lân và nhà văn, nhà báo Bùi Bích Hà.



Đây cũng là lần đầu tôi trình diện đưa con tinh thần mà cũng là lần đầu ngồi trên sân khấu để “bị phỏng vấn” với những câu hỏi không

được biết trước với một người chưa từng gặp!

Cô cháu Thơ Thơ của tôi sắp xếp chương trình ra sao tôi cũng không để ý. Lòng hồi hộp bước lên sân khấu diện đối diện với chị Bùi Bích Hà. Trông chị rất ung dung tự tại. Vậy thì tôi không có quyền lộ vẻ lúng túng. Tuy nhiên, vừa ngồi xuống ghế, tôi vẫn nói “Chị ơi! Tôi đương hải đây!” . Chị cười tươi “Thưa Giáo Sư, chúng tôi ai cũng biết tiếng và hâm mộ Giáo Sư”. Ngày hôm đó, còn xa lạ... cho tôi cảm giác mình sắp trả bài như thuở đi học. Mấy phút bối rối lúc đầu qua đi... chúng tôi thao thao... kể tung, người hứng thật sôi nổi như đề tựa cuốn truyện. Quan khách lắng nghe, lặng nhìn thích thú. Thành công! Từ ngày ấy, tôi bắt đầu tìm đọc những tác phẩm của chị vì tôi đã mến mộ chị.

Bảy năm sau, cuốn sách thứ hai của tôi - *Tìm Một Cõi Về* được đưa tới trình diện dân Việt quận Cam Nam Cali. Lần này đã biết khả năng của chị, đã thích thú với lối dẫn chuyện, với giọng rõ ràng trôi chảy một cách tự nhiên, với vẻ hấp dẫn, người nghe tìm đến không chỉ mua vui mà còn để học hỏi, thâm tâm tôi muốn chị là người giới thiệu sách. Nhưng vì một chuyện không may ngoài ý muốn, trưởng ban tổ chức - thi sĩ Nhật Phương phải mời người có bằng cấp cao nhất trong ngành giáo dục ở quận Cam để minh chứng *Tìm Một Cõi Về* là cuốn truyện có đạo lý! Giữ vai trò giới thiệu sách, chị Bích Hà đành lại phải chơi trò vấn đáp với tác giả Nguyễn Lân. Hình như chị có hơi phật lòng. Tôi cũng buồn. Nhưng đành phải vậy! Cuộc đời nhiều khi không đúng ý nhưng mình vẫn phải tiếp tục theo!



Vì ngán lên sân khấu nhiều lần ngày hôm ấy, tôi hỏi chị có bằng lòng mục hội thoại kể hỏi người đáp đứng dưới sân khấu không. Chị đồng ý. Chị đưa ra ba câu hỏi đầu tiên. Sau đó là

khách tham dự được quyền chất vấn tác giả. Tôi nhớ chị hỏi tại sao tôi chỉ bắt đầu viết văn khi tuổi đã ngoài sáu mươi và có phải vì là dòng dõi Tự Lực Văn Đoàn mà tôi viết, tôi có dựa vào tiếng tăm của thân phụ - nhà văn Hoàng Đạo không? Tôi thấy chị thích thú khi tôi trả lời “cây dù Tự Lực Văn Đoàn lớn thật, danh tiếng Hoàng Đạo bền vững với thời gian nhưng tôi vẫn ngo ngoe tránh cây dù đó và vẫn ti toe tìm cách vượt lên bằng sức mạnh của chính mình”. Chị cười sảng khoái hài lòng. Chắc vì chị khoái hai danh từ “ngo ngoe” và “ti toe” mà tôi vừa thốt. Sau này chị có bảo: “những từ đó dí dỏm mà thành thật.” Ai bảo là Bùi Bích Hà khó tính? Chị vẫn có chút tiểu tâm trong huyết quản như... tôi. Nhưng văn tài vượt trội hơn tôi, nổi tiếng hơn tôi, và cũng nhiều kẻ ganh ghét, thù hận hơn tôi. Kẻ thù không đội trời chung là một cây viết duyên dáng hạng nhất ở hải ngoại BBT. Cả hai cùng tài hoa nhưng với nhận xét khách quan của tôi, chị Bùi Bích Hà là người có tâm hơn. Đó là cảm tình của Nguyễn Lân dành cho một phụ nữ cứng cáp, can trường trong làng viết: nhà văn Bùi Bích Hà.

Làm gì mà tôi chẳng sửng sốt bàng hoàng khi biết chị đang trên bờ sinh tử. Một chút tình vẫn trong tôi yên lặng nhưng bây giờ nổi bùng lên trong lo âu. Chỉ còn biết cầu xin...

Bây giờ chị đã lìa đời. Ra đi lặng lẽ, âm thầm, một mình. Nhưng chị không phải chịu những cơn đau rũ liệt, không quần quai trên giường bệnh, không làm phiền tới người thân tận tụy săn sóc. Chị ra đi trong thanh thản. Ước vọng của chị thật giản dị mà đẹp vô cùng: không cáo phó, không phân ưu, không thăm viếng. Thi hài hỏa thiêu xong, tro tàn rải ra biển ... “Thân cát bụi trả về cát bụi”. Nguyện cầu hương linh chị sớm về cõi Phật.

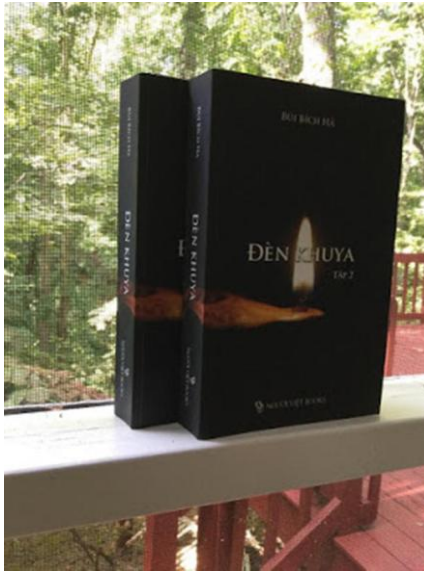
Sẽ có ngày gặp lại nhau.

**NGUYỄN LÂN**

# Đèn khuya vụt tắt

**\*\* Nguyễn Tường Thiết \*\***

Tin chị Trần Mộng Tú báo cho chúng tôi biết chị Bùi Bích Hà bị bất tỉnh thình lình tại nhà và được đưa vào bệnh viện trong tình trạng hết sức nguy kịch đến với tôi ngay giữa lúc tôi đang đọc tác phẩm Đèn Khuya của tác giả Bùi Bích Hà.



Lúc ấy tôi đang ở nhà anh Việt, ông anh cả tôi, tại tiểu bang Virginia. Đầu tháng Bảy chúng tôi rời Seattle bay qua miền Đông và ở đó hai tuần lễ, nhân dịp giỗ thứ 58 của thân phụ chúng tôi, nhà văn Nhất Linh. Trên giá tủ sách nhà anh Việt có hai quyển sách dày, bìa màu đen, chính giữa khung đen nổi lên một khoảng sáng nhỏ của một ngọn nến với hai chữ Đèn Khuya cắt ngang. Tôi biết chị Hà đã cho xuất bản tác phẩm sau cùng này của chị vào năm 2018 nhưng tôi chưa có dịp đọc. Bây giờ là thời gian nhàn nhã lý tưởng để nghiền ngẫm tác phẩm này, nhưng khi tôi đang đọc

gần hết tập I thì tin chị phải vào bệnh viện làm tôi không có tâm đầu để đọc tiếp. Chúng tôi email cho nhau và cùng cầu nguyện cho chị thoát cơn hiểm nghèo. Nhưng buổi sáng ngày 14 tháng Bảy, trong lúc ngồi chờ máy bay ở phi trường Charlotteville để trở về Seattle, tôi giở email và được tin chị Tú cho biết chị Hà vừa qua đời. Ngọn đèn khuya vụt tắt. Chị chọn ra đi đúng vào ngày “Quatorze Juillet” là ngày lễ lớn của Pháp có lẽ vì chị Hà hồi nhỏ học trường Tây, chị thấm nhuần văn hoá Pháp, những ngọn pháo bông sáng rực bầu trời Paris rồi lịm đi trong bóng đêm như chào đón và tiễn đưa chị qua bờ một thế giới khác.



**Bà Bùi Bích Hà (phải)**

Đối với riêng cá nhân tôi cũng như đối với đại gia đình chúng tôi chị Bùi Bích Hà không những được xem như một người thân lâu năm, mà còn được xem như “người nhà”. Tôi không rõ bắt đầu từ khi nào chị đi vào gia đình Nguyễn Tường chúng tôi như một người thân quen, có lẽ bằng con đường văn của chị. Trong bài “Tưởng nhớ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam”, tác giả Bùi Bích Hà viết: “Năm tôi mười bảy tuổi, do nhà văn Duy



Lam Nguyễn Kim Tuấn (lúc bấy giờ đang đóng quân ở Huế) khuyến khích, tôi có gửi vài truyện ngắn ký bút hiệu Chi Hương, được Nhất Linh cho đăng ở Văn Hoá Ngày Nay, bộ mới, với lời khen ngợi qua một thư ngắn viết tay cho tôi mà tựa dạng về sau tôi có dịp so sánh, rất giống với nét chữ của những nhà văn khác thế hệ thứ hai của dòng họ Nguyễn Tường, mỏng, nhỏ, ngoằn ngoèo, gãy vỡ, chông chênh nhiều khoảng trống xung quanh”.

Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra tại Huế vào thời điểm đó giữa một cô nữ sinh Đồng Khánh mê văn chương mang bút danh Chi Hương và nhà văn Duy Lam, vị sĩ quan trẻ tuổi đang đóng quân ở Huế, chỉ biết rằng sau này có tin đồn trong họ là chị Bùi Bích Hà “suýt nữa làm dâu họ Nguyễn Tường”. Sau này thân với chị, tôi hỏi chị về lời đồn đãi này thì chị chỉ cười, không xác nhận cũng không đính chánh. Vào Sài Gòn sau này cho dù khi cả hai người đã lập gia đình rồi chị Bùi Bích Hà vẫn giữ tình thân với tất cả mọi người trong “Gia Đình Tôi”, tên một truyện vui nổi tiếng của Duy Lam (“Gia đình tôi” tức gia đình bà Nguyễn Thị Thế, mẹ của Duy Lam, em của Nhất Linh, Hoàng Đạo, và chị của Thạch Lam)

Tin chị Bùi Bích Hà ra đi đột ngột khiến tất cả chúng tôi sửng sốt và thương tiếc.

Một vài tuần lễ trước thành phố Seattle trải qua một cơn nóng chưa từng xảy ra, nhiệt độ lên đến gần 110 độ F. Cái nóng là đề tài cho nhóm bạn chúng tôi thảo luận trên email. Vì chị Bùi Bích Hà và tôi là hai người duy nhất trong nhóm đã có kinh nghiệm sống nhiều năm ở xứ Huế, nên chúng tôi san sẻ kinh nghiệm về cái nóng kinh hồn ở Huế vào mùa Hè. Mùa Hè cũng là mùa của thi cử, chúng tôi trốn cái nóng trong nhà đi vào Đại Nội đến hồ Tịnh Tâm nhiều bóng cây mát để “gạo cua”.

Trong lá thư đề ngày June 28, 2021, trong phần tái bút chị Hà viết: “Anh Thiết nhắc đến hồ Tịnh Tâm (Huế) khiến tôi thấy lại cả một thời mới lớn ở nơi ấy. Mùa Hè, sen nở đầy hồ, gió thoảng hương trong trời đất dịu dàng. Cô Mùi (Thái Vân) phải cảm ơn ông Tư bà Nguyệt để dành anh Thiết cho cô bởi vì không ai đến hồ Tịnh Tâm một mình cả, cứ đến đấy là thấy cơ hội có chút gì để nhớ để thương! Anh Thiết chớ hỏi ngược lại tôi nhé vì ngày ấy (đầu thập niên 50) chúng tôi đi cả một bầy, ăn quà, nghịch tình, nói cười như chợ vỡ tuy khai với cha mẹ là đến đấy học bài. 70 năm rồi, anh tin không?”.

Chị Hà ơi,

Hồ Tịnh Tâm nay không còn trong kỷ niệm của chị nữa. Bây giờ chị đang đi vào một Hồ Tịnh Tâm khác bao la hơn, một cái hồ đúng nghĩa nhất của hai chữ Tịnh Tâm, bởi vì nơi đó chị không còn phải vương bận về tất cả những gì “để nhớ để thương”, vốn là nguyên nhân tất cả những hệ lụy của cõi đời này, của những người bạn đang nhớ thương chị không sao kể xiết.



**Nguyễn Tường Thiết** - Seattle, July 15, 2021

## Giã từ Bùi Bích Hà

**\*\* Ngụ Thuyết \*\***

Được tin cô Bùi Bích Hà đã vĩnh viễn ra đi, tôi vô cùng sửng sốt và đau đớn. Cô là một nhà văn nữ có tiếng, đã xuất bản nhiều tác phẩm giá trị. Trước hết về vấn đề xưng hô. Tôi không quen gọi Hà là “chị.” Gọi như thế, tôi cảm thấy nó khách sáo, lạnh lùng, trong khi chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu lắm. Tôi vẫn gọi “cô Hà,” hoặc “Hà” và xưng là “tui,” trong khi Hà gọi tôi là “anh” và tự xưng là “Hà” hoặc “tôi.” Xưng hô trong tiếng Việt rất phiền phức và tế nhị.

Hồi còn ở Huế, Hà học khác trường và sau tôi mấy lớp. Nhà của tôi lại gần ngôi biệt thự của đại gia đình cô Hà. Do đó tôi và vài thằng bạn, cái thứ con trai tập tễnh mới lớn, ở gần đấy, làm sao mà không dần dần khám phá ra rằng vùng mình có một “cô Bắc Kỳ xinh xinh, nho nhỏ.”

Thật ra Hà gốc Bắc, nói tiếng Bắc giọng Hà Nội nghe thật nhẹ nhàng, trôi chảy, êm ái, nhưng sinh tại Huế. Chẳng biết mấy thằng kia có để ý nhiều đến người đẹp hay không, nhưng tôi không thể quên cái dáng xinh xinh đó đi học về một mình dẫn chiếc xe đạp từ con đường nhỏ đi sâu mất hút vào trong một khu vườn thâm u, kín cổng cao tường.

Nhà của Hà nhìn ra một cánh đồng khá rộng. Những ruộng lúa xanh rì. Đến mùa lúa chín, là cả một cánh đồng vàng. Nhưng khi mùa đông mưa giầm, gió bắc, rét mướt về, cảnh vật thật thê lương. Cánh đồng ngập nước mênh mông trắng xóa, người Huế gọi nước lụt ấy là nước bạc, lội xuống lạnh thấu xương. Tôi nhớ trong một truyện ngắn của Hà có hình ảnh cánh đồng mùa lụt ở Huế. Thêm vào đấy, ngày đêm vang đi rất xa tiếng ễnh ương đều đều, và buồn “thúi ruột.” Từ cổng nhà Hà nhìn xéo sẽ gặp một ngôi chùa nhỏ, không biết mang tên gì, thường được gọi là chùa Áo Vàng, vì các vị sư mặc áo vàng. Thời gian trôi qua quá mau, chúng tôi xa nhau.

Đúng ra hỏi đó Hà có biết tôi là ai đâu mà bảo là “xa nhau.” Tôi vào Sài Gòn. Sau một thời gian, được tin Hà đã xong đại học, làm cô giáo môn tiếng Pháp tại một trường trung học, và đã lên xe hoa. Thế là “cô Bắc Kỳ xinh xinh, nho nhỏ” đã là người lớn. Thế là hết tuổi mộng mơ. Của ai nhỉ, của Hà hay của tôi? Từ đấy, bật âm vô tín.

Qua xứ Mỹ này, tôi bắt đầu viết lách. Vào lúc sinh thời của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, tôi gặp lại Hà tại nhà anh ấy ở Orange County, Nam Cali. Dường như tháng nào cũng có một buổi họp mặt tại nhà anh chị Giác. Khi có bạn văn nào đến thăm Tiểu Sài Gòn, lại cũng họp mặt chào đón. Hà đến đấy đều đặn, tôi cũng thế. Chúng tôi gặp lại nhau sau bao nhiêu năm bật tin, xiết bao vui mừng, sau khi tôi “thành thật khai báo” ngọn ngành cho Hà biết tôi là ai. Nhìn lại Hà, tôi cũng nhận ra mấy nét quen thuộc ngày xưa dù nay Hà đã có con, có rể. Nét nổi bật tỏa sáng nơi Hà là sự niềm nở, chí tình, và cung cách cư xử ân cần, nhẹ nhàng, thân thương.

Thỉnh thoảng đến dự những Đại Hội Nhớ Huế, hoặc Hoàng Tộc, tôi lại gặp Hà. Hà rất trân quý xứ Huế, từ cảnh vật, thời tiết, con người, giọng nói cho đến phong tục, tập quán, món ăn, thức uống, vân vân. Và ngược lại các tổ chức liên quan đến Huế đều xem Hà như một thành viên cốt cán.

Thế rồi Nguyễn Mộng Giác qua đời trong sự thương tiếc của mọi người. Và cũng đáng tiếc không kém, các buổi họp đó mặt thưa dần và chấm dứt. Nhưng Hà và chúng tôi vẫn quyết tâm tìm nhau.

Chúng tôi gồm Bùi Bích Hà, Lê Trọng Ngưng, Tống Kim Chi, Phạm Tạo, anh chị Nguyễn Đình Cường, và tôi, bèn họp thành một nhóm nhỏ mỗi tháng gặp nhau một lần tại nhà riêng của mỗi người, hay tại nhà hàng. Ăn uống, chuyện trò, nghe nhạc. Chúng tôi đã gặp nhau như thế nhiều lần. Ngoài ra, chúng tôi dự định sẽ cùng nhau đi cruise, hoặc thuê xe kể cả tài xế đi thăm các thắng cảnh của Nước Mỹ mệnh mông này, nhất là các tiểu

bang, thành phố nằm ven Đại Tây Dương. Ở bờ Tây, mơ tưởng đến bờ Đông. Hà là một trong vài người hết sức tán đồng dự định nói trên.

Chưa thực hiện được dự định đó thì đại dịch nổ bùng. Chúng tôi bảo nhau chờ vậy, chờ thuốc chủng, chờ cơn dịch lắng xuống, rồi hẵng cùng nhau tổ chức những chuyến đi xa.

Chờ lâu quá chưa thấy có tin tức gì lạc quan, Hà có vẻ sốt ruột, đề nghị rằng chưa đi xa được thì ta cứ việc gặp nhau tại nhà, vì các tiệm ăn chưa được phép mở cửa, miễn là nhớ cách ly, đeo khẩu trang, không bắt tay, vân vân. Thế là khỏi sợ gì nữa. Anh em có người đồng ý, có người không, có người lại bảo sẵn sàng tham gia nhưng con cái không cho bố mẹ đi. Lại phải chờ.

Sau khi đã có thuốc chủng, Hà và Tống Kim Chi mời mọi người đến quán Ngọc Sương trên đường Brookhurst. Quán lúc ấy chưa được phép mở cửa “thả giàn,” chỉ 25% thôi, trang hoàng thật lộng lẫy, thức ăn thức uống ngon lành và đầy đủ. Tuy thế, khi chúng tôi vào, trong quán chỉ một bàn có khách ngồi. Chúng tôi chiếm bàn thứ hai cách xa bàn đó.

Bữa tiệc “bỏ túi” vui quá sau gần một năm không gặp mặt nhau. Ai nấy đều lớn tuổi nhưng ham vui nên ăn uống như hạm, chuyện trò nổ như pháo rang. Hà là người vui nhất, nói năng ý nhị và say sưa nhất. Xong tiệc, chúng tôi sắp xếp chương trình chi tiết sẽ đến nhà ai trước, rồi tiệm nào.

Một vài người trong nhóm vì công việc riêng phải đi xa, chúng tôi đành phải hoãn lại cuộc họp mặt tại nhà. Thứ Năm vừa rồi, được tin Hà bị té ngã tại nhà, phải vào bệnh viện. Hà sống một mình, khi té ngã không ai biết, nên vào bệnh viện trễ. Hà bị bất tỉnh hơn 5 tiếng đồng hồ mới được đưa đi cấp cứu, thì đã quá muộn. Số mệnh thật oái ăm. Một người như cô Hà, yêu đời, tích cực, thương mến gia đình và bạn bè, lại đi sớm hơn chúng tôi.

Hôm nay Thứ Ba, 13 Tháng Bảy, 2021, khi tôi viết những dòng này, đài phát thanh Little Saigon TV loan tin nhà văn Bùi Bích Hà vừa được bệnh viện cho rút hết các ống trợ lực, và đã qua đời. Tin buồn về Hà đã đến với chúng tôi mấy hôm trước đây, nhưng khi nghe lại tin đó trên đài phát thanh, tôi một lần nữa bàng hoàng, ngẩn ngơ. Bạn bè trong và ngoài nhóm gọi nhau qua điện thoại, ai nấy đều ngậm ngùi. Có bạn tìm an ủi: Chị Hà ra đi như thế cũng là điều hay, tránh được những đau đớn về thể xác.

Cầu nguyện nhà văn Bùi Bích Hà sớm yên vui nơi cõi vĩnh hằng.

**Ngự Thuyết** - 13/7/2021



**Hình chụp tại quán Ngọc Sương, hàng trước, từ trái: Ngự Thuyết, Bùi Bích Hà, Tống Kim Chi, Lê Trọng Ngưng; hàng sau, từ trái: Hồng Vân, anh chị Nguyễn Đình Cường.**

## Tưởng nhớ một vị thầy đáng kính!

**\*\* Mai Đông Thành \*\***

Cô về dạy trường Nguyễn Trãi khi còn khá trẻ, chỉ hơn các học trò lớn khoảng chục tuổi. Về hiền lành và những lời nói ôn tồn ấm áp đã chinh phục dễ dàng lũ học trò nổi tiếng phá phách, nghịch ngợm.

Qua Mỹ, gặp lại cô vẫn những lời thăm hỏi thân tình, những nụ cười hiền lành, lũ học trò ngày xưa càng thấy gần gũi cô hơn.

Trong những buổi thầy trò họp mặt hầu hết đều có cô tham dự. Cô mà vắng mặt thì ai cũng hỏi “Sao hôm nay không thấy cô Hà?”

Sau hơn một năm bắt buộc phải cách ly vì đại dịch, đến Tháng Năm vừa qua khi hầu hết người lớn đều đã chích ngừa, anh em Nguyễn Trãi lại rủ nhau họp mặt với một số thầy cô thân thiết từ mấy chục năm nay. Cô Hà hứa sẽ tham dự, nhưng trước một ngày cô phải cáo lỗi vì có người bạn từ xa về chơi lại gặp trở ngại gì đó, cô không thể bỏ mặc được. Tuy nhiên cô vẫn gửi cho buổi họp một nồi cá nục kho khá nhiều.

Đến giờ họp mặt, mọi người đề nghị gọi cho cô. Cô hỏi ngay “Cá kho của cô thế nào?” Tôi tình thật trả lời “Dĩa cá kho của cô đã làm thủng hết nồi cơm lớn của tụi em rồi!” Mà cá nục kho của cô ngon thật! Nó không tanh chút nào mà còn rất đậm đà, ngon hết biết! Các nàng dâu Nguyễn Trãi nấu ăn cũng có hạng mà đều phải chào thua, xin cô cho bí quyết.

Lần họp mặt thứ nhì vào Chủ Nhật, 13 Tháng Sáu, cô cũng nhận lời nhưng rồi cũng lại cáo lỗi vì có người bạn về chơi với cô một tuần. Hỏi ai vậy thì cô nói “nhà văn Trần Mộng Tú.” Tôi năn nỉ “Cô Tú về chơi cả tuần, cô chỉ bỏ ra vài tiếng đến chơi với tụi em đâu có sao” Cô cười “Cô Tú lại nói học trò thì ở gần quanh năm, cô Tú thì ở xa lâu lắm mới gặp nhau.” Biết hai cô rất thân nhau nên tuy tôi cảm thấy hơi ganh với cô Trần Mộng Tú, cũng đành chịu thôi.

Trong một số lần trò chuyện, khi nghe học trò kể về những chuyến du lịch đó đây, cô thích lắm và bảo “Khi nào cô về hưu sẽ đi với các em.” Tôi thúc giục “Cô làm việc lâu quá rồi, cô nghỉ đi để thành thói du lịch khi vẫn còn đi được.” Cô bảo có lẽ sang năm cô sẽ nghỉ. Lúc đó là đang giữa đại dịch. Năm nay khi tôi hỏi lại “Bao giờ cô về hưu?” thì cô lại bảo “Người ta đang ngỏ ý mời cô lấy thêm 4 giờ ban ngày, các em có hợp tác với cô không?”

Cô Bùi Bích Hà là thế! Cô yêu đọc giả, khán giả, thính giả nên luôn miệt mài viết, sẵn sàng làm mọi việc cho cộng đồng. Báo giấy, báo nói (radio), báo hình (TV) chỗ nào cũng có cô.

Cho mãi đến buổi sáng ngày 14 Tháng Bảy vừa qua cô mới thật sự “về hưu!”

Cô ơi! Em nhớ cô quá!



## **Giáo Sư Bùi Bích Hà** **sẵn sóc học trò mọi lúc mọi nơi** **\*\* Nguyễn Mộng Tâm \*\***

Tôi biết bà Bích Hà khi vào hãng Baxter làm việc năm 1998. Một người mới sang Mỹ tiếng Anh không biết nhiều nên khi vào sở Mỹ làm, gặp được đồng hương thì an tâm lắm. Những lúc gặp bà, nói một hai câu chuyện, cảm nhận bà thật chân thật từ tốn, nói chuyện nhỏ nhẹ, hướng dẫn tận tình khi mình có điều thắc mắc. Quý vị sang đây, đi làm chắc cũng biết qua cảnh ma mới bắt nạt ma cũ, nịnh bợ, đút lót ngay cả những người cùng làm việc với mình để khỏi gặp chuyện rắc rối. Tôi cảm thấy rất may mắn khi trong hãng tôi có bà Bích Hà, chúng tôi có vấn đề gì với



HR dù lớn hay nhỏ đều được bà tận tình giúp đỡ để giải quyết tốt đẹp, người Việt mình không bị dân tộc khác ở lâu bắt nạt!

Sau này khi công việc đã ổn định chúng tôi bắt đầu sinh hoạt cộng đồng. Chúng tôi tìm bạn học Nguyễn Trãi, phu quân tôi là Đỗ Kim Thiện học niên khóa 1956-1960.

Trong những lần họp mặt, lúc đó tôi mới biết bà là giáo sư của trường. Tôi càng cảm mến bà hơn khi bà vui mừng gặp lại tôi và còn giới thiệu tôi với học trò, rằng tôi là bạn cùng làm việc một công ty! Quý vị thấy không, một giáo sư, một nhà văn, một nhà báo, một nhân viên làm việc văn phòng, không hề có những hành động cử chỉ để tỏ ta là người hơn hẳn mọi người. Bà Bích Hà lúc nào cũng dịu dàng, chu đáo, còn sẵn sóc học trò mọi lúc mọi nơi.

Nguyễn Trãi mới họp mặt hôm 13 Tháng Sáu, 2021, vì bận bà không tới được nhưng cũng gửi một nồi cá kho ngon tuyệt vời cho học trò ăn để có sức mà họp. Bà hẹn kỳ họp tới ngày Thứ Bảy, 10 Tháng Bảy, bà sẽ tới cùng góp ý với Đại Hội Nguyễn Trãi 2022 nhưng mọi việc đã đem cho cựu học sinh Nguyễn Trãi một sự mất mát to lớn: Giáo Sư Bùi Bích Hà đã ra đi.



## Mùi hoa bưởi

**\*\* Cao Đắc Vinh \*\***

Đêm nay không hẳn là một đêm bình thường trong cuộc đời lưu trí của tôi. Máy giờ rồi? Tôi không rõ chỉ biết rằng đêm đã khuya... Thành phố Irvine im lìm dưới ánh trăng, không gian yên lặng để tôi nghe tiếng lòng mình thổn thức. Một mình tôi ngồi trong bóng đêm... nhớ cô! Tôi nhớ cô vô cùng.

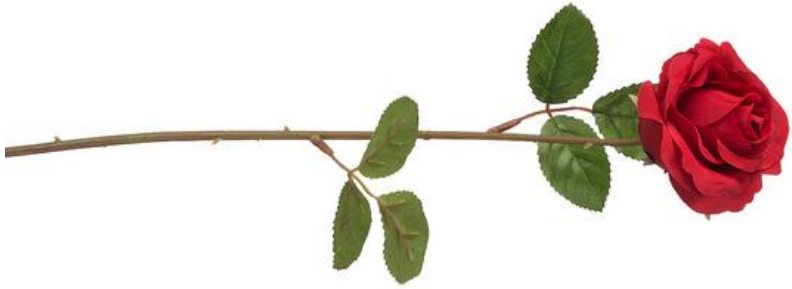
Mấy ngày nay cứ nghe ngóng tin tức từ nhà thương, biết không vui mà vẫn chờ... chờ một phép lạ đôi khi xảy ra nhưng dù thế nào tôi vẫn đợi! Đợi chờ là hy vọng, là liều thuốc xoa dịu được nỗi lòng thương nhớ nhưng có lẽ chính nó, những mâu thuẫn ấy đã làm tôi khó ngủ? Rồi sẽ lại gặp nhau hay chúng ta sắp chào nhau lần cuối, kẻ ở người đi, người đi về cõi thiên thu để lại đường trần từ nay vĩnh biệt!

Ôi thôi! Bùi Bích Hà, một ánh sao sáng vừa rơi giữa bầu trời văn học. Chuyện đời là duyên khởi, cái duyên khởi để tôi tình cờ gặp cô là văn chương. Tôi yêu lối cô hành văn và cả tiếng nói mạch lạc trên đài phát thanh nhưng yêu nhất là cách cô sống thẳng tâm thẳng tính. Thời gian đầu, tuy chưa hiểu rõ nhau cận kề nhưng cô đã trao cho tôi tất cả sự tin tưởng để cô tâm tình: Yêu ai cô bảo rằng yêu, ghét ai cô cũng nói hết lời vì thế tôi cảm thấy gần gũi và dĩ nhiên chưa một lần tôi phản bội cô dù cho vật đổi sao rời.

Đêm nay trăng sáng quá, tôi như ngồi trò chuyện với cô trước giờ chia tay. Ánh trăng làm sáng cả khu vườn mà cô đã đến đây vài lần. Cô ngồi dưới tàn cây bưởi nở rộ mùi hoa thơm mùa Xuân năm nào... Và từ đó, mỗi lần nhận được thư cô, tôi lại đọc những câu văn nhắc nhở và tán thưởng mùi hoa bưởi.

Cô ơi, từ nay cứ mỗi độ Xuân về, nhà em lại nồng nực mùi hoa bưởi và em sẽ lại tìm thấy cô qua không gian vô thường vô ngã đó. Em yêu cô từ bản chất lãng mạn và thẳng tính ấy nên sẽ không bao giờ quên được người đàn bà đẹp mang tên Bùi Bích Hà.





## Bùi Bích Hà, trong cõi văn chương nữ giới, quê người

\*\* DU TỬ LÊ \*\*



Nhà Văn Bùi Bích Hà

Những người quan tâm tới sinh hoạt văn học Việt Nam ở quê người, không khỏi mừng rỡ, hân hoan, khi nhận thấy, nơi quảng trường Văn học Việt lưu vong, càng lúc, càng thấy sự xuất hiện đông đảo, dập dìu rất nhiều khuôn mặt nữ giới. Đội ngũ phong phú, ồn ào những người viết văn phái nữ này, mấy năm gần đây, đã trở thành nét đặc thù của hơn 20 năm văn học tỵ nạn. Đóng góp của họ, là những đóng góp không nhỏ trong dòng sống văn chương phồn thịnh, đa dạng, hăm hở quăng mình về phía trước.

Hiện tượng này càng được chú ý hơn nữa, khi mà, những người cầm bút lớp trước 1975, ở quê người, đã lần lượt bỏ cuộc. Hiện tượng này càng được trân trọng hơn nữa, khi hàng ngũ những người cầm bút, nam giới, sau biến cố 30-4-75, cũng cho thấy nhiều dấu hiệu bé tắc, quần quanh, khô cạn...

Nhưng, đông đảo dập dìu nào, cũng mang tính hỗn độn, xáo trộn giữa những tinh rờng và hào nhoáng.

Nhưng, phong phú, ồn ào nào, cũng xao xác tạp âm, khiến cho tiếng suối đầu nguồn bị khuất ngàu bởi những ì uòm kênh, rạch.

Những người theo dõi sinh hoạt hai mươi năm văn học Việt Nam, quê nhà, còn nhớ rằng vào cuối thập niên 60, đầu thập niên 70, miền nam Việt Nam, cũng ghi nhận được sự đóng góp tốt đẹp tươi tốt của hàng ngũ những cây bút nữ. Đó là sự bút lìa khỏi đám đông, bước ra khỏi khung cửa nội trợ, khỏi bếp lửa gia đình của một Nhã Ca, rồi một Trùng Dương, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, vân vân... Những tên tuổi này, dù mỗi người một phong cách, khác nhau, nhưng họ vẫn có chung một mẫu số: Mẫu số tài năng, trải qua giai đoạn đãi lọc thời gian, khác nghiệt. Nhưng những tên tuổi này, dù mỗi người một đường kiếm huê dạng khác nhau, họ vẫn có chung một mẫu số: Mẫu số nhân cách, mẫu số tâm thành với chính mình.

Trong khi đó, gần đây, ở hải ngoại, hàng ngũ những người cầm bút nữ giới của chúng ta, tuy mỗi người cũng một cách thể vung gươm, tuy mỗi người cũng một cách thể nhập cuộc..., nhưng có người, đã cho rằng, trong số những cây bút nữ hôm nay, ở hải ngoại:

Đã có, không dưới một người chọn cách thể tiến ra quảng trường chữ nghĩa bằng trường báo, trận văn.

Đã có, không dưới một người, lấy sự quảng giao làm phương tiện đi tới.

Đã có, không dưới một người, đứng hẳn vào một phe nhóm, làm thế tựa lưng.

Và cũng đã có, không dưới một người, khai thác sự táo bạo, chửi bới, thô tục đến không còn yếu tính văn chương, để chiếm lĩnh được sự chú ý của dư luận...

Tựu trung, theo quan điểm của những người chia sẻ với nhận xét vừa nêu ra, thì, dường như đã không có một tương đồng nào, giữa lớp văn chương nữ giới trước 1975 ở quê nhà, và lớp văn chương nữ giới, cầm bút sau 1975, ở quê người.

Tôi không đồng ý hoàn toàn với ghi nhận bi quan này. Cách gì, nhận xét kia, theo tôi, cũng có phần khắt khe, bất công và hàm hồ. Bởi vì, trong đám đông những cây bút nữ ồn ào, phăng phăng tiến ra quảng trường văn học tỵ nạn ta, vẫn còn những cây bút chịu nặng tâm thành, chói lợi nhân cách.

Tôi không chia sẻ tận cùng đáng tiếc nọ. Cách gì, trong hơn hai mươi năm văn học tỵ nạn, quê người, theo tôi, cũng vẫn có những cây bút nữ, lặng lẽ, với một đời sống bình thường, không làm dáng trong văn chương, không ồn ào trên đường phố, vẫn còn thấy đồ mặt với những thô tục được ném lên trang giấy, một cách hân hoan, nhí nhố. Cách gì, trong hơn hai mươi năm văn học hải ngoại, cũng vẫn có những cây bút nữ, mà tài năng, mà trí tuệ, thể hiện qua sinh phần chữ nghĩa của họ, khiến chúng ta phải nghiêng mình, trân trọng.

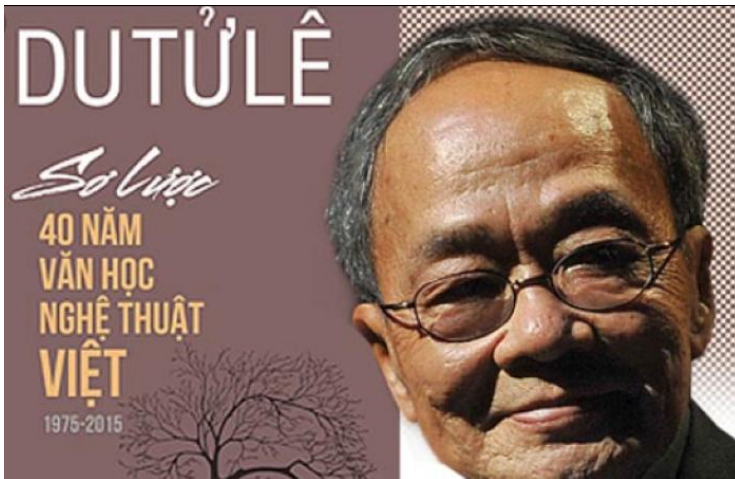
Một trong những cây bút nữ, khiến chúng ta phải nghiêng mình, trân trọng trước tài năng đó, là Bùi Bích Hà, truyện ngắn.

Thế giới truyện ngắn mang tên Bùi Bích Hà là một thế giới tĩnh, lặng. Người đọc sẽ thất vọng, nếu có ý định đi tìm trong sinh phần văn chương họ Bùi, những cơn sốt tình dục, những ám ảnh sinh lý. Người đọc sẽ thất vọng, nếu có ý định, những làm dáng trí thức, làm dáng phần nộ, buồn

nôn, đối kháng, thậm chí, những thô lỗ, sỗ sàng với những danh từ, những hình ảnh dâm dục tràn trệ trong cõi văn xuôi của nhà văn nữ này.

Khác hơn một số cây bút nữ cùng thời, nhan sắc văn chương Bùi Bích Hà không cần tới lớp phấn son lòe loẹt. Thế giới văn xuôi Bùi Bích Hà không cần tới những mảnh khóe mang tính ảo thuật. Đó là một sinh phần truyện ngắn mà người viết đã làm chủ toàn phần những con chữ của mình. Tính điềm đạm, lắng, sắc xuống những đáy tầng tâm thức nhân sinh là nét đặc thù đầu tiên, của tấm căn cước nhà văn mang tên Bùi Bích Hà. Chính cái điềm đạm tới lặng lẽ, lắng sâu và sắc xuống kia, của cõi văn xuôi Bùi Bích Hà, đã như tấm gương hát lại cho người đọc, cái chân dung cô đơn, cái nhân dáng thất lạc, gãy, vỡ của lớp người tỵ nạn Việt, hôm nay, trong cảnh tình luân lạc này.

## DU TỬ LÊ



## Bùi Bích Hà, một mình trong nỗi nhớ

**\*\* Bùi Vĩnh Phúc\*\***

...Bùi Bích Hà chỉ mới tự giới thiệu mình với độc giả hải ngoại bằng tập truyện ngắn *Buổi Sáng Một Mình*, do nhà Người Việt in năm 1989, cùng với một vài bài tùy bút về quê hương đăng rải rác trên một số báo chí và tập san văn nghệ trong mấy năm qua. Thế nhưng, chỉ với tập truyện ngắn và một vài bài tùy bút ấy, bà đã để lại những ấn tượng rõ nét trong lòng người đọc về một văn phong trầm lặng nhưng lại ẩn chứa đầy những sôi sục bên dưới, và một trái tim thiết tha nhưng luôn quằn quại với những câu hỏi của đời sống.

*Buổi Sáng Một Mình*. Đó là một tập sách gồm có mười lăm bài văn pha trộn những thể loại khác nhau: truyện ngắn, tùy bút, thư. Thật ra, có thể nói đây là một tập truyện ngắn được mở đầu bằng một lá thư cho một người bạn, một người mà tác giả quý mến, và chấm dứt với một tùy bút viết về Huế, quê hương một đời của bà.

Câu văn, hình ảnh và những rung động của Bùi Bích Hà, trong mắt nhìn riêng tôi, có một khoảng cách khá rõ so với câu văn, hình ảnh và những rung động của đa số những người viết hiện nay có tác phẩm xuất bản ở ngoài nước. Đọc văn của những người khác, ta thấy đời sống và tâm lý nhân vật như quay theo một trục quay gần gũi với cái trục quay vật lý và xã hội của cuộc sống này. Chúng quay nhanh hơn cái nhịp mà ta vẫn hằng quen biết, ngày xưa, ở quê nhà. Cái nhịp quay ở đây là cái nhịp quay của một xã hội hậu-kỹ nghệ đang tiến những bước dài sang một xã hội đặt căn bản trên sự thông tin. Con người ở đây đang phóng mình hời hả trên những xa lộ thông tin (information highway), đang “trượt sóng” trên những hệ thống tin tức liên-quốc-gia (surfing the Internet) trong một cái không gian được điện tử hóa (cyberspace). Đời sống là những vòng quay xấn tới, và con người trong xã hội này phải bắt vào cái nhịp của những vòng quay vừa nói.



Bùi Bích Hà và các nhân vật của bà, trong cái nhìn của tôi, hình như vẫn ở bên ngoài cái vòng quay ấy. Có những lúc, tôi có cảm tưởng rằng họ đã chọn lựa sự bất tham dự đó.

Đọc Bùi Bích Hà, tôi có cái thích thú như được xem một cuốn phim Pháp cũ. Động tác của nhân vật từ tốn, không hối hả. Ngôn ngữ họ cũng vậy. Mà cái không khí bao quanh họ cũng thế. Tất cả đều chậm chậm lướt qua lướt qua với những ý nghĩa của lời nói, của dáng điệu cử chỉ hành vi nhân vật... Tất cả đều được nhìn ngắm một cách tường tận, rõ nét. Cuộc sống ấy là cuộc sống được đặt trong một thế giới hợp lý, với những chìa khóa để ở đâu đó trong cuộc đời này mà con người có thể tìm kiếm ra. Còn cuộc sống náo động bây giờ thuộc về một thế giới khác. Một thế giới với những hoàn cảnh, những vấn đề, những hiện tượng bất lý giải hay bất khả lý giải. Chìa khóa của vấn đề, rất nhiều khi, đã được quăng vào rón bể. Và con người, bây giờ, chạm mặt với những phi lý của đời sống. Những phi lý làm nó xao xuyến và buồn nôn. Và con người bị đẩy ra ngoài cuộc đời. Với một thiên nhiên nhiều lúc đã trở thành xa lạ, và một nội tâm nhiều khi đã trống rỗng. Đã mất rồi những hình bóng và âm hao cũ.

Tác giả là một người có những rung động thật sâu và sắc bén. Phân tích tâm lý nhân vật của Bùi Bích Hà làm cho người đọc có cảm tưởng rằng bà thường tự phân tích mình trong những tình huống hằng ngày của cuộc sống. Trong những mô tả về những rung động tế vi của con người và trong những cuộc giải phẫu tâm lý nhân vật, Bùi Bích Hà chứng tỏ bà là một người tinh. tường...



**Bùi Vĩnh Phúc**

# Nỗi Huế trong văn Bùi Bích Hà

Trần Doãn Nho/Người Việt July 21, 2021

**KENNEDALE, Texas (NV)** – Bùi Bích Hà sinh trưởng ở Huế, tôi cũng sinh trưởng ở Huế, nhỏ hơn chị nhiều tuổi. Chị và tôi là đồng hương, nhưng tôi “huế” hơn chị một chút vì nội, ngoại tôi là dân Huế lâu đời còn nội, ngoại chị đều ở miền Bắc. Chẳng thế mà nhà văn Ngự Thuyết gọi chị là một “*cô Bắc kỳ nho nhỏ,*” nói “*giọng Hà Nội nghe thật nhẹ nhàng, trôi chảy, êm ái.*”



**Nhà văn Bùi Bích Hà. (Tranh: Đinh Trường Chính)**

Thân phụ chị người Bắc, làm ăn lớn, có cơ ngơi nhiều nơi từ Bắc vào Trung. Nhà ông ở khu Gia Hội, tọa lạc “*trong một khu vườn thâm u, kín cổng cao tường,*” “*nhìn ra một cánh đồng khá rộng*” với những ruộng lúa xanh rì, “*đến mùa lúa chín, là cả một cánh đồng vàng,*” theo nhà văn Ngự Thuyết, một người cùng thời với chị (Giã Từ Bùi Bích Hà). Ngoài ngôi nhà

này, ông còn một ngôi nhà nghỉ mát do ông *“tự trông nom cho thợ xây cất trên đỉnh một ngọn đồi trong rặng núi Bạch Mã.”* (Mùi Cà Phê Của Bỏ/Bùi Bích Hà)

Có lẽ do tính cách pha trộn này, Bùi Bích Hà khi viết về Huế, một mặt, văn chương chị là một Huế chất ngất, một Huế tràn trề, nhưng mặt khác, lại không giống hẳn văn chương của những nhà văn “Huế-chay” khác viết về Huế. Tôi cho rằng chị vừa như một người Huế viết về quê hương mình, lại vừa như một người yêu Huế viết về Huế. Vừa đứng trong Huế vừa đứng ngoài Huế, cụ thể, thì là vừa Bắc Kỳ vừa Huế.

Thử so sánh cách mô tả mùa Đông ở Huế giữa Bùi Bích Hà: *“Tiếng mưa lúc cao lúc thấp lúc đục lúc trong, tiếng mưa im lìm trên những lối đi đầy cỏ, tiếng mưa cô đơn phiền muộn trên những tàu lá rộng, tiếng mưa lạnh lẽo dưới đầu hồi, tiếng mưa thâm thì, rời rã, trong trái tim bàng hoàng những mộng ước không thành.”* (Huế Yêu Dấu)

Và một nhà văn Huế khác, Túy Hồng: *“Những đêm mùa Đông, những con ‘ặng oạng’ kê mồm khắc khoải kêu khan từ những ao rau muống... Kêu chi mà khổ, mà trầm thống! Thêm vào đó, tiếng rao hàng dài lê lét: mua trứng lộn! mua trứng lộn... Trời ơi! tiếng kêu của miếng ăn sao mà buồn đến thế! Nhức xương buốt tủy mát! Tưởng tượng mở cửa kêu vào chắc mình phải ôm cô hàng trứng mà khóc ngất!”* (Xin Lỗi Huế)

Rõ ràng là mỗi người một vẻ. Giống và khác. Văn Túy Hồng trực tiếp, nói ngay nói thẳng; văn Bùi Bích Hà mang mang, xa xa gần gần. Huế của Túy Hồng nằm trong ngôn ngữ; Huế của Bùi Bích Hà nằm trong ý tứ.

Dù gì thì gì, Bùi Bích Hà sống tuổi thơ, tuổi học trò và tuổi trưởng thành ở Huế, cho nên không lạ gì, Huế đeo đẳng và ám ảnh chị suốt cuộc đời.

*“Cho đến bây giờ, mặc dù hơn một nửa tháng năm của đời người đã trôi qua trong ngăn cách và lãng quên, vậy mà mỗi khi nghĩ về Huế, tôi không*

*khởi bồi hồi xúc động, như thể tôi với Huế là đôi người tình lỡ trong ca dao Việt Nam.” (Huế Yêu Dấu)*

*Với chị, “Huế không bao giờ để quên hay để nhớ, dấu đã xa xôi muôn trùng trong không gian và thời gian, mà một đời đeo đẳng. Ngày tháng lung linh kỷ niệm là những mảnh puzzles nhiều màu sắc, đan kết vào nhau chặt chẽ, làm nên hình hài và cuộc sống tôi, không thể tách rời. Đôi lúc, nhớ thương như cường toan rót vào ký ức, cháy thịt da, trào nước mắt, tôi một mình khóc giữa hư vô.” (Mai Tôi Về Huế)*

Dẫu vậy, do những uẩn khúc trong gia đình, mà chị vẫn thường thẳng thắn viết ra đây đó trong những tùy bút về Huế, nên dòng tình cảm Huế của chị thường pha trộn: hình ảnh tích cực hòa lẫn trong nhiều nét tiêu cực.

*Chị cho biết: “Tôi ra đời và lớn lên ở Huế, là đứa con cuối cùng của một người đàn ông ba vợ vì hiếm muộn. Từ khi lớn khôn, tôi chưa bao giờ thấy bố mẹ tôi nói chuyện với nhau một lần, ăn chung một bữa cơm hay cùng đi đâu ra ngoài. Mẹ tôi gọi hai bà vợ lớn của cha tôi bằng mẹ, tôi gọi mẹ tôi bằng chị” (Huế Yêu Dấu).*

*Có lẽ vì thế, “Tôi có một tuổi thơ buồn. Rất buồn. Nhưng tôi cũng có một tuổi thơ đẹp. Rất đẹp.” (Mùi Cà Phê Của Bố). Nên “xa huế thì thương thì tiếc,” nhưng sống với Huế thì “sầu thì hận, thì đau thương chất ngất,” thì “oan khiên lệ nhòa đôi mắt,” thì “tuổi xanh héo mòn như cỏ úa.” Bùi Bích Hà, quả là một trời tâm sự!*

Huế trong văn chương Bùi Bích Hà gần như không thiếu một thứ gì. Chị nói về vô số điều, vô số chuyện mà điều nào, chuyện nào cũng chi li và đậm đà. Không những chỉ về những chi tiết linh tinh lĩnh kinh mà còn chi li cả về những xúc cảm, xuất phát từ sự suy gẫm của chị về những gì nằm khuất sau cái vẻ bề ngoài hồn nhiên, vô tư của chúng.

Chị viết về hoa trái trong vườn, nào vải, chanh, nhãn, nào ổi xiêm, nào khế ngọt, vải trắng, lựu; viết về nắng Hè, mưa Đông, về những chuyến đi chơi thuyền trên sông Hương, về bắt còng; về cảnh học trò đạp xe đạp đi học, về tình yêu trai gái nảy nở bên hàng chèo tàu, về đồ ăn Huế với miếng dồi trường *“trắng, giòn, thơm, thanh cảnh”* hay gạo de An Cựu ngon không đâu sánh bằng; viết về *“những cây nhãn lồng chi chít mo cau,”* về con gái Huế lội nước lạt đến trường, *“gót chân hồng trên những chiếc guốc vông màu trắng.”* Vân vân và vân vân.

Những gì chị viết ra về Huế quá nhiều, quá rõ, quá đầy đủ khiến tôi đọc mà muốn ngộp thở. Có nhiều thứ khác mà nếu chị không nhắc đến, có lẽ không bao giờ tôi còn nhớ, như: (nộm) gỏi hoa cau, canh măng chua nấu cá ngạnh nguồn, chè đậu ngự; thuốc Tiêu Ban Lộ, tằm càng kho tiêu, tiếng con chim “tử quy” (1) kêu thương suốt đêm quanh nhà mà không hề thấy hình dáng, hay về những cô gái gánh nước đêm, *“trời tối mà vẫn đội nón vì sợ người ta nhìn thấy nụ cười và đôi mắt.”*

Bùi Bích Hà có những cách diễn tả Huế lạ và bóng bẩy, nhưng lại chính xác không chê vào đâu được. Chẳng hạn chị so sánh thành phố Huế ngày thường *“êm ả như một cô gái phòng khuê;”* hay khi nghe tiếng ve kêu, *“tâm hồn bỗng náo nức một nỗi thúc giục phiên muộn, muốn đi đến một nơi nào xa hơn cái chân trời thấp ở cuối những thửa ruộng đằng trước nhà;”* chẳng hạn chị diễn tả tiếng ve mùa Hè *“gọi nhau dứt hơi,”* hay những sáng tinh mơ *“tiếng gà gáy trong sương gọi nắng hồng”* hay những *“mùa trăng hoa rất thơm và đêm rất xanh.”* Đọc những dòng này, tôi thấy Huế của tôi vô cùng lạ nhưng quả thật, lại hết sức quen.

Văn của chị nhịp nhàng, nhiều hình ảnh và gói ghém trong đó là một thứ tình cảm vừa chơn chất lại vừa sâu đậm. *“Có lưng áo mẹ dẫm mồ hôi*

*trong khu vườn rộng nồng nàn mùi cây trái. Có tiếng gậy gõ xuống mấy bậc thềm và hình ảnh cha râu tóc bạc phơ, tựa cửa ngóng con về khi ngày hết và hoàng hôn xuống trên cánh đồng nâu tro gốc rạ, trải mình đến tận Bao Vinh.” (Mai Tôi Về Huế)*

Thú vị nhất là khi Bùi Bích Hà diễn tả con gái Huế.

*“Con gái Huế gội đầu bằng nước sông Hương, bằng bồ kết và lá chanh, lá bưởi, dòng tóc nuột nà buông xuống hai vai mùi hương cỏ cây huyền hoặc.” (Huế Yêu Dấu)*

*“Con gái Huế ấm như nắng Hè, thơm ngọt như mật ong, óng mượt như tơ tằm, thanh bai như nhành lệ liễu và con gái Huế sắc như dao, lạnh như mùa Đông, can trường như đá núi, thâm trầm như biển sâu. Gặp rồi không thể không yêu, yêu rồi cuộc tình sẽ là một vết thương thiên thu.” (Mai Tôi Về Huế)*

*“Mùa Hè, lũ con gái áo trắng đi xe đạp thành từng đoàn, tóc thè lộng gió, nghiêng chao vào nhau (...) tiếng cười tiếng nói ríu rít như tiếng chim chuyền.” (Huế Yêu Dấu)*

*“Con gái Huế lội nước đến trường, quần xắn khỏi gối, gót chân hồng trên những chiếc guốc vòng màu trắng. Có cô mặc áo mưa bằng lá, nước dọt lướt thướt trông như một con ve sầu ốm vì mùa Hè đã qua.” (Huế Yêu Dấu)*

Để diễn tả cái nghèo, cái thiếu của xứ Huế, chị chọn một đề tài ít ai ngờ tới: cái rổ đi chợ: *“Trong cái rổ chợ họa hoàn lắm mới có một miếng thịt heo mỏng tanh dài bằng nửa bàn tay, chỗ nạc tươi ửng màu hồng đào trên nền miếng bì trắng nhẽ nhạt ôm khít vào miếng mỡ trong veo; kỳ dư*

*thường chỉ có một dúm cá cần bé lẫn tẩn, màu óng ánh ngũ sắc, mấy con hến còn ngậm miệng thoang thoảng mùi rong tanh, mớ khuyết tươi lốm đốm những cái chấm mắt đen bao giờ cũng khiến tôi lặng nhìn và nghĩ ngợi vẫn vơ về những vùng biển xa. Đôi khi rổ chợ cũng có mớ rau muống, nắm đọt khoai, bẹ dưa nưa, miếng thơm chưa vạt bỏ... Thực phẩm cho ba bữa cơm chỉ quanh đi quẩn lại ngần ấy thứ. Mọi đồ gia vị đều gói trong những cái bô đài lá chuối: tí mỡ, tí hạt tiêu, tí ớt bột, tí mắm ruốc, miếng đường đen, tí tỏi, cả nước mắm. Không còn cái gì để qua ngày mai hay bữa chợ sau.” (Những Cái Rổ Chợ Xứ Huế)*

Chi li, chính xác và tràn đầy tâm hồn và trái tim của một người phụ nữ. Nó nói lên cốt tủy của cái nghèo, cái thiếu, cái thu vén, tém tùm tội nghiệp nhưng đáng yêu của người phụ nữ những gia đình nghèo xứ Huế. Nó làm người đọc vừa xót xa vừa cảm phục.

Để kết thúc, xin dẫn lại một nhận xét của nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc về văn chương Bùi Bích Hà: *“Câu văn của Bùi Bích Hà rất lành, rất hiền, dịu dàng, tha thiết, mang một chút buồn và thơ như những chùm hoa sấu đông nở tím những cửa sổ Huế ngày xưa. Tác giả không phải là một người thích làm dáng. Bà chân thực và thiết tha trong những suy nghĩ và bày tỏ của mình. Câu văn đẹp, ý tứ, và rất ít son phấn. Trong nhiều chỗ, chúng có cái đẹp của những lời văn trong sáng nhưng vẫn làm dấy lên một chút tình trong ‘Bướm Trắng’ của Nhất Linh, và nhất là chúng có cái đẹp tươi tắn và trong sáng như những câu văn của những trang sách ‘Nắng Trong Vườn’ và ‘Gió Đầu Mùa’ của Thạch Lam.” (Bùi Bích Hà – Một Mình Trong Nỗi Nhớ)*

\*\*\*



Ngày 14 Tháng Bảy, 2021, nhà văn Bùi Bích Hà đã từ  
giã trần gian, đi ra cõi ngoài.

Xin thấp một nén hương, tưởng niệm chị.

**(Trần Doãn Nho) [qd]**

---

*Tài liệu:*

*(1) Chim “từ quy” (từ = đi; quy= về; đi và về): một loại chim hát hàng đêm, vào khoảng giữa canh khuya, hát cách quãng nhưng liên tục cho đến sáng thì ngưng rồi bay đi đâu không rõ.*

*Huế Yêu Dấu (Bùi Bích Hà)*

*Mai (Tôi) Về Huế (Bùi Bích Hà)*

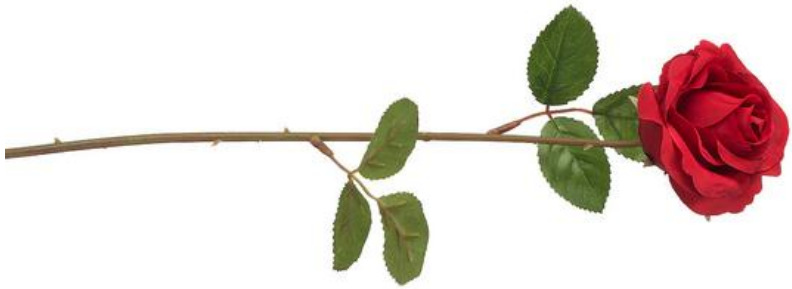
*Mùi Cà Phê Cửa BỐ (Bùi Bích Hà)*

*Những Cái Rổ Chợ Xứ Huế (Bùi Bích Hà)*

*Giã Từ Bùi Bích Hà (Ngự Thuyết)*

*Bùi Bích Hà, Một Mình Trong Nỗi Nhớ (Bùi Vĩnh Phúc)*





## Hương Hồng

(*Hương Hồng* là một trong những truyện ngắn đầu tay của tác giả **Bùi Bích Hà**, đăng trên *Giai phẩm Văn Hoá Ngày Nay*, tập 7, do Nhất Linh chủ trương năm 1958, dưới bút hiệu **Chi Hương**)



Huyền ngồi xuống bậc cửa, chống hai tay lên cằm và lẳng yên nhìn ra khu vườn nhỏ. Buổi chiều đến chầm chầm. Có cái gì bứt rứt từng chút trong không khí và ánh sáng xung quanh nàng. Trong một lúc, Huyền chợt cảm thấy hốt hoảng vì cái bứt rứt ấy hình như mỗi lúc một lan rộng ra và làm Huyền nghẹn thở.

Huyền kêu thét lên tuy nàng vẫn ngồi im trong dáng điệu đó:

-Anh Thảo! Anh Thảo!

Giọng Thảo tự nhiên có vẻ vồ vồ. Huyền nghe giọng nói đó, nghĩ chắc Thảo sắp để tay lên vai nàng mà lay như mọi bận, khi Huyền vẫn ngồi thết có sao đâu!

Giọng Thảo tự nhiên có vẻ vồ vồ. Huyền nghe giọng nói đó, nghĩ chắc Thảo sắp để tay lên vai nàng mà lay như mọi bận, khi Huyền sắp sửa khóc. Nhưng Thảo không làm thế và chàng ngồi xuống bậc thềm thứ hai, bên cạnh hai chân ruỗi thẳng của Huyền. Cả hai im lặng một chốc rồi Thảo nói:

-Huyền ạ, buổi chiều như có gì xôn xao...

Huyền nhìn Thảo, ngạc nhiên vì Thảo cũng có cái cảm giác của nàng. Khi Thảo thấy Huyền nhìn mình, chàng nhận ra hai mắt nàng bây giờ trở nên sâu và đượm một vùng bóng tối dưới vầng trán trắng. Thảo không nghĩ gì thêm vì màu da trắng của Huyền bỗng làm Thảo nhớ tới tà áo Ngân mặc ban sáng. Nghĩ đến Ngân, Thảo nói với Huyền:

-Ban sáng cô Ngân lại thăm anh.

Huyền cười nhẹ như chợt xúc động:

-Cô ấy khóc phải không anh?

-Em muốn nói mấy tấm ảnh cô Ái anh mới bày trên bàn đêm à?

Huyền đỏ mặt vì cái ý nghĩ Thảo có thể biết rằng nàng cố ý tỏ ra thông minh để so sánh với Ngân. Huyền liền đáp một cách vụng về:

-Em hay tò mò. Vả lại, em không tin rằng người ta ghen tuông vì người ta yêu.

Thảo làm như đã quên bằng câu chuyện đang nói dở và chàng bắt đầu kể lan man:

-Em nghĩ, thật khó mà làm cho Ngân hiểu anh! Buổi sáng hôm đó anh và Ngân cùng đi trên một sườn núi thoải thoải. Cỏ xanh và lối đi đầy mùi thơm (nói đến đây, Thảo ngừng lại để hít mùi thơm từ mấy luống hồng thoảng vào) của những lá vàng ử mềm sương mai. Tóc Ngân cũng thơm. Anh đi trong một rừng hương thơm và những khoái cảm lạ đó khiến anh chợt nghĩ chắc tay Ngân, cổ Ngân và môi Ngân cũng thơm nồng nàn. Thế rồi Ngân cứ nghĩ là anh đã thuộc về Ngân hoàn toàn. Ngân cứ kêu mãi lên là Ngân yêu anh! Em biết không? Em biết không. Ngân viết cho anh rất nhiều thư. Mỗi thư của Ngân, anh chỉ thấy có ba chữ “Em yêu anh” ở chỗ ký tên.

Nghĩ một lát, Thảo lại tiếp:

-Thật là nên thơ! Thật là đáng yêu!

Huyền thấy Thảo lim dim mắt thì đoán chàng đang sung sướng vì cái ý tưởng giá có một cô Ngân nào đó chỉ biết nói với chàng ba chữ ấy mà thôi. Nghĩ đến đây, Huyền suýt khóc nức lên vì trời đã không ban cho nàng một nhan sắc. Song Huyền bỗng buột mồm:

-Em yêu anh! Em yêu anh!

Thảo mở choàng mắt như bị giật mình. Rồi chàng nhìn khắp mặt Huyền:

-Huyền, em nói lại đi, em nói lại mấy tiếng đó đi!

Mắt Huyền lóng lánh và tinh nghịch:

-Nói với anh à?

Thảo nắm lấy hai bàn tay Huyền và bóp nhẹ nhẹ làm Huyền nghĩ chắc Thảo không tin nàng có bên cạnh thật hoặc Thảo đang nhớ Ngân tới Ngân và chán nản vì ký ức đó. Một lúc, Thảo buông hai tay Huyền ra và thở dài rất mạnh. Huyền liền nghiêng đầu xuống bên Thảo và dịu dàng hỏi:

-Anh thất vọng lắm à? Sao anh vẫn bảo em không đến nỗi ngu dốt quá!

Huyền bỗng cảm thấy buồn cười cái ý nghĩ chắc Thảo sợ phải nghe nàng ngỏ lời muốn làm vợ chàng.

Bây giờ bóng tối đã tràn đến khắp xung quanh hai người. Cả một vườn hồng đứng lờ mờ như đang dần dần biến để tan thành hương thơm (vì hình như hương hồng mỗi lúc một ngày ngát và đậm đà hơn). Mấy vì sao loáng thoáng trên nền trời, khiến Huyền nghĩ tới những hạnh phúc rất gần, rất đẹp, rất thật và cũng rất ảo hoặc. Hình như thời gian bay theo chiều thẳng đứng. Thời gian như từng giọt, hay từng chiếc cánh bé xíu trắng nõn, từ dưới lòng đất vút lên không trung, ở đó là dĩ vãng, một dĩ vãng hoàn toàn không có gì liên lạc với cái hiện tại chỗ Huyền đang ngồi

với Thảo, một dĩ vãng đầy ước ao và luyến tiếc vô ích. Huyền bỗng cảm thấy tâm hồn rào rạt xúc động. Sự sống ấm áp và tràn đầy chuyển đi trong các mạch máu Huyền làm nàng nghẹn ngào một cách sung sướng bất ngờ. Khi Thảo nhìn Huyền, đôi mắt mở to, Huyền liền mỉm cười đưa hai tay cho Thảo (lúc đó, Huyền bỗng vui mừng vì hai bàn tay nàng hình như trắng hơn mọi hôm và không có cả những đường gân xanh).

Từ lâu Thảo đã nhận ra hai hàm răng Huyền thực là trắng và đều đặn. Thân thể Huyền cũng đều đặn. Những vẻ đẹp đó quyến rũ Thảo và chàng thích cảm thấy mình yếu đuối để bị lôi cuốn.

Huyền cứ cười mãi. Hàng răng Huyền bóng loáng. Khi Thảo hôn lên cái màu trắng bóng loáng đó, chàng có cảm tưởng như tâm hồn Huyền hiện thành một điểm sáng rung động, có âm thanh và hương thơm, một hạt kim cương ở xa hay một vì sao xanh mát. Nhưng Thảo bỗng rùng mình vì ngôi sao đó tự nhiên trở thành một con sâu róm ban đêm. Thảo có gắng để kêu khẽ lên:

-Một ngôi sao! Một ngôi sao, em ạ!

-Em định nói như thế từ lúc nãy. Một hương thơm hay một ngôi sao.

Khi đó, Huyền nghĩ tới tình yêu của hai người.

## **Chi Hương (Bùi Bích Hà)**

# THƠ Ở SEATTLE

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



*Trần Mộng Tú*

Khoảng hơn một thập niên trước, tại quận Cam, California, trong một dịp sinh hoạt giới thiệu ba nhà thơ có nhiều tác phẩm được cộng đồng người Việt hải ngoại yêu mến, gồm chị Trần Mộng Tú, Dạ Nhiên và anh Ngu Yên, có người hỏi Trần Mộng Tú cơ duyên nào đã đưa chị trở thành thi sĩ? Nhà thơ dường như buột miệng mà trả lời: “Thơ tìm tôi chứ tôi không tìm thơ.” Lập tức nghe lao xao trong mấy hàng ghế thính giả lời bình phẩm của ai đó, cho rằng nhà thơ họ Trần cao ngạo quá!

Thân thiết với nhà thơ là thế mà chính tôi cũng hơi ngần ngại, chưa hiểu chị muốn ngụ ý gì tuy tôi biết chắc bạn tôi không bao giờ “cao ngạo” cả. Hình như những người làm thơ hay vốn không bận tâm mấy về chuyện eo xèo của đời thường vì lương thực nuôi sống họ toàn là hương thơm và châu báu. Giờ đây, sau hơn nửa thế kỷ làm thơ không mỗi mội, một đêm Tháng Tư (như nhiều đêm tháng khác, ngày khác) thi sĩ đang ngủ thì

thơ lại đến, đánh thức người dậy và cầm tay người để viết xuống những câu “Họ chết như ốc vỡ, sóng biển là khăn tang,” thì tôi chợt hiểu câu nói của Trần Mộng Tú mười mấy năm trước: “Thơ tìm tôi.”

Nhà văn Phạm Xuân Đài, trong một dịp phát biểu về tài năng Trần Mộng Tú, có nói: “Chị là người làm thơ lâu nhất trong làng thơ Việt Nam”. Cứ tưởng tượng nếu thơ không tìm chị mà chị phải vật vã, mò mẫm đi tìm thơ trong suốt chặng đường dài phi thường kia, nói theo một câu ngạn ngữ tiếng Pháp, “Dans la vie, on cherche ce qu'on ne trouve pas,” tạm dịch: “Trong cõi đời này, con người đi tìm những gì không bao giờ thấy được,” tôi chắc chị không cách nào lên bước trên con đường thơ tưởng chừng dài bất tận ấy. Và chẳng, tìm kiếm chữ, tựa như tìm kiếm miếng ván, con ốc, lắp vào nhau, sao cho vừa một cái mặt bàn thì chỉ có được cái bàn chứ không có thơ. Trên thi đàn hải ngoại thế kỷ này, càng lúc càng có nhiều nghệ nhân làm công việc lắp thơ. Tôi thành thực xin tạ lỗi đã dùng hai chữ nghệ nhân vào nhận định trên vì quả đáng tội, ngay cả lắp thơ thì cũng phải có tấm lòng với thơ, có chút tình với thơ mới có thể hy sinh thời giờ gởi vào hư vô những công trình nhiều tâm huyết đến thế!

Trong đời, có hai cái khó, tuyệt đối khó. Thứ nhất, khi phải nói về chính mình. Điều này, khi nhập cư vào Mỹ, chúng ta được khuyến khích làm ngược lại: sale yourself. Khổ nỗi, người Việt Nam dù Mỹ hóa, có lẽ cũng mới chỉ được một nửa. Rao bán gì thì cứ rao, không dám rao bán cái tôi. Thứ hai, nói về người bạn chí thân, cách nào đó, cũng tựa như nói về chính mình. Càng khó hơn vì không biết có giữ được sự chí công vô tư để không lỗi đạo với bạn, với đời hay với cả hai cùng một lúc không?

Trần Mộng Tú từng trả lời: “Thơ tìm tôi.” Qua giai đoạn tìm, thơ đã nhập vào chị. Thơ trong mắt: nhìn đâu cũng thấy thơ... Thơ trên môi, xúc động hát lên thơ... Thơ trong tim, trong phổi: thở bằng thơ... Thơ trong huyết

quản: buồn vui chảy xuống thơ... Thơ trong thân thể: rạo rức vằn điệu, lung linh chữ nghĩa...

Nói là tài năng, rất đúng. Nói là duyên may, cũng không sai. Hóa ra Trần Mộng Tú rất chân thật khi nhìn nhận thơ đã chọn chị, biến chị thành lâu vàng điện ngọc của thơ. Thế nhưng như vậy, dường như vẫn không công bằng với chị vì đâu phải ai được chọn cũng cùng thơ trăm năm bền duyên tơ tóc, lòng cứ trẻ mãi không già và tình tự cứ mãi không phai pha? Có lẽ nên nghĩ là thơ và chị cùng chọn nhau, trong những khao khát, gửi gắm và thể hiện nồng nàn nhất, tinh tế nhất, màu nhiệm nhất, bằng một cột buộc thế gian thật hiếm hoi.

Nói về tình yêu với thơ, có những đền đáp rục rờ nhưng ngắn ngủi, của “một lần lóe lên, thấp đờ em sáng lung linh” (Từ Công Phụng). Có những đền đáp nửa đường “duyên trăm năm đứt đoạn, tình một thuở còn vương” (Đoàn Phú Tứ). Riêng với Trần Mộng Tú, chao ôi, da mồi tóc bạc vẫn đẹp mãi cùng thơ.

Làm sao có thể nói đầy đủ về con đường thơ hơn 60 năm của Trần Mộng Tú? Đành lại chao ôi lần nữa! Vì, nói năng chi cũng thừa. Thực tế, thơ và người gắn bó như bóng với hình đã là suối nguồn huyền diệu.

Thơ thể nhập vào người chan hòa, trọn vẹn, không thấy đường biên, chỗ nối, thì cả đời người là một bài thơ trường thiên, ngắt quãng nhưng không đứt, là âm ba vượt lên dây tơ của cây vĩ cầm làm rung chuyển cả những tầng thanh khí.

Hạnh phúc hay khổ đau, buồn hay vui, yêu hay hận, cảm xúc cháy lên bằng thơ, sáng láng, mê hoặc, trong mỗi phút giây; cảm xúc òa ra trong thơ, mệnh mang, chan chứa, thơm từng ngón tay, chân tóc người thơ và



người đọc thơ, mùi hoàng lan, mùi oải hương hay mùi trầm của những khu rừng thiêng ở quê nhà?

Có cả mùi những quả cam sunkist hóa thân từ mặt trời chói lọi tình yêu, của gập gờ cận kề rồi biệt ly tan tác. Có cả mùi máu của anh (em) và của địch trong cuộc chiến được thơ giải oan và thánh hóa. Có cả mùi đại dương nhuộm bệnh và cá ồm trôi về nằm chết bên người như chiêm bao. *“Có người nói khi nằm trong đất, da thịt tan nhưng tóc vẫn còn, em sẽ giấu thơ vào trong tóc, cho người cải táng được tay thơm”* (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 40).

Thơ Trần Mộng Tú nhẹ nhàng như thở, âu yếm, chan hòa với người, làm một, không ngự trên án thư mà lẩn lóc giữa cuộc đời bình yên và giông bão từng mùa. Chiếc áo nhân gian dường như quá chật, người thơ rón rén may cho mình một chiếc áo riêng và thấy ra áo nào cũng không vừa: *“Trăng kim nhũ tràn vào cửa sổ, trải lên giường một tấm chăn vàng, cởi áo ra đắp chăn đi ngủ, không dám cựa mình chỉ sợ trắng tan”* (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 40).

*“Đêm qua trở gối nghe mưa, tình như chăn hẹp không vừa ấm tôi, co hoài vẫn hực một nơi.”* Nỗi lòng của thi sĩ là “kích thước không bao giờ vừa vặn” giữa áo và người, hiểu theo nghĩa giữa những giới hạn ràng buộc thế gian và hồn thơ không biên giới, mặc dầu, cho dù thơ thoát thai từ ngục tù êm ái ấy: *“Trong đời sống này/ em có khác gì trang bản thảo/ bị ném vào/ một cái sọt khổng lồ/ cũng ngỡ ngác màu da/ vụng về ngôn ngữ/ dùng thơ văn/ để gói trái tim mình”* (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 75).

Người đọc yêu thơ Trần Mộng Tú ít vì vẻ đẹp trau tria mà vì thấy mình trong thơ ấy, nghe được chính mình qua thơ ấy, cất được gánh nặng

trong lòng và bay bổng nhờ thơ ấy: “Hãy tưởng tượng ra em, ở nơi không định tới, em tủi như chim khuyển, khóc trong lồng son mới.” Trong ký ức mang theo đời lưu lạc, có niềm đau khôn nguôi của những cây cầu đã gãy trên những dòng sông cạn khô: *“Hôm nay tôi đang sống, trên quê hương của anh, trên quê hương có những cây cầu xây rất đẹp, trên quê hương có cây cầu nạm vàng nhưng suốt đời tôi làm thế nào tôi quên được những cây cầu trên đất nước Việt Nam. Những cây cầu bắc qua dòng sông tan tác, dòng máu, mồ hôi và nước mắt da vàng.”* (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 23).

Nếu thi sĩ Alphonse de Lamartine của trường phái thơ lãng mạn Pháp thế kỷ 19, có lúc kêu lên tiếng lòng thảng thốt của ông trong bài thơ nhớ về quê nhà nổi tiếng Milly ou La Terre Natale, qua mấy câu van vỉ: *“Objets inanimés, avez-vous donc une âme/ Qui s’attache à notre âme et la force d’aimer?”* (tạm dịch như sau: Hỡi các vật dụng im lìm kia, các người có một linh hồn quán quỵen hồn ta và thúc dục nó biết yêu đương không?) thì nhà thơ họ Trần tan vào cảnh vật quanh mình như không hề có sự ngăn cách và không cần câu hỏi.

Bà cho đất sự nhẫn nhịn: *“Bạn ạ, sáng nay tôi làm tổn thương đất, thế mà đất thần nhiên chẳng nói năng gì, chiếc xẻng nhỏ xới đất lên tung tóe, thịt đất mềm vỡ vụn dưới tay tôi.”* Bà cho đất sự bao dung: *“Bạn có biết tôi chôn gì xuống đất? Tôi chôn những điều phiền muộn hôm qua, tôi chôn những lời không vui, những tình rất nhạt, đất thần nhiên tặng lại một đóa hoa.”* Và cứ thế, bà cho hoa, cho lá lòng cao thượng, hoa bị cắt vẫn dâng hương trong bình nhỏ, lá bị vùi lấp phủ phàng vẫn sẵn sàng gom lửa chiều nay cho mọi ai cần hơi ấm (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 124).

Tôi thích thơ Trần Mộng Tú vì tự nó là vọng âm đời cất lên bằng nhiều giai điệu, không nhất thiết vui, không nhất thiết buồn, không nhất thiết

cách này hay cách khác mà là sự trộn lẫn hồn nhiên, giản dị, chạm tay vào được nên gần gũi, đáng yêu, của mọi màu sắc, mọi âm thanh như nó tự nhiên là thế, để làm nên hay để phản chiếu cuộc sống thiên hình vạn trạng của mỗi người và của mọi người, từ những điều nhỏ nhặt nhất và cũng lớn lao nhất: *“thơ giúp em giữ mãi một điều gì thiêng liêng/ không mất được/ nhưng cũng không tìm lại được bao giờ”* (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 186).

Thơ Trần Mộng Tú có những liên tưởng rất lạ, từ cõi trời thăm thẳm, sao mưa xuống mặt đất chông chênh niềm bí ẩn của cô thiếu nữ xuân thì: *“Mở cửa ngày mùng bốn bầu trời đầy sao sa/ lòng em như bánh chưng tháng giêng chưa bóc lá.”* (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 177). Chủ trách nhà thơ từng chia sẻ: “Tôi làm thơ nghĩa là tôi hát một bài hát mà không cần giọng kim hay giọng thổ. Tôi vẽ cây cầu vồng mà không cần đến những ống màu bảy sắc khác nhau. Tôi làm thơ nghĩa là tôi chúc tụng hạnh phúc mà không cần đi dự tiệc tân hôn, ai hiểu lòng người mà không cần phải đến nghĩa trang” (Luanhoan.net)

Tự do. Trần đầy. Phũ phê. Hạnh phúc không chờ đến mà hạnh phúc có sẵn trong trái tim đóng cửa vì đầy chật nỗi buồn đã nguội lạnh. Nghe như tiếng cười hực lên từ lồng ngực nghẹn ngào: *“Lượng trời rót xuống đầy bàn tiệc/ người khách trần gian túy lúy say/ tuyết uống từng chum mà ấm quá/ đứng giữa đất trời giang hai tay.”* (Ngày Tuyết ở Issaquah, Ngọn Nến Muộn Màng, trang 168).

Thơ Trần Mộng Tú có những bất ngờ nhiều người thấy nơi chính họ, trong tiếng nấc của chữ nghĩa bị xé ra: *“Thôi – anh đừng hỏi nữa/ Vì nếu em thật sự biết tình yêu/ là gì/ thì em đã/ chẳng yêu anh”* (Tình Yêu, Ngọn Nến Muộn Màng, trang 13).

Tưởng là khó khăn nhưng tình yêu trong thơ Trần Mộng Tú chân phương và hiền hậu: “*Bây giờ là tháng mười/ Em mong manh như cúc/ Sao anh không là nắng/ Ôm em ấm một ngày*” (Tháng Mười Hoa Cúc, Ngọn Nén Muộn Màng, trang 152). Là lời thú tội như lần nào cũng là đầu biết yêu: “*Trời về tỏ tình da cam ửng đỏ/ giống như em khi được ở bên anh*” (Ngọn Nén Muộn Màng, trang 45).

Ngay cả điển đạt có khi táo bạo nhưng tình yêu trong thơ Trần Mộng Tú là sự tươi mát thủy chung: “*thân thể em soi gương đã cũ/ trái đất ôm mấy chục vòng quay/ sao/ vuốt ve anh/ mỗi ngày một mới/ Có phải/ mỗi ngày/ anh đổi/ một bàn tay?*” (Phu Thê, Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 60).

Là ví von mình đến tội nghiệp: “*Chiều hôm nay lòng em như hành úa/ thả vào canh không đủ dậy hương thơm*” (Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 44). Là hờn dỗi riêng mình với Chúa trên thánh giá: “*Trả lại Chúa/ những vết thương/ con về/ xưng tội trước gương một mình/ trả cây/ đổ giữa bình minh /ngập ngừng/ trả nốt cho tình/ mào gai*” (Thập Giá, Thơ Tuyển Bốn Mươi Năm, trang 41).

Thơ Trần Mộng Tú là những hải phận không thấy đâu bờ bến. Những ngày cuối năm đang về gọi hồn cố quốc xa xôi, đọc thơ Trần Mộng Tú dưới đèn khuya, cảm ơn nhà thơ đã nói giùm nỗi lòng trơ trọi của người lưu xứ: “*Tôi đi giữa một không gian màu xám/ Những hàng cây không lá đứng lạnh căm/ Trời cuối năm bão ghé vào thành phố/ Tôi cuối năm buồn ghé nỗi tôi thăm*” (Ngọn Nén Muộn Màng, trang 15).

Cảm ơn thơ đã làm đẹp, làm thơm cõi đời tục lụy.

**Bùi Bích Hà**

# Một thời của tuổi mộng mơ

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Chúng tôi có bốn năm bên nhau dưới mái trường Đồng Khánh, Huế. Đời sống của những cô thiếu nữ ở cái thành phố cổ kính, phong kiến, bé tí xíu ấy thập niên 50 thế kỷ trước chẳng có gì nhiều để kể lại nếu không là những lá thư kết bạn bốn phương vớ vẩn chuyền cho nhau đọc vào giờ ra chơi, trong tiếng cười rúc rích và những đuôi mắt lúng liếng.

Tôi học cùng lớp với Túy Hồng, cùng ngồi ở những hàng ghế đầu, cùng vòng tay nghiêm chỉnh để lên bàn thành hàng thẳng tắp trong mỗi giờ học. Thân phụ Túy Hồng là giáo sư Nguyễn Doãn Thám, dạy Pháp văn chúng tôi ở hai lớp đệ thất và đệ ngũ. Thầy rất nghiêm nhưng điềm đạm, không bao giờ lớn tiếng rầy la chúng tôi và không bao giờ phạm thì giờ nói chuyện ngoài giáo trình từ lúc bước vào lớp cho đến lúc xách cặp bước ra. Tứ thời bát tiết, lúc nào Thầy cũng mặc bộ complet bằng hàng đũi màu vàng nhạt, có chút cũ kỹ nhưng thơm mát. Thầy ít khi ngồi ở bàn mà thường một tay trong túi quần, tay kia cầm viên phấn để khi cần thì dừng lại, viết lên bảng. Thầy đi qua đi lại, đi tới đi lui hết bề ngang lớp học, mắt nhìn xuống đám học trò với dáng vẻ oai phong, tự tin và cả sự phẫn khích tỏ lộ rõ của một diễn viên trong vai trò đặc ý nhất. Trong khi chúng tôi có chút ganh tỵ rất con nít, thấy Túy Hồng oai quá vì có cha là giáo sư, xem ra chị lại rất cần cái, khó chịu trong hoàn cảnh ấy. Nhờ công ơn giáo dục rất kỹ của Thầy môn Pháp văn, sau này lên đại học, tôi hãnh diện được Giáo sư thỉnh giảng Camborde đến từ Bỉ, có lần ưu ái hỏi: “Cô từ đâu tới?” sau nhiều bài làm được ông hết lời khen tặng.

Bây giờ, trong hồi tưởng, mỗi khi nghĩ về Túy Hồng, tôi thấy bật ra trong trí nhớ đôi môi cắn chỉ đỏ thắm, khô, nứt nẻ của chị (*ngoài phố mùa đông*,

*đôi môi em là đốm lửa hồng, TCS)* Mùa đông ở Huế rét ngọt những hôm trời mưa bụi hay không mưa, mây nặng màu chì và không gian đông cứng như đá, chạm tay vào đâu cũng giật bắn người như bị chạm điện. Dưới bầu trời ảm sẫm và trong cái lạnh co thắt ruột gan, nhìn tôi mặt tái mét, đôi môi thâm tím, chị thì thào bảo tôi: “BH bắt chước mình đi, về nhà đứng trước gương, xé một cái bao nhang, thấm chút nước bọt rồi bôi lên môi như mình, đẹp cho coi!” Tôi bắt chước làm như chị dặn, cả môi và mấy đầu ngón tay đỏ ửng, tòe loe phẩm nhuộm, vừa không hồng hào tự nhiên như chị, vừa kịch cỡm khiến mẹ tôi tinh mắt nhận ra ngay: “Em bôi cái gì lên mặt thế? Da trẻ con bôi tầm bậy hồng đi đấy!” Thế nhưng rửa bớt, chút ánh hồng sót lại có làm cho khuôn mặt tôi bớt xanh xao và sáng ra. Hôm đầu đi học với chút thay đổi liễu lĩnh ấy, tuy tôi đã cẩn thận lau hết phẩm điều của bao nhang đi nhưng tôi không tự tin lắm, sợ bạn bè thấy tôi khác nên dọc đường cứ liếm môi liên hồi và nhận ra vị đắng ngắt của thuốc nhuộm làm se đầu lưỡi, khiến tôi chột lo, thoáng nghĩ ra sao không hỏi chị cẩn thận, nhớ ngộ độc thì có chết không?

Đến trường, chị khuyến khích tôi: “BH cứ làm tiếp đi, sẽ quen mà. Sau này không cần giấy nhang nữa, cứ cắn môi là đỡ thôi!” Chị cả quyết nhưng tôi sớm biết có làm gì thì cũng không giống chị được, nên thôi. Chị cười hoài, cả môi lẫn mắt, tươi roi rói, không biết chị có thật vui không mà sao tôi nhìn đôi môi chị, cứ cảm giác nó như một vết thương mòng mọng, có thể bật máu ra bất cứ lúc nào và thường xuyên làm chị đau lặng lẽ.

Túy Hồng có đôi mắt chim tròn xoe, bốn mùa trong trẻo như mặt nước hồ long lanh gợn, bồi hồi, sâu lắng, cuốn hút. Chị có mái tóc đen, dày, xoắn xít quăn hai bên đường ngôi rẽ giữa đỡ xuống thái dương, khuôn mặt vuông, sống mũi trũng giữa hai hàng lông mày và riềm mi đậm, làn môi cắn chỉ trễ nải trên chiếc cằm có hậu, làm chị trông có cái man dại của

một bông hoa lạ lẽ loi nở. Trong lớp, chị nói cười láu táu, hai mắt chớp như nhánh hổ người nhưng chị ít kết bạn. Giờ ra chơi, thay vì túm năm tụm ba, chị một mình đi dọc cái hành lang dài mùa đông các bức màn tre được cuốn lên, thò một bàn tay ra hứng những bụi mưa bay nghiêng hay những giọt tranh lả tả. *Ơn em đáng mong mưa với (DTL)* tôi nghiệm ra ở chị có những nét đẹp thắm, kín đáo, đi qua muốn nhìn lại vì như có điều gì bỏ sót.



Xong 4 năm trung học đệ nhất cấp, chúng tôi chia tay rồi lại thấp thoáng trông thấy nhau ở sân trường Đại học Sư phạm Huế cuối thập niên 50, giờ giắc và phân khoa chuyên môn khác biệt. Từ đó, tôi chỉ còn biết về chị qua tin tức giữa bằng hữu cũ hoặc trên báo chí vì chị nổi tiếng rất bất ngờ và nhanh chóng. Tôi biết chị bỏ Huế vào Saigon, dạy Anh văn ở trường Mạc Đĩnh Chi. Tôi biết chị trở thành tiểu thuyết gia nổi tiếng có tác phẩm đoạt giải Văn Chương Toàn Quốc. Tôi biết chị kết hôn với nhà văn Thanh Nam và sau cùng, khi

Saigon thất thủ, tôi biết gia đình chị di tản kịp ngày 30/4.

Đầu năm 1986, tôi qua Mỹ. Vài năm sau, nhờ nhà thơ Trần Mộng Tú cùng chồng con rời Cali dọn lên Washington State, tiểu bang Ngàn Xanh vùng Tây Bắc, nơi Túy Hồng đang định cư, chúng tôi vui mừng nối lại nhịp cầu đứt đoạn.

Tôi bay lên thăm chị lần đầu tại căn nhà ở đường Othello, trung tâm Seattle. Lúc đó, anh Thanh Nam đã mất được mấy năm. Ở lưng chừng

cái cầu thang cuốn đưa xuống chỗ lấy hành lý, tôi bồi hồi nhận ra bạn vẫn nhỏ nhắn trong chiếc áo len hồng, đứng co ro, ngỡ ngác, hai tay ôm chặt cái ví vào ngực y như những ngày Đồng Khánh, chị ôm khư khư cái cặp sách cùng một kiểu. Tôi đến bên bạn, mừng tủi vỡ òa. Tôi ngồi vào xe cho chị lái, qua xa lộ, qua những chặng đường lưu thông yên ả từ phi trường SeaTac về thành phố Seattle, về nhà chị. Bất thành linh, cả tôi và chị đều cùng lúc thấy một chiếc xe chạy ngược chiều, mũi xe hướng về chúng tôi ở khoảng cách vừa đủ để có thể không húc nhau. Chị kêu khế như tiếng một con chim bị trúng đạn ná: “Chết cha, mình chạy ngược đường một chiều!” May mắn cho tất cả là ngay bên tay phải tôi có con đường ngang nhỏ cho chị kịp rẽ vào để tìm lối ra.

Chao ôi, bao nhiêu vật đổi sao dời, bao nhiêu thăng trầm đến mức, bạn tôi vẫn hiền hậu, vẫn khờ khạo, vẫn nguyên vẹn một Túy Hồng mười ba, mười bảy, gồng mình khi bắt buộc nhưng trong lòng chết nhát thế ư?

Nhà chị ở đường Othello, lạ thật, duyên nghiệp nào bỏ chị vào đây? Tôi chỉ đến một lần này, chị đi về bao nhiêu năm, có bao giờ mừng tượng ra các nhân vật trong vở kịch Othello lấy lòng của Shakespeare cách nay hơn bốn thế kỷ? Những mâu thuẫn, những xung đột với kịch tính cao độ, sự đan kết giữa nét thơ mộng và việc đời khủng khiếp, giữa cao thượng và tầm thường kêu gọi một cách giải quyết tình lý vòng vo, lẫn lộn, của các nhân vật trong Othello và trong đời riêng của chị liệu có an ủi hay có làm chị khổ đau hơn? Phiên bản của loài người trên dòng thời gian vô tận có những đổi thay dễ thấy căn cứ vào dung mạo, ngôn ngữ và y phục nhưng cấu trúc và vận hành của trái tim trong lồng ngực con người là bất biến. Như Lai đi tìm chấm dứt luân hồi, chấm dứt khổ đau. Hơn 2000 năm qua, đời vẫn luân hồi, con người vẫn khổ đau không loại trừ những bước



chân hành giả theo Như Lai đi trong kinh kệ và trầm hương, trong ba vạn sáu ngàn ngày như một giấc mê hoang.

Vài ngày ngắn ngủi bên nhau, chúng tôi không có thời giờ ôn lại quá khứ. Chúng tôi nói chuyện hiện tại. Chị phàn nàn các con không vâng lời. Trước mắt tôi, cả bốn cháu cao lớn dềnh dàng, sắp hàng ngang, lễ phép vòng tay, cúi đầu chào khách lạ: “Thưa Dì.” Hỏi ra, chỉ là các cháu vào đại học, tự ý chọn con đường đi theo sở thích riêng. Cháu gái đầu lòng học ngành điều dưỡng 4 năm, đi học bằng xe buýt, giấu trong cái túi nhỏ thời son, hộp phấn hồng và cây bút chì kẻ mắt. Đến trường, cháu vào locker trang điểm. Tan lớp, trước khi về nhà, cháu lại vào locker rửa mặt. Tôi thực sự ngạc nhiên thấy bạn tôi bắt các con mình sống như chị đã phải sống gần nửa thế kỷ trước ở cái thành phố Huế chật hẹp về địa dư, cổ kính về văn hóa, từ đó chúng tôi sinh ra và lớn lên mang trong mình nhiều cố tật.

Trong căn nhà ở đường Othello, chị là hình ảnh người mẹ nghiêm khắc, nhiều tài năng và bí ẩn như một mê cung. Chị nuôi con thú cưng là một chú khuyển lai gốc sói, to lớn, chẳng biết bao nhiêu tuổi mà thả những sợi lông màu xám khắp nhà. Đón tôi, chị phải bóp bụng bỏ ra \$300 mỹ kim thuê một người Mỹ đến dọn dẹp và giặt thảm nhưng thuốc giặt thơm vẫn không đánh bật được mùi lông chó phảng phất khắp nơi, nhiều nhất trên sofa. Kỹ lưỡng vậy vẫn chưa đủ, chị đem con chó gửi ở nơi nào khác để tôi không bị sợ hãi vì theo lời chị, thỉnh thoảng nó vẫn hú giữa đêm khuya. Để đãi tôi bữa cơm thanh đạm gia đình, chị khai một hộp ham đồ thẳng vào cái nồi đã bắc lên bếp. Chị cắt miếng một bì tàu hũ trắng cho tiếp vào đáy cùng với vài quả cà chua và chị giải thích đây là món tàu hũ om thịt. Nén chút ngậm ngùi, tôi cười vui hỏi đùa bạn: “Lấy chồng Bắc Kỳ, quên hết món ăn Huế rồi hả?” Chị không trả lời nhưng đôi đũa trong tay

chị đảo lia lịa cái nồi đang sôi trên bếp và món tàu hũ kho thịt, cà chua của chị giống như một đồng vữa màu đỏ hồng.

Vừa rồi, có chị bạn văn chuyển cho tôi bài viết về Túy Hồng của bà Liễu Trương, một ngòi bút phê bình cự phách hiện sống ở Âu châu. Bài viết xuất hiện trên mạng ngày 31/5/ 2017, có nhan đề “Viết Với Thân Xác Như Túy Hồng,” trong đó, tác giả mở xẻ cuốn Tôi Nhìn Tôi Trên Vách của chị, trích dẫn một đoạn Túy Hồng làm tác giả kinh ngạc khi chị viết về sự thèm muốn các món ăn Huế của nhiều nhân vật trong truyện, sự thèm muốn như một ám ảnh cực kỳ tha thiết, dai dẳng, dung tục, pha trộn mùi nước mắm chanh ớt thật cay với mùi tỏi hăng nồng, bùng bùng, xoáy vào gan ruột, mùi của da thịt động tình mập mờ tơ lụa. *“Ăn một bụng bánh khoai Gia Hội, ních bốn đĩa bánh bèo Tây Thượng, ăn ba đọi cơm hến, ăn một mớ bánh nậm...”* Người Huế cực đoan trong cảm xúc nên ngôn ngữ Huế, khi cần, diễn tả được trạng thái cực điểm và ngòi bút Túy Hồng sử dụng tinh xảo tố chất này, biến chúng từ tầm thường đến tràn trề ma lực. Sâu bên dưới biểu hiện nói trên, nhà phê bình Liễu Trương nhìn thấy tình yêu Huế nồng nàn, gắn bó của Túy Hồng. Gợi nhắc Huế ở bất cứ điều nhỏ nhặt nào là khua thức rộn ràng những kỷ niệm với Huế đã hòa quyện vào máu thịt chị thành một thực thể bất khả chia lìa. Như đã có lần chị thở dài tâm sự với tôi: *“Nghe tiếng một người đàn ông Huế giữa phố phường là thấy lại một trời kỷ niệm. Không nghe được, mình chết không nhắm mắt”* nên lúc cuối đời, chị đã rất dịu dàng ôm một người đàn ông Huế chỉ vì chị muốn nghe bên mình cái “âm vọng” suốt đời mơ tưởng, vừa là hạnh phúc chói chang, vừa là thương đau nhầy nhụa trong cả tâm hồn lẫn thể xác chị đang mỗi ngày tan rã, *“Còn gì nữa đâu mà khóc với cười...”*(PD)

Tôi lấy làm lạ ngay giữa downtown Seattle, ngôi nhà liêu xiêu của Túy Hồng ở trên đầu con đường dốc lên, ngắn, lổn nhổn đá vụn và cỏ dại.

Bên tay trái ngôi nhà, là một căn phòng nhỏ hoang phế, cửa sổ kiếng vỡ, bản, nghiêng vẹo, khiến tôi không thể không liên tưởng đến cái không gian buồn bã của cuốn tiểu thuyết Wuthering Height với Emily Bronte. Tôi tò mò nhưng không hỏi. Chị cũng không nói. Về sau có người cho biết anh Thanh Nam đã nằm bệnh vài năm cuối đời trong căn phòng ấy. Tôi đoán chị yêu thích ngôi nhà và cảnh vật xung quanh nó vì con ngõ lên xuống nhà chị giống hệt những con ngõ bên ven con đường tráng nhựa men theo giong sông An Cựu nơi chị ở Huế, chỉ thiếu mấy cây mít lá mướt như tấm mỡ, mùa hè lũng liếng từ gốc đến ngọn những chùm quả xanh dòn, căng mẩy, thiếu cả quãng sông lúc trong lúc đục, năm năm tháng tháng miệt mài cuộn nổi buồn ra cửa Thuận An...



Suốt bốn năm bên nhau trong lớp, Túy Hồng là chiếc bóng mờ nhạt bên cạnh một bầy con gái lau hau tuổi chị, tinh anh và tinh ranh hơn chị. Chúng xinh đẹp, học giỏi, mỗi đứa một vẻ, tươi mát, quyến rũ. Qua năm đệ thất lạ nước lạ cái, lên đệ lục, nhiều đứa làng nhàng mang thư tình Khải Định vào lớp cho bạn bè chia nhau đọc, có đứa bảnh hơn: chàng du học tận

Saigon, Hà Nội; có đứa như thần tiên, cổ tích: chàng là thi sĩ, làm thơ hay nhất nước và ở xa tít tắp bên trời Tây; có đứa duyên phận tội tình cột buộc vào đời trai thời loạn, mỗi lá thư là một hẹn hò không biết có còn lần nữa hay không? Thế nhưng chúng sỡ sớ hạnh phúc. Chúng rạo rức chờ mong. Chúng nôn nao hy vọng. Chúng lo âu. Chúng khóc cười từng khi. Chúng sống rục rờ như mặt trời thức dậy mỗi sớm mai. Chúng lãng mạn

thầm như khu vườn khuya thao thức màu trắng xứ Huế. Túy Hồng thì không. Túy Hồng như ngày không nắng, không mưa. Túy Hồng như tập vở không nặn ra chữ. Túy Hồng như bầu trời đứng gió. Túy Hồng khô cứng, lạnh lẽo, dáng đi như bức tường không đổ nền vững, cứ chực nghiêng về phía trước. Chị một mình, thui thủi. Chị một mình, mặc thế sự xung quanh. Chị đi học vì ai cũng đi học. Vì không thể ở nhà mà có cơm mẹ thổi nấu sẵn cho ăn, có quần áo mẹ may sẵn cho mặc. Chị đi học để chờ khôn lớn.

Thế nên khi chị đột nhiên nổi tiếng như cồn trên văn đàn cả nước, bạn bè cũ ngạc nhiên vì không có dấu hiệu sớm sủa nào ở chị báo trước điều này. Riêng tôi không lạ, biết chị vốn không giống bất cứ đứa nào trong cả bọn chúng tôi ở Đệ nhất cấp trường Đồng Khánh thập niên 1950. Chị không là một nhà văn được nhìn theo ước lệ, đặt ra mẫu mực hàn lâm cho cả một thời đại. Chị lớn lên trong một gia đình có đông đàn bà hơn đàn ông và cảnh ngộ eo xèo, khốn khổ này khiến chị không muốn đi con đường của họ. Chị tách mình ra, tự do, thênh thênh một cõi. Chị là một hiện tượng. Thâm trầm. Ẩn mật. Chị là một kho tàng chất chứa của cải lạ. Không ai thấy. Không ai ngờ. Không ai có thể thẩm lậu. Cho tới khi chị mở cửa, đãi đằng, mời mọc những thực đơn của riêng chị.

Không phải nhà văn lớn VP ở tòa soạn Bách Khoa khi không mà vội vàng hạ cố viết mấy giòng khen tặng chị kèm với chi phiếu \$1,000 hậu hĩnh cho một bài viết đầu tay như thế. Sau này, miệng lưỡi thiên hạ đã làm chị nao núng, nghi hoặc. Sau này lẽ thói xã hội đã làm nhà văn ngượng ngùng, biện bạch cho đánh giá của ông, thậm chí muốn chối bỏ. Cả chị, cả ông, không ai làm lẫn chi cả. Một cách nào đó, họ chờ nhau trong vô thức. Chị đến thành linh, cất tiếng kêu man dại của con mèo cái có đôi mắt tím than chạy thực mạng trên mấy cái mái nhà lợp ngói nung lửa mặt trời mùa hè

ở Huế. Ông đến đúng lúc, đúng cách, như một người đàn ông từng trải, biết thềm muốn đàn bà, nghĩ đến chị với sự thềm muốn lộ liễu ấy ngay khi chỉ mới đánh hơi mà chưa thấy chị, rất khác với những chàng trai Huế, vừa nhát cáy, vừa tự phụ, yêu đương kiểu tình sách vở, kiểu lãng mạn vụn vặt tỉnh lẻ, ngâm nga viết lá thư ba tháng không biết làm sao đưa, mới cầm tay nhau đã vội vàng ước hẹn trăm năm, mộng tưởng hiền hòa như gạo thổi thành cơm. Chị không chú ý đến họ nên suốt thời con gái dậy thì, chị không yêu ai. Chị không thềm ghé mắt đọc chung mấy lá thư tình viễn vông của lũ nhóc chúng tôi toàn gửi nhờ địa chỉ nhà nhau qua bưu điện, Ý Uyên là Oanh Oanh, Mai Tâm là Cỏ Hồng, Bích Hảo là Thu Giang..vv.. kể những chuyện thần tiên ở mãi tận đâu đâu: “Provence mùa xuân hoa trắng nở kín trời làm anh nhớ em!” “Em ơi, Brest quanh năm sương mù chẳng thấy quê nhà, chẳng thấy nơi em ở!” “Tết Hà Nội đi giữa hoa đào Nhật Tân hình dung ra em với má môi hồng, ước gì anh là gió để được “thơm” em!”

Nhà phê bình Liễu Trương rất tinh tế để nhận biết Túy Hồng nặng tình yêu Huế lạ thường. Sau này, khi khôn lớn đủ, tôi biết hơn ai hết, bạn tôi là một thu gom toàn vẹn những đặc trưng của một xứ Huế cuồng nhiệt, kiên cường, nồng nàn, say đắm, trong tình yêu, suy nghĩ, mơ ước và biểu lộ. Duyên trời đưa đẩy hay oan khiên ghé qua vườn thúy để chị và ông đâm sầm vào nhau, vỡ ra từng mảnh. Ông có vợ, có con. Ông thủy chung với vợ con nên nhìn thấy ở chị cơ hội tuyệt vời để thử thách hay để bay bổng với trái tim tù ngục của mình? Họ như những đồng cỏ bạt ngàn khô cháy chờ lửa để rực rỡ hóa thân. Trong thế giới riêng chị, tình yêu, nếu có một điều gì gọi tên như thế giữa loài người thì đó là ngọn pháo bông chỉ tỏa rạng một lần trong phút giây. Là ngôi sao lạ chỉ xẹt qua bầu trời một lần rồi mất hút vào hư vô. Còn lại có chăng chỉ là chút hồi quang tuyệt đẹp trong tâm tưởng đã ước mơ đến rã rời của chính chị.

Sau đó, như mọi thứ đã chết và thối rữa, chị tình nguyện một mình thu dọn, khâm liệm tang tích tàn dư thật sâu, thật kỹ, rải trầm hương lên nghĩa trang và nếu không thể tự hủy mình như một cách chôn vùi tận cùng, chị sẽ chấp nhận cuộc sống như đang chết của cha mẹ chị, của nhân loại quanh chị, đàn ông đàn bà lấy nhau và sinh con đẻ cái, suốt đời gấu ó nhau, cam chịu ngày tháng qua trong những cái lồng chật chội giam giữ họ.

*“Tôi nhìn tôi trên vách,”* một Túy Hồng đập đầu diện bích. Cô đơn cùng cực. Khao khát cùng cực. Xác thân làm bụi trần ai là lãnh cung đầy ải chị.

Túy Hồng tâm sự: “Suốt nhiều năm, nửa khuya, trong ngôi nhà tịch mịch chỉ có mùi trẻ con, hơi thở của chúng lẫn với mùi lông chó và thỉnh thoảng tiếng hú đêm trắng của nó, mình chui vào closet nói chuyện điện thoại đường xa với Thiền sư.” Nguyên có cái vạ này cũng y như cái truyện ngắn đầu tay chị gửi cho Bách Khoa năm nào, cho VP nhìn thấu tâm can chị. Chị gửi một bài chi đó cho tờ báo Phật học và cái tâm Phật cứu rồi chị những phút giây khắc khoải đã làm lay động trái tim Thiền sư. Họ đến với nhau tự nhiên như nắng gió qua hiên nhà, như cơn mưa đầu mùa làm mát những viên ngói khô nẻ. Họ nói đủ thứ chuyện, chung quy là phiền não của nhân gian, hệ lụy của nghiệp chướng, sạn đạo dưới gót bạc chân tu hay hành giả khổ đau đi tìm niết bàn siêu thoát...” Chị kể: “Chuyện đời nói bao nhiêu là đủ? Một hôm, Thiền sư báo tin Người sẽ về Seattle dự một Phật sự quan trọng và muốn mình đi đón Người ở phi trường.” Chị ngừng một giây, đôi mắt vẫn trong sáng ngày nào chớp lia như nhánh hổ người ngợp gió, hai má đỏ hồng. Chị nói tiếp, giọng run rẩy: “BH biết không? Mình không lái xa lộ được mà lại không muốn lỡ cơ hội nên hứa bừa là sẽ đón Ngài theo hẹn. Mình đọc báo tìm người dạy và học cấp tốc trong ba ngày.” Chị lại ngừng, nén xúc động, rồi tiếp: “Tới hẹn, mình lái xe

ra xa lộ, nói khẽ với lòng có chết cũng đành.” (Nghe chị nói câu này, tôi thực sự không biết chị có lấy từ ý thơ tương tự của thi sĩ Hồ Dzếnh hay không? (...*Giữa một giờ thiêng tình rất đẹp, Em ạ, yêu nhau chết cũng đành!*)

Câu chuyện tiếp tục: “Mình tới phi trường còn sớm nên tìm parking đậu xe. Xong rồi tìm tới ga đến của hành khách và nép mình chờ sau một vách ngăn mỏng. Đến lúc này, mình nhận ra có quá đông quý vị tăng lữ và Phật tử với biểu ngữ, cờ xí, chắc hẳn đi đón Ngài. Sợ hãi, thất vọng, mình lúi ra một khoảng khá xa cổng ra của hành khách, biết rằng không có cơ hội nào được đón Ngài như ước hẹn.”

Im lặng. Nghẹn ngào.

“Sau cùng, mình cũng thấy được Ngài oai nghiêm, phẩm cách, đi giữa lễ nghi, thậm chí không cả một ánh mắt đi tìm trong đám đông vây quanh. Mình tức cười nhủ thầm: hóa ra mọi chuyện như một pho sách mở từng trang và từng chương ở cái trai phòng thanh tịnh trong ngôi đại tự nổi tiếng ấy và trong cái gác tử treo quần áo ẩm hơi người ở nhà mình, chẳng có chuyện nào thật cả. Xạo sự cho vui thôi! Người đàn ông thông tuệ cũng ngổn ngang tâm sự trần gian muốn lánh mình trong những bài thơ đầy đạo vị, rót âm điệu vào lòng mình hằng đêm thanh vắng không hề là vị cao tăng đang đi những bước chậm giữa đoàn người long trọng chấp tay đón rước kia, mình đã nằm mơ rồi!”

Cho nên, tôi tự hỏi liệu có bao nhiêu độc giả, bao nhiêu nhà phê bình văn học đọc và phê phán tài sản văn chương khá đồ sộ và hung hãn của Túy Hồng mà có thể nhìn ra, nói đúng về nhân thân chị, định nghĩa bằng cái tình yêu “trong một giờ thiêng” chị cả đời tìm kiếm, đeo đẳng? Từ lọt lòng

đến khôn lớn, chị đã được cả giòng họ, gia đình, bằng hữu, quê hương, thành phố dạy dỗ, uốn nắn, mách bảo phải sống như một người suốt đời chăm chỉ, miệt mài, trả những món nợ không vay: học hành, lấy chồng, đẻ con, làm một cô giáo lương thiện... Tuổi đời qua như những áng mây buồn, trả xong món nợ đầu tiên, chị bung ra viết như một cách thể hiện mình vô vọng và đầy thương cảm. Chị gào thét đên bù cho nỗi căm phẫn mãi còn nín lặng trong đáy lòng chị. May thay, cách sống sót duy nhất Túy Hồng khám phá ra và giữ được cho riêng mình là một chọn lựa trong tự do tuyệt đối: Tình Yêu.

Sinh thời, có lần nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng nói với tôi và nhiều bạn bè khác của anh, câu này: “Ai đã đi qua Huế một lần sẽ không thể nào quên.” Túy Hồng không chỉ đi qua Huế một lần, chị ăn gạo de An Cựu, uống nước sông Hương suốt phần đời thơ ấu và thanh xuân của chị, mang ơn Huế, nặng tình với Huế vì Huế với tất cả tinh hoa và diễm lệ, của thiên nhiên, của lịch sử, của con người, dấu khắc nghiệt, đã cho chị một linh hồn, một thể phách mà chị rất bằng lòng, rất hãnh diện được có. Không tầm thường, không nhàm chán, không tàn phai, Huế là tình yêu mãi đẹp, là người tình không có phiên bản trong trái tim chị cho đến tuổi già, thể nhập khít khao trong từng ngõ ngách cảm xúc sâu thẳm và bí ẩn của chị, đồng hóa vào chị không tách lìa.

Nhạc sĩ Văn Cao nghĩ về Huế, nhớ về Huế như nhớ bông lai, tiên cảnh. Túy Hồng là chiếc bóng phơ phát bông lai, tiên cảnh ấy, là

*Thiên Thai! Ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian  
Ái ân thiên tiên em ngờ phút mê cuồng có một lần*

Chị yêu Huế thủy chung. Chị yêu mình thủy chung. Thủy chung của chị như bông hoa say đắm sắc hương mình, không chút buồn phiền, ảo não.



Thủy chung của chị là thiên thu trong bâng hoàng một nhịp tim, trong quy ngã một bước chân không lần nữa, là hào quang một đường dao vung lên tuyệt kỹ

*“Một ánh dao bay ngàn thuở đẹp  
Dù sai hay đúng cũng là hư.” (VHC)*

Có thể nói Túy Hồng không thực sự yêu ai theo cách thế gian yêu nhau. Đàn ông với chị chỉ là duyên cớ. Tôi nhớ đã đọc được đâu đó một câu của nhà thơ Elizabeth Barrett Browning, rất thích hợp để mô tả bạn tôi: “I love you not only for what you are, but for what I am when I am with you.” Yêu với Túy Hồng là bổng dưng, là hạnh phúc được thể hiện mình tuyệt đối dù trong phút giây.



Tôi có giữ vài cái vỏ ốc thật đẹp, nhặt về từ nhiều bãi biển tôi có dịp đi qua. Những cái vỏ ốc trông trơn, óng ánh, với những đường vân mỹ thuật sóng đưa dạt vào bờ, ong ong tiếng thở xa xôi của biển không bao giờ ngơi nghỉ. Tôi nhìn thấy bạn tôi như con ốc lạc loài giữa đại dương mênh mông, một đời dập dềnh, nổi trôi theo sóng nước ba đào, thân xác nhỏ nhoi gửi lại biển, chỉ còn cái vỏ là chứng tích ngục tù giam giữ chị xin trả lại nhân gian.

**Bùi Bích Hà**

Quận Cam, tháng 8/2020

# NGÀY THÁNG CŨ

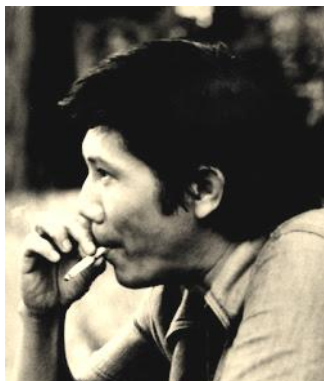
**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Mặc dầu ngay từ trước Tết năm Ất Mão 1975, không khí đón Xuân Sài Gòn đã có chút gì bồn chồn, gượng gạo, nhưng thời sự chỉ thực sự bốc cháy khi tin tức tái phối trí vùng II chiến thuật được truyền thông loan tải rộng rãi. Tình hình chính trị và quân sự biến chuyển rất nhanh, với tốc độ băng tan dưới mặt trời. Sáng 30 tháng tư, gần trưa, lệnh kêu gọi quân nhân các cấp và các binh chủng buông súng được đích thân Tổng thống Dương văn Minh phát đi trên làn sóng của đài phát thanh quốc gia. Sài Gòn nhốn nháo mấy ngày qua như một thân thể cường tráng bị bóp cổ chết đứng. Thỉnh thoảng đâu đó có tiếng súng lẻ tẻ, hoặc của một người lính nào đó bắn phát cuối cùng trước khi giã từ vũ khí, hoặc của một quân nhân phần uất tự xử mình vì không chấp nhận số phận.

Sáng sớm mừng một tháng năm, công chức các cơ quan chính quyền VNCH gồm cả giáo chức các cấp được lệnh trình diện tại nhiệm sở. Tôi đi giữa những núi rác không lồ qua một đêm sở vệ sinh không làm việc. Quân phục, giày saut, khẩu phần lương thực cá nhân, vứt bừa bãi giữa đường. Những giầy đạn đồng sáng choang treo trên các quân xa bỏ không ven bờ lề các phố Hai Bà Trưng, Hiền Vương, Duy Tân. Tôi trình diện với Ủy ban quân quản tiếp thu trường trung học đệ nhị cấp Nguyễn Trãi ở trước mặt kho năm bên quận Tư, là nơi tôi dạy học được 8 năm. Sau khi làm một số thủ tục khai báo, tất cả thầy cô giáo và nhân viên hành chánh được cho về nhà chờ lệnh mới.

Chúng tôi phải học tập cải tạo tập trung 8 ngày ở một số địa điểm được chỉ định do sự điều động của sở giáo dục thành phố trước khi được trở về trường tiếp tục công việc giảng dạy với danh xưng mới là “giáo viên.” Khoảng chừng nửa năm sau, đầu niên khóa mới dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, giáo viên cấp ba được chỉ thị phải theo một lớp học cấp thành, kéo dài 4 tuần lễ về chủ nghĩa Mác xít.

Lớp học tổ chức vào buổi tối, tại một ngôi biệt thự lâu mà chủ nhân đã di tản. Không còn một vết tích gì về những đồ đạc trang trí nội thất trước đây trong ngôi nhà sang trọng nay được trưng dụng làm lớp học với ít bàn ghế tạp nham, cốc cạch, thu lượm ở đâu về. Chính là ở đây tôi gặp anh Nguyễn Xuân Hoàng lần đầu rồi mất dấu anh cho đến khi gặp lại nhau trong tòa soạn nhật báo Người Việt trên đường Moran, thành phố Westminster, quận Cam, hơn mười năm sau.



*Nguyễn Xuân Hoàng  
Sài Gòn 1980*

Lớp học chỉ có chừng ba mươi giáo viên các trường đệ nhị cấp vùng nội thành, có hay không có tuyển chọn và nếu có tuyển chọn thì trên những tiêu chuẩn nào, chúng tôi hoàn toàn không biết, cứ nhận được lệnh là phải thi hành. Buổi học đầu tiên, NXH tới trễ. Chiếc lambretta của anh dựng nghiêng trên cái lối đi xi măng rồi anh sà vào chỗ tôi ngồi ở ngay cuối lớp. Sẵn giấy trắng cho học viên trên bàn, anh rút chiếc bút nguyên tử vẽ nguệch ngoạc những hình kỷ hà rồi chắc là tiện tay, anh viết lên giấy mấy chữ *Tôi là Nguyễn Xuân Hoàng*. Tôi ghi nhớ tên anh và nhờ cái tên, biết anh dạy ở Petrus Ký nhưng tuyệt nhiên

không biết anh là nhà văn tên tuổi của Sài Gòn trước khi miền Nam Việt Nam đổi chủ. Lý do giản dị là thời đó, hàng ngày tôi chỉ làm công việc của một cô giáo và của một bà nội trợ chăm lo con cái, nhà cửa và bếp núc, hoàn toàn không có sinh hoạt văn chương.

Được chừng hơn tuần lễ tối nào anh cũng tới lớp trễ, sà vào đúng một chỗ ngồi ở bàn cuối phòng ngay gần cửa ra vào, gật đầu chào tôi với nụ cười mà không cười của anh rồi cúi xuống tờ giấy hý hoáy vẽ linh tinh một lúc là chuồn êm. Tôi không biết người cán bộ quản giáo có lưu ý đến chàng học viên ở thờ này hay không nhưng có vẻ như anh đến và đi mà không gây chú ý cho ai cả ngoại trừ tôi ngồi gần anh do sự tình cờ ban đầu. Giao tình chỉ từng ấy thôi, thời gian còn lại của khóa học, tôi không thấy anh và chiếc xe Lambretta của anh dựng nghiêng như chực đổ ngoài

sân nữa. Anh tới và đi cùng một cách: thoát biến, thoát hiện, không một tiếng động.

Ít lâu sau, trước khi chương trình học Mác-Lê do thành ủy tổ chức kết thúc, tôi được tin anh cùng gia đình vượt biên từ một tỉnh cực nam nhưng không thoát, bị bắt. Mùi hoa hoàng lan trong vườn ngôi biệt thự vắng chủ bỗng nhiên thoảng nổi buồn của những gập gờ và chia tay bị gió cuốn đi. Tôi đi qua đường Tự Do cũ, thấy gian hàng tơ lụa mượt mà, lộng lẫy, trước đó không bao lâu thấp thoáng bóng chị Vy, hiền thê của anh và cũng là chủ nhân của tiệm, nay cửa khóa then cài im ỉm, ngậm ngùi biết rằng tin đồn là sự thật.

Đến đây, tôi không còn nhận được tin tức gì về anh nữa. Nhiều năm sau, trải qua nhiều biến cố nhọc nhằn, tôi và gia đình lên đường đi định cư ở Hoa Kỳ dưới sự bảo trợ của anh ruột tôi sinh sống tại quận Riverside, cách Little Sài Gòn khoảng 40 dặm về hướng Đông. Vì nhu cầu hội nhập và sự thuận tiện riêng, chỉ hơn một tháng sau khi đại gia đình mẹ, con, anh, em và các cháu đoàn tụ, tôi cùng tiểu gia đình chuyển về quận Cam. Trong một lần tới tòa soạn báo Người Việt trên đường Moran, thị xã Westminster, nhằm chuyển lời của chị Mai Hương, bạn rất thân của tôi, nhờ hỏi thăm thi sĩ Hoàng Anh Tuấn, tôi bất ngờ gặp lại anh, anh Trần Đình Quân và qua hai anh, được quen biết thêm nhiều anh chị em khác đang làm việc cho tờ báo.

Tha hương ngộ cố tri, gặp người cũ, xưa chỉ biết nay thành quen, xưa chỉ quen nay thành thân. Nhân lúc quán cà phê Hải Âu (?) của Hoàng Khởi Phong sang cho chủ mới, Người Việt hẹn gặp gỡ nhau một buổi tối ở đây có cả thi sĩ Hoàng Anh Tuấn từ San Jose về. Thêm một lần nữa, tôi lại tình cờ ngồi bên cạnh Nguyễn Xuân Hoàng quanh cái bàn nhỏ chỉ có thức uống chứ không có thức ăn. Giờ đây, chúng tôi chuyện trò, nói cười thoải mái và tôi nhận ra anh Nguyễn Xuân Hoàng không bao giờ nói to hay cười to.

Anh không khác mấy so với hơn một thập niên trước. Vẫn dáng đi hơi nghiêng về một bên, bước như không chạm đất, Vẫn mái tóc cắt ngắn và cao, đôi mắt có ánh nhìn chậm, tha thiết và lặng lẽ. Sau này gặp anh thường hơn, tôi nhận thấy ngay cả những khi bạn bè tranh luận một đề tài gây nhiều mâu thuẫn, cần đưa ra lập luận của mình, anh vẫn có sự chừng mực để không bao giờ cất cao giọng. Sự khẳng định của anh dù cương quyết đến đâu cũng luôn đi kèm với cái nhìn ngại ngùng, ngụ ý *Tôi có làm bạn phiền lòng không? Xin lỗi nhé!*

Thời gian tôi phụ trách trang Phụ Nữ trên tờ Người Việt, anh là Tổng thư ký tòa soạn. Lúc đó chưa có máy điện toán, mỗi tuần lễ vào chiều thứ năm, tôi đến tòa soạn giao bài. Đi qua chỗ anh ngồi, tôi hay dừng lại trao đổi vài mẩu chuyện thời sự hoặc tin tức về bạn bè xa gần, bây giờ hồi tưởng lại, không thấy kỷ niệm nào nổi bật, có nghĩa là nói chuyện với anh không bao giờ “găng” cả. Anh có cách thoát khỏi những hoàn cảnh tế nhị trước khi để chúng trở thành khó xử. Tôi không biết đây là triết lý xử thế *bỏ của chạy lấy người* của anh hay do bản tính anh không muốn gây thương tích cho người và cho mình. Bây giờ mỗi khi nghĩ về anh, tôi hình dung ra một hành khách đáp xe buýt trên một tuyến đường đông khách, dù đứng hay ngồi, anh cố thu nhỏ mình để bớt va chạm.

Khoảng đầu những năm 90, tờ nguyệt san Tin Điện bên Tây Đức nhờ tôi làm chủ bút. Tôi cầu cứu anh giữ giùm phần tin tức và lay out. Tuần lễ trước khi đến hạn gửi báo đi, có những hôm chúng tôi phải làm việc đến tận nửa đêm. Hai cháu Ốc Tiêu và Tina ngày đó còn bé, chốc chốc Tina lại chạy đến chỗ bố, vin cổ anh xuống và hôn lên má anh. Tôi còn nhớ mãi khuôn mặt trái soan trắng hồng, đôi môi chúm chím đỏ như một nụ hoa đào của cháu nhìn thấy qua vai anh khi anh nghiêng xuống với cháu.

Sau này, nhiều lúc nhớ lại kỷ niệm làm tờ Tin Điện với anh, nhớ lại cảnh anh tỉ mỉ cắt dán những mẩu tin để lay out, cẩn thận dùng thước đo từng milimét cho đúng với đòi hỏi quái đản của ông Chủ nhiệm bên Tây Đức, tôi chợt nghiệm ra có lẽ khi đó anh chỉ muốn giúp một người bạn có thêm

chút phương tiện tài chánh để nuôi con hơn là vì chính nhu cầu của anh. Ngày nay, tôi càng thấm ngấm tấm lòng của anh hơn không phải chỉ vì sự giúp đỡ của anh như nói trên mà vì sự tế nhị về phía anh đã không một giây phút nào khiến tôi cảm thấy áy náy vì mang ơn.



*Phạm Công Thiện & Nguyễn Xuân Hoàng*

Mười lăm năm trôi qua từ khi anh và gia đình dọn lên bắc Cali vì một công việc mới rất tốt cho anh với công ty San Jose Mercury News. Chúng tôi vẫn giữ liên lạc nhưng không thường xuyên. Những dịp anh về lại quận Cam, thời giờ ít ỏi, công việc bẽ bộn, những cái hẹn không ăn khớp và chúng tôi ít gặp lại nhau. Một buổi tối khoảng tháng ba năm nay, Trần Mộng Tú từ Seattle xuống quận

Cam. Chúng tôi đang ngồi ở nhà Thùy Hạnh thì anh ghé qua. Trông anh hơi gầy đi, mái tóc trắng như mây nhưng anh vẫn giữ dáng vẻ trẻ trung mọi khi, quần jeans, áo sơ mi không cài khuy cổ. Anh ngồi trên cái ghế nhỏ, yên lặng như thường lệ, thỉnh thoảng nhẹ nhàng trả lời một câu hỏi. Nhìn anh giống như một mảnh puzzle lạc loài không khít vào đâu cả.

Đầu tháng bảy, anh gọi điện thoại báo tin sẽ về dự sinh hoạt kỷ niệm 80 năm Tự Lực Văn Đoàn và 50 năm ngày giỗ Nhất Linh do Diễn Đàn Thế Kỷ thực hiện và theo lời mời của anh Phạm Phú Minh. Trong lúc tôi và Trần Mộng Tú định ninh sẽ có dịp gặp lại anh như đã hẹn thì anh Phạm Phú Minh báo tin không lành: NXH không về được vì kết quả khám nghiệm chứng đau lưng của anh cho biết anh bị ung thư và bác sĩ quyết định gởi anh đi làm xạ trị ngay.

Tôi á khẩu. Trong nước mắt lòa nhòa, bỗng dưng chập chờn thấy lại khung cảnh một lần nào đó gặp anh bên giường bệnh Nguyễn Mộng Giác. Họ vẫn nói chuyện thời sự vẫn chương với nhau nhưng câu chuyện chỉ để lấp những điều buồn bã không thể nói của một tình bạn đang

chia cùng nhau nhưng viên thuốc đắng của đời người. Những viên thuốc mà lớp đường bọc ngoài đã từng ngày tan dần vị ngọt. Trên đầu lưỡi không trừ một ai.

Chị Trùng Dương và tôi lên Milpitas thăm anh đầu tháng tám. Anh nói: “Mình chết thì OK, chỉ muốn đừng đau đớn.” Anh không ăn được và cũng không muốn ăn. Anh ngủ là do thuốc. Thỉnh thoảng anh theo chị Vy ra tòa soạn, dù không viết lách gì nữa nhưng sinh hoạt của tòa báo tiếp hơi thở cho anh.

Trên đường về lại quận Cam, có lúc chị Trùng Dương nói với tôi: “Cái không may của Hoàng là chọn học Triết. Đã vậy, còn dấn thân vào văn chương.” Tôi cũng đồng ý với chị. Hành trình đi tìm ý nghĩa của cuộc sống và đi tìm cái mới hay sự thay đổi trong sáng tạo không bao giờ êm ái, càng không bao giờ dễ. Khi bỏ dở tập trường thiên Người Đi Trên Mây, thậm chí đốt luôn bản thảo cuốn II, phải chăng anh không còn lối thoát nào cho những đam mê bị bào mòn trong “cuộc chơi mệt mỏi và tuyệt vọng” (chữ của Đào Trung Đạo) mà định mệnh đã xô anh vào hay do anh chủ tâm chọn lựa?

Cảm ơn tình bạn anh cho tôi, như cánh điều bay êm ả trên những tầng mây khi tụ khi tan, khi gần khi xa, như có như không, một tình bạn chân thật, giản dị, để có khi nào nhớ về, ký ức sẽ gọi dậy trong tôi mùi hoa hoàng lan huyền ảo vẫn dịu dàng thơm những tháng ngày tăm tối nhất của một Sài Gòn vừa bị xóa tên.

**Bùi Bích Hà**

**Garden Grove, tháng 9/2013**

# TỰ DO ƠI, TỰ DO

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Tôi nhớ lại mọi việc trong quãng đời khá dài đã sống qua. Nếu có lúc nào ý niệm Tự Do thoáng qua trong cái đầu thơ dại của tôi thời bắt đầu có trí khôn, thì đó là vài buổi chiều hoặc tôi ham vui theo chân chúng bạn la cà đâu đó hoặc cô giáo bảo tôi ở lại phụ cô sắp xếp tập vở chút đỉnh rồi về cùng cô, tôi biết thế nào tan học về nhà trễ cũng bị mẹ tôi mắng mỏ rồi lãnh đòn của bà vì tội rong chơi luông tuồng để bà phải lo lắng. Suốt con đường thăm thẳm xa, 5, 6 cây số từ trường tới nhà, những bước chân ngắn chùn của tôi nặng trĩu nỗi sợ hãi, khiến tôi sớm hiểu rằng vì tôi còn bé, phải chịu sự giám sát và kỷ luật của người lớn. Những lúc bị đòn vọt như thế, chưa biết tự do là gì nhưng tôi vừa khóc vừa tự hỏi bao giờ thì mẹ tôi chết để tôi muốn làm gì thì làm? Lớn hơn một tí, tôi quen với bản phận và sự vâng lời để được yên thân, nhất là không làm mẹ tôi buồn. Lớn hơn tí nữa, tập tễnh làm thơ, viết văn, tôi biết phải giấu bố mẹ vì mẹ tôi chỉ cần tôi chăm chỉ lo học để không bị ở lại lớp và đối với bố tôi thì trẻ con không được viết lách lăng nhăng, đi thi thì phải đậu và đúng tháng, đúng năm phải ra trường, tôi không có chọn lựa nào khác.

Đến tuổi trưởng thành, tôi theo nghề dạy học. Chưa hết một năm làm cô giáo, gia đình gả chồng, tôi theo chồng vào nam. Nhà tôi dọn tới trường, tôi không được nói chuyện với các nam đồng nghiệp vì các ông ấy không đáng tin. Hàng ngày ngoài giờ đi dạy, tôi đi đâu cũng phải nhớ về nhà trước khi mặt trời lặn. Trái lại, phụ nữ có giáo dục, chồng về nhà trễ, không bao giờ được hỏi lý do..vv..

Tóm lại, từ bé đến lớn, ở đâu tôi cũng được dạy bản phận và vâng lời. Tôi đã quen với cách sống tẻ nhạt ấy nhưng không có nhu cầu thay đổi.

Biến cố 30 tháng 4/1975 xảy ra, cả Saigon nhón nháo chuyện di tản vì người ta bảo nhau không thể sống với cộng sản được. Không chỉ quân



đội, công chức cao cấp, nhân viên sở Mỹ mà cả những ai từng di cư năm 1954 khi mất miền Bắc, vì có kinh nghiệm thực tế với cộng sản, cũng đều khăn gói tìm phương tiện ra đi. Lần đầu tiên tôi nghe nói nhiều đến hai chữ Tự Do, mơ hồ mơ tưởng được Tự Do là gì chính là ở thời điểm này.

Vì nhiều lý do, tôi kẹt lại Sài Gòn. Lúc mọi nhà trong khu cư xá Phú Nhuận trong đó có nhà tôi, đi chợ phải dùng bị cói để công an khu vực không nhìn thấy nội dung bên trong, miếng thịt, con gà hay bó rau, thì tôi bắt đầu hiểu ý nghĩa hai chữ Tự Do một cách cụ thể. Tại lớp học tôi dạy, khi tôi gọi hai Tổng thống của hai nền Cộng Hòa miền Nam bằng đại danh từ Ông, tôi bị học sinh chi bộ đảng trong trường báo cáo với cán bộ chỉ đạo và bị mời lên “trao đổi.” Họ nói: “Chị là giáo viên đứng lớp, phải có lập trường chuyên chính, phải biết phân biệt rõ bạn và thù, không được gọi những kẻ có nợ máu với nhân dân là ông mà phải gọi chúng bằng thằng, chị thông suốt chưa?” Tôi trả lời ông ta rằng tôi được giáo dục không gọi bất cứ ai bằng thằng cả. Dưới chế độ cũ, chúng tôi vẫn gọi cụ Hồ...” Ông cán bộ ngắt lời tôi, hơi lên giọng: “Thôi, tôi không đôi co với chị. Đây là lệnh.”

Như vậy, hóa ra suốt quãng đời từ thơ ấu đến khôn lớn của tôi tuy tôi không có Tự Do nhưng tôi không hề biết là vì tôi như người soi gương ở phía sau cái mặt trắng thủy của tấm gương, không thực sự biết diện mạo của tôi và của Tự Do như thế nào?

Qua tới Mỹ, tôi dần dần có thêm nhiều chứng nghiệm về hai chữ Tự Do. Ở đất nước này, Tự Do cao nhất là tự do tư tưởng/tự do ngôn luận, không chỉ được ghi vào hiến pháp, còn được bảo vệ bởi tu chính án số 1 ứng dụng như một nét văn hóa sống động, tiêu biểu cho cả một dân tộc phú cường có trên ba trăm triệu dân đến từ tứ xứ và chọn nơi này là quê hương. Tuy nhiên, như một bình hoa đẹp, nhiều màu sắc và hương thơm, Tự Do cũng có khuôn khổ và trật tự để mỗi người như một bông hoa, có thể cùng nhau đẹp và tỏa hương, không lấn át nhau, không loại bỏ nhau.

Trong các gia đình, nhà trường, trẻ con có tự do đặt câu hỏi, thậm chí tranh luận với cha mẹ, thầy cô giáo nhưng với mục đích tìm hiểu, học hỏi, tìm đến chân lý chứ không cãi bướng, không hỗn, không phát ngôn bừa bãi. Cho đến khi rời nhà hay rời trường, các cô/cậu lúc còn sống trong những môi trường ấy, phải tuân thủ một số nguyên tắc để hòa nhập.

Đến bây giờ thì tôi nghiệm ra các bậc tiền bối ở quê nhà vốn bị các thế hệ sau ngờ vực về kiến thức thời đại, về ứng xử phù hợp với tiến hóa xã hội và văn minh thế giới, các cụ sáng suốt một cách đáng sợ. Các cụ không đề cập đến Tự Do không phải là không biết đến Tự Do. Thú ngấm trắng ngâm ngời mấy vắn thơ, thú tiêu dao giữa đất trời cao rộng, thú trà rượu đối ẩm hay đối bóng một mình đều là những biểu lộ tự do. Các cụ thừa biết Tự Do là vũ khí tối thượng quyền lực nhất cho phép con người đạt đến mọi ước vọng và nó như con dao hai lưỡi, cắt một quả cam ngọt hay cắt chính tay mình; như khẩu súng sát thương hàng loạt ngoài trận địa đối đầu với địch để bảo vệ bờ cõi nhưng nó cũng sát thương hàng loạt nhiều nạn nhân vô tội như trong vụ Stephen Paddock xảy ra ở Las Vegas đêm 1/10/2017, vì nhu cầu riêng của một người rồi cũng chết dưới họng súng tự do nhả đạn của chính mình.

Giao vũ khí ấy vào tay những ai chưa được trang bị với tinh thần trách nhiệm, ý thức về bổn phận, trình độ văn hóa để biết tôn trọng người và bản thân cùng chia nhau không gian một sân chơi, là tạo nguy cơ bị tổn thương cho cả cộng đồng xung quanh họ và chính họ.

Con cái bỏ nhà đi bụi đời trước khi có khả năng tự lập là một thứ tự do chín ép, thui chột. Sĩ nhục, tấn công, chà đạp hay xâm phạm an ninh người khác là một thứ tự do hoang dại, tội lỗi. Quốc pháp có hay không, mạnh hay yếu, đều can thiệp chậm trễ và không có hiệu quả thật sự.

Xử sự như các “anh hùng bóng bầu dục,” từ chối chào quốc kỳ và hát quốc ca để gọi là phản đối một ai đó hay một điều gì là thứ tự do mông muội, thiên cận, lấy đi của chính mình cái vinh dự to lớn của những công

dân có Tổ quốc và Lịch sử. Hối mại quyền hành nhất thời, dùng mưu chước quanh co để làm những việc phi pháp, ảnh hưởng tiêu cực tới đại cuộc hay đại chúng là thứ tự do bị lạm dụng, mù quáng và phản bội, sớm muộn cũng đi đến chỗ cùng đường.

Cho nên, Tự Do là báu vật linh thiêng, không thể làm ô uest. Tạo hóa ban Tự Do cho con người để làm đẹp con người và cuộc đời, không để bị vùi dập. Tổ tiên bao đời và bao nhiêu người còn tiếp tục đổi máu xương gìn giữ Tự Do cho nhau, để kiến tạo hạnh phúc, không thể không coi trọng. Tự Do của người này cũng là Tự Do của người kia vì cùng chung một tiêu chí, thể hiện khác biệt nhưng không đối nghịch, càng không triệt hạ nhau.

Mùa lễ Tạ Ơn cho tới cuối năm, nhiều nhà nhận được những tập sách mẫu mời chào từ các công ty sản xuất hàng gia dụng. Giữa cả ngàn món hàng đầy tính sáng tạo hấp dẫn người mua, chúng tôi các nhà buôn không thiếu sáng kiến để thu nhiều lợi nhuận và làm giàu, thế nhưng vẫn có một mặt hàng được in rành rành với lời rao: “Giấy vệ sinh nhà cầu in hình tờ bạc \$100 mỹ kim với hình tổng thống Hoa Kỳ! (Benjamin Franklin) Khách đến chơi và gia đình nghĩ là quý vị giặt nước cho trôi đi những tờ tiền mặt kiểu mới này trong phòng vệ sinh, có thể không dùng chúng để mua bán được nhưng chắc chắn quý vị sẽ được những tràng cười thoải mái! Mỗi cuộn có 200 tờ kép, giá...”

Tôi thực sự choáng váng trước món hàng không thể làm tôi cười ồ như quảng cáo rao bán nó đã tưởng tượng ra một cách bệnh hoạn trên giấy trắng mực đen. Có lẽ cũng có người đọc tôi đến đây sẽ nhún vai và phán rằng: “Có gì quan trọng đâu mà âm ỹ? No bid deal! Là giấy vệ sinh làm vui mắt trong nhà cầu thôi mà!” Tôi tự biết tôi lảm cẩm, tụt hậu, nhưng quả thật tôi hy vọng có nhiều hơn những bàn tay không đem các cuốn giấy vệ sinh này về phòng tắm nhà họ. Công dụng của những cuộn giấy ấy rất khác với tranh biếm họa về các nhân vật thời sự, kể cả các nguyên thủ quốc gia, được truyền thông báo chí đưa ra nhằm biểu tỏ một cách

nhìn, một quan điểm của họ nhắm tới điều tốt hơn những gì hiện có, đang xảy ra...

Tôi thực sự không biết cha mẹ tôi ngày xưa, nhất là mẹ tôi quê mùa, mù chữ, dạy tôi không được dùng giấy báo có chữ nho (là chữ của thánh hiền) vào công việc vệ sinh là đúng hay sai nhưng cha mẹ tôi khiến tôi cảm nhận được lòng biết ơn và sự kính trọng đối với những con chữ một thời là nguồn gốc của trí tuệ mà tôi được phần nào thụ hưởng.

Đối với riêng tôi, Tự Do của trí tuệ là thênh thang, vô hạn. Cao ngất. Sâu thăm. Rộng đến vô biên. Bất chấp thời gian. Làm tan chảy cả sắt thép. Giải phóng toàn bộ con người khỏi thất tình, lục dục. Tự Do của xác phàm trong đời thường thì có giới hạn vì có sự cọ xát. Tôi không sở hữu cả địa cầu này hay mặt đất nơi tôi đang sống mà tôi chia với những người đồng cư. Trịnh Công Sơn từng viết mấy ca từ đáng yêu: "...Con chim ở đậu cành tre, con cá ở đậu trong khe nước nguồn, như anh ở trọ tim em..."

Tôi biết ơn cha mẹ trước khi cho tôi Tự Do, đã cho tôi cấp sách tới trường để tôi biết suy luận, đã dạy tôi vâng lời và kỷ luật để tôi biết tôn trọng, giữ gìn Tự Do và được sống tự do. Nước Mỹ đang ở trong một giai đoạn mà truyền thống tự do đang bị thử thách một cách khác nghiệt. Các thể chế độc tài hiện nắm quyền sinh sát một số quốc gia chậm phát triển, đã nhân cơ hội này, tìm một thực tế biện hộ cho họ bằng cách đặt câu hỏi: Tự Do như nước Mỹ hiện nay thì có gì hay ho hơn chứ?

Đứng trước câu hỏi không bỗng dưng này, nỗi đau buốt tim gan của những người yêu nước Mỹ như phần đất xinh đẹp nhất, văn minh nhất của thế giới, có một câu tự hỏi khác: Có lẽ nào người Mỹ thường nhân danh dân chủ/tự do đánh xô đẩy nước Mỹ đến chỗ bị xếp hạng dưới cả những xứ sở độc tài xấu xí kia?

**Bùi Bích Hà**

# ĐỌC THƠ HOÀNG ANH TUẤN

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Trong một bài thơ được phổ nhạc của ông (Thà Như Giọt Mưa) thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên đã viết câu sau đây *Người từ trăm năm, về khơi tình động*. Có vẻ như ngôn ngữ thơ là tiếng hát, tiếng nói, tiếng kêu, tiếng thì thầm, tiếng thở, những thanh âm hồn nhiên, ẩn mật, bỗng chốc, trong vài sát na tình động, đã bật lên, đã thoát ra, không cách nào kèm giữ, từ tim, từ phổi, từ thịt da của người thi sĩ, lung linh sức sống, mà hạnh phúc hay khổ đau cũng đều là dao nhọn, dao vết ngọt đậm, ta chết trầm ngâm, dòng máu chưa kịp tràn...Làm thơ, là chết đi, sống lại, thiên đàng, địa ngục. Là những khoảnh khắc phù vân, hoan lạc, nhọc nhằn. Là ánh sáng. Là bóng tối. Như Jacques Prévert đã diễn tả bằng những que diêm...

*La première pour voir ton visage tout entier*

*La deuxième pour voir tes yeux*

*La dernière pour voir ta bouche*

*Et l'obscurité tout entière, pour me rappeler tout cela*

*En te serrant dans mes bras...*

Có thể nghĩ: cuộc đời của nhà thơ là những trận mưa giông sấm chớp lập lòe xen với từng khoảng tối im lặng, để tưởng nhớ hay chờ đợi.



Giữa những người làm thơ quen biết của độc giả thế kỷ 20, vừa bước sang thế kỷ 21, có một người hơi lạ. Ông làm thơ trên năm thập niên, và thơ rất hay, nhưng ông chưa bao giờ in thơ của mình vào sách, cũng không lưu giữ, cho đến khi các con của ông khôn lớn, đi thu nhặt những anh chị em cùng

sinh ra bởi ông bố thi sĩ tài hoa của họ, gom được đến đâu, quý đến đâu (tôi chắc thất lạc cũng khá nhiều) và đem trình làng thay cho ông trong tập “Yêu em, hà nội và những bài thơ khác”.

Tôi may mắn được đọc thơ Hoàng Anh Tuấn từ đầu thập niên 50. Không phải là thơ đăng báo cho nhiều người đọc nhưng là thơ gửi kèm với một phong thư cho một người đọc. Thuở ấy, “một người” rất hạnh phúc này đang ở tuổi ô mai. Nàng cùng gia đình rời cái thị trấn cát trắng hiền hòa ở phương nam về Huế, đem theo với mình từ thành phố biển, rất nhiều kỷ niệm của mối tình thơ dại đầu đời và rất nhiều mơ mộng về người tình du học tận trời tây. Có những buổi sớm mai nắng tươi trên sân trường Đồng Khánh, bầy con gái nhỏ vừa bước chân vào trung học, mắt sáng, môi hồng, tóc như mây, thân như lụa, thì thảo kháo nhau về lá thư, từ một nơi xa tít mù khơi, ai kia gửi cho ai vừa mới tới, mang theo nó trong từng thớ giấy mùi hương lạ của những dặm đường bát ngát, những thơm ngon của trái quả đầu mùa. Chúng nó kín đáo chuyện cho nhau đọc, lẩn tránh tinh ma đôi mắt nghiêm khắc của cô giám thị mơ hồ đoán ra một điều gì nôn nao, hăm hở lắm nơi lũ trẻ thường ngày rất ngoan và chăm học. Thư cũng như thơ, đọc lên âm ba như rượu ngọt, cả đám con gái say mê dù chẳng hiểu gì ngoài cảm giác được nằm lăn êm ái trên những thảm cỏ lấm tấm hoa trắng của miền Provins xa xôi...Tôi chắc rằng bài thơ Đợi Thư, trang 35, có liên hệ ít nhiều đến thời điểm này.

*...Mỗi ngón trông là úa cả hồn thơ*

*Hoa tin yêu ẩn trong lá nghi ngờ*

*Cây chờ đợi, nhiều gai, ta sợ lắm*

*Trắng ẩn trong mưa, lạnh chìm trong nắng*

*Kỷ niệm lòng dành dùm được bao nhiêu*

*Đừng tiêu phí một giờ hoang, em nhé!*

*Mai có lẽ tìm em không được nữa.*

Và, quả thật như lời thơ tiên tri: họ không bao giờ còn tìm được nhau trong suốt phần đời còn lại. Cô gái vườn Thanh, một mình một bóng, như TTKH, yêu gió rụng lúc tàn canh, yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo, yêu nắng sang thu, gió lướt mảnh. Và một ngày kia cô phải yêu, cả chồng cô nữa, lúc đi theo, những cô áo đỏ sang nhà khác...

Giờ đây, đọc tiểu sử tác giả Yêu em, Hà Nội, thấy thi sĩ lập gia đình năm 54, trước khi hồi hương, tôi sực nhớ ra mùa thu năm đó, hoa sầu đông vườn nhà tôi nở tím bên hiên phòng học, bạn tôi mắt ngấn nước, tóc rối dưới cơn mưa phùn, bắt tôi bỏ lớp, đèo xe đạp đưa nàng về nằm khóc lặng lẽ suốt buổi chiều. Hôm sau, ôm vết thương lòng êm ái người trao, nàng từ giã quê hương, bạn bè, trường lớp, tuổi thần tiên, đi tới một nơi không còn ai, không còn gì, nắng sớm hay mưa khuya, nhắc nhở nàng những lá thư xanh ngày cũ. Thế còn thi sĩ của chúng ta? Từ tuổi đôi mươi với ánh mắt ngờ vực, vàng trán kiêu hãnh, tới tuổi 40 trên bìa tập thơ, râu tóc phong sương, nét cười ngượng ngập, cái nhìn chấp nhận, cầu hòa với đời, với người, “biết hết nhau rồi nhé”, thi sĩ cũng đã đi một hành trình không ít đau thương:

*Em dấu đi những nỗi lòng vỡ rạn  
Anh cũng thề dấu hết gió mưa đi  
Bao nhiêu ánh đèn rũ rượi, tái tê  
Những ngõ vắng, tối tăm, anh dấu hết...*

Thơ Hoàng Anh Tuấn, chủ yếu là thơ tình. Tình mơ mộng, bước rất nhẹ như mùa thu con gái, như bàn tay khẽ hái tiếng đàn tranh, như chưa lần nào em nói yêu anh, như mãi mãi anh còn nguyên thương nhớ. Tình tiếc hối, chưa kịp mới đã lùi vào xưa cũ, còn xa yêu đã quá khứ ngàn năm, chén môi em chưa nâng tới hôn gần, đã cách biệt đến trăm lần hư ảo; em vẫn dịu dàng trao mắt nhìn sườn ả, để chòm gai hói hận mọc trong anh.

Tình cuồng, em tới anh từ một trời thác loạn, tóc ngựa rừng nhàu nát gió điên. Tình dục, lửa rạo rực còn nguyên trong mạch máu, sóng cuồng quay ẩn náu dưới làn da, gờ mưa mềm cho nắng ấm phù sa, cõi sương mỏng-thôi ngược ngừng mắc cỡ, em hoang dại còn dang vùng rêu cỏ. Tình quê hương, thân phận, hà nội yêu, mối tình đầu khờ khạo, em nhận thư, anh ngây ngất tủi mừng, khi về nhà, cười nụ với cầu thang, một tuần lễ, vui như ngày thi đỗ. Bất luận tình gì, tâm thế nào, ngôn ngữ thơ HAT tinh tuyền và tuyệt đẹp. Nói như Phạm Việt Cường trong lời mở, Mãi mãi HAT đứng trên ngọn tháp thanh xuân cao ngất, với những giấc mơ đẹp để ấy mà ngắm nhìn thế giới. Tôi xin phép được thêm: cả cuộc đời và con người. Không chỉ thẩm thấu hào nhoáng bên ngoài, như một nghệ nhân làm nên tác phẩm của mình, của nhân loại, cũng đã đủ lớn, đã đủ say mê, đã đủ ngợi ca, tòa thơ HAT là những soi chiếu nội tâm sống thật, sống ngây ngất, của một HAT rất riêng, mà mỗi viên gạch, mỗi đường vôi vữa, ban đầu là những khắc chạm óng chuốt, về sau là một tan nát hòa quyện máu thịt ông với sự sống vô hình, từ đây, mặc lấy hình hài sờ mó được, thanh cao hay nhầy nhụa, cũng mang theo nó nét kỳ ảo của một lần hiện hữu:

*tay mềm bỗng cảnh leo cuộn cuộn  
 Quán hồn anh vỡ vụn đá hoa cương  
 Toàn thân anh chỉ còn lại vết thương  
 Để nhào trộn với rất-em-ngà- ngọc.*

Đã có một khoảng cách rất lớn, đầy những rung động sượng sùng, rách nát, với rất nhiều đón đau gai góc, giữa cái thời người làm thơ được định nghĩa như một khách nhàn du trong cuộc đời Là thi sĩ nghĩa là run với gió, mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây, và thời của HAT:

*Ghé đá công viên tuyết phủ đã dày  
 Ta co quắp nằm nghe đời hành khát*



*Nửa linh hồn chết oan khi nước mắt  
 Nửa linh hồn còn lại cũng đang tan  
 Áo ăn mày trên thân xác lưu vong  
 Cũng tiều tụy như đời mình rách rưới*

khi người thi sĩ, trong tận cùng xương tủy, thấy, biết mình đã khánh tận niềm tin, cháy hết đam mê, ôm tuyệt vọng nằm chết giữa đời, như một cái xác mà sự sống tàn tạ đang dần tan rã... Rồi nổi buồn như lũ mọt ngu si, gặm nhấm nốt nửa linh hồn rữa mục.

Cho nên, thơ được yêu mến, được đón đợi, được ngâm nga vì thơ luôn gắn bó mật thiết với trải nghiệm của con người, từ trong riêng lẻ, đã nhân lên sự đồng vọng của rất nhiều những tiếng thầm đó đây không có cách nào cất lên. Thiếu vắng thơ, không có những thanh âm của châu báu ngà ngọc khua động vùng cảm xúc, chắc một khoảng thế gian này sẽ chỉ còn là mùa đông, sẽ rất im lìm và lạnh lẽo.

Tôi không phải là thi sĩ. Mạo muội đứng đây, trong buổi Chiều Thơm Gỗ Cũ này, là để nói dùm nhánh cỏ trong bài Tạ Lỗi... Xin cớ đại đừng bao giờ vàng úa... và cũng để nói dùm cả một vườn cỏ đại trên sân trường Đồng Khánh, từng một thời, mãi mãi, yêu thơ Hoàng Anh Tuấn, nao nức đọc thơ anh trong ánh mặt trời lung linh mỗi sáng, trong gió gợn buồn những chiều tan học về, *mắt thuyền qua nên nón vẫn nghiêng vành, chân cuống quít nên guốc ròn gõ cửa*, những giọng thơ khơi mở và nuôi dưỡng trong chúng nổi dịu dàng của một tình yêu đẹp mãi đến ngàn sau. Giờ đây, được nghe nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp đánh giá thơ HAT, đặc biệt thơ lục bát của ông, là giá trị nhất ở vào thời kỳ văn học Việt Nam chuyển hướng, đi tìm những khám phá mới. Những nhận định có tính cách chuyên môn này thuộc về văn học sử và những người đóng góp nhiều tài năng cho thơ. Là một độc giả bình thường, tôi không biết trong

trái tim thi sĩ, tìm kiếm và cảm xúc, điều nào đến trước, điều nào đến sau và điều nào là nhịp đập đích thực của trái tim ấy?

*Hương còn ngán ẩm trên môi, chữ ngán là tuyệt vời. Em đắm đuối khắp mình hoa thược dược, là tuyệt vời. Khi em nói bằng nín thính xoã tóc, anh nghe buổi chiều tê tái mưa bay, da thịt sần như khoác áo heo may...là tuyệt vời. Cành bông say, rễ mục bông quanh co, đem rạo rục vào lạnh lòng thớ đất...là tuyệt vời. Đám mây em vào trời anh khuya tối, rất gập ghềnh cũng dệt lụa chiêm bao...là tuyệt vời. Mòn hao bóng đổ lưng chừng núi, ngựa chiếc rung bồm ngựa vó câu, rừng cháy đã tàn còn than củi, cơn say cũng trắng đỉnh trời cao...là tuyệt vời. Bên cạnh tuyệt vời, thơ HAT có nhiều hình ảnh đẹp:*

*... Những toan tính thật thà như thước kẻ, cho thẳng hàng âu yếm những câu thơ...Xin vay xỏ con đường nâu bóng lụa...Nắng nở hoa từng đóa thắm hôn mê, cho huyết dụ một trời chiều cảm chướng...Những nương dâu chịu nắng đã gần say...Để trong hơi thở anh, có hơi thở em ve vuốt mùi hoa chanh...*

Nói như nhà thơ, nhà văn, nhà viết nhạc Nguyễn Đình Toàn: “Thơ tình có nhiều loại: vì người tình mà được làm ra và vì tình mà được làm ra. Thơ HAT có lẽ thuộc loại thứ hai.” Dù thế nào, xin muôn vàn cảm tạ những mối tình đã đến trong đời thi sĩ, để nhân gian được hưởng nhờ ngọc ngà, châu báu rơi vãi trên đường họ đi dấu những con đường này, chiêm bao một thoáng nhưng cũng nhiều gai góc xương rồng, để khi đi qua rồi, thi sĩ lạ lẫm với chính mình vì những thương tích tâm hồn và thể xác không bao giờ lành lặn. Ôi chuyến tàu xưa về hiện tại, ta ở sân ga gượng đón ta.

12/04

**Bùi Bích Hà**

# Thanh Trí, tranh và thơ

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



Tôi đã sống ở Huế suốt quãng đời thơ ấu và niên thiếu, cho tới tuổi thành nhân nhưng điều lạ lùng, khó tin, với chính mình và với người, mà có thật, là vào cái thời xa xưa đó của chúng tôi, nhiều cô thiếu nữ chưa bao giờ biết hết các địa danh nổi tiếng của Huế. Đồi Thiên An, nơi có tu viện của các linh mục dòng Tên và rừng thông. Đồi Vọng Cảnh vươn mình dưới bầu trời thanh, nhìn xuống dòng Hương Giang như tấm gương soi lồng

lộng. Lầu Viễn Đệ bên bờ sông Bến Ngự xanh bóng những hàng cây, nghe nói trong khuôn viên lát gạch có bức tượng bán thân của bà Viễn Đệ để ghi khắc cuộc chia tay não lòng do nghịch cảnh nàng dâu, mẹ chồng, đến nỗi bà phải đem thân nương cửa Phật...Ít nhất là ba nơi này, với những hình ảnh vẽ ra theo truyền tụng của dân gian, cho tới tận bây giờ, cứ mãi còn là huyền thoại đối với riêng tôi. Thế nhưng, kỳ thú thay, từ huyền thoại nên thơ ấy, nay có một người phụ nữ tài danh vừa bước ra...

Nhờ bà, tôi mới biết trường cao đẳng mỹ thuật Huế tọa lạc ngay trong khuôn viên lầu Viễn Đệ, trên bờ sông Bến Ngự. Thật dễ chịu khi tôi hình dung lại, khoảng thời gian đầu thập niên 1960, ở cái thành phố Huế nặng truyền thống cổ kính của tôi, trong lúc đa số con gái cấp sách tới trường để mưu cầu một mảnh bằng cho phép họ xây dựng một cuộc sống bình thường trong khuôn khổ thì cũng có vài người như hạt mưa long lanh trên tầng cao, như giọt nước không trôi theo giòng, như tia nắng rực rỡ lẩy mình giữa trời hạo nhiên, như ngọn gió thu góp phấn hoa đi gieo trồng những mùa gặt khác thường, các nhân vật đặc biệt này, cùng với khung vải, màu, sơn cọ, đã cả quyết đem theo họ tới ngôi trường bên bờ sông Bến Ngự, giấc mơ to lớn của đời người: tái tạo cuộc sống, vũ trụ, nhân quần, có khi bằng những phiên bản nghệ thuật, có khi bằng hình tượng nhìn thấy, tạo ra, do cảm xúc sáng tạo diễn đạt với ngôn ngữ tài hoa riêng. Thanh Trí là một trong vài thiếu nữ tuổi đôi mươi hiếm hoi này khi bà tốt nghiệp ưu hạng khóa I (1957- 1961) trường cao đẳng mỹ thuật Huế.

Sinh trưởng từ một quê hương cỏ cây, sông núi diễm lệ, những năm tháng lớn khôn giữa cảnh thần tiên đã tưới tẩm tâm hồn Thanh Trí, ban cho bà không chỉ khả năng cảm nhận vẻ đẹp của trời đất bao la, của cõi người ẩn mật xung quanh, mà còn ban cho bà tình yêu, khát vọng thể hiện chúng như một cương chống mãnh liệt trước thời gian mong manh, như câu trả lời khẳng định mỗi sát na trong hội họa là ngàn năm.

Người nghệ sĩ thường sống nhiều hơn một cuộc đời họ có, nhiều hơn một con người trong bản thân. Điều này vừa là ưu thế, vừa là đớn đau, trăn trở bởi những xô đẩy nội tâm, những lựa chọn thường không dễ dàng khi phải thích nghi cái vô cùng trong cảm thức của họ với cái hữu hạn của đời thường.

Thế mà Thanh Trí đã êm đềm vượt thoát ranh giới khốc liệt này suốt năm thập niên. Bà làm vợ, làm mẹ, nay làm bà nội, bà ngoại, làm họa sĩ, thi sĩ cùng một lúc, trong hòa điệu, trong hạnh phúc, trong bình an.

Những ai từng ở Huế chắc không bao giờ có thể quên tiếng mưa đêm rơi trên tàu chuối, cái thanh âm thật gần, lúc rào rạt trên phiến lá, chà xiết lên những đầu dây thần kinh nhạy cảm của người nghe, lúc rì rã, gõ xuống cõi lòng rét mướt, cô quạnh, như một điệu ru buồn. Càng không thể quên những hồ sen bát ngát hương hoa, những cánh sen hồng, sen trắng, cả những cánh sen non màu thiên lý, là những bài kệ hát lên giữa hư vô điệu thiên ca thanh thoát.

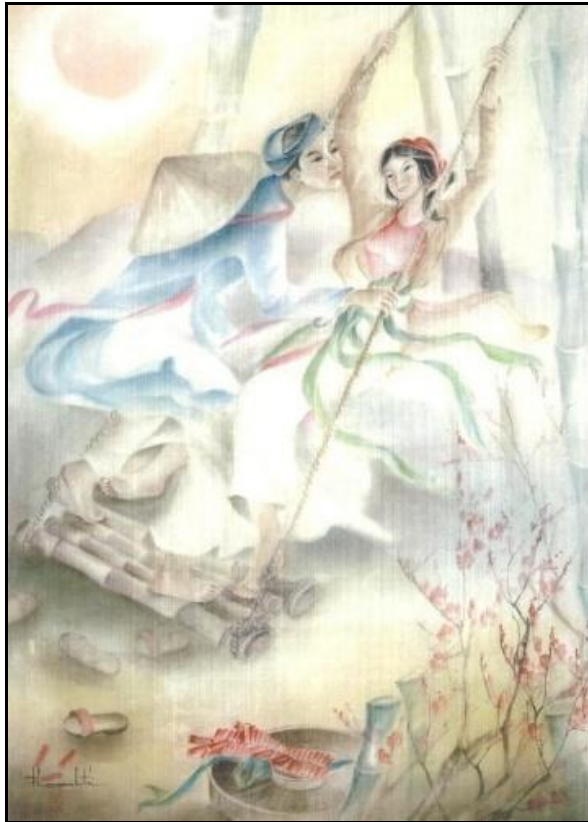
Người mẹ hiền hòa trong bức tranh bìa tập tranh thơ Thanh Trí ngủ giấc thần tiên giữa tình mẫu tử, trong vỗ về tiếng sóng biển Đông và bên vành nón quê hương. Cho dù thân thể mẹ có tang thương như tàu lá chuối bị gió mưa dập vùi tơi tả, lòng mẹ vẫn tinh khôi những đóa tịnh liên, con vẫn ấm áp trong chõ che, vẫn có tiếng chim hót ru và ngọn đòng đòng nuôi con khôn lớn. Tác phẩm của bà thoát tiên là một gắn bó thủy chung với vẻ đẹp và niềm tin kiên định nơi sinh trưởng, về sau, là những gắn bó đầy cảm xúc với mọi cảnh đời bà chứng kiến hay trải qua.

Tôi đặc biệt yêu thích tranh màu nước trên lụa của Thanh Trí. Ngoài kỹ thuật sáng tác của họa sĩ mà tôi hoàn toàn không có khả năng nhận định, tôi thú vị bất gặp những cảm hứng bất chợt đem lại sự bất ngờ như một

nét duyên thầm ý nhị trong tranh của bà. Trong bức **Thời Gian và Không Gian** chập chùng ánh dương hồng và màu đêm thấp thoáng, nét bất ngờ là vàng trắng lười liềm trên đầu cánh võng. Trăng thượng tuần hay hạ tuần đây? Năm tháng, cảm hứng đã vơi khuyết rồi hay đang chờ mong lúc đầy?



Với bức **Hong Nắng Mới**, cô gái sống áo trắng, hờ hênh buông thả mình vào giấc ngủ trưa trên chiếc chõng tre nhưng sao bàn chân này dẫm lên thúng hàng, bàn chân kia không rời chiếc guốc. Trong vô thức, cô giữ chặt điều gì?



Bức **Ngày Xuân Đánh Đu**, chẳng phải bốn mảnh quần hồng bay phấp phới, hai hàng chân ngọc ruỗi song song là nét gợi tình mà chính là những chiếc guốc tung hê vôi vàng, lảnh lót, khi đôi trai gái nhìn thấy nhau. Bức Suối Baatan Philippines, những nhánh cỏ là yếu tố bất ngờ làm nổi bật sức sống thật của toàn cảnh ghi xuống mặt lụa.

Vì không có ngày tháng ghi trên mỗi họa phẩm, tôi không biết Thanh Trí bước vào vẽ tranh sơn dầu từ thời điểm nào? Nghe nói, trong sự nghiệp sáng tác của người nghệ sĩ, sơn dầu là một mời gọi hết sức lôi cuốn, thách thức lớn vì nó là sự phối hợp hoàn chỉnh giữa cảm hứng bay lượn, đường nét chuẩn xác của bàn tay xử dụng cọ và sự tiên liệu những gam màu tài hoa. Không thể ngập ngừng, vấp vấp. Không thể làm lỡ. Như mũi tên buông trên dây cung, một là tới đích, hai là mất vào hư không.

Có lẽ cuộc sống kinh qua tuổi đời từng trải sẽ càng lúc càng thô cứng hơn, những hình thái đa dạng của nó cần sự đào bới, đập vỡ, khống chế và thể hiện bằng mọi phương tiện thích hợp sẵn trong tầm tay và đáp ứng được khát vọng của thời đại. Rời bỏ khung lụa, chuyển sang mặt gỗ, tôi vui mừng thấy tranh sơn mài của Thanh Trí vẫn có nét uyển chuyển, mượt mà, tươi thắm đáng yêu. Dưới bàn tay Thanh Trí, dù với lụa mong manh, dù với sơn rất cứng đầu, dù với gỗ vô tri giác, con người và cuộc sống luôn được thể hiện lung linh cảm xúc và nồng nàn hơi thở. Mặc dầu được tiếng là sở trường về tranh lụa, Thanh Trí không vội bằng lòng với giới hạn này. Với bà, con đường khai phá trong sáng tạo và tự tìm kiếm mình không có nơi dừng chân.

Bà bước vào địa hạt trừu tượng với tất cả hồn nhiên và tự tin, diễn tả cảm xúc bằng những hình tượng và màu sắc đến trong mắt hay trong thần trí say mê nhưng hoan toàn tỉnh táo của bà. Ngoại trừ một lần người xem ngỡ như được nhìn thấy bà tự bộc lộ mình với tâm thế đôi phần giao



động, nét hốt hoảng, tiếng kêu bi thương của sắc màu bối rối, của ngã xuống rồi hình với bóng níu nhau can cường đứng lên trong bức Linh Hồn Nghệ Thuật và Bóng Thời Gian, kỳ dư tôi liền lĩnh đoán rằng những năm tháng dạy học có ít nhiều tác động đến khuynh hướng hợp lý, sự trong sáng và tự chủ tuyệt đối của bà trong diễn đạt, đường nét, bố cục, tự chúng có sẵn câu trả lời cho người thưởng ngoạn. Thử thách mình đã đủ. Đến một lúc nào đó.



Thanh Trí không chỉ vẽ, bà còn nghe hát lên trong cảm hứng của mình những giai điệu thơ. Bà ghi xuống mặt giấy những giai điệu ấy như một hái tặng cho người những bông hoa bất ngờ bùng nở muôn màu trong xưởng vẽ, những bông hoa làm bạn với bà trong những giờ một mình cặm cụi. Hóa ra người nghệ sĩ cũng còn là người chiến sĩ, phải chiến thắng trong mọi hoàn cảnh để sống còn. Chiến thắng càng gay gắt, tác phẩm kết tinh từ chiến thắng ấy càng lớn. Đến đây, tôi dường như chợt

hiều lý do bức sơn dầu Chiếc Lá hiện diện trong tuyển tập tranh thơ của Thanh Trí: áo trận, giày saut (một đôi giày rất khỏe) những chiếc lá phong trên má, trên tay người nữ quân nhân, những chiếc lá mà định mệnh muốn chúng sống đời rục rờ trước khi bị gió cuốn đi dưới trời giông bão.

Tôi tin rằng trong dáng vẻ thanh nhã, với tất cả nét dịu dàng phụ nữ, Thanh Trí có quyết tâm sắt đá trong mọi lựa chọn của bà, luôn can đảm sống chân thật với mình vượt qua ngoại cảnh. Trên con đường tìm kiếm và phục vụ chân thiện mỹ, bà đạt đến một phong cách ứng xử mang nhiều đạo vị giúp bà, áo trận, giày saut, đi những bước vững chãi trong sự nghiệp và đời riêng. Ở một nơi đã nghìn trùng ngăn cách với quê hương, bà thẳng thốt kêu lên trước Cơn Lốc thời cuộc:

*“Về đâu chiếc nón đứt dây?  
Về đâu gió loạn, cuồng quay dấy đờ?  
Lấy chi che nắng, che mưa?  
Lấy chi ngăn gió khỏi lùa tóc xanh?”*  
(Hỏi Gió Loạn)

Tám lòng quan hoài cố quốc của Bà thật xót xa:

*“Minh niên khai bút lệ đầu xuân  
Năm nay khai bút, bút chẳng vờn  
Giấy mực lạnh lòng không muốn động  
Lặng yên ngòi ngấm khói trầm hương”.*  
(Ngày Xuân Nhớ quê)

Tách rời khỏi đất mẹ nuôi dưỡng, người nghệ sĩ sống bằng hơi thở của quá khứ và đồng loại thấy mình cằn khô như lũ ốc mượn hồn:

*“Mãi ngòi đây với nỗi buồn tê  
Nhìn giấy bút tưởng xác ốc sò*

*Gọi cảm hứng sóng đã về mô?  
Làm ngậy đại khung trời đang sống*  
(Gọi Sóng)

Nhẹ nhàng bày ra, xóa đi những cảnh đời trên khung vải, Thanh Trí có nụ cười an nhiên, phóng đặt trước thời gian mong manh, sự vô thường của kiếp người trôi trên giòng sinh diệt:

*Cánh võng thời gian lộng giữa vời  
Trời trăng hai mối cột chơi vơi  
Đêm đưa hồn mộng thăm cung Quảng  
Ngày đẩy tâm linh sáng đạo đời...  
Ngày đêm thức tỉnh mầm Sinh Trụ  
Từng phút hoại không chẳng nhẹ vơi”*  
(Cánh Võng Thời Gian)

Cái thành phố Huế thơm ngát trầm hương một thời cổ tích, sớm khuya lay động tiếng chuông chùa trên những cánh ngọc lan, oanh thảo, cái thành phố những đêm mùa hè trẻ thơ ra ngồi bờ ao đợi một cánh sao băng để thấy mình bay theo ánh sao về chân trời xa thẳm, nhiều phần đã lưu lại dấu ấn đậm đà đạo vị trong tâm hồn Thanh Trí, khiến bà dễ chan hòa cùng vũ trụ, soi trong đại ngã có bóng hình cái tôi nhỏ nhoi:

*“Cô đơn một thoáng trong hư ảo  
Hỏi bóng thân yêu giọt nước nào?”*

Thế giới hội họa của bà, vì thế, chan chứa tình yêu, sự thủy chung hiền hậu, vẻ đẹp của những bông hoa nở trong nắng sớm, tàn rơi lúc chiều tà, không có gì lạ lẫm, phi thường, nhưng đó là đời sống với tất cả rung động đến từ một tấm lòng, một tài năng, vì tha thiết trân quý đời sống ấy nên đã không ngừng cất cao lời ca ngợi và đem chia sẻ nó với mọi người”.

# Tự Lực Văn Đoàn

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



*Nhà văn Bùi Bích Hà và nhà văn Ngọc Cường-Nguyễn Tường Cường tại buổi ra mắt cuốn sách “Tự Lực Văn Đoàn và Các Cây Bút Hậu Duệ” ở đại học CSU Long Beach hôm 15 Tháng Chín. (Hình: Uyên Vũ/Người Việt)*

Chủ Nhật, 15 Tháng Chín, 2019, nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật do nhà văn Trần Việt Hải chủ trương đã phối hợp với Tiếng Thời Gian tổ chức buổi ra mắt

cuốn sách *“Tự Lực Văn Đoàn và Các Cây Bút Hậu Duệ”* tại Lecture Hall, Room 151, thuộc đại học CSU Long Beach. Khuôn viên một trường đại học luôn là không gian thích hợp cho mọi sinh hoạt văn hóa dưới nhiều hình thức, tuy đối với phần đông độc giả hâm mộ Tự Lực Văn Đoàn nay đã bước vào tuổi cổ lai hy, đường đến đây thật không dễ dàng. Dẫu là thế, dẫu chậm hơn giờ khai mạc trên thiệp mời nửa tiếng đồng hồ để đợi tham dự viên đi lạc, sau cùng, các hàng ghế thẳng tắp trong giảng đường của trường cũng đầy thính giả, trên một trăm vị căn cứ trên các con số thứ tự ghi trên vai ghế.

Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi xin phép không nói về hình thức buổi sinh hoạt mà xin tập trung vào ý nghĩa trong nỗ lực rất đáng quý của tất cả quý vị đã bỏ công sức hàng năm trời để hoàn tất kế hoạch trình làng tập sách và của cả thính chúng đến dự hôm nay như một sự đồng thuận trân quý đối với di sản tinh thần Văn Đoàn Tự Lực để lại cho người sau.

Trong Lời Giới Thiệu ngay đầu sách, ban biên tập trích dẫn câu viết của nhà văn Ross Victory từ tác phẩm *“View from the Cockpit: The Journey of a Son,”* như sau: *“This book is about our lives and legacy as men*

*connected through blood and – should nature have its way – the ultimate choice we as sons, face to preserve our father’s legacy or to torch it to build something new.”*

Tinh thần công chính và khai phóng trong câu trích của Ross Victory như que diêm bất ngờ cháy lên trong tâm trí tôi, soi rọi, đánh động một quan tâm, một khám phá mới bên cạnh tâm tình biết ơn ghi khắc sâu đậm trong lòng tôi nhiều thập niên qua đối với Văn Đoàn Tự Lực, từ những ngày tôi bắt đầu khôn lớn.

Tôi thường được nghe và được đọc đâu đó những bài viết nói về sức mạnh của chữ nghĩa ví với sức mạnh của những quân đoàn vũ trang. Nghe và đọc nhiều nhưng tiếc thay, chưa thấy. Ngay cả lòng biết ơn như trời biển của tôi đối với các bậc thầy chữ nghĩa trong Tự Lực Văn Đoàn thì cũng chỉ giới hạn ở những bài làm của tôi thời đi học được hội đồng giáo sư khen thưởng, ở ngôn ngữ ăn nói mạch lạc của tôi trong nghề dạy học và trôi chảy trong giao tế đời thường. Thế thôi.

Năm 2001, sau mười lăm năm đất khách, quê người, tôi về Việt Nam lần đầu để rải tro cháu Thái Hà trên dòng sông Hậu, nơi cháu bắt đầu chuyến đi không may; để lo sửa sang ngôi mộ hoang phế của phụ thân nằm trong khu đất thuộc ngôi chùa Ái Hữu Đồng Châu Bắc Việt, nay đổi tên là chùa Tập Thiện, do chính ông xây dựng dưới thời Vua Khải Định. Trong dịp hãn hữu này, tôi đã tận mắt nhìn lại cuộc sống lầm than của đồng bào tôi không riêng Huế mà ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, không khác gì ngày tôi ra đi mà ngàn lần tệ hơn. Trong phút giây cõi lòng tan nát, tôi chợt thấy chữ nghĩa mà tôi sống hằng ngày với, mà tôi gửi gắm vào đáy bao nỗi niềm và hy vọng qua những hàng chữ viết xuống giấy, thật sự là hão huyền, vô dụng, chẳng có ý nghĩa gì trước những nỗi thống khổ không bút mực nào tả xiết của dân tôi.

Trở về Mỹ, tôi như con thú bị trọng thương, bỏ hết những công việc đang làm trong lãnh vực truyền thông, ăn năn riêng mình quanh những suy

ngữ viên vông, kém cỏi và sự bất lực trong bản thân. Cả năm sau, nhờ bạn bè, thính giả, độc giả thăm hỏi, khuyến khích, thuyết phục, cộng với những thao thức cá nhân ngày càng chùng chát, tôi cầm bút trở lại nhưng chỉ để viết về những vấn đề thời sự và đời sống, hoàn toàn không sáng tác được nữa.

Trước tình hình đất nước/cộng đồng hiện nay, tôi không thể không cảm nhận trong vẻ đẹp hư cấu của văn chương cái hào nhoáng phù phiếm, ích kỷ và dối trá, không lợi lạc gì cho ai, quan trọng hơn, cho cả đại cuộc đang lâm vào thế bí nếu không là một cách tìm quên những điều không thể quên.

Sau này, trong gần mười lăm năm miệt mài trông coi tờ nguyệt san Phụ Nữ Gia Đình, tôi cũng chỉ nuôi một mơ ước duy nhất là được chia sẻ với bạn gái những kinh nghiệm vượt khó, giúp quý chị tự khám phá kho tiềm năng vô biên bên trong mỗi người, mạnh dạn thay đổi những gì cần thay đổi để cuộc sống gia đình, xã hội và bản thân quý chị ngày càng tốt đẹp hơn theo thời gian.

Cùng với rất nhiều cây bút khác như loài ong cho mật, như loài tầm nhả tơ, cần mẫn, âm thầm, bèn bĩ trong kiếp đời lưu lạc, đã chọn con đường tận hiến cho chữ nghĩa, chúng tôi mỗi người ở một mặt trận riêng, tranh đấu không mệt mỏi trong khả năng mình cho những điều mình tin là đúng nhất. Tôi không được vinh hạnh có mặt trong hai mươi năm văn học rực rỡ của miền Nam Việt Nam, từ sau cuộc di cư vĩ đại do Hiệp Định Genève chia đôi đất nước Tháng Bảy, 1954, và trước cuộc di tản bi thảm Tháng Tư, 1975. Cửa trăm hoa đua nở. Cửa tự do sáng tác và đổi mới. Ngay cả của đấu tranh trực diện bằng ngòi bút và ngôn luận để bảo vệ quyền được viết, được lên tiếng, được bày tỏ nhằm chống lại độc tài và cấm đoán ở phần đất nước mới ra đời bên này sông Bến Hải, theo chân các nhà văn, nhà thơ, nhà viết nhạc, nhà báo... như phù sa từ biển bắc đổ về trong mùa biển động, từ biển nam hiền hòa cũng bùng bùng thức giấc cùng bão tố thời cuộc.

Tiếc thay, phải chăng cái giá cao nhất và cũng đau đớn nhất của tự do là chúng ta có những ngón tay măng muốt, tài hoa, mỗi ngón dài ngắn và có vẻ đẹp riêng, tồn tại bên cạnh nhau nhưng không hoạt động như một bàn tay để có thể cầm nắm hay xô dịch một cái gì? Hay tự do vốn bất kham nên ở đâu thì số phận của tự do cũng chỉ như con tuấn mã không yên cương, lòng bốn vó, hí vang trời, một lúc nào đó, ở một quãng đường nào đó nhưng không thể chạy đường dài? Hay tự do thật sự không hề có mà chỉ là giấc mơ trong tiềm thức của những con người ngoại khổ, như ngôi sao bắc đẩu lấp lánh trên bầu trời thăm thẳm cao cho chúng ta thỉnh thoảng ngược nhìn nhưng không bao giờ cầm nắm được?

Trở về với văn học, nghệ thuật và chữ nghĩa, tôi nghiệm ra sức mạnh thu hút và chuyển hóa của chúng là sự khơi gợi cảm thông ở nhiều cấp độ, cụ thể nhất, thấy ở các bài hịch tướng sĩ đầy uy lực, các bài diễn văn hùng biện từ cửa miệng các nhà lãnh đạo đắc nhân tâm, ở các tác phẩm văn chương hay âm nhạc lay động trái tim của quần chúng mọi lúc, mọi nơi, mọi tình huống. Cho nên, trên dòng lịch sử văn học, không thiếu những tác phẩm càng lớn càng bị cấm đoán, ở một thời điểm nào đó và bởi một thế lực nào đó.

Trong không khí trầm lắng của buổi sinh hoạt tưởng niệm Tự Lực Văn Đoàn tại đại học CSU Long Beach hôm Chủ Nhật, 15 Tháng Chín vừa qua, nhà văn Đặng Thơ Thơ, hậu duệ đời thứ ba của nhóm sáng lập văn đoàn, đã cho tôi lần đầu một khái niệm khác về chủ trương của văn đoàn, đối với tôi vốn rất lơ mơ cho tới ngày nay.

Như đã viết ở phần đầu bài, tôi chịu ơn khai tâm sâu đậm của Tự Lực Văn Đoàn từ những ngày thơ ấu, hăm hiu, lẻ loi, là cái bóng nhỏ lang thang trong ngôi nhà và khu vườn quá rộng, bóng tối nhiều hơn ánh sáng, im lặng nhiều hơn tiếng động. Sau này, khi đã làm quen với sách truyện Tự Lực Văn Đoàn, mọi buổi trưa hè vắng vẻ, thay vì lén ra đầu đường thuê cái xe đạp nhỏ bằng tiền quà sáng mẹ dúi cho nhưng tôi nhin, chạy loăng quăng, có hôm té xuống bờ ao, tôi chui vào phòng vệ sinh thật đẹp

của bố tôi, đọc “*Hồn Bướm Mơ Tiên*,” “*Nửa Chùng Xuân*,” “*Nắng Thu*,” “*Đôi Bạn*”... chưa hiểu gì mấy, chỉ nghe dội lại trong tâm hồn mình âm thanh êm ả của lời văn và đối thoại, chỉ thấy tôi bồng bênh trên những tầng thanh khí bao la và gió thoảng đưa mùi hương lạ. Có hôm mẹ tôi tình cờ đi qua, nghe tiếng tôi xì xào bên trong, bà bắt tôi mở cửa. Tôi trèo lên miệng bồn cầu, giấu quyển sách trên nóc hộp nước xong mới bước ra. Mẹ tôi tưởng con hay chơi trò nấu nướng và cúng bái, bị ma nhập, lay mãi vai tôi, hỏi tôi nói gì với ai trong phòng vệ sinh? Tôi càng giả bộ ngây ngô, mẹ tôi càng sợ. Bà lôi tôi xuống bếp, đốt nguyên một bó nhang, đi xung quanh tôi khấn khứa rồi vung tay vãi gạo muối ra sân.

Từ đấy về sau, tôi không vào phòng vệ sinh của bố tôi nữa mà trốn ra tận góc vườn trước, chỗ bố tôi dựng cái am nhỏ thờ thổ thần. Tôi tha hồ diễn kịch với các nhân vật trong truyện, chán thì giấu sách dưới bệ thờ và chạy đi chơi trò khác. Kết quả là ngay từ lớp ba, bài luận văn nào của tôi cũng được thầy Hạnh bảo đọc cho cả lớp nghe. Không chỉ vậy, tôi viết rất đúng chính tả. Thầy tôi người Huế, phát âm tiếng Huế nên thường bị lỗi chính tả, bài viết nào của thầy trên bảng, thầy cũng bảo tôi trước mặt cả lớp: “*BH lên sửa chính tả cho thầy!*” Tôi học được văn hay, chữ tốt, nhờ Tự Lực Văn Đoàn. Tôi học được tính ngay thẳng, đức khiêm cung từ thầy tôi, những người ơn lớn đã giúp tạo nên tôi cho tới tuổi này. Thế nhưng tôi chưa bao giờ được ai dạy cho biết Tự Lực Văn Đoàn không chỉ làm văn chương như một thứ trang sức tinh thần mà Tự Lực Văn Đoàn còn đảm đương một sứ mệnh lịch sử, dù bất thành, nhưng đó mới là tâm huyết của tất cả những người chủ xướng khi ngồi lại với nhau trong một kế hoạch chung và cho một mục đích chung. Văn Đoàn, với họ, sau giai đoạn bài trừ hủ tục, canh tân dân trí, là khí cụ mưu cầu độc lập, tự do cho đất nước, dân tộc, thông qua vận động quần chúng từng bước để chống lại cùng lúc, chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa Cộng Sản. Họ bị cả hai thế lực đen tối ấy truy bức. Họ phải trốn chạy, xiêu liêu, thất tán. Họ bị sát hại không nương tay để Tự Lực Văn Đoàn đi đến chỗ tan rã khi vừa bước vào giai đoạn cuối cuộc cách mạng dân sinh, là mục tiêu cao cả nhất của Văn đoàn.



Nếu lịch sử loài người là một diễn tiến liên tục, là sự lặp lại những kinh nghiệm đã qua thì tưởng niệm Tự Lực Văn Đoàn thiết tưởng nên là cuộc tưởng niệm toàn diện, không chỉ về mặt văn hóa mà cả về tinh thần dân tộc tự lực tự cường, là viễn tượng sớm sửa của những thành viên chủ lực của Văn Đoàn và là nguyên nhân sâu xa đưa chúng ta đến tình cảnh lờ khốc, lờ cười đầu thập niên 1970 sau hòa đàm Paris, khi người Mỹ bỏ rơi miền Nam Việt Nam vì không cần sự hiện diện của nó trên bàn cờ mới của Mỹ quốc nữa!

Không còn lãnh thổ, tất cả mọi kiến trúc văn học huy hoàng của miền Nam dấu không mất đi thì cũng không trụ được để phát huy mà chỉ còn là di sản quá khứ. Tự hào? Tiếc nuối? Chiêm nghiệm? Người đương thời và hậu duệ Tự Lực Văn Đoàn nên có tâm trạng nào? Hướng đi nào? Có thấy là chúng ta, hơn bao giờ hết, cần cảm nhận mối dây huyết thống ràng buộc như nhắc nhở của nhà văn Ross Victory, để dễ dàng ngồi lại với nhau cho một kế hoạch chung và một mục đích chung không? Sự thật có phải là các nhà văn Việt Nam tài năng, sáng tạo, trong và ngoài Tự Lực Văn Đoàn, vẫn cùng độc giả và đồng bào đứng trước nhiều vấn đề nan giải như trước đây nửa thế kỷ: nợ văn chương và nợ chính mình một tác phẩm tầm cỡ ngang với bi kịch của lịch sử; nợ đất nước và nợ dân tộc một cuộc cách mạng trả lại cho nhau những giá trị đã bị mất trong trận giặc thổ phi vừa qua? Hay sau cùng, xoa tay, nói như nhà văn Trịnh Y Thư, *“Chỉ là đồ chơi?”*

Cho dầu là đồ chơi, cũng xin là một trò chơi đẹp và có ý nghĩa.

**Bùi Bích Hà**

Theo Người Việt Online ngày 18/9/2019

## Lại nói chuyện ‘cô đơn’ - Bùi Bích Hà



Cách đối phó hữu hiệu nhất một khi vô phương chống lại nỗi cô đơn là hãy ôm lấy nó như người bạn tri kỷ là chính bóng mình với nụ cười hòa bình trên môi...

(Hình: DALE de la REY/AFP/Getty Images)

Mấy câu thơ Xuân Diệu viết từ thời tiền chiến, hẳn là ở độ tuổi thanh xuân với trái tim rộn ràng tình yêu đôi lứa.

*“...Được giận hờn sung sướng biết bao nhiêu  
Nay mình anh nghe tất cả buổi chiều  
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh  
Anh nhớ em, anh nhớ hình, nhớ ảnh...”*

Tôi thuộc lòng và thường đem ra đọc những khi cần khuyên can, hòa giải những người yêu nhau nhưng lại không thể nhường nhịn nhau để mỗi người... cứ lặng lẽ buồn một cõi riêng, quên rằng cuộc sống phù du ngắn ngủi thật vô cùng quý giá trong từng sát na mất hút vào hư vô, không bao giờ tìm lại được.

Bây giờ thì chúng ta đang sống ở Hoa Kỳ. Một sáng sớm cuối Đông nắng nhạt nhạt dưới bầu trời màu chì và trong một không gian ẩm ướt cơn mưa nhẹ đêm qua, bên cạnh ly nước đậu rang và vài chiếc bánh biscuit có mùi vị nước sốt gà, giờ tờ tạp chí mới tới qua đường bưu điện, mắt tình cờ đậu lại trên cái tựa đề “Cơn Dịch Cô Đơn” và bên dưới nó, hàng chữ nhỏ “Gần một nửa dân Mỹ ngày nay cho biết họ cảm thấy cô đơn,” tôi giật mình tự hỏi “Thật vậy sao?” Nhìn thấy đó đây thì lâu rồi, đoán ra sự tình cũng lâu rồi nhưng để có một kết luận chung như vừa đọc được trên tờ tuần báo The Week, Tháng Giêng, 2019, thì điều này quá tầm tay một người viết lách xoàng xĩnh như kẻ hèn này.

Trước hết, hãy xem người Mỹ định nghĩa thế nào là cô đơn? Theo bài báo, cô đơn không định nghĩa bằng con số nhiều hay ít bạn bè trong vòng giao tế xã hội. Các nhà nghiên cứu Khoa Xã Hội Học cho rằng trạng thái cô đơn mà con người cảm nghiệm được là khi họ ít tiếp cận với tha nhân, không có những liên hệ thực sự ý nghĩa như mong muốn làm cho họ biết họ là ai và thông cảm được nhau.

Về căn bản, khi một người cảm thấy cô đơn thì đích thật họ đang cô đơn. Hiện nay, cứ một trong hai người dân Mỹ rơi vào cảnh ngộ này. Một cuộc khảo sát mới đây do công ty bảo hiểm sức khỏe Cygna thực hiện với trên 20,000 người tham dự, cho thấy có tới 47% những người được hỏi trả lời họ thường xuyên cảm thấy cô đơn hoặc bị bỏ rơi bên lề; 30% cho biết không có ai thực sự hiểu họ. Hiện tượng này không riêng ở Mỹ mà lan rộng như một trận dịch ra toàn thế giới.

Có 41% dân Anh nói rằng ti vi và con thú nuôi trong nhà là bạn đồng hành chính của họ trong cuộc sống và nước Anh đã để ra cả một cơ quan tầm cỡ ngang với một bộ trong chính phủ để đối phó với vấn nạn cô đơn đang

leo thang. Tướng chuyên ngành giải phẫu Quân Y Mỹ Vivek Murthy nói như sau: “Trong những năm dài hành nghề chăm sóc bệnh nhân, bệnh lý phổ thông nhất mà tôi có kinh nghiệm chữa trị không phải là tim hay tiểu đường mà là sự cô đơn.”

Con người sinh bệnh vì buồn. Điều này người Việt chúng ta đã sớm biết khi đại thi hào của chúng ta, cụ Tiên Điền Nguyễn Du, thế kỷ thứ 19, từng hạ bút cảnh báo nhân gian với hai câu thơ: “...Giết nhau chẳng cái dao cẩu/ Giết nhau bằng nỗi ưu sầu, độc chưa?”

Năm 2010, Đại Học Brigham Young tiến hành một cuộc nghiên cứu và phát hiện rằng tâm thế cô đơn rút ngắn tuổi thọ tới 15 năm, tương tự với bệnh mập phì hay bệnh nghiện thuốc lá hút 15 điếu mỗi ngày. Nhiều cuộc nghiên cứu khác cũng cho thấy ảnh hưởng tương tác giữa nỗi buồn cô đơn và một lô các vấn đề sức khỏe bao gồm tai biến mạch máu não, đột quỵ tim và cả ung thư. Người cô đơn thường mắc chứng khó ngủ hay mất ngủ, bị bệnh trầm cảm và nghiện ma túy. Về già, trí nhớ những người này dễ bị suy thoái để đi tới lú lẫn.

Theo các khoa học gia, cảm giác cô đơn là một hiện tượng tiến hóa, giống như ở loài vật bị cơn đói thúc đẩy đi tìm mồi, sự cô đơn thúc đẩy con người đi tìm chỗ che ở bầy nhóm để sống còn. Để có được ứng xử này là do sự cô đơn kích thích việc sản sinh ra kích thích tố gây lo âu (stress hormones), đặc biệt là cortisol. Với một lượng nhỏ thôi, những kích thích tố này giúp kẻ cô đơn nhạy bén hơn trước hiểm nguy nhưng về lâu về dài, sẽ không tốt cho sức khỏe, đưa tới áp huyết cao, khả năng bị viêm nhiễm gia tăng và hệ miễn nhiễm bị suy yếu.

Nếu không được hỗ trợ về mặt tình cảm, người cô đơn dễ dàng trượt xuống những thói quen xấu như nghiện ngập thuốc xái, ăn uống quá độ

và lười thể thao. Đối với người cao niên, sự cô đơn và cô độc càng nguy hiểm hơn khi tai biến xảy ra, bị té ngã hay bị động tim. Dưới mắt khoa học gia chuyên về thần kinh học John T. Cacioppo tại Đại Học Chicago, “Chối bỏ cảm giác cô đơn cũng hết như chối bỏ cảm giác đang đói.”

Thế nhưng ngày nay, cô đơn có vẻ rất chung cho mọi người. Thời khoảng giữa năm 1985 và 2009, căn cứ trên con số những người được coi là bạn tâm giao giảm bớt, sinh hoạt xã hội cũng được coi là co cụm hơn một phần ba. Một trong nhiều lý do tới từ tuổi già của thế hệ Baby Boomers chủ trương sinh ít con và li dị nhiều hơn thế hệ cha mẹ họ trước đây, khiến có nhiều người bước vào tuổi xế chiều trong cảnh đơn chiếc không có bạn đồng hành.

Cứ 11 người Mỹ trong hạn tuổi ngoài 50 là có 1 người đơn thân, thiếu vắng bạn tình và không cả con cái sống cùng. Thống kê cho biết có chừng 8 triệu người ở trong tình cảnh này và một trong sáu Boomers có cuộc sống quạnh hiu. Không những vậy, thị trường công việc nhiều biến chuyển, buộc nhiều người phải tạm rời bỏ gia đình, quê hương đi làm xa và chịu cảnh cô đơn. Điều đáng kinh ngạc là giới trẻ ngày nay có nhiều rủi ro hơn trong bối cảnh xã hội phát triển và tiến bộ. Cũng trong công trình nghiên cứu của Cigna, thế hệ Z từ 18 đến 22 và Millennials từ 23 đến 27 có kỷ lục cao nhất về tâm cảm cô đơn.

Ngày nay dân Mỹ kết hôn và sinh con trễ hơn. Xã hội Mỹ hiện có nhiều người cu ky hơn bao giờ hết trong vòng hơn một thế kỷ qua, chính xác là 140 năm. Công ăn việc làm không ổn định cũng là một nguyên nhân. Loại công việc “chạy sô” hay với hợp đồng ngắn hạn cho thấy nhiều đối tượng ghi chỉ số cô đơn cao nhất. Mặc dầu bề ngoài trông qua ngỡ là con người thời nay dễ dàng có cơ hội nối kết qua các mạng xã hội hơn, thực tế chỉ làm vấn đề thêm tệ. Cứ miên man bấm chuột chạy qua cả rừng các hình

ảnh nào là hội hè đình đám xô mụ, nào là gia đình sum họp vui vẻ ì xèo, nào là du ngoạn đó đây từng đôi, từng đoàn rất chi là hào hứng, nào là đám cưới cô dâu/ chú rể/ tân khách tưng bừng có thể khiến ai đó xem mà chạnh lòng, cảm thấy mình đứng bên lề và xót xa tủi phận. Một công trình nghiên cứu cho thấy dân Mỹ trong hạn tuổi từ 19 đến 32, có tới 25% những người sử dụng các mạng lưới xã hội nhiều nhất, tiết lộ cảm giác cô đơn của họ cao gấp đôi những người “lướt mạng” ít thôi. Theo một số các nghiên cứu gia, tình trạng cô đơn đã bắt đầu lan rộng trước khi Internet ra đời, từ khi cuộc cách mạng kỹ nghệ bùng nổ, phá vỡ tập quán sống kề cận gần gũi nhau của những cộng đồng nông nghiệp bình ổn.

Theo sử gia Stephanie Coontz tại Đại Học Evergreen State, “điều này đề cập tới một trong những vấn nạn của xã hội tân tiến và cơ động ngày nay.” Một khi chúng ta đạt được tự do thực hiện bất cứ ước muốn nào thì chúng ta cũng đánh mất ý thức “thuộc về” (một ai hay một nơi chốn nào để không có cảm giác chênh vênh) trong bản thể.

Trên đây là nhận định và giải thích của người Mỹ về người Mỹ cô đơn, có thể trong đó gồm cả người Mỹ gốc Việt nhập cư vào Mỹ trên dưới bốn thập niên, ít nhiều sống như người Mỹ nhập cư lâu hơn, lâu nhất trên 200 năm nhưng có cùng may mắn chứng kiến sự ra đời kỳ diệu của nền văn minh tin học, cùng hưởng phúc lợi và hệ lụy của nó để có cùng tâm thế, khác chăng là người Mỹ gốc Việt tới đây thế hệ thứ nhất mang theo vết thương chiến tranh còn nóng hổi, cảm xúc mất quê hương còn nung nấu, hy vọng một ngày về còn đau đáu chưa nguôi dấu biết rằng mơ ước càng lúc càng trôi xa...

Trong cộng đồng người Việt lưu vong sống ngoài lãnh thổ, kể từ thập niên 1980 thế kỷ trước, sinh hoạt ái hữu giữa đồng hương nói chung bắt đầu hình thành, ngày càng mở rộng như thân cây rễ nhánh với sắc thái địa

phương hay do giao tình nghề nghiệp cũ, ngày càng kiện toàn về mặt tổ chức, quy mô và bề thế gấp bội lúc ban đầu. Họ gặp nhau ít nhất mỗi năm một lần dưới hình thức đại hội, làm nhiệm vụ quan hôn tang tế, tương trợ khi cần và giữ liên lạc chặt chẽ.

Tuy nhiên, sự xuất hiện với quyền lực áp đảo của nền văn minh tin học đã đóng một vai trò hai mặt (thấy là tiện lợi hơn nhưng cũng tai hại hơn) không chỉ thay đổi cung cách thông tin, giao tế, làm ăn mà ngay cả tư duy/ cảm xúc vốn là lãnh vực riêng tư của mỗi thành viên xã hội, khiến cho mọi gần gũi “vật lý” trước đây lui vào thế giới ảo, máy móc, thiếu hẳn hơi ấm của nhau. Bây giờ, cảnh cha mẹ/ con cái, vợ/ chồng, anh chị em/ bằng hữu nói chuyện hàng ngày với nhau bằng điện thoại thông minh xảy ra khắp mọi nơi, mọi lúc, cả những khi bên cạnh nhau, đòi diện nhau, mỗi người cắm cúi trong thế giới riêng mình thay vì nhìn nhau, nghe nhau, cảm thấy hạnh phúc khi có nhau như thế. Thử hỏi khi mọi việc đã qua đi, cái gì còn lại nếu không là kỷ niệm?

Tiếc thay, con người ngày nay có thể rất hài lòng với cái điện thoại thông minh, ngày đêm ăn ngủ với nó nhưng chắc là không thể có kỷ niệm với nó? Không biết đàn cá hồi hằng năm tìm về khúc sông cũ để sinh nở, để chết; lũ bướm thiên di bay cả ngàn dặm về đậu trên những cành khuyh diệp trong khu rừng quen thuộc hay bầy hạc cùng nhau đập cánh trở lại vùng đầm lầy bằng lảng bóng chiều mỗi cuối Tháng Mười như một thói quen đầy xúc cảm, liệu chúng có cùng một ký ức lưu giữ kỷ niệm như con người từ ngàn xưa vốn dĩ vậy không?

Người già Việt Nam không có thói quen ôm cái ti vi quảng cáo nhiều hơn tin tức đó đây, càng ít phương tiện để nuôi và chăm sóc vài con thú cưng làm bạn hay đi du lịch để thưởng thức cảnh đẹp đường xa xứ lạ sau gần trọn một đời mãi mê làm lụng để gây dựng tương lai cho con cái, sợ

chúng thua kém người ta. Con cái lớn khôn, như chim rời tổ ấm, ít khi nhớ lại rơm rạ lúc chào đời nên cha mẹ già nếu may mắn còn đủ đôi, ở nhà đã cô quạnh, vào nhà già càng cô quạnh hơn trong cái thế giới ngôn ngữ bất đồng, con người làm việc tính trên kim đồng hồ và số lượng công việc cần hơn là phẩm chất.

Các cụ chân còn khỏe, ngoại ngữ đủ nghe, đủ nói để không làm các cụ sợ hãi thì đáp xe buýt tới các sông bãi lân cận, la cà mua vui qua ngày với dàn máy kéo đở đên bằng số vốn ít ỏi từ trợ cấp xã hội hay tiền lương hưu bồng gộp vào. Các cụ may mắn hơn, còn vài bạn thiết từ thời chưa có Internet thì họp mặt chược, xập xám, xì phé, chần cạ hay tứ sắc tại nhà, mỗi tuần 5 ngày trừ ra 2 ngày cuối tuần chuẩn bị đón con cháu về chơi tuy chúng không có hẹn song các cụ không thể không dọn nhà và dọn mình, sợ chúng trách móc thì ít mà sợ chính mình sẽ ăn năn thì nhiều. Ấy là chưa nhắc tới các cụ tuy sức lực hao mòn nhưng để tránh nỗi buồn quạnh hiu, vẫn vui vẻ thờ rốc, nhận làm babysitters cho các cháu, tiếp tục gánh vác trách nhiệm giùm đám con không ưu tiên phụng dưỡng nhưng luôn ưu tiên nhờ cha mẹ giúp việc này việc khác với không chút ngại ngùng.

Ôi! Nước mắt cha mẹ ngàn vạn năm như thác đổ sau nhà, chỉ chảy xuống, không thể chảy ngược lên. Phải chăng già hay trẻ, con đường đi của nhân gian tuy sớm muộn có khác nhau nhưng bản chất là một và nỗi cô đơn nằm sẵn trong mỗi phận người. Cách đối phó hữu hiệu nhất một khi vô phương chống lại nó là hãy ôm lấy nó như người bạn tri kỷ là chính bóng mình với nụ cười hòa bình trên môi, cũng là nụ cười cứ mãi thanh xuân trong ký ức như một đặc ân Thượng Đế ban cho loài người trên địa cầu xinh đẹp này.

**Bùi Bích Hà**



# Đời Vẫn Đẹp

\*\* Bùi Bích Hà \*\*

Nguồn: <https://www.nguoi-viet.com/>



***Bác Sĩ Tadashi Hattori (trái) hạnh phúc khi bệnh nhân sáng mắt. (Hình: hsbjapan)***

Giữa một núi tin tức buồn bã trong Tháng Mười, trùng hợp với thời tiết mùa Thu vừa trở lại. Trời khi nắng khi âm u. Gió Santa Ana như đàn ngựa hoang lồng vào thành phố còn rơi rớt chút Hè muộn trên cỏ cây xơ xác. Cành khô gãy, vết thương còn mới, nằm phơi đó đây dưới lòng đường, xe vệ sinh chưa kịp dọn dẹp.

Tôi nhận được email của BL, kể chuyện ông bác sĩ nhãn khoa người Nhật, hiện đang lặn xả ở Việt Nam để cứu chữa miễn phí các bệnh nhân đau mắt khỏi bị mù.

Hóa ra truyện cổ tích có thật trước khi trở thành cổ tích.

Bác Sĩ Tadashi Hattori sinh năm 1964 tại Osaka. Tốt nghiệp đại học y khoa danh tiếng Kyoto chuyên ngành mắt, ông được công nhận là một bác sĩ tài năng hiếm có trong lĩnh vực giải phẫu cắt dịch kính, điều trị

chứng bong võng mạc, võng mạc của bệnh nhân tiểu đường và các bệnh về hoàng điểm. Ông thuộc top 10 trên thế giới về kỹ thuật sử dụng kính nội soi, rút ngắn thời gian phẫu thuật xuống (còn 1/3) với tính chính xác cao và ít gây biến chứng ở bệnh nhân sau quá trình chữa trị.

Năm 2001, trong một buổi hội thảo khoa học quốc tế, Bác Sĩ Tadashi gặp một bác sĩ người Việt, được biết qua vị này nhiều hoàn cảnh đau lòng của các bệnh nhân nghèo ở Việt Nam, bị bệnh mắt nhưng không có tiền chữa chạy khiến phải chịu cảnh mù lòa dù còn rất trẻ. Câu chuyện tình cờ ấy ám ảnh Bác Sĩ Tadashi sáu tháng liền, làm ông suy nghĩ lao lung để tìm một giải pháp. Sau cùng, ông quyết định phải làm một điều gì trong khả năng mình.

Bệnh viện nơi ông đang làm việc không chấp thuận cho ông tạm nghỉ từ bốn đến sáu tháng theo yêu cầu của ông nên ông đành bỏ việc. Phát biểu trên tờ Japan Times, ông nói: “Địa vị và tiền bạc không là tất cả. Tôi muốn làm một điều gì có giá trị và ý nghĩa.”

Chuyến viếng thăm Việt Nam đầu tiên của Bác Sĩ Tadashi kéo dài một tháng để tìm hiểu thực trạng của vấn đề. Trở về Nhật, ông bắt đầu kêu gọi các công ty y tế bảo trợ dự án nhân đạo này nhưng vì ông không làm cho một bệnh viện nào lúc đó nên tiếng nói của ông không được nhân lên rộng rãi để gặt hái được thành quả.

Ông thử nộp đơn xin chính phủ hỗ trợ nhưng viên chức chính phủ trả lời họ chỉ tài trợ các tổ chức NGO thôi. Sau cùng, Bác Sĩ Tadashi quyết định dùng tiền tiết kiệm của gia đình để mua trang thiết bị đi Việt Nam làm thiện nguyện. Quyết định táo bạo của ông khiến vợ ông bất bình. Bà giận ông, tịnh khẩu trong ba ngày nhưng rồi bà hiểu được ý nguyện vị tha của chồng nên quay sang ủng hộ ông trong các chương trình ông thực hiện tại Việt Nam sau này.

Kể từ khi dấn thân vào con đường cứu nhân độ thế của một Bồ Tát giữa đời, Bác Sĩ Tadashi chia cuộc sống của ông làm hai mảnh, ở hai nơi: một phần ở Nhật, phần kia ở Việt Nam. Ông bay về Nhật mỗi hai tuần, làm việc với tư cách một bác sĩ tự do trong các ca mổ khó để kiếm thêm thu nhập trang trải cho hai tuần còn lại trong tháng chữa chạy thiện nguyện cho bệnh nhân nghèo khó ở khắp Việt Nam.



Bất kể nắng nóng hay mưa gió, thời tiết bất ượng thế nào, không gì có thể ngăn cản ông trong nỗ lực thực hiện càng nhiều càng tốt những cuộc mổ đem lại ánh sáng và sức sống cho những đôi mắt trên bờ vực của thiên thu tối tăm.

Thời gian trôi đi, dần dà việc làm tận tụy với kết quả mỹ mãn của Bác Sĩ Tadashi được cộng đồng trong và ngoài hai nước Nhật-Việt biết tới. Hiện tại, lời kêu gọi của ông đã được đáp ứng phần nào từ các bệnh viện công cũng như tư, nhiều nơi nhờ ông từng cộng tác bán thời gian với họ. Như một thiên duyên tiền kiếp, Bác Sĩ Tadashi bày tỏ tình thương và sự xót xa của ông đối với các bệnh nhân Việt Nam chỉ biết chịu đựng. Họ nghèo khổ tới nỗi biết là mắt có bệnh nhưng không cách nào chạy chữa ngoài cách cứ hẹn lần cho tới khi bệnh quá nặng, không còn chữa kịp hay rất khó để chữa. Nhiều người chấp nhận bị mù. Ông cũng cho biết dân Nhật may mắn hơn vì họ đi gặp bác sĩ khi bệnh mới chớm, thường rất dễ hồi phục ở giai đoạn khởi đầu. Trong tình trạng như hiện nay ở Việt Nam, số bệnh nhân bị mù một mắt đột biến rất cao, nhiều lần hơn những nơi Bác Sĩ Tadashi từng biết qua khiến ông hết sức chạnh lòng.

Bất nguồn từ cái chết của phụ thân do sự tắc trách trong trị liệu, ông đau đớn quyết tâm vào ngành y để có cơ hội cứu người đúng với lời thề Hippocrate. Bác Sĩ Tadashi chia sẻ: “Tôi đã thừa hưởng từ cha tôi cảm

hứng sống nhiều hơn cho các mục đích nhân đạo. Lời trời trần cuối cùng của cha tôi là ‘Con hãy luôn sống vì mọi người.’ Ở trường, tôi được thầy tôi dặn dò: ‘Hãy đối xử với bệnh nhân như cha mẹ của mình.’”

Ở tuổi ngoài 50, Bác Sĩ Tadashi vẫn ngày đêm miệt mài với công việc bác ái của ông ở Việt Nam. Ban ngày, ông thực hiện những chuyến đi để giải phẫu mắt cho bệnh nhân, thăm viếng, an ủi họ. Ban đêm, ông cầm cúi viết báo cáo đăng lên website của tổ chức từ thiện Asia Prevention of Blindness Association do chính ông thiết lập năm 2005.

Người Việt quý mến gọi ông là bác sĩ hoặc giáo sư. Ông còn một phương danh bằng tiếng Nhật nữa, là “hige sensei,” chỉ người lương y có lòng nhân ái, được ví với ông Bụt trong cổ tích Á Đông. Trong văn hóa Việt Nam, một thầy thuốc giỏi và có lòng nhân ái được ví với bà mẹ hiền, ngụ ý là người có công đức thụ tạo và bảo dưỡng sự sống của nhân loại.

Thập niên 60 thế kỷ trước ở Việt Nam, bệnh cườm khô ở mắt người già như mẹ tôi còn là một tai họa nếu không được phát giác và chữa trị kịp thời. Vốn quen chịu đựng, mẹ tôi thấy thị lực kém dần đi nhưng không biết là bệnh có thể chữa, chỉ nghĩ là do tuổi già. Bà may vá, phải nhờ tôi xỏ chỉ. Muốn tìm cái kim gài đầu đó, bà lấy tay đập đập lên mặt chiếu hoặc quờ quạng xung quanh chỗ ngồi. Anh tôi ở đơn vị về, thấy vậy, đem việc hỏi bác sĩ quân y ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. Mẹ tôi được khám nghiệm, xòe bàn tay năm ngón cách mắt chừng ba tấc, không thấy gì. Bà được nhập viện mổ ngay.

Kỹ thuật mổ cườm mắt thời đó còn thô sơ, khi chuyển mẹ tôi từ khu phẫu thuật về khu hậu phẫu bằng xe đẩy, bác sĩ dặn tôi cùng với người y công phải nâng xe bổng lên ở những chỗ sân khúc khuỷu, sợ động chạm mạnh. Mẹ tôi bị băng kín cả hai mắt trong thời gian ba ngày nghỉ dưỡng. Hôm tháo băng, mẹ tôi mở mắt ra rồi nhắm lại ngay, khuôn mặt rạng rỡ hẳn. Sau này kể lại, mẹ tôi vui mừng nói ríu cả lưỡi: “Ồi chao, mẹ thấy hết mọi thứ, sáng lòa, thích quá!”

Cho tới bây giờ, tôi vẫn còn ghi khắc trong trí nhớ mình giây phút hạnh phúc hiếm hoi ấy của mẹ, hiểu ra nỗi đau khổ và sợ hãi của một người nếu chẳng may không còn thị giác. Hơn nữa thế kỷ sau ở Mỹ, mổ cườm khô đã trở thành quá dễ dàng và phổ thông cho mọi bệnh nhân nhưng nơi quê nhà khốn khổ của tôi, người dân nghèo bị cườm khô, mắt hột, bị glaucoma vẫn cam lòng bị mù, chưa kể các trường hợp khó hơn với võng mạc, giác mạc, hoàng điểm và nhiều hình thức khác nữa.

Bác Sĩ Tadashi thừa biết rằng với tài năng và học vấn của ông, ông thừa tiền để tậu nhà đẹp, mua xe hạng sang, cung cấp cho gia đình những tiện nghi đắt giá, thậm chí xa xỉ, nhưng những thú vui ấy cùng với những con người sở hữu những thứ ấy chỉ già đi, cũ dần, chết theo những tế bào chết từng ngày trên cơ thể họ, không để lại gì. Nhìn số vốn sống bị hao mòn, mất dần vào hư vô và thấy nó nhân lên, sinh sôi nảy nở, biến hóa vi diệu, lưu truyền cho đời sau, nên chọn con đường nào? Tôi không nghĩ là Bác Sĩ Tadashi đã phải chọn lựa trên những tính toán ấy mà chỉ là ông có một trái tim biết thương yêu đồng loại, biết mình có khả năng cất đi một số nguyên nhân khổ đau của một số người và ông lên đường. Vô điều kiện.

Cảm ơn Trời thỉnh thoảng rải những viên ngọc lưu ly như những hạt mưa thần thoại, làm mát sạn đạo đời nung lửa những bàn chân. Cảm ơn Trời đã tạo sinh những đóa hương sen khi bung nở thanh tẩy được mùi bùn. Cảm ơn những ông cha khi sống, khi chết, đã xây dựng và để lại gia tài cho con là những lời giáo huấn khôn ngoan. Cảm ơn những bà mẹ, những bà vợ tâm lượng bao dung, không ngại ngừng san sẻ phước hạnh riêng mình cho những phận người khốn khó.

Sau hết, cảm ơn những trái tim nhân hậu đã làm cho cuộc đời vẫn đẹp giữa muôn vàn bi thương và khổ đau.

**Bùi Bích Hà**

# Sách Có Linh Hồn Không?

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Nguồn: <https://sangtao.org/>



Nguồn: Internet

Sinh trưởng ở thành phố Huế cổ kính, những thập niên đầu và giữa thế kỷ 20, chúng tôi chịu một nền giáo dục hết sức nghiêm khắc của gia đình. Cha mẹ và cả các anh chị, kiểm soát con em rất chặt chẽ về cả hai phương diện hành vi và tư tưởng. Người lớn rất sợ chúng tôi tiếm nhiễm những điều chất chứa trong nội dung các cuốn sách, nặng nhất là sách truyện hay tiểu thuyết. Bàn học của chúng tôi không có sách nào khác ngoài tập vở liên quan đến chương trình học ở nhà trường, Vài bạn may mắn được gia đình chăm sóc kỹ thì có mấy cuốn sách hồng mông tang nêu cao gương đạo đức cho tuổi thiếu niên.

Phần tôi, người vô tình gợi ý cho tôi tò mò muốn đọc sách từ tuổi lên bảy là chị cả của tôi. Bố mẹ tôi vì công việc, thường vắng nhà. Khác với tôi bị

một chị và một anh trên mình canh gác và trừng phạt thay bố mẹ, chị không bị ai giám sát cả nên chị tự do đọc bất cứ sách gì chị muốn. Tôi còn nhớ như in cảnh những buổi trưa mùa Hè gió hây hây mát, chị ngồi dựa lưng trên cái ghế xích đu đặt ở mé hiên thấp thoáng nắng từ cái dàn thiên lý lá xanh như ngọc, quyển sách úp hờ hững trên ngực, hai mắt chị lim dim, khuôn mặt chị đằm đằm nét dịu dàng thõa thuê của một bông hoa hé cánh. Chị ngưng đọc từng lúc như thế khiến tôi thầm đoán chắc chị đang ôn lại những gì chị vừa thấy mô tả qua mấy trang sách chị cầm trên tay. Điều này kích thích trí tưởng tượng non nớt của tôi, khiến tôi liêu giấu một cuốn của chị trên cái hộp nước trong bồn cầu để tôi có chỗ đọc nó. Dần dần, bằng cách này, tôi đọc được nhiều sách lắm, của Dương thị Hạnh, Hoàng Ngọc Phách, Lê văn Trương, Phạm Cao Cung, v.v.. nhiều nhất là của Tự Lực Văn Đoàn. Có những cuốn đối thoại giữa các nhân vật rất hay và tôi bắt chước họ bằng cách một mình lần lượt đóng mấy vai, một mình đối đáp qua lại, làm đủ cử chỉ như sách mô tả đằng sau cánh cửa phòng vệ sinh tôi đã chốt kỹ. Sau này lớn lên, ăn nói trôi chảy, khẩu khí của tôi chắc từ đây mà ra.

Năm tháng trôi qua, như các bạn bè cùng trang lứa, thời mới lớn, tôi cũng có nhiều anh ngấm ghé. Có một anh du học bên Pháp về, cứ mỗi lần đến thăm tôi, anh đều cho sách, những cuốn anh chọn mua ở nhà sách Albert Portail (sau này là Xuân Thu) trên đường Catinat, Saigon. Nhờ anh, tôi đọc hết những cuốn của Françoise Sagan và rải rác trong chương trình học bên Văn khoa, vài cuốn của Jean Paul Sartre, Albert Camus, Somerset Maugham, André Gide (tôi bỏ nửa chừng) Alain Robbe-Grillet (tôi không mấy thích). Riêng trong số sách anh cho, có một cuốn không thuộc loại văn học nên tôi đặc biệt lưu ý, cuốn *Sur Les Hauts Plateaux du Vietnam*, viết về đời sống của các bộ lạc thiểu số vùng cao.

Thấy anh qua lại đã lâu mà tôi thì lửng lơ, mẹ tôi khuyến khích: “Này con, mẹ thấy cậu Thụy được đấy. Trai gái quen nhau mà cậu ấy chỉ cho con sách. Người quý sách tính tình nho nhã, thanh lịch và sâu sắc con ạ!”

Tôi ngạc nhiên nghe nhận xét của mẹ trong cách đánh giá một con người. Nhất là bà xuất thân từ một làng quê nghèo Bắc Ninh, bản thân mù chữ, trưởng thành với công việc đồng áng lam lũ cho đến khi bước vào ngôi nhà bề thế của bố tôi để sinh con cho ông. Mãi sau này, nghĩ lại, tôi mới nghiệm ra niềm an ủi nuôi sống mẹ tôi qua suốt cuộc đời nhọc nhằn, cơ cực của bà là mấy cuốn Truyện Kiều, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc mà tôi thực sự không biết nhờ đâu bà thuộc lòng không sót một câu!

Đến đời tôi, đứa con không ai chờ đợi trong gia đình vì trên tôi đã có một chị xinh đẹp và một anh khôi ngô, tuấn tú. Từ khi lọt lòng, tôi hấp hút trong tay người đàn bà sinh ra tôi mà tôi chỉ được gọi là chị, loanh quanh với “người chị” từ tinh mơ đến quá nửa đêm, ngày nào như ngày nấy, phải làm trăm công ngàn việc, nhiều lắm chỉ cho tôi thỉnh thoảng ngửi hơi áo đầy mùi mắm muối của chị, không có thì giờ bế ẵm, chuyện trò với tôi, bỏ mặc tôi trong cái xe đẩy bằng mây, lọc cọc bốn cái bánh gỗ trong gian bếp ám khói là nơi chị phải đánh vật suốt ngày với mấy ông đầu râu để lo cơm nước cho mấy chục nhân khẩu. Biết đi rồi, tôi vẫn một mình lủi thủi chơi với mấy con côn trùng vô hại, với cái chày giã cua quán cái tã cũ giả bộ làm búp bê, với cái bánh xe lăn vòng quanh cái sân gạch và tôi luôn miệng mời chào, “Chị ơi, chị đi xe của em lên chợ Đông Ba không?” Lớn hơn tí nữa, tôi lăn lóc từ sáng đến chiều tối với con cái những người thợ thuyền và công nhân trong nhà, chơi đủ thứ trò chơi lảm nhảm của đám con nít không có ai giáo dục như tôi. Phước đức tổ tiên để lại, nhờ chị cả, tôi bước vào thế giới sách và học được bao nhiêu điều kỳ diệu qua ngôn ngữ và cách ứng xử của các nhân vật tác giả vẽ ra trong những cuốn



sách ấy. Cũng cấp sách đi học như nhiều trẻ con khác nhưng vì có tình yêu chữ nghĩa, tôi với biển học như cá gặp nước, cha mẹ không cần roi vọt đe nẹt, thúc bách. Hơn ai hết, tôi sớm biết sách là chìa khóa mở cửa một thế giới huy hoàng, của ánh sáng, của tâm hồn, của trí tuệ, của trái tim và của trí khôn nhân loại.

Mấy tháng nay, tôi có chị bạn đang loay hoay tìm hiểu, thu góp mọi tài liệu liên quan đến những vụ đốt sách xảy ra ở Sài Gòn những ngày đầu tiên sau biến cố 30 Tháng Tư 1975, khi cả miền Nam bị Cộng Sản Bắc Việt trắng trợn vi phạm Hiệp Định Paris, lợi dụng thời cơ đến trong tầm tay và xua quân nuốt trọn phần lãnh thổ VNCH phía Nam vĩ tuyến 17. Chị nói với tôi: “Tội đốt sách cũng ngang với tội diệt chủng. Lịch sử kết tội những lò hơi ngạt của Hitler, sao không ai kết tội kẻ đốt sách?” Bạn tôi không quá lời nếu chúng ta hình dung được mỗi con chữ, mỗi cuốn sách cũng có linh hồn.

Trận đốt sách đầu tiên tôi chứng kiến diễn ra tại lề đường trước mặt rạp chiếu bóng Cao Đồng Hưng, gần chợ Bà Chiểu, Gia Định. Tôi không biết có bao nhiêu cuốn sách và những loại nào được gom thành đống có ngọn, cao chừng hơn một thước, đáy tõe ra chừng thước rưỡi. Nam nữ đoàn viên đội băng đỏ xúm quanh, hăng hái diễn thuyết về nền văn hóa Mỹ Ngụy đòi truy cần phải được đốt sạch. Họ kêu gọi dân chúng tự giác đem nộp sách cho ủy ban quân quản xử lý hay là chờ nhà cửa bị lục soát, sách bị tịch thu và người mang tội với giải phóng và nhân dân? Hiệu triệu xong, họ cùng nhau hò hét inh ỏi rồi châm lửa vào nắm mộ sách. Ngọn lửa nhanh chóng bốc lên ngùn ngụt, khói bay khét lẹt. Tôi hơi lạ, nghĩ sao sách mới in ra thơm mùi giấy, mùi mực là thế mà khi bị đốt, sách không thơm nữa? Mỗi tờ, mỗi trang là thịt da của sách chẳng?

Sau màn đốt sách này, tôi chờ đợi phải chứng kiến thêm nhiều lần nữa nhưng không! Có ai đó thông suốt về kinh tế tầm nhỏ, đã mách nước chính quyền giải phóng đừng dại dột đem sách ra đốt vì tiền đấy! Đem bán ve chai hay giấy lộn sẽ thu được khối tiền. Thế là lề đường đầy người trải những tấm bạt bày bán sách cân theo kí lô và bạn hàng chập phô các chợ xé sách xoàn xoạt để lấy giấy gói các vật phẩm bán lẻ cho người mua. Đó là cách làm kinh tế cấp kỳ của những người chủ mới của miền Nam Việt Nam sau “chiến thắng vĩ đại đưa họ lên đỉnh cao trí tuệ của loài người.”

Không đốt sách nhưng sách vẫn là một hiểm họa đáng sợ cho những kẻ không có khả năng đọc sách, hiểu sách để làm chủ sách. Sách vẫn muôn đời là ngọn đuốc soi đường, là vũ khí tranh đấu hiệu quả trên mặt trận xây dựng Tự Do/Dân Chủ/Nhân Quyền và Hạnh Phúc cho con người chống lại bóng tối của ngu muội và của sự ác. Không triệt được sách, không bỏ tù được sách thì triệt người viết sách, bỏ tù tác giả. Sau cuộc chiến đốt sách sớm tàn lụi là cuộc chiến truy đuổi và bách hại các văn nghệ sĩ, nhà báo, học giả, trí thức kẹt lại trong nước.

Viết đến đây, tôi sực nhớ mẹ tôi xuất thân mù chữ. Rõ ràng bà không có khả năng đọc, hiểu và làm chủ sách nhưng sao mẹ tôi không hằn thù, không sợ hãi sách mà trái lại, bà quý sách và ca tụng những người quý sách? Sự khác biệt giữa mẹ tôi và các đội viên mang băng đỏ ở tay áo ngày 30 Tháng Tư 1975, cả những kẻ ra lệnh cho họ đốt sách, là gì? Phải chăng là trái tim của yêu thương con người, của thiện ý muốn thấy cuộc đời này tươi đẹp hơn, tiến bộ hơn, sáng sủa hơn? Phải chăng là niềm tin vào khối óc con người cần được nuôi dưỡng và phát triển thay vì triệt hạ nó? Thi sĩ Phùng Quán hạ bút viết những câu thơ để đời: *“Có những phút ngã lòng, tôi vịn câu thơ mà đứng dậy.”* Mẹ tôi là nhân chứng cho thơ của

ông khi bà sống được như một người tử tế và đi trọn cuộc hành trình khốn khó của bà trên mặt đất này cũng chỉ nhờ những câu thơ trong Kiều, Chinh Phụ Ngâm và Cung Oán Ngâm Khúc, để bà vịn đứng lên và không quy ngã. Chữ nghĩa là tường thành, là đá tảng, là gậy thép, là sức mạnh sinh tồn vượt qua mọi thử thách và đe dọa. Sợ là phải.

Mới đây, nhân chuyện con nhện giăng tơ ở vườn sau nhà tôi, chúng tôi nhớ lại bài thơ cổ đăng trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư, người Việt Nam nào ra đời trong thế kỷ 20 đều thuộc: “*Đêm qua ra đứng bờ ao/ Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ/ Buồn trông con nhện giăng tơ/ Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai?*”... Điều bất ngờ vô cùng lý thú là một anh trong nhóm chúng tôi đang có nguyên vẹn cuốn sách này trong tay, khiến tôi ngẩn ngơ rồi kinh ngạc, tự hỏi làm sao mà một cuốn sách mỏng có thể trôi nổi gần một thế kỷ, qua biết bao tai ương, sóng gió để vẫn đường hoàng tồn tại trong tủ sách của một người suốt đời yêu sách như thế? Tôi nhất định tin rằng không chỉ xương da mà sách còn có linh hồn và linh hồn ấy bất tử, sá gì ý đồ diệt sách của một chính thể vô đạo mà sự hiện diện tính bằng cái ngắn ngủi của một kiếp người?



**Bùi Bích Hà**

## LỄ BÓNG

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Ông là một trong những bác sĩ Việt Nam di tản kịp trong biển cố 30 Tháng Tư, 1975. Tới Mỹ, ông đi học lại, hành nghề rất sớm và thành công tại quận Cam ít nhất trên ba thập niên cho tới khi nghỉ hưu.

Tất nhiên như mọi người có cùng địa vị với ông, ông làm chủ một quỹ về hưu khá lớn, cho phép ông vẫn giữ nếp sống thoải mái như thời còn làm việc. Chỉ có điều, ông than thở: “Nhà cao cửa rộng phải bán đi vì lâu cao, đầu gối đau, không lên xuống cầu thang được, chưa kể nhà lớn quá mà một thân một mình, ở sao hết? Sức đâu mà dọn dẹp?”

Nhìn cái hồ bơi đầy lá vàng chỉ thêm cảm cảnh. Thảm cỏ sân trước, vườn sau cần người chăm sóc nhưng người làm vườn khi tới khi không, gọi khi được khi mất, chỉ tổ bực mình, nhức đầu. Mời các con, cô cậu nào muốn lấy cái nhà, ông giao nhưng chúng nó, thứ nhất đã có nhà rồi, đẹp và sang gấp mấy lần cái nhà của ông ở Fountain Valley, mắc mớ gì phải nhận của ông để bị anh chị em nhòm ngó, tỵ nạnh, chưa kể nhận cái nhà rồi, sau này khi ông cần gì, nó sẽ là đối tượng thứ nhất được chiếu cố và giao phó trách nhiệm.

Ông đành bán nhà, dọn vào một căn mobile home ở giữa khu Little Saigon cho ông tiện đi lại hoặc hẹn hò bạn bè cũ mới. Nhà ba phòng, sửa sang tươm tất trông cũng khang trang, đẹp mắt, nhưng với ông hôm sớm vào ra một bóng, vẫn còn quá dư thừa. Mấy bụi hoa xung quanh nhà được cắt tỉa gọn ghẽ vì người phụ trách cây cảnh của chủ đất rất dễ gọi

để nhờ vả. Tuy nhiên, “vườn Thúy” của ông thiếu đôi mắt phượng nên không được sum suê và mỹ quan như bên hàng xóm. Ông nhớ cái vườn cây quý tự tay ông đi kén chọn mua giống, chăm bón và sẫm soi những ngày xưa thần tiên đã xa xôi rồi, ông tặc lưỡi, lắc đầu mấy cái, như người đi dưới cơn mưa muốn rũ sạch những giọt buồn trên khóe mắt.

Nhà đã vậy, xe đẹp cũng thường xuyên nằm ụ vì ông không còn đi đâu xa, ngay cả đi gần thì cũng phải về nhà trước khi tắt nắng vì mắt quáng. Gần đây, về ngoài cái xe và ông chênh lệch nhau nhiều quá, một bên bóng lộn, khỏe mạnh, vạm vỡ, một bên hom hem, xập xụi, yếu ớt, khiến ông ngại ngùng mỗi khi ngồi vào ghế lái, chậm rãi lùi xe ra khỏi gara mà có người đang nhìn ông.

Thêm nữa, do thị lực yếu đi, ông không mấy tự tin vào khả năng ước lượng khoảng cách của cặp mắt mỗi khi cần vào một chỗ đậu xe hơi chật, sợ cọ quẹt, nên ông bắt đầu thấy cái xe Lexus 450 của ông không thích hợp với ông nữa. Gần đây, ông nghe bạn bè kháo nhau xe Honda kiểu Civic đời 2018 rất đẹp, đầy đủ tiện nghi, thoáng nhìn sang trọng không kém kiểu xe đắt tiền, mua mới từ dealer ra chỉ trên dưới \$20,000, xăng thường, đổ đầy bình chỉ \$20 một lần, bảo hiểm cũng rẻ, bảo trì càng không tốn vì hợp đồng bảo trì miễn phí của dealer có lẽ dài hơn số năm tháng còn lại của ông, chưa kể xe nhỏ nhắn, vào ra parking dễ dàng. Ông đang tính bữa nào chờ có đợt xeo, sẽ ra Honda World đổi một chiếc.

Lúc mới dọn vào khu mobile home trên đường Bolsa, thấy chợ Mỹ, chợ Việt đều gần, ông sung lắm, tự đi chợ và nấu nướng. Được ít ngày, một

bữa ông đang ngồi xem ti vi, thoáng thấy có lửa cháy trên màn hình, ông hơi ngỡ ngàng, chưa biết là chuyện gì thì ông nghe mùi khét. Quay nhìn vào bếp, ông hét hồn thấy lửa đang phùng phùng. May phước đầu óc còn tỉnh táo, ông phóng ba bước tới cái lò và nhanh tay vặn cái nút tắt. Sau lần đó, lớp thì cọ rửa soong nồi, lớp lau bếp bắt mệt, may là máy báo khói chưa hú chớ không cả xóm kinh động rồi, ông quyết định thôi không nấu nướng nữa mà ăn cơm phần hay cơm chỉ cho khỏe, ngày nào ưa ăn ngon thì đi kéo ghế. Tủ lạnh nhà ông lúc nào cũng có chả lụa, chả chiên; tủ pantry thì đầy oat meal, súp hộp và mì gói, không bao giờ sợ cơ lờ.

Thức ăn giải quyết được rồi nhưng ông nói ăn một mình buồn quá, nhiều khi ghen ngào muốn bùng đũa, bùng chén. Ông than không có gì chán hơn là cứ lui cui cặm cụi gấp, nhai, nuốt một mình, xung quanh vắng lặng không tiếng người, không cả tiếng dép hay tiếng rót một ly nước. Có bữa ông bưng cái tô vừa cơm vừa thức ăn ra đứng bên cửa sổ bếp, ngó mông ra ngoài, thử coi có gì vui không nhưng cũng đâu có gì vui?

Cư xá của ông toàn người cao niên, vắng cả tiếng trẻ con nô đùa. Cụ Nguyễn Du chẳng đã từng hạ bút viết: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!” ư? Trong trí tưởng ông, thấp thoáng hiện lên quang cảnh gia đình đông vui ngày nào, vợ ông tươi mát như một bông huệ tây, ngồi giữa đám cháu nội ngoại lau hau, đứa này níu tay ông, đứa kia níu tay bà, om xòm tiếng Anh tiếng Việt, grand ma, grand pa, bà ngại, ông ngại, hỏi một trăm câu hỏi mà ông chỉ trả lời qua loa rồi bán cái cho bà, bà không biết sao thì lại chỉ qua ông.

Riêng ông chốc chốc nhìn đồng hồ, chỉ mong sao đến giờ, bố mẹ chúng tới đón hết đám trẻ của từng nhà về để trả lại ông bà ngôi nhà yên tĩnh

trong buổi chiều. Trong khi bà kiên nhẫn dọn dẹp đồ chơi và thức ăn thừa mứa do lũ trẻ bỏ lại, ông ngồi duỗi chân xem ti vi tin tức hay ca nhạc, chờ bữa ăn tối ngon lành, nóng sốt, thay đổi hàng ngày nhờ bàn tay của bà. Bây giờ, ông đảo mắt nhìn một lượt căn nhà sạch sẽ, sàn gỗ không một cọng rác, một mẫu giấy vụn, bàn ghế ngay ngắn, đồ đạc đâu vào đấy, trật tự, lạnh lẽo như chưa từng xô động, như không có ai ở, ông thắm ngấm đến tận xương tủy cảm giác hiu quạnh lạ thường. Đàn cháu nội ngoại ngày nào ríu rít như chim, nay đã trưởng thành, vào/ra đại học hết. Thịnh thoảng có đứa còn nhớ ông, điện thoại hỏi thăm, tới chờ ông ra phố uống cà phê hay ăn chè, khiến ông vui cả ngày.

Bạn bè cũ biết ông thích hát, có người rủ ông đi karaoke buổi tối ở các câu lạc bộ khiêu vũ. Ông theo họ đi giải trí cho quên bớt thời giờ trống trải nhưng trở ngại của ông là ông thích hát song không thích nhảy đầm. Hát xong vòng đầu, ông phải chờ khá lâu mới đến vòng nhì và sẽ về khuya lắm, ông sẽ mất ngủ vì quá giấc rồi lại phải uống thuốc ngủ mà ông thì rất sợ bị nghiện. Vì vậy, ông không đi thường xuyên như lúc bắt đầu nữa, đành chấp nhận nhiều hôm một mình đối bóng với đêm trường.

Năm nay ông đã ngoài 80 nhưng 10 năm trước ông chỉ mới ngoài 70. Chẳng phải ông vì lễ giáo của tông môn và sợ miệng đời mai mỉa mà nhắm mắt bỏ qua cơ hội đi tìm kiếm một hạnh phúc cho quãng đời còn lại của ông ư?

Như gia chủ buổi họp mặt bằng hữu hôm nay cũng ngoài 70 khi hai ông bà gặp nhau trong tình cảnh góa bụa, hiểu ra họ cần nhau và quyết định tạo dựng một mái ấm chung với con cái hai bên đều đồng thuận chọn lựa

của bố mẹ. Họ vui lòng trả giá để có những buổi sáng thức dậy cùng nhau đón mặt trời và nghe chim hót trong vườn, ngồi bên nhau uống tách cà phê thơm đầu ngày, ăn món điểm tâm tùy thích, nói năm ba câu chuyện trên trời dưới biển đem lại cho nhau những tràng cười sảng khoái.

Tại sao khước từ những ngậm mật ngọt ấy, cái hạnh phúc ấm êm cận kề ấy mà nghĩ rằng mình khôn ngoan? Thật ra, chỉ vì vẫn sợ những điều mình không biết trước và biết chắc có xảy ra hay không? Mà nếu biết trước và biết chắc, liệu có tránh được không, ngay cả xoay chuyển chúng được không? Ở chặng đường cuối một đời người, không ai còn nhiều thời gian phí uổng nữa nhưng có lẽ phí uổng là cách giải quyết dễ nhất khi không có nhiều chọn lựa. Trên cõi trần gian nhiều phiền phức này, chỉ nghe con người phàn nàn đời không một ngày hạnh phúc nhưng không nghe ai thở than đã một thời hạnh phúc cho dù sau đó, như bầu trời mưa nắng bất thường, vạn vật đổi thay và hạnh phúc cũng sang trang...

Riêng ông, hoàn cảnh có khắc nghiệt hơn vì bà đang ở nhà dưỡng lão. Hằng ngày vào thăm bà, nhìn vào đôi mắt trống vắng, lạnh băng của bà, cảm hai bàn tay bà ấm thân nhiệt, không ấm một dấu hiệu cảm xúc, ông ghen ngào nói thắm: “Em ơi, em đã trả lại mọi buồn vui cho đời, không còn bận tâm chi nữa, có biết là anh rất khổ không?” Ông hỏi rồi ông tự nghiệm ra câu trả lời, không ai có thể giúp ông một câu trả lời nào khác. Mỗi ngày qua, hết chiều đến đêm, hết những công việc phải chu toàn cho mình trong cuộc sống như một bổn phận không thể chối từ, ông ngồi trên ghế bành, mở ti vi cho có tiếng người, không xem, không nghe. Mở nhạc



để âm thanh cho ông sự êm dịu trong căn nhà lạ dù ông đã ở đây gần ba năm. Nó không cho ông một hồi ức nào nên không có gì gắn bó.

Ông thềm một tách trà thơm, một ly cà phê nóng nhưng ông ngồi yên vị tại chỗ vì biết những thú vui nhỏ ấy sẽ làm ông mất ngủ. Con đường của người già là con đường trong những bức tranh hay tấm hình vẽ hoặc chụp viễn cảnh, hun hút, thu hẹp dần trong mắt nhìn. Ông chợt mỉm cười nhớ lại câu nói băng quơ của người bạn đồng cảnh, thốt lên trong một cuộc họp mặt anh em: “Mai một chắc là phải đặt mua robot của Nhật.” Câu nói nhỏ, tan vào đám đông huyên náo. Ông ngồi gằn, nên lọt tai. Không biết có ai cũng lọt tai câu nói như ông nhưng cũng như ông, đã cất riêng cho mình như lời tự thú về một mơ ước không tiện bày tỏ?

Đôi mắt ông nhìn mông lung ra xung quanh, chạm vào cái kệ sách chỉ còn lại ít sách quý ông mang theo tới đây, ngậm ngùi hình dung ra đời mình như cuốn sách, nay cũng đang khép lại trên án thư. Các nhân vật có vai trò đã xuất hiện, đã làm xong nhiệm vụ, đã bước ra, chỉ còn ông ở trang cuối cùng chờ cơn gió nhân duyên thổi tắt ngọn nến từ bi trong thời kinh Bát Nhã ông tụng hằng đêm, đóng lại giùm ông cuốn sách sẽ được xếp lên kệ rồi bỏ quên như chưa từng hiện diện.



**Bùi Bích Hà**

## CHÚT TÌNH XƯA

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



Nhạc sĩ Từ Công Phụng. (Hình: Uyên Nguyễn/Người Việt)

Trong không khí hoang mang, buồn bã của những ngày đầu sau biến cố 30 Tháng Tư 1975, chúng tôi tình cờ quen biết nhau.

Từ ngã năm Bình Hòa, Gia Định, gia đình đôi song ca Từ Từ – như cái cách họ được gọi bởi bạn bè thân quý và các thính giả ái mộ – gồm Từ Công Phụng, Từ Dung và cháu Ý Uyên, thường đến nhà tôi ở khu cư xá Phú Nhuận vào buổi chiều, khi trời đã sẫm tối. Cả ba cùng nôm trên chiếc Honda 50 phân khối, chồng lái, vợ ôm lưng, cô con gái nhỏ ngồi trên cái bình xăng. Có hôm xe hết xăng, Phụng nhìn tôi, cười thay cho câu hỏi: “May ra chị còn?” Chúng tôi thân nhau đến nỗi Phụng biết tôi có mẹ già, nhà lúc nào cũng phải dự trữ một chai xăng phòng khi đêm hôm cơ lỡ cần di chuyển. Có hôm đúng bữa, mẹ con tôi đang chuẩn bị ăn cơm, kéo luôn 3 nhân khẩu nhà anh vào, vét nồi niêu sạch bóng. Dù ăn hay không ăn, cứ mỗi khi tới nhà, dựng xong cái xe và vào bên trong là Phụng co chân

ngồi lên ghế, vớ cây đàn ghi ta dựng ở một góc và nẩy vài nốt nhạc mở đầu rồi hát theo. Có khi Từ Dung phụ họa, tôi và các con tôi lắng nghe. Giọng của Phụng trầm ấm, đôn hậu, phẳng phát buồn, mang trong nó tình yêu, ước mơ hiền hòa và chút ray rứt nhẹ nhàng về một điều gì mãi trôi chảy ngoài tầm tay. Giọng của Dung trong trẻo, tôi nghĩ chỉ để làm nền cho Phụng, như đường phèn làm nền cho những hạt đậu phộng rang chín tới, đậm đà, nhiều hương vị.

Chúng tôi ngồi với nhau đến khuya, dưới ánh đèn dầu lù mù của những đêm cúp điện, chia nhau nỗi lòng của những người thấy mình lơ lửng ở một quãng đường không biết sẽ đưa họ về đâu? Những khi không có câu hỏi và câu trả lời, trong không gian im ắng của căn nhà đóng cửa, mỗi người yên lặng theo đuổi ý nghĩ riêng mình. Tính Phụng ít nói nhưng khi nói, anh hay bắt đầu với một nụ cười đọng ở khóe môi và ánh nhìn lấp lánh của đốm lửa nhỏ trong lò sưởi.

Thời gian chúng tôi quen biết nhau không bao lâu, giữa khoảng 1977 cho đến khi gia đình Phụng vượt biển cuối năm 1979, chia cắt bởi nhiều biến cố đau thương cho cả hai gia đình. Đó cũng là quãng đời ghi dấu nhiều kỷ niệm của một tình bạn dạt bằng quá nhiều mất mát và khổ đau mà bây giờ, mỗi khi có dịp nhìn lại, tiếc nhớ dâng lên tràn ngập lòng tôi như biển mặn.

Bề ngoài xem ra Phụng là người dễ thích nghi với hoàn cảnh nhưng tôi đoán không do bản tính mà do kinh nghiệm Phụng biết phải đối phó với những điều bất như ý cách nào để bảo vệ mình cho những điều anh chọn lựa, yêu quý và muốn gìn giữ. Nói cách khác, Phụng chấp nhận trả giá cao cho những gì anh nhận được từ con người và cuộc đời. Tôi không biết những năm tháng tuổi trẻ của anh ở Đà Lạt với rừng cao, suối sâu, quanh năm mưa phùn và sương mù, có để lại ảnh hưởng nào trên nhân

sinh quan của anh hay không song ở anh có sự ẩn mật nhưng không khó hiểu, sự giản dị không có dấu hỏi nào đi kèm cho người quen biết anh.

Tôi còn nhớ buổi trưa mùa Hè nắng nung nấu cả một Sài Gòn sau 75, khô khốc, nghèo nàn, trần trụi, tôi ghé thăm gia đình anh ở ngã năm Bình Hòa. Tôi đến bất ngờ, Phụng khoe nhà có gạo và có miếng thịt bò ai mới cho. Phụng bảo Dung thổi cơm, bảo tôi thái thịt hộ (cho đúng sứa kéo dai) và Phụng xách cái cà mèn ra đầu ngõ mua cà chua với bát canh gì đấy để bữa ăn có tí nước. Sau bữa ăn, chúng tôi nói năm ba câu chuyện trên trời, dưới đất xong, Phụng lại cầm đàn và hát. Dường như nổi vui được hát, được đàn cho mình và cho nhau nghe, đã bắt đầu ngay từ lúc Phụng ung dung cầm cà mèn đi ra nắng để mua mấy thứ lặt vặt. Tôi nghiệm ra, thay vì ngồi đấy mà than trách cuộc đời ngắn ngủi và nhiều thử thách cam go, Phụng biết làm cho mỗi khoảnh khắc sống là một giá trị, ít nữa cũng là một điều tốt lành. Ở bên cạnh anh, không ai cảm thấy có điều gì phải phàn nàn.

Có một lúc chúng tôi mở chung một quán cà phê nhỏ trên đường Trương Tấn Bửu. Mỗi tối, quán mở cửa lúc 6 giờ. Tôi pha chế thức uống, Dung phụ tiếp khách và Phụng làm công việc hầu bàn. Vì bận các con còn bé, tôi chỉ giúp anh chị vài tháng để anh chị quen công việc. Đêm Noel năm cuối cùng, sau khi tiệm đóng cửa, anh chị tạt qua nhà tôi, rủ nhau xuống phố xem thiên hạ đón Giáng Sinh thế nào? Chúng tôi chạy xe lang thang qua nhiều ngã đường tối om, vẫn thưa thớt có nhà còn treo đèn ngôi sao ngoài cửa, thấy nơi nào có tiệm cà phê là gọi nhau dừng lại xem giá cả của họ rồi cả bọn phá ra cười ngặt nghẽo vì không biết làm gì khác. Tôi nói Noel cuối cùng vì sau đó, nhiều bất trắc đã xảy ra, đẩy chúng tôi về những hướng đi cách biệt.

Lúc ấy, trong hoàn cảnh ảm đạm của Sài Gòn những năm cuối thập niên 1970, không ai nhìn thấy dù chỉ le lói chút ánh sáng ở cuối con đường tuyệt vọng nên cả thành phố nhao lên chuyện vượt biên. Gia đình Phụng đi một chuyến bất thành, trở về.

Phụng nói: “Thủy triều lên quá nhanh, nước dâng ngập quá ngực, tôi đôn cháu Uyên trên vai nhưng mọi người chen chúc hỗn loạn mà thuyền lớn thì đậu xa bờ vì sợ người đi hôi trùn ngập nên đành phải quay lại thôi!”

Phụng kể bằng một giọng bình thản, vẫn nụ cười trên môi và ánh mắt lấp lánh. Đối với Phụng, dường như thất bại trong một ước muốn hay toan tính là chuyện đời bình thường.

Sau lần thử thách này, chúng tôi ít gặp nhau vì Phụng thường xa thành phố để tự lo kế hoạch vượt biển cho gia đình. Quán cà phê đóng cửa. Kế hoạch của Phụng không thành công và gia đình anh chị tan vỡ trong lặng lẽ. Như chiếc bong bóng nước vỡ rất khẽ trong cơn mưa giông bất ngờ.

Thời gian trôi qua không biết bao lâu, một hôm tôi lại nhìn thấy Phụng trên chiếc xe Honda quen thuộc nhưng thiếu cháu Ý Uyên trên cái bình xăng và sau lưng anh không còn Dung mà là một phụ nữ khác với khuôn mặt sáng và nụ cười đầy đặn. Chúng tôi chào nhau, mừng gặp gỡ rồi chia tay.

Ít lâu sau, một buổi tối đã khá muộn, Phụng đột ngột đến nhà tôi. Anh bước thẳng đến chỗ cái sofa quen thuộc tôi đang nằm dưỡng bệnh vì cháu Thái Hà vừa mất, ngồi thụp xuống, cầm tay tôi và nói nhỏ đủ cho hai chị em nghe: “Chị H, ngày mai tôi và cháu Uyên đi rồi, tôi đến thăm và chào chị. Chị cố giữ gìn sức khỏe kéo tội bà cụ và mấy đứa bé.” Phụng dúi vào tay tôi số tiền tôi nhớ là nhiều lần hơn số tiền tôi san sẻ cho Phụng cầm đỡ khi cháu Ý Uyên phải vào nhà thương vì sốt viêm màng

não. Tôi từ chối thì Phụng úp bàn tay tôi lại, đằm đằm và cương quyết: “Không là bao nhiêu nhưng chị sẽ cần.” Rồi Phụng vội vã ra về.

Nước mắt ướt đầm tay áo, tôi chỉ còn biết cầu nguyện cho Phụng, cháu Uyên và gia đình mới của anh lên đường được bình an. Qua bữa sau, Dung đến tìm tôi lúc xế trưa, thì thầm: “Em nhớ chị đến cái địa chỉ này, xem Phụng và cháu Uyên đã đi chưa?” Tôi gượng dậy, thuê xe đi ngay. Giờ đây, nhắc lại chuyện cũ, tôi nhớ mang máng là tôi đã đi bộ qua một khu chợ nghèo sinh lầy, chỉ còn mấy dãy lều trống hoác trong ánh chiều tà hiu hắt.

Căn nhà mang số Dung ghi cũng trống trơn, không có người. Tôi đứng bơ vơ trên cái sàn gỗ ghép bằng những mảnh ván thừa, nhìn xuống thấy mặt nước đen ngòm bên dưới. Một người đàn bà đi qua, nhìn vào và nói băng quơ: “Kiếm mấy người vượt biên úm ở đây hả? Đi hết rồi.” Lộn trở ra con đường lầy lội cũ trong buổi chiều đã tắt nắng, tôi vừa mừng cho bạn, vừa nghe lòng nhẹ hẫng, trống trải, như vừa mất mát một điều gì từng khăng khít với tôi vô cùng nhưng từ nay không còn nữa.

Thời gian sau, tuy vẫn còn lầy lất sống trong thành phố nhưng tôi không có lần nào gặp lại Dung. Qua bạn bè chung, tôi biết tin gia đình Phụng tới đảo bình an và Dung sinh thêm một con gái.

Tuy kỷ niệm buồn vui giữa chúng tôi không nhiều nhưng tình thân của chúng tôi đắm nước mắt của những cuộc chia ly xé lòng không hẹn trước, khiến phần tôi, dù không biết cách nào để diễn tả, mỗi khi ký ức ôn lại quãng đời này, tôi không thể ngăn được nỗi đớn đau cồn lên trong ngực, làm nước đầy lên hai mắt.

Phụng là một người bạn trung hậu, trọng thâm tình và chữ tín. Anh nói ít, nghĩ nhiều, làm đầy đủ. Anh giao du với ai, cũng để lại mỹ cảm khi rời xa, không quá đậm đà nhưng bền bỉ.

Phụng là một nghệ sĩ mực thước, theo tôi, khá hiếm hoi. Anh yêu vẻ đẹp của đời sống nên biết tạo ra sự hài hòa để vẻ đẹp ấy tồn tại và rực rỡ. Anh nhường nhịn, sẵn sàng quên mình. *Một mai xa nhau, người cho tôi tạ lỗi...* thấy trong sự quên mình ấy, hình ảnh con phượng hoàng bay lên từ lửa đỏ.

Phụng là một nhạc sĩ tinh tế. Cứ đọc nguyên tác những bài thơ do Phụng phổ nhạc để thấy khả năng chọn lọc chữ nghĩa và thi tứ của Phụng, hoàn hảo đến ngạc nhiên, từ “Hạnh Phúc Tôi” đến “Tạ Ông Em.” Cảm giác như Phụng là một người làm vườn mạnh tay khi cần. Anh tỉa cắt đến tận cùng để chỉ giữ lại tinh hoa tuyệt mỹ của một dáng cây bonsai nghệ thuật.

Phụng là một ông bố kham con và thương yêu con hết mực. Tất cả niềm vui sống của anh, ngoài cung đàn, tiếng hát, khuôn nhạc, dành hết cho con, kể cả tự do của một ông bố nghệ sĩ, sống tràn đầy và ít bộc lộ.

Sau cùng, Phụng là một người đàn ông thủy chung. Anh viết nhạc, anh hát cho tình yêu đời đời, kiếp kiếp. Tình yêu như suối nguồn, róc rách, trong trẻo, dịu dàng len qua những ghềnh đá, nuôi dưỡng tâm hồn anh và không bao giờ cạn.

Dù sau này ra hải ngoại, nhiều lần tôi được nghe và nhìn Phụng hát trên sân khấu, trong thính phòng đầy ắp người hâm mộ nhưng với tôi, tiếng hát của anh luôn là tiếng hát rất cô đơn, thật thà, không son phấn, của riêng bạn bè với một cây ghi-ta gỗ. Tiếng hát của anh xa vắng, như gió lùa qua vòm cây, đánh thức những khóm lá cho chúng đùa vui dưới ánh trăng. Tiếng hát của anh làm lay động những khóm hoa, cho chúng thả

hương bát ngát giữa trời khuya. Tiếng hát của anh gọi dậy vùng ký ức ru êm những mơ ước không đạt của đời người. Mà anh không chỉ hát, anh diễn tả bằng thanh âm một nội dung đầy tình tự, khắc khoải, cố vươn tới người nghe như một đền tạ mọi ân tình đã đến cùng anh. Đứng trên sàn diễn, trong những bộ complet may cắt khéo, dường như Phụng luôn có nỗi ngượng ngùng của một người không đứng ở đúng cái chỗ của mình.

Khoảng giữa năm 2010, bạn bè được tin anh lâm bệnh sau chuyến về trình diễn ở Cali. Vợ con lo lắng. Bạn bè quan tâm. Anh nghĩ gì, không ai biết. Qua điện thoại, vẫn được nghe cái giọng trầm ấm cố hữu, thấp thoáng nụ cười hiền hậu đã gắn liền với nhân dáng anh như từ khi mọi người biết anh. Riêng tôi mừng cho anh vì chị Ái là một người vợ tận tụy trong tình yêu. Tôi biết anh được chăm sóc kỹ lưỡng, được bảo bọc trong tình gia đình là tổ ấm đúng nghĩa của danh từ này. Anh là người cẩn trọng, chất chiu dành dụm, nào biết để khi cần, được nhận lại. Bởi vì, anh sẵn sàng làm chiếc que diêm, *“một lần lóe lên, thắp đời em sáng lung linh...”* Phần anh, buồn một cõi riêng...

## Bùi Bích Hà



*Từ Công Phụng sáng tác & hát NHƯ CHIẾC QUE DIÊM:*

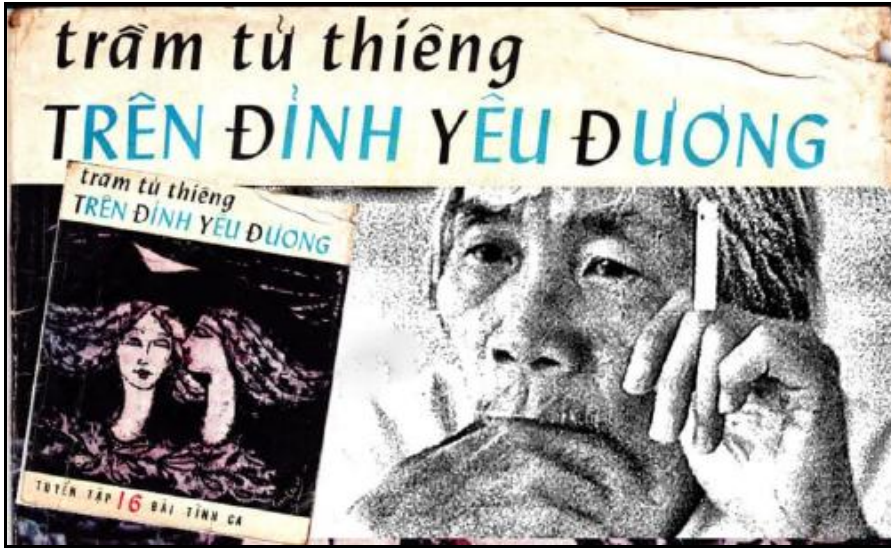
<https://www.youtube.com/watch?v=dpK9GSCfXz8>



# Những cánh cửa hé...

\*\* Bùi Bích Hà \*\*

NGUỒN - <https://www.nguoi-viet.com/>



Chị đúng là một giai nhân. Chị có nét thanh mảnh, vẻ sinh động của phương Tây ở khuôn mặt vuông, nhẹ nhõm, sống mũi thon, cao vừa phải, đặc biệt cánh môi cong lên ở hai khóe khiến chị nhìn lúc nào cũng như ngậm một nụ cười hàm tiếu. Tất cả sức sống tươi mát của chị gom vào ánh mắt long lanh, khuôn mặt không thể không làm nhớ Văn Cao với Bến Xuân: mắt em như dáng thuyền soi nước... Chị giữ thân hình săn gọn, phục sức với khiêu thẩm mỹ tinh tế.

Qua tuổi 70, chị nhìn trẻ hơn tuổi nhiều. Ở những bước đi nhanh nhẹn. Ở tiếng nói trong, làn da ăn phần mịn màng. Ở mái tóc lơi từng sợi bông bênh. Ở sự tươi mát thách đố thời gian. Chị có một công việc làm nhàn

hạ, di chuyển hàng tuần giữa hai thành phố biển có những bãi biển đẹp nhất Nam California.

Tôi biết chị qua bạn bè chung đã hơn hai thập niên. Mỗi khi gặp gỡ hay nhìn thấy chị đâu đó, cảm giác chị như một vệt nắng thấp thoáng trong đám đông. Nếu gần gũi hơn, sẽ nghe chị cười chào với giọng nói reo vui thường lệ.

Bạn bè khác nhau chị có người tri kỷ. Mỗi cuối tuần họ gặp nhau một lần. Để đi uống cà phê. Đi ăn điểm tâm. Đi ăn trưa, ăn tối. Đi nghe nhạc, khiêu vũ hoặc xem phim. Họ đem cho nhau niềm vui, an bình, nhẹ nhàng, không đòi hỏi, không ràng buộc. Xen kẽ giữa khoảng thời gian này, cả hai vẫn có thời khóa biểu riêng ở cái thành phố họ hẹn hò. Phần chị, chị chọn sinh hoạt trong một tổ chức chăm sóc phần tâm linh cho các hội viên và nhân đó, chị cũng tự chăm sóc mình.

Hai mươi năm, khi nhìn lại, thấy như một áng mây qua. Ở nhiều người khi bắt đầu bước vào hoàng hôn đời mình, sự thay đổi ngoại hình là điều gần như không thể tránh. Tuy nhiên, mỗi khi thỉnh thoảng gặp lại chị trong thời khoảng nói trên, tôi thật sự không thấy thời gian để lại dấu vết ở bất cứ nơi nào trên dung nhan luôn tươi mát và phong cách thanh lịch, nhẹ nhàng của chị. Bạn bè chung lại khác nhau chị được như thế là vì chị may mắn có cuộc sống dễ dàng, đầy đủ, không phải lo toan. Chị có người tinh thủy chung. Chị có tài chánh rộng rãi. Chị có sức khỏe để đi đó đi đây, vui chơi nhàn nhã.

Tôi cũng phần nào chia sẻ với bạn bè chung cách nhìn và nghĩ về chị. Riêng trong thâm tâm mình, cảm giác của tôi mỗi khi có dịp gặp gỡ, trao đổi vài ba câu chuyện với chị, dư âm để lại sau khi chia tay là vẻ đẹp hết

sức trau chuốt mà kín đáo, giọng nói trong và ấm, đôi cánh môi cong của một bông hoa hé cánh và ánh mắt lấp lánh vui của chị. Nếu Hạnh Phúc cần có một chân dung, có thể nhìn thấy ở chị đôi nét phác họa.

Tất cả chỉ có vậy. Suốt 20 năm.

Một tối giữa tháng hai vừa qua, trong lúc nằm bệnh viện, tôi bất ngờ nhận được text của chị trên điện thoại. Nội dung ngoài thăm hỏi, chúc lành, chị gửi cho tôi một tấm ảnh với hai ngọn nến cháy trong hai cái cốc thủy tinh hồng ánh lửa và bó hoa với những bông mận khai. Chị chúc tôi giấc ngủ bình an.

Đêm bệnh viện trong căn phòng trắng toát tôi nằm, rất buồn, rất yên lặng. Không một tiếng động khẽ ngoài chốc chốc, cái máy đo áp huyết gắn sẵn ở cánh tay tôi lùng bùng chạy. Tấm ảnh chị gửi như người bạn đến thăm bất ngờ, đánh thức thân xác mệt mỏi và thần trí lảng đãng của tôi. Tôi thầm cảm ơn chị nhưng không muốn hồi âm bằng một lời khách sáo.

Tấm ảnh đến trong ngày hôm sau là một bình hoa tròn rã màu xanh của lá và màu trắng phớt hồng tôi đoán là của hoa chanh hay hoa bưởi, khiến tôi bùi ngùi nhớ lại tôi ngày nào bé dại trong khu vườn tuổi thơ ở Huế, mẹ tôi thường hái hoa bưởi để ướp mía, làm trắng miệng cho cả nhà những chiều mùa Hè nóng nực.

Tuần tự mỗi ngày, những tấm ảnh đẹp đến với tôi, mang theo chúng cả thiên nhiên hùng hực sức sống và màu sắc. Đây là rừng vào thu với lá đổi màu và dòng thác trắng xóa hiền hòa đổ nước qua ghènh đá. Đây là một mặt sông hay hồ êm ả với những cành hoa đào soi bóng nước lấp loáng nắng ban mai. Đây là những đóa hồng này nả “tung tăng dưới bầu trời xanh cao, mang sự vui vẻ, khỏe mạnh đến với chị” (câu viết kèm

theo) Đây là những bậc đi lên của con đường mòn chạy giữa hai bờ kỳ hoa dị thảo (Chị ơi, gắng lên!) Đây là bữa tiệc lạ bày giữa rừng thông như trong câu chuyện thần thoại, trang hoàng với những center-pieces tuyệt đẹp. Đây là đàn chim hạc trong mùa thiên di bay trong hoàng hôn, dưới ánh trăng non hay bay trong sớm mai hồng khi vàng trăng khuya còn lặn đặng ở chân trời mạ bạc?

Ôi, những tấm ảnh nhiều vô kể, mỗi tấm mang theo với nó một ngụ ý chọn lọc tinh tế như tâm hồn chị, bao dung hơn tôi có thể nghĩ. “Chị cứ nhận sự quan tâm của em! Chị không nhất thiết phải hồi âm nhé!”

Tôi dần nhận ra những tấm ảnh phong cảnh ngõ như bất động ấy có sức hồi sinh rất mạnh. Của thiên nhiên vạm vỡ, luôn đổi mới, luôn rực rỡ, xanh tươi, từng phút giây không ngừng tái tạo trên mỗi phai tàn. Tôi thấy tôi đắm mình trong những cảnh trí bát ngát, thần tiên ấy, thở đầy phổi và trong khắp châu thân những không gian tràn trề mạch sống, kinh khoái, thơm tho, rộng lớn nhiều lần hơn không gian căn phòng bệnh viện hay căn phòng tôi ra vào hàng ngày trong ngôi nhà nhỏ. Tôi cũng nhận ra tâm hồn chị, cuộc sống chị có những biên giới, những cảnh quan tôi chưa bao giờ hình dung một lần suốt hai thập niên được cho là quen biết chị. Bây giờ thì tôi lờ mờ hiểu ra nguồn gốc sự tươi trẻ, nét ung dung của chị vượt qua thời gian và tuổi tác. Nếu nguồn gốc ấy không phát sinh và được nuôi dưỡng trong trái tim, trong bản thân chị, không thể tìm được nó ở đâu khác.

Cảm tạ tấm lòng từ ái vô biên của em, đã cho chị cơ hội theo dấu chân em qua cuộc hành trình tuyệt đẹp ở cõi nhân gian cô quạnh này.

Chiều ngày 23 Tháng Hai vừa qua, một chương trình ca nhạc tưởng niệm nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng nhân lễ giỗ lần thứ 20 ngày ông mất, đã trang trọng diễn ra tại nhà hàng Moonlight, thành phố Westminster. Dịp này, thính giả hâm mộ tài năng của cố nhạc sĩ qua dòng nhạc đa dạng, sâu lắng, nhiều thể loại ông để lại, có cơ hội khám phá thêm một “góc khuất” trong tâm hồn ông chưa bao giờ có ai đã được thấy qua hay nghe qua dù chỉ thoáng thoáng xung quanh ông.

“Mang ơn em trao tình một lần, là kỷ niệm dù không đậm ấm...” Nhân vật EM trong ca từ trên, là linh hồn của buổi diễn chiều nay, bà ĐTT, đã bất ngờ xuất hiện trên hàng ghế đầu. Nói “bất ngờ” là với khán thính giả ngồi chật hội trường thôi vì các thành viên trong Ban Tổ Chức thì biết rõ họ đã cùng bà làm việc với sự cẩn trọng như thế nào, trong bao nhiêu ngày tháng miệt mài để thực hiện dự án một cách hoàn hảo nhất trong từng chi tiết nhỏ. Một vài vị nhận xét bà ĐTT trông xuề xòa, giản dị, rất khác với bà trong vai trò là người tổ chức chiều nhạc tưởng niệm Trầm Tử Thiêng sau hai mươi năm họ không còn nhìn thấy nhau. Bà “rất khó” trong mỗi lựa chọn, mỗi sắp đặt, từ nhân sự đến chương trình. Những nhận xét ấy sẽ không sai đối với những ai từng mến mộ và biết nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng thuở sinh tiền. Tôi không có vinh hạnh được biết bà ĐTT nhưng tôi thật sự cảm kích thấy “nửa kia” của người đã về thiên cổ, âm thầm tưởng niệm cố nhân ở một điều thâm sâu nhất, trân quý nhất ở ông, mà nhờ đó, bà đã phân biệt ông với nhân gian còn lại. Là nghệ sĩ nhưng ông không phóng túng mà cầu toàn. Ông sống nghiêm túc từ bản chất, tự trọng và tôn trọng người khác. Ông yêu cuộc đời, gần như tôn thờ mỗi giây phút ông có. Buồn hay vui, khổ đau hay hạnh phúc, ông luôn tìm cách thăng hoa nó và làm đẹp con người. *“Mang ơn em đau khổ thật đầy, dù nắng vàng bị nhốt trong mây.”* Cả đờn đau, cả phụ phàng, với ông cũng huy hoàng, rực rỡ.

Tôi đến Mỹ giữa thập niên 80, có lẽ cùng thời điểm với nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng. Chúng tôi ba người, Trầm Tử Thiêng, Trần Đình Quân và tôi, liêu xiêu gặp nhau ở Tòa Soạn Báo Người Việt, mỗi người có chuyên môn riêng. Anh TĐQ cũng là một nhạc sĩ thành danh trước 1975 và là bạn thân thiết với anh TTT. Chúng tôi chỉ có một thời gian ngắn làm việc bên cạnh nhau trước khi anh TĐQ đoàn tụ gia đình với chị và hai cháu, trước khi tôi chính thức có một công việc toàn thời gian tại một công ty sản xuất y cụ lớn của người Mỹ, có bảo hiểm sức khỏe cho cả ba mẹ con, là thứ ai đã ở Mỹ đều biết không thể không có nếu không muốn lệ thuộc trợ cấp y tế của chính phủ. Vì hoàn cảnh sinh sống thay đổi, chúng tôi như giòng sông rẽ nhánh, mỗi người trôi theo cảnh đời riêng. Chỉ ít lâu sau, anh TĐQ lâm bệnh. Anh TTT chắc đã trải qua nỗi buồn dù chưa tử biệt cũng là sinh ly. Phần tôi rất ít gặp anh TTT vì cả hai đều bận bịu với những thời khóa biểu khác biệt nên ai đâu yên đấy, biết rằng tình bạn giữa chúng tôi không là rượu mà như ly nước lọc, trong trẻo, tinh khiết, không mùi vị cũng không biến chất, lúc nào cũng sẵn sàng cho nhau khi cần. Lần sau cùng tôi gặp anh TTT là do anh gọi và hẹn. Khi tôi đến, anh đã ngồi sẵn ở chiếc bàn ngay cửa vào, có lẽ để tôi dễ nhìn thấy anh, chiếc cặp da trước mặt. Thời gian qua đã lâu, tôi chỉ còn nhớ mang máng dường như đó là tiệm Acapulco của người Mỹ ở Costa Mesa. Thấy anh lặng lẽ khác thường, tôi hơi ngạc nhiên, nghĩ là anh bận khoản điều gì nên tôi tự nhủ hãy yên lặng chờ. Thế nhưng anh không nói gì, thậm chí cũng không nhìn tôi, dáng vẻ như anh đang đợi thêm một ai nữa. Như thế cho đến lúc anh bỗng đứng dậy, cầm chiếc cặp lên tay và sửa soạn bước ra, làm như anh quên mục đích gọi tôi đến gặp anh về việc gì? Tôi theo anh đến cửa, anh hỏi tôi như một lời chào, không cần câu đáp lại: “Chị vẫn làm ca chiều hả? Các cháu có ngoan không?” Vài tuần sau, ai đó báo tin cho tôi biết dường như anh bị bệnh nhưng anh tuyệt đối không muốn thăm hỏi. Tôi lờ mờ đoán ra lý do buổi gặp mặt lạ lùng hôm nọ, chợt nghĩ có thể đó là lần cuối.

Những tác phẩm anh sáng tác trong thời gian này, lạ thay, lại ngùn ngụt sức sống, chan chứa tình người và bừng bừng hy vọng cho Một Ngày Việt Nam rạng rỡ tái sinh.

Anh tận tụy, chí tình với bằng hữu nhưng không khoan nhượng. Với chính bản thân, anh đặt cho mình những tiêu chuẩn cao, đòi hỏi sự hoàn hảo. Anh là một người rất tử tế nhưng anh ẩn mật, giấu kỹ mình trong một cõi riêng. Những gì cần bộc lộ, anh dùng ngôn ngữ và thanh âm biến chúng thành ngọc ngà, châu báu, thành lễ vật thiêng liêng trao tặng nhân gian. Anh không lèm bèm thờ than. Anh không bán rao tâm sự. Anh là người nghệ sĩ duy nhất mà tôi biết, thâm trầm như núi non, sâu kín như đại dương, không một ai một lần nào chạm đến cái biên giới riêng tư mà ai đã biết anh, cũng biết rằng không ai nên thử bước qua và mất anh mãi mãi.

Nhạc sĩ TTT đến trong cuộc đời như vàng mây ngũ sắc, vui chơi trên thượng tầng thanh khí rồi như sương khói tan vào hư vô. Có bao nhiêu trong số tân khách tham dự buổi tưởng niệm anh chiều hôm ấy đến để nghe lại tiếng lòng mình một thời đã qua, được anh viết thành giai điệu cho người người hát lên ru đời nhau và bao nhiêu đã hình dung ra anh với cuộc sống của người hành giả quạnh hiu, ôm giữ niềm tin thác riêng mình và rất đang hoang đi qua “*vài vạn ngày gió cuồng mưa lũ,*” gieo những hạt giống lành hiếm hoi trước khi trở thành “*huyền thoại.*” Có lẽ chỉ một người trong chiều nay, tưởng nhớ anh trong tất cả những gì anh đã thật là, với chị, với cuộc đời, với mọi người, mãi mãi. Cảm ơn chị, chị ĐTT, sau hai mươi năm, đã thắp lên cho anh một đỉnh trầm hương.

**Bùi Bích Hà**

# Chào anh lần cuối

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

*(Thương về Nguyễn Khoa Diệu Chi)*

Cứ mỗi lần đi đến nhà quàn để làm nghi lễ vĩnh biệt một người thân, lòng tôi luôn có nỗi ân hận về một điều gì chưa kịp làm hoặc đã chểnh mảng không làm đối với người vừa nằm xuống. Rất nhiều lần cố tự nhủ đừng để xảy ra chuyện đáng tiếc này nữa nhưng vẫn đủ ngàn ấy lần thấy mình không tránh khỏi ăn năn, hối tiếc.



Anh Giác ngã bệnh đã lâu. Những ngày mới chớm biết tin xấu, sức khỏe anh chưa sa sút bao nhiêu, tôi và Trần Mộng Tú tuy không nói ra, đều hiểu rằng thời gian còn lại của anh chắc không nhiều. Tôi còn nhớ như in một buổi chiều nắng đã nhạt, tôi dừng xe ở lề đường trước sân nhà anh. Cửa gara mở, anh đang cẩn thận bỏ từng cuốn Văn Học vào cái phong bì màu vàng, chuẩn bị gửi ra cho độc giả. Anh nói với một nụ cười chập chờn chút nghi ngại: “May quá! Hăng cho nghỉ hưu nên tôi đi khám sức



khỏe tổng quát mới biết mình nhuốm bệnh.” Sau đó, chúng tôi nói lảng sang chuyện khác. Phần tôi, làm như không có gì nghiêm trọng xảy ra cả để giấu những ý nghĩ bối rối riêng mình. Bây giờ nghĩ lại, tôi vẫn không biết thái độ của tôi lúc đó như thế có phải phép không? Hay là nên ân cần hơn dù phải vượt qua cảm giác sợ làm cho những cuốn Văn Học nặng hơn trên tay anh?

Tôi và Tú thường hỏi thăm sức khỏe của anh qua chị Chi. Mỗi khi Tú về chơi quận Cam, hầu như không lần nào chúng tôi không đến nhà anh ăn cơm tối. Chị Chi nấu bún bò Huế, cháo nấm, kho cá nục, canh cải xanh. Ngôi nhà của anh chị nằm ở khúc quanh một con lộ vắng thị xã Westminster, chỉ mới trước đây ít lâu, cuối tuần nào cũng họp mặt đông đầy bằng hữu trong văn giới, báo giới hay thân hữu, thường là vài chục anh chị. Chúng tôi vẫn nói đùa với nhau đây là nơi quần hùng hải ngoại hội tụ.

Khi anh Giác đến giai đoạn phải chịu hóa trị, chị Chi mua thịt bò loại ngon nhất, làm steak, ép anh ăn để lấy sức. Anh ngồi ở đầu bàn, chị khoác yếm ăn cho anh, cắt nhỏ thức ăn để anh dễ nhai. Bữa cơm diễn ra dưới ánh đèn nhà bếp ấm cúng, trong những câu chuyện cười rôm rả của chị và ánh mắt nhìn vợ say đắm của anh. Đôi chim két anh chị nuôi trong cái lồng luôn mở cửa, đặt ở một góc nhà, có một ngày bỗng nhiên lẻ bạn. Con trống còn lại, khi không tung tăng trong căn nhà rộng, thích đậu trên vai chị và huýt sáo inh ỏi.

Thời gian trôi qua. Sức khỏe của anh xuống dần. Hằng chiều, anh không còn đi xe đạp hay đi bộ được nữa. Anh ra vào nhà thương như cơm bữa. Chị bắt đầu khóc một mình những đêm anh trở bệnh, cảm thấy bất lực và tuyệt vọng nhưng với anh, chị luôn có nụ cười và những lời an ủi. Các cuộc thăm viếng anh cứ ngày càng thu hẹp khoảng không gian trong

ngôi nhà nhỏ. Từ bàn ăn ở nhà bếp vào cái sofa ở phòng khách, anh cố ngồi thẳng, lưng dựa vào tựa ghế, tiếp chuyện bạn bè bằng sự chùng mịch cố hữu của anh giờ đây đượm thêm chút mệt mỏi. Từ cách phục sức tề chỉnh hàng ngày trước kia, sơ mi, quần tây, thắt lưng, nay anh chỉ còn dễ chịu trong bộ jogging suit màu xám nhạt. Sau cùng, anh nằm trên giường, đầu gối cao, tiếp bạn trong căn phòng ngủ có cửa sổ nhìn ra vườn sau. Ngang tầm mắt anh trên vì tường bên phải, treo cái khung hình chân dung chị Chi ngày còn trẻ. Tôi đến thăm, hay ngồi ở cuối giường, lúc vào và lúc về, thường xoa xoa chân anh thay cho lời chào. Đề tài anh thích thú nhất bên giường bệnh vẫn là chuyện văn chương, viết lách. Anh hỏi thăm công việc tôi đang làm, khuyến khích tôi phải hoàn tất cuốn truyện dài viết về bà mẹ quê rất đáng thương của tôi, của cả một thế hệ những người đàn bà với số phận hẩm hiu trong cái xã hội phong kiến Việt Nam đầu thế kỷ 20. Khi tôi chân thành và cảm kích đáp lại bằng sự mong mỏi anh cũng nên viết xuống những gì đang chất chứa trong suy nghĩ và cảm xúc của anh những ngày lâm bệnh, của một nhà văn đang từng phút giây không chỉ cảm nhận mà có lẽ còn đặt được cả bàn tay chạm vào hy vọng và biệt ly, anh gật đầu cười buồn, hứa sẽ thử. Tôi còn liều mạng đề nghị chị Chi ghi chép giúp anh. Về sau, trong vài dịp chuyện trò hỏi lại, chị Chi chỉ lắc đầu mà không nói gì. Tôi tránh lòng, hình dung sự cần mẫn và kỷ luật hiếm có của anh trên hàng ngàn trang bản thảo anh đã hoàn tất trong bối cảnh cơ cực và gieo neo của cả miền Nam những năm đầu bị cộng sản tiếp quản. Tôi cũng hình dung những buổi trưa nắng ở Cali, tuần lễ năm ngày, anh đều đặn bỏ bữa ăn ở sở làm, lái xe ra công viên để viết. Hoặc sáng tác, đóng góp với bạn bè trong những công trình văn hoá chung hoặc lo cho tờ tạp chí mà anh nhận trách nhiệm nuôi nấng sau khi các con đã khôn lớn, trưởng thành. Với anh, chữ nghĩa là một phần xương thịt không thể tách rời.

Tôi chỉ biết đến thế rồi lười biếng ngừng ở đó. Tôi khâm phục những công trình sáng tác dài hơi của anh được đông đảo bạn đọc ngưỡng mộ, được các nhà phê bình văn học trân trọng mổ xẻ, khen ngợi, được in thành ấn phẩm lộng lẫy. Tôi quý mến anh là một người bạn văn có phẩm cách, trung thực và hào sảng. Trước hết và sau hết, cũng phải thú thật vì anh là phu quân của Nguyễn Khoa Diệu Chi, một bạn gái tôi và Trần Mộng Tú đặc biệt thương quý.

Sống cho đến quãng đời này, tôi thường ý thức rõ về tính cách hời hợt của con người trong sinh hoạt hàng ngày, biết rằng đó là nguyên nhân đưa tới nhiều bi kịch, thậm chí thảm kịch. Người ta dễ bằng lòng với những gì nhìn thấy trước mắt. Không ai, kể cả cha mẹ, bận tâm về một điều gì ẩn dấu bên trong một đứa con ngoan, một sinh viên ưu tú, không bao giờ làm phiền lòng cha mẹ, nhà trường, hàng xóm, cho đến khi nó bất ngờ vác súng đến một nơi nào đó, lớp học, bãi đậu xe, hí viện... khơi khơi nổ cò như một tay xạ thủ chuyên nghiệp. Mọi người, dù thân thiết với nhau tới đâu, dường như chỉ “đi bên cạnh” nhau theo đúng nghĩa của những chữ này nhất. Bây giờ, anh Nguyễn Mộng Giác đã hoá thân về thiên cổ. Những ngày tang lễ anh, tôi ở nhà Tú, xa quận Cam hai tiếng rưỡi máy bay. Buổi tối bật đèn đầu giường, đọc truyện anh viết, nhìn thấy anh dưới một chân dung khác, một người khao khát và suy tôn Tự Do đến chết. Có những điều tha thiết muốn trao đổi với anh thì hơi ối, nhớ ra rằng mọi cánh cửa mở trong những trang sách của anh nay đã lạnh lùng khép lại. Anh có những ước mơ, một thế giới riêng lấp lánh màu sắc, nồng nàn hương vị. Anh tung chúng lên trời, gieo xuống đất, ném vào khoảng không mênh mông. Ham hố. Miệt mài. Thành khẩn. Liệu có bao nhiêu người đón nhận cùng với nhiệt tình anh trao đi? Hay anh chỉ hiện diện bằng tên mình ở những cái gáy sách xếp trên án thư, kệ gỗ nhà này, nhà kia? Hay cơ hội cuối cùng của một nhà văn luôn phải chờ khi bước

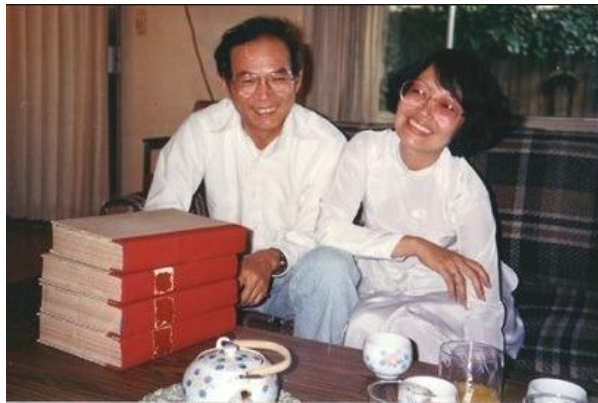
vào văn học sử, đem theo với mình con người đời thường, không tước hiệu, nhưng nó chính là cốt lõi làm nên vinh quang của vòng nguyệt quế?

Cát bụi thời gian đã bồi xóa và sẽ bồi xóa sạch trong ký ức mọi người dấu vết những vòng bánh xe cứu thương chở anh xuôi ngược trên nhiều con đường của nhiều thị xã vùng quận Cam. Cảm tạ Trời Đất đã cho anh được về nhà trên chuyến xe cuối cùng như ước nguyện.

Riêng tôi, mỗi khi nghĩ về anh, mỗi khi đến thấp một nén nhang tưởng niệm trên bàn thờ anh, tôi chưa cách nào quen với sự vắng lặng trong căn nhà ở đường Strait nay chỉ còn một mình Diệu Chi chăm chút di chuyển những chậu lan sum suê từ vườn vào nhà rồi lại từ nhà ra vườn khi hoa đã tàn rụng hết, không còn anh để khoe, để nhìn chị đắm đuối như nhìn em lần đầu.

Chữ nghĩa để làm gì khi một tình bạn thân thiết gần ba thập niên thế mà vẫn có những điều chưa kịp nói?

**Bùi Bích Hà** - Garden Grove, 7/20/12



*Nguyễn Mộng Giác đoàn tụ với hiền thê Nguyễn Khoa Diệu Chi*

# Dài ngắn, thế nào?

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

NGUỒN - <https://www.nguoi-viet.com/>



Câu nói cửa miệng của mọi người thường nghe thốt lên mọi nơi, mọi lúc, là “đời người ngắn ngủi quá, vừa sáng sớm chớp mắt đã hoàng hôn.” Có vẻ cảm nhận không sai mấy nhưng biết vậy mà không nghĩ ra được cách nào để, nếu không thay đổi được lịch, thậm chí kim đồng hồ thì chí ít, có thể tận dụng sự ngắn ngủi ấy. Cứ ngồi nhìn thời gian hao mòn như cát lở ven sông thì có nên không?

Viết ra hay nói với nhau điều này tưởng như lý thuyết suông, triết lý vặt nhưng thiết nghĩ lý thuyết cũng rất cần. Bản thân kẻ viết bài này thậm dốt về môn Toán nói riêng và Khoa Học nói chung, thật lòng không dám ví von gì nhưng nhớ là có nghe ai nói đâu đó mấy chữ “Lý thuyết toán học” trước khi đi vào phần chứng minh.

Gần đây nhất, nhân cái tang nhà vật lý lỗi lạc của nhân loại Stephen Hawking vừa qua đời ngày 14 Tháng Ba, 2018, ở tuổi 76, sau hơn nửa thế kỷ vật lộn với bệnh tật trong những điều kiện gay gắt có một không hai, qua đó, cho thấy đời sống ngắn hay dài còn một cách đo đạc khác, hạnh phúc hay khổ đau còn một cách đón nhận khác, mọi người bảo nhau tìm xem cuốn phim Hollywood thể hiện một trong hai di sản to lớn ông để lại cho đời nay và đời sau: “Theory of Everything,” tôi càng thêm tin tưởng rằng Lý Thuyết rất quan trọng để bắt đầu một việc quan trọng, miễn là Lý Thuyết cần được Hành Động thích hợp hỗ trợ.

Hành Động thiếu Lý Thuyết hướng dẫn, có thể đưa tới tình trạng thiếu tập trung, tản lác, mất tác dụng; ngược lại, Lý Thuyết thiếu Hành Động để đưa tới huyễn mộng, “mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây.” Làm một điều gì, dù lớn dù nhỏ, dù chỉ có ảnh hưởng tích cực tới bản thân vẫn hơn là không làm gì vì thời gian lạnh lùng trôi chảy, không hề ngừng.

Cũng giống như nhiều người khác, cuộc sống chịu ảnh hưởng của một ai đó xung quanh mình. Riêng tôi, ngoài cha mẹ dạy dỗ, có hai người đã trở thành bậc thầy vĩ đại của tôi trong một cơ duyên tuyệt diệu, giúp tôi cách đi tìm và khám phá những kho báu vô hạn của cuộc đời này.

Người thứ nhất là thầy giáo dạy kèm môn Toán cho tôi chỉ trong một mùa Hè của tuổi thơ tôi ở Huế. Thầy dạy chúng tôi: “Cuộc đời có những hương thơm và mùi xú ối, các em hãy chọn lấy hương thơm. Cuộc đời có những hạt ngọc và nhiều sạn sỏi, các em hãy chọn lấy những hạt ngọc.” Câu nói của thầy đi vào trí nhớ tôi, ở yên đấy cho tới khi tôi thấy mình đứng trước những lựa chọn thì ngộ ra sự khôn ngoan thầy truyền dạy.

Thời thơ ấu ở Huế, tôi cũng thuộc nhiều thơ của Hàn Mặc Tử, “Trời hỡi làm sao cho khỏi đói? Gió trắng sẵn có, làm sao ăn?” Hai câu thơ lặn sâu trong trí nhớ cho tới khi tôi bắt đầu chương trình đi bộ mỗi ngày 45 phút, vừa để thư giãn, tái tạo, bồi bổ năng lượng, cơ thể được hoạt động, vừa để có chút thời gian “thưởng thức hương thơm của cuộc đời” như lời thầy tôi dặn: hương thơm của những bụi hồng ngoài hiên, của bình trà gia đình hàng xóm vừa pha sau bữa cơm chiều; của gói mì ăn liền, một người cha, người mẹ hay người con đi làm về muộn nấu vội cho mình; của cái máy giặt đang nhả khói thơm mùi xà bông trong gara ngôi nhà bên đường; của mái tóc một thiếu nữ trẻ tuổi bước nhanh qua mặt tôi, có lẽ trên đường đi đến chỗ hẹn với người yêu...

Đến đây, tôi chợt có câu trả lời trễ tràng cho nhà thơ họ Hàn và cảm thấy xót xa ông hơn. Có hôm, con đường tôi đi dài theo bờ sông Santa Ana, dù nước không đầy lòng sông xi măng nhưng không gian trên đầu và xung quanh tôi thoáng đãng, gió mát lùa giữa hai kè đá thoải sạch sẽ và trắng non như một nét mày thanh tú hay trăng già tròn vo như cái đĩa ngọc treo ở chân trời, tha hồ cho tôi ngậm miệng hít vào những hơi dài, cảm thấy no nê bằng ngũ quan, không nhai nhưng nuốt đầy thần trí và căng bùng phổi nguồn sinh lực mới.

Người thầy thứ hai dạy tôi bài học khác là thân mẫu một người bạn thiết. Cụ thọ ngoài chín mươi, tướng mạo tươi tốt, dáng đứng thẳng băng. Cụ cười, nói với con cháu và bạn bè của chúng đến chơi nhà: “Chao ôi, cuộc đời biết bao nhiêu cái đẹp để thế này mà bà phải đi, không được sống thêm để an hưởng, thật tiếc quá!” Tôi ngẩn người trước tinh thần lạc quan yêu đời của cụ.

Ngày còn bé, linh cảm về hạnh phúc của tôi ở tuổi lên bảy, lên tám là vài khi thấy mẹ tôi buồn ngủ ríu cả mắt giữa trưa hè râm rạn tiếng ve sầu trong khu vườn rộng vắng, bà vừa cầm cái quạt mo phải quẹt quẹt một chỗ trên sàn xi măng xám, đủ cho bà ngả lưng, vừa nói với tôi líu cả lưỡi: “Ui dào, được chợp mắt cái, thích quá!” Hạnh phúc và cách bộc lộ của mẹ tôi thật giản dị nhưng xem ra những giây phút ấy không nhiều. Dường như thắng hoặc những lần ngủ ngày chốc lát chỉ có hai mẹ con với nhau như thế, bà phải lấy trộm chúng từ gia nương bận rộn, bề thế của bố tôi, phải trả lại những giờ khuya khoắt để công việc vẫn đâu vào đấy trong một ngày, không có tâm trạng thanh thoi và phong cách an nhàn như cụ thân mẫu bạn tôi.

Được biết cụ góa chồng sớm, một mình tần tảo gánh gia đình thời còn trẻ. Hai lần di tản, khi về già ở quê người, cụ cũng có lúc đau nhức mình mẩy nhưng không bao giờ nghe cụ thở than. Con cháu đứa nào rảnh rỗi, chở cụ đi chơi, văn cảnh đó đây, cụ rất vui. Tiệm ăn nào mới mở, tiếng đồn có món ngon, cụ theo con cháu đến thưởng thức. Cụ luôn có nụ cười trên môi và lời nói ân cần với mọi người. Một hôm cụ bảo tôi: “Tôi làm món thịt bò xào cần ngon lắm, cô đến ăn cơm với các cháu nhé?” Tôi tới theo hẹn. Các thứ cần dùng để nấu nướng món ăn đã chuẩn bị tinh tươm sẵn trên mặt bàn. Cụ lăn xe gần vào bếp lò, hướng dẫn chị giúp việc từ lúc bắc chảo lên bếp, phi dầu với hành tỏi cho thơm, xào rau cần nhanh tay theo công thức “cần tái cải nhừ” rồi sau cùng xào thịt bò đã ướp sẵn. Chảo xào dậy mùi thơm lừng lẫy trong khi quạt hơi ở nhà bếp hoạt động hết công suất. Cơm dọn ra, có cả món thịt quay chọn rất khéo của ông trưởng nam gửi về để mẹ đãi khách và gia đình các em, các cháu. Cụ không ăn mà lăn xe đến, ngồi vào bàn, nhìn mọi người ăn uống với đôi mắt tinh anh, ấm áp tình cảm. Đĩa thịt quay tuy trông rất ngon nhưng vẫn



y nguyên. Cụ cười tươi như hoa, nói đùa: “Món của tôi ngon hơn thịt quay, phải không? Mua phí tiền!”

Một tuần sau, tôi được tin cụ quy tiên. Các cháu kể lại: “Nửa đêm bà thức giấc và muốn uống nước. Bà chỉ trở mình vài lần rồi ngủ giấc nghìn thu. Nhẹ nhàng. Yên ả. Như chiếc lá cuối đông rời cành về với đất.”

Từ đấy, bên tai tôi thường văng vẳng tiếng cụ lẫn vào hình ảnh đôi môi mỉm cười: “Chao ôi, cuộc đời với bao nhiêu cái đẹp để thế này mà mình không được sống để hưởng...” Ngay cả sự tiếc nuối, nếu quả thật là thế, đối với cụ cũng đượm nét an hòa. Ngay cả sự ra đi gần kề, cụ cũng bình tâm đón đợi, như người vừa nhả nha nhấm nháp tách cà phê thơm, vừa lắng nghe tiếng chim hót ngoài cửa sổ, tiếng trẻ thơ bi bô dưới mái nhà. Nhờ cụ, tôi thấm ngấm ca từ trong bản nhạc của Trịnh Công Sơn, có một lúc, tôi thấy nó vô duyên và nhà quê: “Tôi là ai mà yêu quá đời này?”

Bây giờ, có lúc tôi cảm thấy trong tôi rạt rào ý muốn kêu lên như ông khi tôi đã quen lắm với lời thầy tôi dặn dò: “Hãy nhặt lấy những hạt ngọc, hãy đón lấy những hương thơm.” Cuộc đời bỗng dựng đẹp ở những mắt nai bé thơ, ở những cung đàn muôn điệu ru hồn người, ở đôi tình nhân cầm tay nhau đi dưới hàng cây trong công viên, ở những cửa hàng hoa rực rỡ, thấm tươi bên hè phố, ở ngay cây chanh sau vườn nhà tôi bông nở trắng xóa, chi chít quả non vừa đậu, ở thương yêu có chút vụng về nơi ông bố trẻ cho con bú bình giữa một tiệm ăn đông khách, ở bàn tay người y tá cẩn thận nâng ly nước vừa tầm uống của một bệnh nhân không còn khả năng tự lo liệu cho mình...

Ôi, bút giấy nào kể hết vẻ đẹp của thế gian này? Tất nhiên cuộc đời cũng có những quy luật khắt khe, là cái giá phải trả cho nhiều điều khác. Biết

thế và biết ứng xử, như thầy tôi, như cụ thân mẫu bạn tôi, để chân bước đi trong càn khôn nhẹ nhõm, để túi lúc nào cũng rủng rỉnh, leng keng mấy đồng xu hạnh phúc, để ly rượu uống chậm say đắm đến giọt cuối cùng. Vẫn hơn là cứ phải ép mình nghĩ đời là bể khổ.

Người tu khổ hạnh mong được niết bàn mà quên niết bàn không ở đâu khác, trái lại, sẵn có trong tâm lành. Thượng Đế tạo sinh con người với cả hai khả năng khổ đau và hạnh phúc, cho con người có tự do lựa chọn, vì sao con người tự đặt ra luật lệ, tự tìm kiếm cực hình để giam hãm, đày đọa mình trong ngục tù khổ đau (vô ích) thay vì chấp cánh cho mình bay cao, vượt thoát những giới hạn trầm luân ấy? Nỗi đau dài ba, bốn thập kỷ không còn là nỗi đau với cường độ ban đầu nữa mà chỉ còn là ý niệm, là cái vỏ rỗng đã khô ruột, là hồn ma bóng quế ám ảnh, là hình dung từ vẽ vờ của ngôn ngữ như một món trang sức làm đẹp của văn chương. Đừng quạt mãi những hòn than đã lịm tắt trong nước mắt mình rồi mãi vào đồng tro tàn. Đừng chốc chốc quen tay châm ít giọt dầu nếu không thể gây nên đám cháy lớn cho phượng hoàng bước ra từ lửa đỏ.

Sau hết, di sản to lớn thứ hai của Stephen Hawking là “Theory of Love” được thể nghiệm qua cuộc đời dài của ông, bắt đầu từ tình yêu bản thân, nghe qua chừng như nghịch lý nhưng thực sự, từ đây, con người luận ra sự đền đáp là tố chất không thể thiếu để tình yêu được mãi xanh tươi.

**Bùi Bích Hà**

## Thú ăn phở

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



Năm đầu của thế kỷ mới, bạn bè vùng quận Cam kháo nhau về món phở của một ông đầu bếp tài tử cả đời mê phở. Thoạt tiên, ông chỉ nấu phở vào cuối tuần để đón tiếp tại nhà một số thân hữu gốc gác Hà Nội thời năm cửa ô xưa, ba mươi sáu phố phường với Thạch Lam trong Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi thường gọi điện thoại rủ nhau, nhỏ to rủ rê. Ai đến muộn là hết phần.

Ngôi nhà của ông nằm trên một con đường nhỏ, đầu đó thuộc thị xã Garden Grove mà nay qua thời gian, tôi không còn nhớ rõ vị trí. Thế nhưng tôi vẫn dễ dàng hình dung ra cái

bàn gỗ khá rộng, trải tấm nilông có những ô vuông màu xanh, kê ở gian ngoài, liền với phòng khách bên tay phải và bếp bên tay trái. Từ chỗ ngồi, khách ăn phở có thể nhìn thấy ông đứng thong thả thái thịt bên cạnh nồi nước dùng thoảng bay mùi thơm của phở, cái mùi đậm mà không nồng, cái mùi luôn pha lẫn với kỷ niệm, cào khế lên trí nhớ thực khách về một điều gì mơ hồ, ray rứt.

Mặt bàn trải khăn nhựa trắng trơn, không có một thứ gì khác khi những tô phở được chính chủ nhân trình trọng đưa ra. Quen miệng thì gọi bằng tô, chính ra là bát phở, như người Hà Nội thế kỷ 20 vẫn gọi như thế. Bát phở không sâu quá, cũng không to quá mà thanh cảnh, không có những thứ tạp nhạp phải chừa lại, vừa vụng cho một lần ăn để còn thòm thèm. Thái thịt cũng là một nghệ thuật, từ kích cỡ to nhỏ lẫn bề dày, phải miếng nào ra miếng đó tùy loại: tái, chín, gầu, nạm, mỗi miếng thịt là niềm tự hào trong bàn tay nâng niu của người nghệ sĩ. Phở ở tư gia của ông đầu bếp

Bắc Kỳ không có món ăn kèm nào khác, chỉ có hành trần, chanh, ớt, hạt tiêu xay. Có bà người nam theo bạn đến ăn, chờ mãi không thấy đĩa rau húng, ngò gai và giá, bèn hỏi. Ông hàng phở tài tử như một sinh vật quý hiếm còn sót lại của thành phố Tháp Rùa, tủm tỉm cười, lễ phép trả lời: “Thưa bà, phở nhà tôi không có những thứ này. Lần sau, mời bà xuống phố Bolsa.” Lúc ra về, bà khách hậm hực than phiền với người dẫn đường: “Lần sau? Đâu có lần sau nào nữa? Phở không giá, không rau, mà gọi là phở?” Chủ nhân nghe kể lại cùng với lời yêu cầu nên dọn giá và rau cho thực khách, ông vẫn cứ tủm tỉm cười: “Ăn phở mà đòi rau với giá, sao gọi là phở?”

Ở ngôi nhà nhỏ trên con đường tĩnh mịch của thị xã Garden Grove vài năm đầu thế kỷ 21, có những cuối tuần đông vui bằng hữu gọi nhau đi ăn phở như thế. Từ sáng đến chập tối, ngót hai trăm tô phở hết nhẵn.

Được ít lâu, ông không nấu nữa, tắt bếp, xếp bàn ghế vào gara. Gặp ông, hỏi thăm, ông bảo “Nhọc rồi, không làm nữa.”

Khách ăn quen, đậm nhớ. Trong cái nhớ, hình như có cả những góc phố Hà Nội-Sàigòn trước và sau 1954. Có cả hình ảnh những đứa bé trai hay gái một thời háo hức theo bố mẹ đi trên những vỉa hè lờ mờ bóng tối để đến cái xe phở lắc lư ngọn đèn câu trên một quãng đường Saigon nay cũng đã chia xa. Một ông hàng phở chân truyền khác, chạy giặc từ Bắc vào Nam, gầy guộc, mặc cái tạp dề cháo lòng đứng sau mấy miếng thịt bò treo lủng lẳng, cái tủ kính nhỏ đựng những sợi phở trắng muốt và bên nồi nước dùng sôi khế, thỉnh thoảng mùi phở thơm theo tay ông dở cái nắp đậy, bay lên, làm ấm cả một khoảng đêm mát lạnh.

Thế sự thăng trầm, thoát cái hơn mười năm. Bỗng dưng một hôm thấy báo đăng quảng cáo tiệm Phở mới khai trương, cung cách nghe chừng quen quen của hàng phở tại gia cũ. Bấm đốt tay tự hỏi: “Chả lẽ thêm cả chục tuổi thọ nữa rồi mà giờ đây ông đầu bếp mê Phở năm nào lại bớt nhọc?” Có lẽ ông bớt nhọc thật vì đích thị ông là chủ nhân tiệm phở vừa

chính thức khai trương trong khu thương xá mới mở bên ngoài Little Saigon. Ngay cửa vào, ông bày cái gánh phở bằng gỗ, to đùng, bề thế. Nó gọi dậy trong tôi một ký ức khác. Nó gọi dậy cái bóng đen lù mù, làm lũi chuyển động, chút lửa hồng cháy dưới bước chân trần in lên mặt đường vắng những tối mùa đông ở cái thành phố Huế thương yêu của tôi. Không ai đoán ra nó là cái gì cho đến khi hàng phở sắp sửa đi ngủ, chợt nghe lảnh lớt tiếng rao “phở...” Chừng như ông đầu bếp tiệm phở này cũng từng trải qua một tuổi thơ đứng ngồi đầu đó, xì xụp húp đến cạn bát nước phở nóng và thơm đến tê đầu lưỡi để đến bây giờ ông vẫn chưa quên?

Tiệm phở rình rang đón khách của ông bài trí khá cầu kỳ so với các tiệm phở khác. Tranh tường, hoa lụa xum xuê, ghé với tựa lưng cao tạo sự riêng tư cho thực khách tuy thực đơn của tiệm chỉ giản dị có độc một món phở bát. Ông đầu bếp chủ nhân phải tự tin lắm mới xâm mình chấp nhận phương thức kinh doanh độc chiêu này.

Từ nhà riêng ra đến chợ đời, ông mới thắm ngấm thực tế chua cay giữa “chiêu đãi” và “sản xuất cho số đông.” Nhập gia tùy tục, tuy tiệm phở đã lập tức nhượng bộ khách hàng với tương đen, tương đỏ, rau húng, ngò gai, giá chín, giá sống bày trên bàn nhưng những buổi đầu, khách ăn phải chờ quá lâu, bánh phở thì nhũn, cà phê dọn trong tách không có đĩa lót và thực khách phải nháo nhác đi ra chỗ để đĩa muống, tự lấy cho mình. Chủ nhân ông trông phờ phạc, thương tiếc đứa con tinh thần của mình bị thay hình, đổi dạng và con đường tươi nắng trong lòng ông giờ đây rã rời hoa lá.

Ngày một, ngày hai, ông thức mắc, ông lắng nghe, quan sát, sửa chữa. Tại sao bát phở chóng nguội khi khách chưa ăn đến thìa cuối? Tại nhúng bánh không kỹ. Tại sao miếng thịt chín không dậy hương, thơm đến tận kẽ răng? Tại thái mỏng, không đúng độ dày. Mấy cái anh Mễ tập việc này làm như máy nhưng không bằng máy mà tam sao thất bản, lúc này lúc kia, đâu có cái hồn Việt Nam, đâu có “tâm tình gởi theo ý thơ” lúc nào

cũng đầy cảm hứng và có cái trau chuốt của người đầu bếp đưa ẩm thực lên hàng nghệ thuật? Đội ngũ phục vụ thì đa phần là con cháu, từ lóng ngóng đến quen việc hơn, rồi dần dà cũng tạo được sự hài lòng cho khách. Sáng sớm cho đến 8 giờ tối, tiệm lúc nào cũng có người đến ăn ngồi kín nhiều bàn, cuối tuần phải chờ.

Nói về ăn uống, mỗi người một khẩu vị khác nhau. Người thích tô phở đầy tú ụ, nòng nân hương hoa hồi và quế, những cái bong bóng chất béo loáng trên mặt nước dùng và người ăn tự do nêm gia vị theo sở thích. Ăn lấy no, lấy thỏa, căng bao tử là đứng lên lo làm việc khác. Người thích không phải tô mà là bát phở, chẳng lấy thịt đè người, miếng tái cần ngọt, miếng chín cần mượt mát, đậm đà, miếng vè gầu cần giòn, miếng gân cong như bánh tráng mỏng, miếng nạm cần lượn lờ tí mỡ dặt ở vòng ngoài, bánh phở phải mượt và đủ dai để không đứt, nước phở phải trong...vv...Chao ôi, nhiều cái phải quá! Bát phở ngon, thậm chí chỉ cần gia vị một múi chanh nhỏ. Sợ béo mà vắt tới 2 múi là hỏng. Phở của một thời Hà Nội chân truyền và thanh lịch không bao giờ có cái vị ngọt lợ của bột ngọt thời công nghệ ngày nay. Trái lại, vị ngọt của phở bắc nguyên thủy là sự giao duyên mộc mạc, gắn bó, có đậm thắm song cũng có cái đậm đà sắc sảo của xương thịt tẩm vào mắm muối, làm nên mùi vị quyến rũ riêng biệt của nó tựa như mùi vị người tình, nếm trải một lần là ghi khắc mãi mãi trong tâm khảm, xa cách bao nhiêu khi gặp lại, vẫn nhận ra cổ nhân và thấy lòng thổn thức.

Thế nên, đi ăn phở thường là để bắt đầu hay kết thúc một ngày không vội vã, là nhả nha quay về cái thềm nhà cũ, tìm lại mùi hương xưa khua rộn ràng trong trí nhớ, nhâm nhi miếng thịt, cọng phở, lát hành, thả trôi mình trên giòng thời gian băng lạnh. Hôm qua, hôm nay, ngày mai, chỉ còn giây phút này một giấc mơ thôi...

Có lẽ chính cái cung cách ăn phở như vừa mô tả đã thúc đẩy người đầu bếp nghiệp dư tận tụy kia không cưỡng được ý nghĩ di chuyển cái bếp

nhỏ ở nhà ông ra tiệm lớn sau mười năm nghiên ngẫm, thận trọng hỏi lòng.

Giờ đây, vài lần hiếm hoi tôi ghé lại tiệm khi thành phố hoàng hôn đã lên đèn, thấy ông gọi con cháu pha cho ông một ly cam vắt. Dưới vành mũ lưỡi trai che hết vàng trán hẳn dấu vết thời gian, tôi không biết ông buồn hay vui, chỉ thấy trên khuôn mặt ông nụ cười tằm tằm muôn thuở. Ông gật gù đoan chắc: “Cứ từ từ... Cứ kiên tâm. Người ta sẽ hiểu, sẽ thưởng thức nét tinh tế của cái món ăn mang nặng tình tự dân tộc này.” Xuôi giòng năm tháng, Phở có mặt khắp nơi, trong mọi tình huống lịch sử hiếm nghèo và gian nan nhất. Ở khu chợ chiều heo hút bên bờ sông Đáy, làm ấm lòng những bà mẹ tản cư chạy chợ, thách đố với tử thần. Phở lăm liệt theo chân đoàn người di tản vượt Thái Bình Dương, chinh phục nước Mỹ, vượt Đại Tây Dương chinh phục Âu châu.”

Bàn về mối tình son sắt của ông với phở, tôi định hôm nào hỏi xem ông có thuộc thơ Nguyễn Bính không?

...”Thầy u mình với chúng mình chân quê,  
Hôm qua em đi tỉnh về, Hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều...”

Cho tới nay, trải hơn ba thập niên phổ xá của người Việt di tản phát triển không ngừng tại quận Cam, duy nhất chỉ có thương hiệu PHỞ 86 của chị Quốc trên đường Brookhurst, thành phố Westminster, thành công đáng nể với thực đơn Phở Only làm vừa lòng người sành điệu.

## Bùi Bích Hà

Nguồn: Diễn Đàn Thế Kỷ

## Nhất phiến tài tình, thiên cổ lụy...

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



**Nữ danh ca Edith Piaf**  
(Hình: Hulton Archive/Getty Images)

*“Tài tình chi lắm cho Trời đất ghen?” (Kiều)*

Từ ngàn xưa, con người vẫn đứng trước một câu hỏi không có câu trả lời: vì có tài mà khổ hay vì khổ mà tài nảy sinh? Phải chăng nghịch cảnh như con nước xoáy, nhận chìm những ai không kham nổi đường bờ và bốc lên cao, đưa đi xa những ai dài hơi nín thở qua truông?

Tôi vừa có dịp tình cờ xem lại ở nhà một người bạn cuốn phim “La Vie En Rose” của đạo diễn Olivier Dahan, mô phỏng cuộc đời bi thương của nữ danh ca Edith Piaf, tiếng hát lẫy lừng trong ba thập niên tiền bán thế kỷ 20 của Âu Châu, Hoa Kỳ và các quốc gia Nam Mỹ.

Ra đời dưới ánh sáng ngọn đèn đường giữa đêm Paris tối tăm, được gói trong tấm áo choàng của viên cảnh sát tuần tra, cô bé sống sót ở tuổi lên



một, lên hai, ốm yếu, ghẻ lở, bị mẹ bỏ rơi trong tay bà ngoại rượu chè be bét để đi kiếm ăn; bị bố giao cho bà nội vốn là chủ chứa một động mại dâm trong xóm nhà ổ chuột của vùng Normandy ô hợp, có lúc coi như bị mù vì chứng đục thủy tinh thể.

Rồi cô bé lăn lóc qua bàn tay vài cô gái ăn sương nhân từ trước khi bước vào tuổi chớm lớn, bị ông bố vừa mất việc với gánh xiếc lưu động, quay trở về bắt con gái theo ông ra hè phố làm một đôi đàn hát ăn xin độ nhật. Khi trò diễn của ông không đủ sức thu hút người qua đường, khi cái nón tàu phở méo mó trong tay con bé không hứng được đồng xu nào, bố nó đẩy nó ra phía trước, thì thào quát vào tai nó: “Mau lên, làm một cái gì đi kéo mọi người đi mắt! Mau lên, mau lên!”

Con bé sợ hãi, ngỡ ngác, không biết phải làm gì. Cuống quá, nó hát bài quốc ca Pháp “Allons enfants de la patri...e...” Giọng con bé trong trẻo quá, nét mặt nó hồn nhiên và tội nghiệp quá nên tiền rơi bì bụp vào chiếc nón nó cầm khư khư trên tay. Sự nghiệp ca hát tuyệt diệu của Edith Giovanna Gassion, sau này mang nghệ danh Piaf, có nghĩa là “con chim sẻ nhỏ,” do ông bầu đầu tiên đặt cho bà, bắt đầu như thế.

Năm 15 tuổi, Edith gặp và kết bạn với Simone Berteaut, người bạn gái thân thiết sẽ theo sát bà qua những chặng đường vui buồn sau này nhưng cũng ảnh hưởng sai lệch rất nhiều trên cuộc sống sóng gió của bà ngay từ những năm tháng thanh xuân. Cả hai kiếm ăn bằng cách lang thang ca hát ở những ngã ba, ngã tư đông người qua lại, kiếm được đồng nào là tu rượu như hũ chìm, kể cả có lúc phải nộp tiền cho một tay anh chị đầu nậu hung ác để được yên thân.

Mười bảy tuổi, Edith gặp Louis Dupont, thương yêu anh chàng này bằng mối tình vụng dại đầu đời, ăn ở với chàng và sanh một con gái, đặt tên là Marcelle. Có con rồi, Edith mới biết cô không có thiên hướng làm mẹ. Bé Marcelle thường xuyên phải lăn lóc một mình trong căn phòng trọ rồi qua đời lúc 2 tuổi vì chứng viêm màng não. Khi cô vào tới nhà thương, bác sĩ

hỏi: “Bà là mẹ đứa bé này?” Đôi mắt ngờ ngác của Edith khép lại thay cho câu trả lời cùng một lúc với đôi mắt của bé Marcelle vĩnh viễn khép lại trên giường bệnh.

Năm 20 tuổi, vận may tới với Edith lần đầu khi tiếng hát “vang vang trời vào Xuân” của cô lọt vào tai ông bầu một hộp đêm đông khách, Louis Leplée. Ông cho cô một buổi hát thử rồi thu dụng cô hát cho nhà hàng của ông.

Đêm đầu tiên Edith Piaf ra mắt đám đông thực khách sang trọng, cô dúm dó vì sợ hãi. Càng nhỏ bé hơn trong chiếc áo đầm đen thô sơ, đôi lông mày nhướn cao như hai cái dấu hỏi tội nghiệp, Edith cất tiếng hát trong sự lạnh nhạt đầy ngờ vực của cử tọa. Tuy nhiên, chỉ một chốc sau, quán rượu vỡ ra trong những tràng pháo tay đón nhận nồng nhiệt của người nghe, mở đường cho sự nghiệp của cô chấp cánh bay cao.

Có tiền, có danh vọng, cô bước vào thế giới nghệ sĩ có đẳng cấp của nước Pháp, làm bạn với Maurice Chevalier và được Marlène Dietrich ngưỡng mộ. Cô có nhà ở sang trọng, có người hầu và tất nhiên, nhiều cuộc tình vụt đến vụt đi, trong số này, có tài tử Yves Montand, được cô đỡ đầu trước khi là người tình. Khổ thay, số phận đã đoan không buông tha cô. Chỉ một năm ngắn ngủi thôi, Louis Leplée bị ám sát chết ngay tại văn phòng của ông ta. Edith Piaf bị nghi ngờ có liên quan đến vụ án mạng, bị cảnh sát điều tra dằng dai.

Nhà hàng của Leplée đóng cửa, danh tiếng của Edith Piaf nhuốm bùn, cô tuột dốc trên nấc thang sự nghiệp. Mất bốn năm chịu đựng cho mọi việc sáng tỏ trước khi vận may nở nụ cười với cô lần thứ hai vào năm 1940. Từ đây, Edith Piaf thẳng tiến lên đài vinh quang. Tiếng hát của cô vượt biên giới nước Pháp, xâm chiếm nước Mỹ.

Trên sân khấu Nữ Ớc, một lần nữa, cô xuất hiện với tất cả ngỡ ngàng trước một thính chúng chờ đợi được thấy dáng vẻ hào nhoáng của một

nghệ sĩ thượng thặng đến từ thủ đô Ba Lê thanh lịch, khác hẳn với nhân vật còm nhom, cao chưa tới 5', hai khuỷu tay khuỳnh khuỳnh, mắt nhìn lơ láo đang đứng trước họ. Tuy vậy, tiếng hát xé không gian, làm tan nát lòng người thoát ra từ hai lá phổi kỳ diệu của Edith Piaf lập tức chinh phục giới thưởng ngoạn Hoa Kỳ, mở đường cho những chuyến lưu diễn của bà tại đất nước này, xuống đến tận Nam Mỹ, trong suốt gần ba thập niên tiếp theo.

Cũng thời gian này, bà gặp và lần đầu, yêu một người đàn ông đứng ngoài lãnh vực âm nhạc: Marcel Cerdan, võ sĩ quyền Anh có vợ và ba con. Ông là mối tình lớn trong suốt cuộc đời sôi động của bà. Mặc dầu vậy, ký ức đau buồn về một tuổi thơ trải qua trong đổ vỡ của cha mẹ khiến bà không muốn ông phải rời bỏ gia đình.

Rủi ro thay, trong một chuyến đi Nữu Ước để gặp nhau, người tình của bà lâm nạn vì máy bay rớt. Sau biến cố bất ngờ này, bà suy sụp hẳn và bắt đầu buông mình vào rượu chè và ma túy. Những năm tháng tiếp theo là một chuỗi phấn đấu mệt mỏi để sống còn. Bà vẫn hát, vẫn đi lưu diễn khắp nơi, vẫn là thần tượng ca nhạc với trái tim nguội lạnh được cả thế giới say mê cho tới đầu thập niên 1960.

Năm 1962, bà gặp và kết hôn lần thứ hai với Theo Sarapo, một người thợ làm tóc trở thành ca sĩ và diễn viên, kém bà 20 tuổi. Theo yêu bà thật lòng, đem lại cho bà sự phấn khởi và hy vọng vào tương lai nhưng tiếc thay, một lần nữa (và là lần cuối cùng) định mệnh lại thẳng tay cướp khỏi bà chút hạnh phúc muộn màng. Edith bệnh nặng, tài chánh cạn kiệt, chấp chờn mê tỉnh giữa những hồi ức buồn phiền của quá khứ. Theo tận tụy chia sẻ với bà quãng đời đầy bóng tối này và ở bên bà cho đến giây phút cuối cùng.

Một buổi chiều cuối đông hiu hắt nắng trên bãi biển vắng, được nhà báo phỏng vấn, hỏi bà muốn nhắn nhủ gì cho phụ nữ mọi lứa tuổi, bà chỉ lập đi lập lại một chữ AIMER, nghĩa là yêu thương. Cả cuộc đời bà là một

hành-trình-đi-tìm-tình-yêu thất bại. Dường như tuổi thơ khổn khó, không cha, không mẹ, không gia đình, một mặt cấy vào tâm linh bà nỗi khao khát được yêu thương nhưng cũng đồng thời, đã lấy đi của bà khả năng nhận diện một tình yêu đích thực phải bắt nguồn từ chính trái tim mình.

Bà không tha thứ cho mẹ, không biết bế ẵm con thơ, tình yêu mà bà đuổi theo là sự đáp trả nguồn hứng khởi đến từ người khác, nó không có đất để bắt rễ và cho bà hoa trái, khi mất đi, nó cày sâu thêm nỗi đớn đau của những lần mất trước và hủy diệt bà. Nhiều người xung quanh chúng ta thường kể cho nhau nghe câu chuyện nắm cổ xanh treo trước mũi con ngựa, ví nắm cổ ấy với hạnh phúc. Tôi cứ tự hỏi có nơi nào trong lòng chúng ta có sẵn một vạt cỏ tươi non mà chúng ta cần nhớ tưới tắm hàng ngày để được êm ái lăn mình trên đó không?



**Thi văn sĩ Mộng Tuyết**  
(Hình: Tài liệu)

Cũng tình cờ lục lại chồng báo cũ, đọc lại cái tin cách đây 12 năm, hiện thể của cụ Đông Hồ là cụ bà thi văn sĩ Mộng Tuyết, quê quán Hà Tiên, qua đời ở tuổi 93. Nhìn tấm hình nhà thơ trong tuổi già, nụ cười móm mém nhưng duyên dáng, đôi mắt vẫn còn nét tinh anh sau tròng kiếng trắng, cùng lắm thì tôi cũng chỉ mừng tượng ra một bà nội hay bà ngoại

sống yên vui buổi xế chiều bên con cháu, không cách nào hình dung được cuộc đời bà đã sống, đẹp và đầy phong vị như một bức tranh cổ.

Thập niên 1930 của thế kỷ trước, trong lúc tuyệt đại đa số phụ nữ Việt Nam còn giấu mình trong bốn bức tường gia đình với văn hóa tam tòng tứ đức, bà đã mạnh dạn bước vào vị thế người kế thất của nhà thơ Đông Hồ, thay thế bà chị ruột qua đời vì sanh nở khó, cùng chồng xướng họa văn thơ, ngao du sơn thủy từ Nam ra Bắc, kết bạn với hầu hết văn nhân nghệ sĩ tài danh của đất Thăng Long thời ấy. Không những có tài năng, bà còn học rộng, kiến thức uyên bác, tư tưởng cấp tiến.

Bàn về trách nhiệm của người thường ngoạn, bà trả lời phỏng vấn của tạp chí Bách Khoa như sau: “Người viết đã dọn mình mà viết, người đọc sao lại không dọn mình mà đọc dẫu rằng người đọc không cùng một quan điểm với người viết? Chiếc vòng ngọc thạch, hoặc rộng hoặc hẹp, không vừa với cổ tay mình nhưng mà nó vừa vặn với cổ tay người khác thì mình dẫu không đeo nó, cũng phải biết thưởng thức đúng với cái đẹp của nó ở cổ tay của giai nhân không phải là mình.” Lòng chính trực, ý thức tôn trọng sự thật và người khác, cho đến nay ở đầu thế kỷ 21, là những bài học vẫn có rất nhiều người chưa thuộc.

Khi tả cảnh, tả tình, ngòi bút của bà như mây vờn bướm lượn. Cả thiên nhiên trong một đêm trăng lộng lẫy ở khu vườn nhà bà tại Xóm Rẫy được mô tả như thế này: “Một đêm kia, hình như không phải là đêm rằm mà sao bóng trăng tròn trĩnh quá! Nửa mái nhà và một góc vườn ngập ánh trăng. Đâu đây thoang thoang mùi thơm. Một mùi thơm là lạ, vương vương có hơi bạch đàn hương, thanh hải hương và một chút ngọc quế hương. Trăng diễm ảo, mùi thơm càng diễm ảo hơn... Trăng đã cao và sáng hơn. Mùi thơm theo độ trăng càng náo nức hơn. Mùi hương sực nức đã gọi nàng Út ngẩng lên. Nàng đưa tay vạch một kẽ lá và kêu lên ‘Ồ! Một bông hoa quỳnh hé cánh.’ Cuống hoa xanh màu hoa lý từ trong nách một kẽ lá trở ra. Trăng cao cao dần, hoa hé hé dần. Ai đã đem tơ trăng

huyền ảo mà buộc vào những cánh thần hoa? Làn u hương kỳ diệu đồng thời toát theo từng cánh mở của bông hoa...”

Cùng với từng cánh mở của bông hoa, văn chương Mộng Tuyết hé lộ cái thế giới u uẩn, chứa chan tơ lòng huyền ảo giấu kín bên trong những người đàn bà Việt Nam đầu thế kỷ 20, trong đó có mẹ tôi.

Không tài năng như nữ sĩ Mộng Tuyết, cũng không may mắn như bà, mẹ tôi suốt ngày lam lũ trên cánh đồng lúa, trong vườn cây trái bạt ngàn ở một nơi rất xa thành phố hoặc trong căn bếp ám khói để lo thức ăn cho chồng con mỗi ngày. Thỉnh thoảng lắm, đi học về đến ngõ trong buổi chiều mùa Hè nồng nực, tôi nghe lạnh lốt tiếng mẹ lầy Kiều theo khói bếp tỏa lên bầu trời trong và cao, quán quýt những cành tre, thánh thót rơi xuống những tàu lá sen đong mảy hạt thủy ngân phẳng phát hương.

Mẹ không biết cách bày tỏ cảm xúc riêng mình nên phải vay mượn ngôn ngữ từ kho tàng văn học dân gian để trao gửi nỗi niềm. Có những đêm trắng sáng ngời ngời trên khu vườn mướt xanh, mẹ ngồi ở đầu thềm hong mớ tóc vừa gội, tay phe phẩy chiếc quạt nan, mắt ngược nhìn lên bầu trời có những sợi mây xê dịch chậm chạp về nơi vô định.



Ngày ấy, tôi không biết mẹ nghĩ gì, có ao ước gì không? Biết đâu, mẹ tôi cũng có lúc say trăng và say hương trong khu vườn đêm đơn độc, là bông hoa quỳnh hé nở dưới trời linh hiển để được tái sinh cho một lần nở khác. Nghĩ như vậy, tôi đỡ buồn hơn khi nhớ về cuộc đời hẩm hiu của mẹ.

**Bùi Bích Hà**

Nguồn: [Người Việt](#)

# Người Muôn Năm Cũ

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***



Đã hơn 41 năm trôi qua mà cảm giác đau xót, tê dại vẫn mới như trong buổi trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi binh đoàn Bắc Việt Nam tràn vào thành phố mang theo những đôi dép cao su của họ cơn thủy tai bùn đất sạt lở lạ thường trên mọi ngã

đường Sài Gòn và các vùng phụ cận.

Tôi đi ngơ ngẩn quanh mấy gian phòng hẹp trong ngôi nhà bên hông chợ Bà Chiểu. Bên ngoài, cả Sài Gòn thân yêu của tôi thờ róc trong cơn hấp hối. Bên trong nhà, chiếc điện thoại màu đỏ nằm vô dụng ở một góc cái tủ nhỏ đựng quần áo của trẻ con, đã thôi những hồi chuông thỉnh thoảng rung từ một đầu dây đoán được sự hốt hoảng của người bên kia, hỏi thăm hoặc gửi lại một lời chào vội vã. Mấy đứa bé tuổi từ lên 3 đến lên 10, chưa thực sự biết gì, rụt rè như gà bị cáo trong không khí gia đình đột nhiên nghiêm trọng một cách khó hiểu. Khó khăn lắm tôi mới nói được với mẹ già năm đó đã gần tám mươi: *“Con xuống nhà bác Đ. sáng nay nhưng cả nhà đi rồi.”*

Trong trí tôi, hình ảnh đôi dép ngủ rất sạch của anh tôi để ngay ngắn dưới gầm chiếc ghế ở bàn ăn, không biết vì sao cứ mãi mãi hiện ra như thế trong ký ức tôi mỗi khi nhớ về cuộc di tản của gia đình anh. Hình như nó cho tôi hình dung ra một cử chỉ tôi thường thấy những lần anh thay đôi giày quân đội xong, bao giờ cũng cẩn thận cúi xuống, đẩy đôi dép ngủ vào gầm ghế rồi mới đứng dậy, phẩy mấy ngón tay vào quần như một thói

quen và cất bước. Tôi đã không chứng kiến lần cuối cử chỉ này của anh và vụt thấy thoáng nhanh qua đầu ý nghĩ từ nay là thôi, sẽ không còn một lần nào nữa giữa hai anh em. Tôi hiểu ra hình ảnh đôi dép ngủ của anh xếp ngay ngắn bên nhau là hình ảnh anh đã đi rồi. Của biệt ly.

Hơn mười năm lang thang, lây lất, vất vưởng giữa một Sài Gòn tan hoang, khô héo, tàn tạ, mấy mẹ con bà cháu bữa cháo bữa cơm, trẻ con không có tuổi thơ, mẹ già không có tuổi hưu, cuộc sống của những người kẹt lại miền Nam mò mẫm trôi đi trong hy vọng mà không biết hy vọng gì.

Ngày leo lên chiếc taxi thuê bao để ra phi trường Tân Sơn Nhất đi đoàn tụ với anh tôi sau 11 năm dài lê thê không nhìn thấy nhau, chuyến đi cũng hoang đường không kém ngày Sài Gòn thất thủ. Ở sân bay, công an và hải quan khu xuất cảnh khám xét kỹ hành lý của người đi. Tôi đứng tim khi một anh công an trẻ tìm thấy cuốn băng tiếng hát Khánh Ly nhà tôi bỏ quên trong cái máy cassette cũ mang theo, chưa kịp nghĩ cách phản ứng thì bất ngờ nghe anh ta nói nhỏ: "*Chị cho em cuốn băng này nhé!*" và không đợi tôi trả lời, cậu đã nhanh tay gạt cuốn băng xuống chân ghế, tiếp tục khám xét những thứ khác. Thế nhưng trước đó, vì quá sợ bị truy xét lý lịch gia thế làm trở ngại chuyến đi, tôi đã phải nuốt nước mắt đem gửi bà chị dâu con nhà bác tẩm ảnh duy nhất còn giữ được cho tới ngày hôm đó, chụp bố tôi mặc phẩm phục Nam Triều, mũ cánh chuồn, lưng mang đai hốt. Tôi thắm ngấm hai chữ vô sản của chế độ. Người dân không chỉ trắng tay của cải mà trắng tay cả quá khứ của dòng họ.

Dấu sao, điều gì đã ghi khắc vào tâm can, thậm chí vào thân thể một người, cứ vẫn còn tồn tại mãi ở chỗ của nó cho dù có một ngày người đó sẽ ra đi nhưng dấu chân để lại.

Đã hơn bốn thập niên mất tăm vào hư không. Cùng với trí nhớ tôi ít nhiều mòn mỏi, nói như nhạc sĩ Lê Uyên Phương, "*dù gương xưa không được lau,*" nói như nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, "*bạn bè rồi xa, dấu chân xưa cũng bụi mờ,*" thế nhưng dường như ngọn bắc đèn trong đĩa dầu cạn luôn cháy



lên những khoảnh khắc rục rĩ, dòng lệ ngậm ngùi nhỏ xuống từ đôi mắt người già như cơn mưa tắm gội sáng choang một thời đã qua. Đôi khi thấy trên truyền hình, nhiều khi thấy lại trong riêng tư một mình, hình ảnh những cuộc diễn binh hào hùng của quân đội miền Nam Việt Nam trước 1975, trên đại lộ Thống Nhất thênh thang của Sài Gòn tự do. Những thanh niên/thiếu nữ trẻ đầy nhiệt huyết và sức sống, quân phục thẳng nếp, đi đều tấp bên nhau, lưng thẳng, ngược ưỡn về phía trước, đầu ngẩng cao, “*súng ngửi trời,*” gương chỉ đất, cuộc sống trần mạc tính từng ngày nhưng không một ngày tránh né, bây giờ họ đâu rồi sau cơn cuồng phong của lịch sử? Họ còn sống hay đã chết hay còn sống mà như đã chết? Họ nghĩ gì về họ, về bạn bè họ những tháng ngày sa trường oanh liệt ấy? Cùng với họ là những ông cha, những bà mẹ, những máu mủ thâm tình, những gia đình mưa nắng chắt chiu chăm bón mùa màng để chờ đợi hiến dâng. *Ôi, những người muôn năm ấy, hồn ở đâu bây giờ?*



*báo chí, phát thanh hay truyền hình đưa tin không?” “Không đâu cô, nếu cô thấy hay hay thì viết, không thì thôi. Đơn giản chỉ là họ bỗng nhớ nhau thì đánh đường đi thăm nhau, chẳng có gì để rành rành, to tát cả.”*

Họ là một nhóm 5 người cựu chiến binh từng tham chiến ở Việt Nam, nay chắc vào độ tuổi ngoài 60, xấp xỉ 70, râu tóc bạc. Họ mặc thường phục,

Buổi sáng Chủ Nhật đầu tháng Mười, nắng chĩa chan sần trước, vườn sau, trên những tàu cau xanh mượt bên hàng xóm. Điện thoại reo. Tiếng người nghệ sĩ/học trò cũ ở phía kia: “*Cô có bận gì không? 12 giờ trưa nay có mấy người cựu quân nhân Hoa Kỳ ở xa về đặt vòng hoa tưởng niệm tại tượng đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, có đề tài cho cô viết bài đấy, mời cô ra nhé!*” Méo mó nghề nghiệp, tôi vội vàng hỏi lại: “*Có cần*

một người mặc cái gilet màu đen có in huy hiệu các binh chủng hai bên ngực áo. Người xa nhất về từ Georgia, từ Texas. Người gần nhất về từ Fresno. Ông này tự tay kết một vòng hoa bằng những đóa cúc vàng trong vườn nhà, với hai lá cờ Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa xòe như đôi cánh chim, với hai dải lụa nhỏ gọi những người ông đến thăm trưa hôm nay là chiến hữu ngoài trận địa, là anh em trong quân chủng. Hôm ấy tình cờ đúng vào lễ thượng kỳ hàng tháng của tập thể chiến sĩ Nam California tại tượng đài nên những người chiến binh một thời cùng chiến tuyến có dịp gặp gỡ, bắt tay, chuyện trò.

Những cựu binh Việt Nam còn giữ nguyên quân phục, huy hiệu binh chủng và dây biểu chương, tái tạo bằng ký ức toàn vẹn, không mờ nhạt của họ, rất đẹp, là những kỷ niệm thiết thân họ mang theo trên bước đường lưu lạc, có lẽ cho đến giây phút cuối cùng, khi bước xuống sân ga cuối cùng trong cuộc hành trình với bao nguyện ước dở dang. Tôi hình dung những bộ quân phục ấy được giặt hấp sạch sẽ, được treo cất ở một nơi trịnh trọng nhất trong ngôi nhà đầy ắp quá khứ, là những dòng di cảo bất thành văn, minh chứng có một thời con dân nhà Nam đã không tiếc máu xương, đem thân mình bảo vệ giang sơn gấm vóc tổ tiên để lại, đâu ngờ rồi có một ngày, hy sinh ấy sẽ trở thành niềm uất hận khôn nguôi?

Phản tôi, bất giác biết ra đây đó, dưới gầm trời bao la này, ở những ngôi nhà cách xa nhau nhiều ngàn dặm, vẫn có những con người còn tưởng tiếc nghĩ về quê hương tôi, còn nhớ nhung những buồn vui đã trải qua ở đó, còn gửi lại mảnh đất hăm hiu ấy một phần ký ức thanh xuân của họ với nỗi tiếc thương... Tôi tự hỏi điều gì đã khiến 5 người cựu chiến binh Việt Nam kia khấn gởi hẹn nhau về Little Saigon để đến khu tượng đài chiến sĩ, nói với các đồng ngũ của họ trên tầng mây xanh biếc là các bạn không đi vào quên lãng? Họ có thể đã phải thu xếp những ngày nghỉ, cả số tiền chi phí cho chuyến đi không biết phải dành dụm bao lâu? Họ chắc chắn phải điện thoại/điện thư cho nhau nhiều lần để bàn bạc kế hoạch

gặp gỡ, cùng nhau count down giây phút bồi hồi này. Còn nữa. Họ có 5 người, mỗi người chỉ cần góp \$20 mỹ kim là đủ để mua một vòng hoa và bảo tiệm hoa giao tới tận nơi nhưng họ không chọn giải pháp này dễ dàng này. Người cựu chiến binh ở Fresno đã bao nhiêu sáng chiều ngắm nhìn những luống hoa vàng trong vườn, nâng niu ý nghĩ tự tay kết một vòng hoa nặng tình đồng đội cho người đã nằm xuống. Có chút gì trong cử chỉ ân cần này làm tôi nhớ một câu thơ của nhà thơ Du Tử Lê đã được phổ nhạc và hát lên cho một tình yêu nhìn lại với nhiều trăn trở: *“Thương em kim chỉ khâu tình.”* Ôi, những rách nát tang thương của bản dự đồ đất nước tôi sau tháng 4, 1975 chẳng kim chỉ nào may vá lại được nhưng tôi thành thực biết ơn món quà phúng viếng đặc biệt của *“người lính già”* Hoa Kỳ trong buổi sáng Chủ Nhật đầu tháng Mười vừa qua, tại khu tượng đài chiến sĩ Việt Mỹ thành phố Westminster, từ nay, sẽ giúp tôi xua đuổi nỗi buồn mỗi khi nhìn thấy đâu đó hình ảnh cuộc duyệt binh hào hùng của quân đội VNCH năm xưa trên đại lộ Thống Nhất, cho tôi câu trả lời cứ mãi khắc khoải trong lòng tôi *“Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?”* Trên mặt đất này, trong cuộc đời này, hóa ra vẫn có những người thực sự còn nhớ họ, còn vui lòng sống thay họ dưới nhiều hình thức, trong nhiều hoàn cảnh, những mơ ước bị vùi chôn trong cuộc chiến nửa chừng tro bụi.

Họ an nghỉ trong những nghĩa trang lưu động, êm ả, trang trọng, ít ai ngờ tới nhất, được xây cất với lòng ngưỡng mộ và thương yêu. Họ là sương khói, là mây bay ngàn năm trên đỉnh ngọn đồi cao của rặng Rocky Mountains, đẹp, hùng vĩ và cô quạnh, là chính cuộc đời họ đã sống như một huyền thoại.

**Bùi Bích Hà**

## Muôn sự tại tâm

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Qua điện thoại, tiếng nói của người bên kia đầu dây gọi vào chương trình phát thanh cho phép đoán tuổi của bà khoảng trên dưới 70. Bà khóc nức nở, tức tưởi, máu máo, như có nỗi uất ức không kèm hãm được, phải bung ra. Lẫn trong tiếng khóc khàn đặc, người nghe lồm bồm câu chuyện bà kể: “Tui đã năn nỉ nó, con ơi, lấy ai thì lấy, đừng bao giờ lấy Mỹ đen nha con, cả đời má, má quá sợ Mỹ đen, má sợ lắm, tội nghiệp má, con đừng... Vậy mà bây giờ nó ưng một thằng Mỹ đen, nó đem thằng đó về nhà cô ơi!”

Tiếng khóc của bà vút cao, mỏng như tiếng vĩ cầm trên thang âm rồi dứt. Tiếng người điều khiển chương trình vừa dịu dàng, vừa dứt khoát: “Thưa bác, chúng tôi hết sức thông cảm với hoàn cảnh gia đình bác vừa chia sẻ nhưng đây là giờ hội luận thời sự, xin lỗi bác và hẹn bác trong chương trình thư tín cuối tuần bác nhé! Kính chúc bác sức khỏe.”

Tâm sự của những bà mẹ nệ cổ trong các cuộc hôn nhân của con cái không thuận theo mong đợi của quý bà khiến tôi nhớ lại một chuỗi những phiền muộn nát lòng kiêu này tôi từng nghe qua hay chứng kiến cách nay gần 30 năm, thời tôi mới tới Mỹ và đi làm ở một công ty có đông công nhân người Việt mình cũng như các sắc tộc khác.

Một bà mẹ người Hoa nhất định phản đối, không cho con gái kết hôn với người cô yêu là một thanh niên Việt, tuyên bố: “Tôi nói thẳng là cậu đừng mất công theo đuổi con gái tôi nữa. Dầu cậu có đi tới đi lui cho mòn cả chục, cả trăm đôi giày lẫn gạch lót đường thì tôi vẫn không gả nó cho

cậu.” Cô khóc hết nước mắt với tôi nhưng rồi cũng đành chia tay người tình để rồi ba năm sau mới kết hôn với một thanh niên đồng hương ở tuổi 32 cho mẹ vui lòng. Cô hối hả sanh hai con trong vòng ba năm, trước khi “trúng của người mẹ không còn tốt nữa” như bác sĩ cảnh báo. Hú vía! Trời thương ban cho một cháu là con trai!

Một cô khác cương quyết hơn, nhất định lấy người yêu là một thanh niên người Mỹ dù cái giá cô phải trả là bị mẹ từ chối, không tổ chức hôn lễ, cô được tự do khăn gói ra khỏi nhà, nói cách khác, tự do “theo trai” và không bao giờ được về nhà cha mẹ nữa. Chưa hết, sau khi cô đi rồi, thân phụ cô đổ bệnh, bị bán thân bất toại. Mẹ cô quá buồn, đóng cửa tiệm kim hoàn để ở nhà săn sóc chồng và chính bà cũng cần “dưỡng thương.” Cô không về thăm nom cha mẹ được, khiến cô không bao giờ có niềm vui trọn vẹn trong cuộc đời riêng. Ngay cả khi các con cô lớn lên, cô vẫn không có câu trả lời nào nghe được khi chúng hỏi: “Con có ông bà ngoại không vậy mẹ?”

Một cô nữa có hai bằng cử nhân giáo dục và sử học, yêu một người đàn ông Latino ly dị vợ có hai con, thề sẽ không lấy ai nếu cha mẹ phản đối. Vì cha mẹ cô là tín đồ Công Giáo thuần thành, dù không vui nhưng sống thuận theo ý Chúa, sợ con cái lỗi đạo nên đành cắn răng chấp thuận cho cô chu toàn bí tích hôn phối. Không hiểu vì sao, cô không sanh con, lúc nào trong hạnh phúc riêng mình cũng có chút ngậm ngùi đã làm cha mẹ buồn lòng.

Trải qua hơn bốn thập niên ở xứ người, tôi nghĩ giờ đây những cuộc hôn nhân dị chủng đã không còn là vấn đề cấm kỵ quá nghiêm trọng về mặt tâm lý, văn hóa, ngay cả luân lý cho các bậc cha mẹ và con cái đến tuổi trưởng thành của họ nữa. Tôi thực sự không biết những kết hợp như thế

có còn gây ra ít nhiều khiên cưỡng cho người trong cuộc hay không cho tới vừa mới đây, một nữ thính giả luống tuổi ở Atlanta gọi vào đài và khóc lóc rất bi thương, gần như hoảng loạn hay mê sảng.

Có một lý thuyết cho rằng cha mẹ người Việt thường dạy con bằng kinh nghiệm bản thân. Nếu tin điều này thì chúng ta phải nghĩ có thể bà mẹ trong trường hợp nêu trên không do kỳ thị chủng tộc mà do bà bị ám ảnh từ một biến cố nghiêm trọng nào đấy đã xảy ra cho bà hoặc thân nhân của bà, liên quan đến người da đen, lâu nhất từ cuộc chiến tranh thập niên 40 thế kỷ trước khi đội quân đánh thuê cho Pháp gọi là lính lê dương (hay Tây đen rạch mặt) hiếp đáp các cô thôn nữ ở những làng mạc chúng đi qua. Trường hợp này, bà nên đi gặp bác sĩ tâm lý để được giúp đỡ hầu lấy lại sự an vui trong tuổi già mà bà xứng đáng được hưởng ở đất nước Hoa Kỳ.

Tuần qua, cộng đồng mạng được xem một live stream phổ biến rộng rãi trên YouTube, cho thấy cuộc sống riêng tư của một cặp đôi, chồng Trung Quốc, 43 tuổi, vợ Phi Châu, 27 tuổi. Chỉ một thời gian thật ngắn, đã có 20,000 người ghi danh theo dõi và đặt nhiều câu hỏi hiếu kỳ, quan tâm muốn tìm hiểu sự thật phía sau cuộc hôn nhân của họ. Phải nói là trong mắt tôi, họ là một đôi uyên ương xứng hợp, dễ thương, không thấy ra một lý do nào khiến nghĩ là họ không thể là một đôi vợ chồng. Hơn thế nữa, họ là một đôi vợ chồng hạnh phúc, đưa con trai đầu lòng bốn tháng tuổi của họ là trái quả của hạnh phúc ấy, khôi ngô, tuấn tú, bụ bẫm, là sự pha trộn hài hòa, đáng yêu của cả hai nguồn gốc đã phối hợp sản sinh ra bé.

Cuộc hôn nhân của hai người không chỉ nói lên hạnh phúc đương nhiên của họ mà còn nói lên một điều quan trọng hơn, đó là sự mở rộng tầm nhìn đưa tới mở rộng trái tim và vòng tay trong một nhân sinh quan mới,

làm cho đời sống đẹp hơn vì con người biết tôn trọng nhau và yêu quý sự khác biệt, thể hiện yếu tính cốt lõi của một nền văn minh cao nhất trên hành tinh của loài người. Nghĩ cho cùng, lột bỏ lớp vỏ bọc ngoài (ngôn ngữ, làn da, mái tóc, đôi môi dày, mắt nâu, mắt xanh, v.v...) cấu trúc sinh học của con người bất cứ thuộc sắc tộc nào là một, cảm giác của cơ thể con người là một, tâm hồn bên trong mỗi con người buồn/ vui, yêu/ghét như nhau, hy vọng/thất vọng, giận hờn/nhung nhớ như nhau, có gì khác? Những dị biệt nhỏ là vấn đề điều chỉnh, “khi thương trái ấu cũng tròn.”

Zou Qianshun, 43 tuổi, là một ngư phủ Trung Quốc làm việc trên tàu đánh cá. Cô Sandra, gốc Phi Châu, cách đây ba năm, làm chủ một tiệm cắt tóc trong khu vực ven biển của Châu Phi. Có lẽ nhân một chuyến Zou ghé bờ, hai người gặp nhau và đem lòng yêu nhau. Tháng Ba năm ngoái, 2017, họ cử hành hôn lễ tại Cameroon, quê hương của cô dâu. Sandra mặc áo cưới, đội vòng hoa, khuôn mặt hiền hậu, tươi tắn, đứng giữa họ hàng. Chú rể mặc sơ mi thêu hoa hai vạt trước, hôn hoan đứng cạnh vị mục sư chủ hôn.

Tiền chân cô dâu về nhà chồng ở mãi tận ngôi làng gần Dandong, phía Bắc tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc, thân nhân cô dâu rất lo lắng, sợ cô không được đối xử tốt, sợ cô khó thích nghi với cuộc sống mới theo văn hóa mới, giữa một cộng đồng nói thứ ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ. Thế nhưng, thực tế đã có câu trả lời tích cực nhiều lần hơn: Sandra chuyện trò với chồng bằng tiếng Pháp và đang bập bẹ nói đôi chút tiếng địa phương, cô cũng học cách nhóm lò thối nấu theo truyền thống quê chồng. Cô may mắn hơn so với cô bạn đồng nghiệp người Hoa của tôi cách đây ba chục năm, bị mẹ ruột cấm cản kết hôn với ý trung nhân Việt Nam và người yêu của cô bị hãm họa đi mòn nhiều đôi giày, mòn cả sân nhà bà

thì cậu vẫn không bao giờ cưới được cô, mẹ của Zou hét lời “khen Sandra thông minh, xinh đẹp và có tấm lòng nồng ấm.”

Đọc bản tin đến đây, tôi hết sức ngạc nhiên thấy một bà mẹ quê nghèo ở Trung Hoa lục địa, cuộc sống khép kín, ít cơ hội giao tiếp với thế giới bên ngoài, lại vốn được coi là bị ràng buộc sâu đậm với phong tục tập quán lâu đời của dân tộc, ấy vậy mà cách nào bà có cái nhìn rất nhân hậu về cô con dâu dị chủng như thế? Tôi không mấy may tin vào cái kết luận dễ dãi của một số người cùng xem cái live stream này, cho rằng Trung Quốc đang có khủng hoảng dân số trai thừa, gái thiếu, là hệ quả của chính sách một con trước đây và vì gia đình nào cũng cần con trai nối dõi tông đường khiến con gái không được phép ra đời nên giờ đây đàn ông Trung Quốc rất khó tìm được vợ. Muốn có vợ, họ phải “vượt biên” đến các quốc gia khác. Điều này có thể đúng nhưng không nhất thiết rơi vào trường hợp vợ chồng anh Zou một khi anh “không đi mua nái để gây giống cho lợn” mà họ là hai con người yêu nhau và đợi chờ ba năm mới cưới, hết như con đường của mọi cặp đôi khác yêu nhau và trở thành vợ chồng khi cuộc tình đã chín.

Vì hàng xóm láng giềng xôn xao khi anh Zou đưa “cô Thẩm” về làng nên anh nảy ra ý định quay video phóng lên mạng chuyện tình của mình cho mọi người được thỏa lòng, mãn nhãn. Anh trả lời mọi câu hỏi, nhiều nhất là câu “Anh chị có thật lòng yêu nhau không?” Trả lời thì không khó nhưng để chiêm nghiệm được sự thật trong lời anh nói thì chỉ khi nào “thấy ta trong người và người trong ta,” may ra mới “ngộ.”

**Bùi Bích Hà**



## Đưa con lạ mặt

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

Cuộc hôn nhân khó khăn của họ tới ngã rẽ khi người chồng tìm được công việc mới khiến anh một mình xách vali rời Nebraska về California, để lại sau lưng cả cái gia đình trên đà tan rã, người vợ khép kín và đứa con trai lên 10, thể tạng yếu đuối, tính tình nhút nhát.

Ba năm sau, ở tuổi 13, cậu bé được mẹ dẫn ra ga hàng không, một mình đáp máy bay về Cali, nhập vào gia đình mới của bố cậu và người mẹ kế đối xử với cậu khá tử tế.

Cậu có một căn phòng đầy đủ tiện nghi trong ngôi nhà khang trang để cư trú và đi học, được bố bảo vệ, chăm sóc đến mức cưng chiều. Ngoài công việc làm toàn thời gian và trách nhiệm lo bếp núc cho cả gia đình, người vợ sau của bố cậu hầu như không bao giờ đụng chạm tới sự riêng tư của hai cha con cậu. Tuy rằng những lúc bà có mặt ở nhà thì thời giờ của bố cậu dành trọn vẹn cho bà, kể cả các cuối tuần họ thường ra ngoài vui chơi với bạn bè. Cậu không lấy thế làm phiền, trái lại, bằng lòng thấy cậu cũng có một khoảng cách với bố để được tự do vẫy vùng trong một không gian riêng.

Cuộc sống của họ trôi qua êm ả như vậy cho tới năm cậu 17 tuổi, phải đối đầu với thành tích học tập bết bát, không hứa hẹn sẽ tốt nghiệp trung học. Bố cậu quýnh quáng, đi gặp counsellor, đi tìm lớp dạy kèm cho con nhưng vấn đề của cậu không chỉ là văn hóa mà còn về tiến trình phát triển tâm sinh lý phức tạp ở cậu.

Thay vì với tuổi tác, ngày một trưởng thành, cậu có dấu hiệu ngừng lại, thậm chí lùi lại. Sự lo lắng quá độ, gần như hốt hoảng của bố cậu bắt đầu làm phiền tới bà mẹ kế của cậu khiến họ thường xuyên cãi nhau. Không khí trong nhà trở nên u uất, ngột ngạt, khó thở.

Căn phòng của cậu trước đây luôn đóng cửa nhưng không làm phiền ai cả vì sự yên lặng bên trong được coi là bình an thì nay nó chứa nhiều sự bất ngờ rất khó chịu. Chẳng dặng dưng, bà mẹ kế phải dùng chìa khóa riêng một lần để biết qua sinh hoạt của cậu ra sao phía sau cánh cửa đóng ậy và cảnh tượng bừa bộn, bẩn thỉu bà nhìn thấy trong đó khiến bà hơi ối! Đứa con riêng của chồng nay có bộ mặt khác.

Lần đầu tiên bà tự thống trách mình về sự tin cậy và tuyệt đối tôn trọng chồng, nghĩ rằng thái độ không can thiệp vào cuộc sống của cha con họ là khôn ngoan và đại lượng. Bây giờ bà mới hiểu sống và yêu thương là chia sẻ trách nhiệm, không phải là nhắm mắt cầu an. Bà đã vậy, nhưng chồng bà, điều gì khiến ông đi bên cạnh con hằng ngày mà không thấy sự bất thường biểu hiện cách này hay cách khác ở nó? Hay ông vì yêu con, bảo vệ nó một cách mù quáng nên không còn tin ở mình qua những đánh giá tiêu cực mà ông mạnh mẽ chối bỏ vì không thể chấp nhận?

Chúa ơi! Đứa con trai duy nhất của ông có ngoại hình đẹp đẽ, giống ông đúc khuôn, cao lớn, thanh mảnh, chải chuốt, lẽ nào bên trong lại là cái ruột cây sùng? Ông quyết tâm giúp con, muốn đền bù cho nó sự thiệt thòi do cuộc hôn nhân nửa chừng gãy gánh của cha mẹ, muốn nó được thỏa lòng, như ý trong mọi ước mơ, muốn nó có mọi sự dễ dàng, suôn sẻ mà quên rằng cuộc đời chưa bao giờ dễ dàng, suôn sẻ, trái lại, luôn chông

gai. Ông để sự ngây thơ vô tội của con mà mắt ông, mê hoặc trái tim ông hay chính ông tự mê hoặc mình bằng cách tự kỷ ám thị, đoán chắc con đường sương mù một chiều ông đi sẽ dẫn tới thành công, không may mắn tiên liệu mình có thể làm lẫn.

Nhiều người tin vào “nghiệp” để giải thích những điều không giải thích được, để tự tha thứ mình và nhủ lòng thuận theo nghịch cảnh cho bớt đau, không biết con người tạo nghiệp và có khả năng giải nghiệp bằng cái tâm lành và ý chí vượt thoát cá nhân.

Tôi có cậu cháu đến Mỹ theo diện H.O., năm 1990, ở tuổi 28. Thời gian đầu nhập cư, cậu bị hụt hẫng, mặc cảm không đủ khả năng bươn chải, vốn liếng Anh văn và chuyên môn không có dưới áp lực gay gắt của bà mẹ nhiều tham vọng. Cậu rơi vào trầm cảm, lo sợ vu vơ, biếng ăn và mất ngủ triền miên.

Bệnh tăng tiến tới tình trạng hoang tưởng, cậu nghe nhiều tiếng nói lạ trong đầu và sau cùng, được bác sĩ chẩn đoán bị tâm thần phân liệt. Trong suốt chặng đường khó khăn này, cậu vẫn cố gắng đi làm công việc assembly cho một công ty lớn sản xuất y cụ và may mắn được bảo hiểm sức khỏe. Cậu ý thức mình có bệnh và nuôi quyết tâm chữa chạy.

Cậu nhờ tôi cùng đi với cậu những lần thăm khám với bác sĩ chuyên khoa của công ty trong vòng hai năm. Cậu uống thuốc đều đặn, làm đúng các lời khuyên của bác sĩ, tập thể thao, tập ngồi thiền. Cậu vẫn ít nói, dáng vẻ vẫn buồn u uất nhưng trong cư xử với mọi người, đã thấy dễ dàng hơn và được sự cảm mến của mọi người đáp lại.

Sau hai năm, bệnh tình ổn định, cậu có khả năng kiểm soát bản thân, bớt nghi ngờ và hết sợ hãi. Tuy cậu vẫn được bác sĩ theo dõi định kỳ nhưng hầu như cậu đã lấy lại được phong cách sinh hoạt bình thường qua nỗ lực học lấy bằng đại học hai năm, có bạn gái rồi kết hôn và mua được căn condo xinh xắn để xây dựng tổ ấm. Bây giờ ở tuổi 52, tuy sức khỏe có chút nhạy cảm nhưng cậu sống bình thường như mọi ai, gia đình êm ấm với cô con gái lên 7 rất sáng dạ và thân thiện.

Cổ nhân có câu: “Bệnh quỷ, thuốc tiên,” ngụ ý bệnh khó có thuốc hay. Miễn là người bệnh biết mình mắc bệnh và có niềm tin tìm thầy chạy thuốc để chiến thắng bệnh. Quả là tôi có kiên trì làm bạn đồng hành với cháu tôi những lượt đi/về gặp gỡ bác sĩ, giúp cậu hiểu rõ/giải bày rõ mọi tình tiết trong quá trình chữa trị hai năm để ứng phó nhíp nhàng nhưng chính cậu phải đi bằng đôi chân của cậu tới phòng mạch bác sĩ, phải đích thân nói và nghe những gì liên quan tới căn bệnh của mình, chắt chiu mọi tiến bộ lớn nhỏ đạt được làm ngăn lại cuộc trường chinh của cậu. Nếu tin vào nghiệp thì cũng phải tin cả định luật vay/trả sòng phẳng, bằng tỉnh thức, bằng nỗ lực cá nhân, không có gì tự nhiên sinh ra và tự nhiên mất đi, tìm được nguyên nhân thì tìm được giải pháp.

Đó là câu chuyện giải nghiệp. Vậy thì tạo nghiệp là gì? Là đi trước các hậu quả tiên liệu để tránh thấy chúng xảy ra rồi phải chạy chữa.

Một người bạn khác của tôi có hai cô con gái sinh năm một. Khi biến cố 30 Tháng Tư, 1975, bất ngờ giáng xuống và nuốt trọn miền Nam, một cô lên 5, một cô lên 4. Trước đó, bố các cô mịt mù chinh chiến. Lúc đó, bố

các cô đi tù “cải tạo,” càng sương khói mịt mù. Mẹ các cô ngoài nghề dạy học, bấy giờ phải lăn lưng ra chợ trời buôn bán vật để kiếm thêm lợi tức nuôi con và thay chồng phụng dưỡng mẹ già.

Mấy đứa bé cả ngày quần quanh bên bà nội già nua, yếu ớt, không thấy mặt mẹ từ tinh mơ đến sẩm tối, liu hiu bảo nhau học hành, liu hiu bảo nhau ăn uống thức ăn mẹ nấu sẵn đậy dưới cái lồng bàn nguội lạnh trong bếp. Mười năm tuổi thơ của các cô như bức tranh tĩnh vật rêu mốc bỏ ở một nơi hoang phế nhưng có tiếng nói riêng của nó, ảnh hưởng trên suốt cuộc đời mai sau của các cô ở Hoa Kỳ.

Khi có dịp trò chuyện, cô chị tâm sự: “Cháu không ngọt bị ám ảnh vì cảm giác cô đơn, sợ hãi không có mẹ bên cạnh khi cháu cảm thấy cần mẹ nhất. Vì vậy, ngay khi có đứa con đầu lòng, cháu đã thuyết phục chồng cháu chấp nhận từ nay cháu chỉ đi làm bán thời gian để được luôn kề cận với con cháu.” Cô là một phụ nữ chức nghiệp, lương cao, quyền lợi nhiều, lựa chọn của cô là một hy sinh lớn, không phải không có mặt cực đoan song cô biết rõ động lực đằng sau sự hy sinh ấy là gì và cô nhận trách nhiệm về quyết định của mình. Các con cô lần lượt trưởng thành xuất sắc, mỗi cháu được mẹ hỗ trợ tối đa để bộc lộ và thi thố năng khiếu. Điều quan trọng hơn cả, chúng có tuổi thơ tràn ngập niềm vui, sự yên tâm phát triển và khôn lớn hạnh phúc.

Cô em, không đơn giản như cô chị, nên nói với tôi: “Khi chưa có đủ trí khôn để hiểu nhân quả của mỗi việc, cháu rất tức giận và oán hận người lớn. Điều này làm tổn thương cháu lâu dài vì khi hiểu ra, cháu không tự tha thứ sự hẹp hòi của cháu. Đáng buồn hơn nữa, những thương tích đầu

đời đáng lẽ không nên có kia cứ dai dẳng, không chịu lành. Cho tới nay, cháu luôn bị ám ảnh vì ý nghĩ nếu lúc đó có ai giúp cháu giải tỏa được những cảm xúc âm u trong lòng cháu, có thể cháu đã là một người khác, đón nhận cuộc sống một cách trong sáng hơn và không bị dày vò vì muốn quên, muốn bỏ qua một kinh nghiệm xấu không muốn nhớ mà không được.”

Cô cho biết hiện nay cô làm việc kiếm tiền 6 tháng và đi làm từ thiện 6 tháng. Nhìn bên ngoài như vậy, chỉ một mình cô biết cô làm từ thiện để tự cứu mình khỏi cảm giác tầm thường, vô dụng, dễ ghét, nhiều thói hư tật xấu. Bi kịch của cô là chán ghét chính mình trong khi người bàng quan nhìn cô, ao ước được là cô chỉ vì họ không bao giờ có thể hiểu được sự phiền não trong nội tâm cô, nó bắt đầu từ một tuổi thơ cô đơn và rối rắm.

Có một sự thật không thể chối cãi tuy người ta luôn phóng đại nó, là ký ức tuổi thơ và ảnh hưởng của quãng đời này trong sự hình thành nhân cách một đứa trẻ là hiển nhiên. Với chính bản thân kẻ viết bài này, tôi nghiệm ra sự có mặt thường hằng của một bà mẹ trong đời những đứa con tự nó thánh thiện và là thành trì bảo vệ chúng vững chãi nhất. Có thể nói không quá là tương lai mỗi đứa con bắt đầu từ trái tim bà mẹ. Không chỉ xây dựng, nó ngăn ngừa tai họa và chữa lành những vết thương khó chữa nhất.

**Bùi Bích Hà**

# Chỉ Là Khách Thôi

**\*\* Bùi Bích Hà \*\***

NGUỒN - <https://www.nguoi-viet.com/>



**Ôm nhau, hôn nhau bỗng trở thành nguy hiểm. Con cái không thăm viếng cha mẹ, bạn bè không thăm viếng nhau là bày tỏ tình yêu. Trong hình, hai bạn trẻ ôm nhau trong công viên Lummus tại Miami Beach, Florida, hôm 2 Tháng Tư, 2020. (Hình minh họa: Cliff Hawkins/Getty Images)**

Một buổi sáng đầu Tháng Tư, giữa đại dịch cúm Vũ Hán, bạn tôi điện thư chia sẻ một bài thơ chị mới nhận được từ con trai, nguyên văn như sau:

*“Someone posted this poem on Facebook.  
We fell asleep in one world, and woke up in another.  
Suddenly Disney is out of magic,  
Paris is no longer romantic,  
New York doesn’t stand up anymore,  
The Chinese wall is no longer a fortress, and*

*Mecca is empty.*

*Hugs & kisses suddenly become weapons, and not visiting parents & friends becomes an act of love.*

*Suddenly you realise that power, beauty & money are worthless, and can't get you the oxygen you're fighting for.*

*The world continues its life and it is beautiful.*

*It only puts humans in cages.*

*I think it's sending us a message:*

*You are not necessary. The air, earth, water and sky without you are fine. When you come back, remember that you are my guests. Not my masters."*

Bài thơ rất hay, không có tên tác giả. Có thể là con trai chị, với chút rụt rè trong bài thơ đầu tiên do cảm xúc bất ngờ. Có thể là chủ nhân tài khoản Facebook đã đăng bài thơ. Có thể là một ai đó vô tình hay cố ý không ký tên vì chẳng ai sở hữu gì trong cái thế giới đang bị dịch hoành hành này.

Bao nhiêu thành phố đóng cửa lúc nửa đêm để tránh dịch lây lan?

Bao nhiêu thành phố rộn rịp, náo nhiệt khi mọi người đi ngủ rồi thức dậy không một bóng người, bóng xe, không một tiếng động? Đâu rồi cảnh giới thần tiên của địa đàng Disney? Paris đã hết nên thơ và New York không còn sừng sững thách thức nữa. Vạn Lý Trường Thành thôi là pháo đài đồn lũy và thánh địa Mecca hoàn toàn hoang vắng.

Ôm nhau, hôn nhau bỗng trở thành nguy hiểm. Con cái không thăm viếng cha mẹ, bạn bè không thăm viếng nhau là bày tỏ tình yêu.



Trong thoáng giây, người ta ngộ ra quyền lực, nhan sắc và của cải đều vô nghĩa, không thể đánh đổi dưỡng khí cho buồng ngực thoi thóp kêu đòi.

Thế giới vẫn tiếp tục sinh tồn và đời vẫn đẹp, chỉ là con người bị giam giữ trong những cái lồng.

Tôi nghĩ có một thông điệp cho chúng ta: “Loài người không cần thiết. Bầu trời, quả đất, sông biển vẫn an nhiên không cần con người có mặt. Nếu có khi nào tái sinh, hãy nhớ con người là khách, không là chủ nhân của vũ trụ này.”

Có vẻ như thiên nhiên không cần con người thật vì rừng có nhiều loại gỗ quý, đại thụ sống hàng nghìn năm; có những giống lan hiếm, đẹp và thơm tự mình, không cần tay người chăm bẵm; có đủ loài muông thú từ to lớn, hung dữ đến bé xíu hiền hậu, cả triệu triệu sinh vật muôn loài, muôn vẻ, là cư dân trên trái đất tuy phải tranh sống theo định luật mạnh được yếu thua song không làm hại bầu trời và địa cầu như loài người.

Tuy nhiên, có lẽ Thượng Đế không thể không khai sinh con người để hoàn thành ý nghĩa những công trình tạo tác của ngài vì không có con người thì thiên nhiên không được thưởng thức và lấy cái gì mà ngợi khen vẻ đẹp, sự hùng vĩ, sức sống màu nhiệm tuyệt vời làm nên quả đất lung linh màu sắc này?

Quả đáng tội, từ con người thuở ban sơ, đất rộng, người thưa, sống chui rúc trong hang động có sẵn, ăn bốc, ngủ đất, lấy lá cây che thân, trí khôn chỉ dùng để tự vệ và kiếm lương thực hằng ngày bằng cách giết và ăn thịt những sinh vật yếu hơn nó, trí khôn ấy phát triển với thời gian, với những thử thách Thượng Đế cài đặt đó đây trên hành trình sinh tồn của nó nên được mài dũa ngày một sắc bén và tinh tế hơn.

Có lẽ Thượng Đế đã tiên đoán đường bay của mũi tên một khi đặt trên dây cung nên ngài không quên thiết lập một giới hạn cho loài người: Khi sinh ra cũng là khi bắt đầu già nua và... chết. Để chống lại sự khắc nghiệt và bất công này, những đứa con tài ba và ngỗ nghịch của Thượng Đế bảo nhau: “Hãy sống, làm việc và cống hiến như không bao giờ chết.” Đối với thành phần nhân loại ưu tú này, chết là vắng mặt nhưng không có gì hoàn toàn mất vì họ để lại nhiều di sản quý giá cho người sau tiếp tục.



***Trong dịch COVID-19, Việt Nam chỉ còn là bức tranh tĩnh vật tuyệt đẹp trong ống kính của duy nhất một nhiếp ảnh gia cô đơn.***

***(Hình minh họa: Manan Vatsyayana/AFP via Getty Images)***

Năm tháng qua, mùa trong trời đất cũng theo nhau qua, nhiều thế hệ nhân loại đã đến mặt đất này rồi đi nhưng mọi thành tựu hữu ích cho con người ở lại. Hoa cỏ trong thiên nhiên thường có dược tính chữa được các bệnh vật nhưng cũng có loài độc dược. Quả trên cành không phải quả nào cũng đầy đủ nắng gió để thơm ngon như nhau. Từ một gốc sản sinh nhưng con người không hoàn toàn là phiên bản rập khuôn nhau.

Thừa hưởng thông minh Thượng Đế ban cho ở mức độ hơn kém, có người “biết cách ăn cắp tài sản trí tuệ của Thượng Đế” (Trần Doãn Nho) nhưng nghĩ là mình hơn Thượng Đế, làm ra những sản phẩm khiếm khuyết mà không sửa chữa được vì không thực sự có quyền năng của Thượng Đế. Đó là tạo sinh con cừu Dolly bằng thử nghiệm sinh học trong phòng nghiên cứu của Viện Roslin được chính phủ Anh Quốc tài trợ. Dolly ra đời, giống hệt mẹ về cả hình dáng lẫn tính tình, được xem là bước thành công đột phá của nhóm nghiên cứu trong công nghệ nhân bản tạo ra mầm sống từ một tế bào động vật trưởng thành.

Quá trình lâu dài này phải trả một giá không rẻ: chất xám và thời gian của các khoa học gia, sự hy sinh vô nghĩa của những con thú vô tội. Trong 277 quả trứng từ một con cừu cái kết hợp với tế bào vú của cừu mẹ chỉ có 29 phôi được tạo thành và chỉ có ba cừu con được sinh ra mà Dolly duy nhất sống sót. Chưa hết, vì lý do bảo mật, Dolly đã phải sống cả cuộc đời ngắn ngủi bảy năm của nó trong phòng thí nghiệm, được xếp đặt cho thụ tinh với cừu đực và trải qua ba lần sinh nở với tổng cộng sáu đứa con, lần đầu sinh một (1998), lần hai sinh đôi (1999), lần ba sinh ba (2000).

Mùa Thu năm 2001, lúc 5 tuổi, Dolly bị chứng viêm khớp, đi lại khó khăn, được chữa trị khỏi. Ngày 14 Tháng Hai, 2003, Dolly bị bệnh phổi nặng và được tiêm thuốc cho ngủ giấc ngàn thu. Vẫn chưa xong, hy sinh cuối cùng của nó là phải giúp các nhà nghiên cứu có câu trả lời về lý do nó chết non. Người ta tìm ra telomere (đoạn cuối DNA) của Dolly rất ngắn, thường thấy nơi hiện tượng lão hóa của động vật và loài người. Công luận dậy sóng một thời về mục đích vô luân của công trình tạo sinh vô tính, đẻ ra những sinh vật quặt quẹo như Dolly. Để làm gì? Tranh quyền Thượng Đế ư? Nói dài đời người hơn một kiếp trần gian ư?

Cũng như mọi biến cố xảy ra, qua lúc hiểm nguy ồn ào, huyền não hay lặng lẽ đến tê dại như thời dịch COVID-19, tất cả sẽ nhanh chóng chìm vào quên lãng ngoại trừ các nhân vật “phi thường” vẫn nuôi tham vọng phi thường nhiều lần hơn khả năng họ có. Hết phòng thí nghiệm Roslin, Anh Quốc, đến phòng thí nghiệm Vũ Hán với giấc mơ thống lĩnh thế giới rất ngông cuồng của nhiều thế hệ cầm quyền một nước Tàu Cộng Sản với dân số một tỷ ba trăm triệu dân, không đủ lương thực để ăn, không đủ đất để sinh sôi nảy nở, chống nạn nhân mãn chỉ có một cách bóp mũi các bào thai gái. Họ tự hào với lịch sử thôn tính các chư hầu, với Vạn Lý Trường Thành tô son điểm phấn lại, với văn hóa Khổng Mạnh một thời mẫu mực, với danh lam thắng tích mỹ lệ lưu dấu người xưa cùng bao nhiêu truyền thuyết cổ để làm mê đắm lòng người.

Từ nhiều năm qua, khối dân chúng thấp cổ bé miệng khắp nơi trên hoàn vũ không ai biết Tàu Cộng đã âm thầm làm những gì ở phòng thí nghiệm Vũ Hán được nước Pháp giúp hình thành với tiêu chuẩn an ninh được xem là tốt bậc, với trợ giúp tài chánh của nước Mỹ năm 2015 khi có tổng thống Dân Chủ ngồi ở Bạch Ốc, tới \$3 triệu 700 ngàn, với cả sự đầu tư không biết là ở con số nào của một tỷ phú Hoa Kỳ làm chủ một quỹ từ thiện lớn nhất hành tinh loài người.

Chỉ biết khi một ngày cuối năm 2019, con siêu vi Corona từ nơi này xông cũi xông ra phá nát gần hết cuộc sống yên vui và phồn thịnh của thế giới nhưng đủ thông minh để miễn trừ thủ phủ chính trị và tài chánh cùng thành phần chóp bu của Tàu Cộng được coi là ông chủ đã sản sinh ra và nuôi dưỡng nó.

Cho tới trưa ngày Thứ Tư, 22 Tháng Tư, 2020, thế giới có 2,621,499 trường hợp lây nhiễm và 182,991 người qua đời vì COVID-19.

Chết là thiên thu vĩnh biệt nhưng sống con người cũng cách chia, nhìn nhau nghi hoặc và tiếc nhau từng nụ hôn:

*“Hôn em anh rất khát khao  
sợ con Vũ Hán dạt dào quanh môi  
anh ơi em xét nghiệm rồi  
anh chưa, em mới là người phải kiêng”  
(Ai Kiêng? thơ Nguyễn Hàn Chung)*

Bà mẹ nhớ xót xa một vòng ôm gần gũi:

*“Đi ngang vườn nhà con gái  
Hái được một nhánh hoa trà  
Mẹ, con nhìn nhau qua cửa  
Hoa gần mà con thật xa.”  
(Hoa Trà, thơ Trần Mộng Tú)*

Con gái lại càng sợ lây siêu vi làm khổ mẹ:

*“Con hái trong vườn nhà con  
Một chùm kim hương màu đỏ  
Mở cửa nhà mẹ lén vào  
Đặt hoa, chạy ra theo gió.”  
(Hoa Kim Hương, thơ Trần Mộng Tú)*

Người chị buồn tủi bên mộ phần em gái:

*“Hoa thủy tiên vàng bụi nhỏ  
Ngập ngừng nở trong nghĩa trang  
Người phu cô đơn dựng cuốn  
Hai người thôi, một đám tang.”  
(Hoa Thủy Tiên, thơ Trần Mộng Tú)*

Nhìn những con đường Sài Gòn nối tiếp nhau bình thường xôn xao, ồn ã, nhếch nhác, lồi thoi nhưng đầy sức sống, hỏi thềm mấy triệu sinh linh của một thành phố sáng đêm rộn ràng như nồi nước sôi trên bếp đâu hết rồi? Sài Gòn trong dịch COVID-19 chỉ còn là bức tranh tĩnh vật tuyệt đẹp trong ống kính của duy nhất một nhiếp ảnh gia cô đơn chưa bao giờ thấy Sài Gòn như thế.

Nhìn những con đường Quận Cam thân quen bình thường lũ lượt xe cộ ngược xuôi bây giờ vắng lặng, các nhà hàng thanh lịch lao xao người vào ra giờ đây cửa đóng im lìm. Hàng cây hai bên đường nhớ vai người bộ hành cũng buồn không rụng lá nên không có xe quét mà sạch như lụa mới ai phơi dưới nắng trưa.

Có lẽ Thượng Đế cũng buồn khi chỉ tạo ra thiên nhiên có cái đẹp hoàn hảo của một bức danh họa bất động nên Thượng Đế tạo thêm con người với nhiều lầm lỗi nhưng nó có ngũ quan và một trái tim đầy xúc cảm, là cây đàn muôn điệu cống hiến cho đời những thanh âm buồn vui. Phần thưởng của nó là thời gian đi qua mặt đất như một người khách trọ (trong nhạc của Trịnh Công Sơn) hay như lời nhắn nhủ trong bài thơ con trai bạn tôi gửi cho mẹ một buổi sáng Tháng Tư buồn ở quê người.

Gặp gỡ hay từ giã, gần gũi hay chia lìa, qua đại dịch COVID-19, người khách trọ hãy biết trước biệt ly nằm sẵn trong thân phận mình.

Để bớt đau thương.

**Bùi Bích Hà**



**CỎ THƠM THÀNH KÍNH PHÂN ƯU  
CÙNG TANG QUYẾN CỦA GIÁO SƯ BÙI BÍCH HÀ  
18 tháng 7, 2021**

**Chân thành cảm tạ tài liệu từ các cựu giáo sư, học sinh Trung học Nguyễn Trãi Sài Gòn, thân hữu, báo Người Việt, Diễn Đàn Thế Kỷ, damau.org, hocxa.com, sangtao.org, các đài truyền hình, truyền thanh trên internet ...**

**Vui lòng gửi thêm tài liệu hay ý kiến về Phan Anh Dũng:  
dathphan1@gmail.com**